

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 5929/BTC-TCT

Hà Nội, ngày 7 tháng 6 năm 2024

V/v xin ý kiến thẩm định dự án
Nghị định sửa đổi, bổ sung
Nghị định số 123/2020/NĐ-CP
ngày 19/10/2020 về hóa đơn,
chứng từ.

Kính gửi: Bộ Tư pháp.

Theo Chương trình công tác năm 2024 của Chính phủ theo Quyết định số 53/QĐ-TTg ngày 15/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ, Nghị định sửa đổi Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định về hóa đơn, chứng từ sẽ được trình Chính phủ xem xét ban hành vào Tháng 5/2024.

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính đã có công văn số 9206/BTC-TCT ngày 29/8/2023 xin ý kiến các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBTWMTTQ Việt Nam, UBND các tỉnh, thành phố, Liên đoàn thương mại và công nghiệp Việt Nam về dự thảo Nghị định, đồng thời đã đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ và Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính để xin ý kiến theo quy định.

Trên cơ sở các ý kiến tham gia, Bộ Tài chính đã nghiên cứu, tiếp thu và chỉnh lý dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020.

Căn cứ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính xin gửi tới quý Bộ hồ sơ Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP để thẩm định trước khi trình Chính phủ xem xét ban hành.

Hồ sơ thẩm định gửi kèm theo bao gồm:

1. Tờ trình Chính phủ
2. Dự thảo Nghị định.
3. Các tài liệu liên quan: Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Nghị định; Báo cáo đánh giá tác động của chính sách; Bản đánh giá thủ tục hành chính trong dự thảo; Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý; Bản chụp ý kiến góp ý của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc

Chính phủ.

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp công tác của quý Bộ

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng BTC (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ PC (BTC);
- Lưu: VT, TCT (VT, CS) (b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Cao Anh Tuấn

BỘ TÀI CHÍNH

Số: 128 /TTr-BTC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 7 tháng 6 năm 2024

TỜ TRÌNH

Về việc ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định về hóa đơn, chứng từ.

(Bản gửi xin ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp)

Kính gửi: Chính phủ.

Thực hiện Chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ năm 2024 ban hành kèm theo Quyết định số 53/QĐ-TTg ngày 15/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao Bộ Tài chính xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định về hóa đơn, chứng từ. Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn, Bộ Tài chính đã triển khai việc xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định về hóa đơn, chứng từ. Bộ Tài chính xin báo cáo Chính phủ như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 có hiệu lực từ ngày 01/7/2020, riêng quy định về hóa đơn, chứng từ điện tử của Luật (Chương X) có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2022; khuyến khích cơ quan tổ chức, cá nhân áp dụng quy định về hóa đơn, chứng từ điện tử của Luật này trước ngày 01/7/2022¹.

Thực hiện Luật Quản lý thuế năm 2019, ngày 19/10/2020 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định về hóa đơn, chứng từ (sau gọi chung là Nghị định số 123/2020/NĐ-CP) với mục tiêu là áp dụng hóa đơn điện tử (HĐĐT) đối với các doanh nghiệp, tổ chức, hộ cá nhân kinh doanh từ ngày 01/7/2022, khuyến khích cơ quan, tổ chức, cá nhân đáp ứng điều kiện về hạ tầng công nghệ thông tin áp dụng quy định về HĐĐT trước ngày 01/7/2022.

Bộ Tài chính cũng đã ban hành các văn bản hướng dẫn một số nội dung quy định một số nội dung của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP và Quyết định công bố định dạng chuẩn dữ liệu hóa đơn điện tử và quy trình quản lý hóa đơn

¹ Khoản 1, khoản 2 Điều 151 Luật Quản lý thuế.

điện tử². Quá trình thực hiện, cùng với sự phối hợp của UBND các tỉnh, thành phố, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định triển khai áp dụng hóa đơn điện tử³ trên địa bàn 63 tỉnh, thành phố theo hai (02) giai đoạn, giai đoạn một từ tháng 11/2021 áp dụng tại 6 tỉnh, thành phố (Hà Nội, Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Quảng Ninh, Phú Thọ, Bình Định), giai đoạn 2 từ tháng 02/2022 áp dụng trên 57 tỉnh, thành phố còn lại.

Bộ Tài chính đã chỉ đạo ngành thuế xây dựng hệ thống hóa đơn điện tử thống nhất tập trung và có khả năng: đáp ứng yêu cầu tiếp nhận, xử lý số lượng hóa đơn lớn (trung bình 6,4 tỷ hóa đơn/năm); có các phần mềm quản trị hệ thống tự động theo dõi, báo cáo và cảnh báo sự cố liên quan đến hoạt động của các hệ thống máy chủ, ứng dụng dịch vụ (micro service); phần mềm theo dõi trực tuyến (online) về sức khỏe của hệ thống (đường truyền, cơ sở dữ liệu...); đảm bảo hoạt động ổn định 24/7 để đáp ứng yêu cầu tiếp nhận và xử lý cấp mã hóa đơn để không làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất - kinh doanh của người nộp thuế; hỗ trợ cơ quan thuế các cấp trong công tác quản lý thuế với việc cung cấp các báo cáo tổng hợp, báo cáo chi tiết theo nhiều tiêu thức quản lý khác nhau, báo cáo hỗ trợ quản lý rủi ro hóa đơn điện tử, hỗ trợ cung cấp các chức năng khai thác dữ liệu... Đồng thời, kết nối và chia sẻ cung cấp dữ liệu hóa đơn điện tử cho các cơ quan nhà nước theo từng lần phát sinh hoặc lô dữ liệu; kết nối tiếp nhận dữ liệu hóa đơn điện tử trực tiếp từ các doanh nghiệp lớn thuộc các ngành nghề điện lực, xăng dầu, ngân hàng, bảo hiểm.

Để khuyến khích người tiêu dùng có thói quen lấy hóa đơn khi mua hàng hóa, dịch vụ cũng như sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan, Bộ Tài chính đã chỉ đạo ngành thuế triển khai trên cả nước chương trình “Hóa đơn may mắn” (quay số hóa đơn trúng thưởng) và chương trình “Hóa đơn khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế” cho các ngành: kinh doanh ăn uống nhà hàng, khách sạn; bán lẻ hàng hóa (bao gồm siêu thị); bán lẻ thuốc tân dược; dịch vụ khác để quản lý chính xác doanh thu của các ngành nghề kinh doanh này.

Lũy kế đến 24h ngày 30/12/2023, trên cả nước đã có tổng số 6,271,899,856 hóa đơn điện tử đã được tiếp nhận và xử lý (Hóa đơn điện tử có mã: 1,798,009,183; Hóa đơn điện tử không có mã: 1,709,985,132; Hóa đơn điện tử không mã gửi Bảng tổng hợp: 2,762,496,301; Hóa đơn theo từng lần phát sinh: 1,409,240).

Việc sử dụng hóa đơn điện tử trên cả nước đã góp phần hỗ trợ cơ quan thuế trong việc nâng cao hiệu quả quản lý thuế, hỗ trợ cơ quan thuế thực hiện kết nối, chia sẻ và cung cấp dữ liệu hóa đơn điện tử cho các cơ quan khác của

² Thông tư số 78/2021/TT-BTC ngày 17/9/2021, Quyết định 1450/QĐ-TCT ngày 07/10/2021 về việc công bố định dạng chuẩn dữ liệu hóa đơn điện tử, Quyết định số 1447/QĐ-TCT ngày 05/10/2021 ban hành Quy trình quản lý hóa đơn điện tử.

³ Quyết định số 1830/QĐ-BTC, 1831/QĐ-BTC, 1832/QĐ-BTC, 1833/QĐ-BTC, 1838/QĐ-BTC, 1839/QĐ-BTC ngày 20/9/2021, Quyết định 206/QĐ-BTC ngày 24/2/2022

nhà nước. Với các doanh nghiệp, hộ kinh doanh, việc áp dụng hóa đơn điện tử góp phần làm giảm chi phí quản lý, sử dụng hóa đơn, giúp nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, giảm thiểu nhiều rủi ro so với sử dụng hóa đơn giấy. Với ngành tài chính, dữ liệu hóa đơn điện tử được xác định là một trong các nền tảng cơ bản của cơ sở dữ liệu quốc gia về tài chính.

Bên cạnh kết quả đạt được nêu trên, trong gần 3 năm triển khai Nghị định số 123/2020/NĐ-CP cũng có một số khó khăn, vướng mắc như:

- Một số quy định về việc áp dụng hóa đơn điện tử của người bán chưa quy định rõ: về thời điểm lập hóa đơn của hàng hóa xuất khẩu, thời điểm lập hóa đơn của một số ngành nghề đặc thù (như ngân hàng, bảo hiểm,...); loại hóa đơn dùng cho DNCX khi có hoạt động khác ngoài hoạt động chế xuất hoặc khi bán, thanh lý tài sản chưa được quy định; một số trường hợp hóa đơn điện tử đã lập không phải sai nhưng cần điều chỉnh/ thay thế cần có quy định để phân biệt với các trường hợp điều chỉnh/ thay thế hóa đơn lập sai;...

- Chưa quy định cụ thể đối tượng áp dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền và nội dung hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền mà các nội dung này đang được hướng dẫn tại Điều 8 Thông tư số 78/2021/TT-BTC.

- Phát sinh một số vụ án mua bán hóa đơn lớn⁴ đòi hỏi ngành thuế cần phải có giải pháp quản lý người nộp thuế ngay từ khâu đăng ký sử dụng hóa đơn và trong quá trình sử dụng hóa đơn điện tử.

- Thực tế phát sinh một số hành vi, dấu hiệu gian lận từ các vụ án liên quan lập hóa đơn điện tử không để trốn thuế, do đó, cần bổ sung các trường hợp ngừng sử dụng HĐĐT nhằm kịp thời ngăn chặn các hành vi gian lận liên quan đến sử dụng HĐĐT.

- Phát sinh một số trường hợp cần đưa vào diện cấp hóa đơn từng lần phát sinh để cơ quan thuế giám sát, quản lý.

- Quy định về chứng từ điện tử còn nhiều bất cập, chưa có quy định về đăng ký sử dụng chứng từ điện tử và chưa có quy định về xử lý chứng từ đã lập trong trường hợp lập sai

- Một số nội dung cần rà soát, sửa đổi, bổ sung để thống nhất với các quy định, hướng dẫn tại các Thông tư, Nghị định liên quan.

- Quy định về tra cứu, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử còn bất cập, thực tế có quá nhiều cơ quan có văn bản đề nghị được truy cập vào hệ thống hóa đơn điện tử của ngành thuế nên không đảm bảo bảo mật của hệ thống.

⁴ Tháng 12/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử vụ án đường dây mua bán hóa đơn giá trị GTGT gần 64.000 tỷ đồng; Tháng 12/2023, cơ quan CSĐT Công an TP Đà Nẵng đã khởi tố vụ án 3 đường dây thành lập 280 công ty, mua bán trái phép hóa đơn với doanh số hơn 25.000 tỷ đồng; Tháng 10/2023, Công an TP HCM hoàn tất kết luận điều tra vụ án hình sự "in, phát hành, mua bán trái phép hóa đơn" và trốn thuế 34.000 hóa đơn trị giá hơn 4.000 tỷ đồng;...

- Một số biểu mẫu ban hành kèm theo Nghị định số 123/2020/NĐ-CP còn chưa phù hợp thực tế và quá trình số hóa.

Để phù hợp với Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đã nhấn mạnh trọng tâm là đẩy mạnh xây dựng chính phủ điện tử, tiến tới chính phủ số, nền kinh tế số, xã hội số một cách phù hợp, thực chất và hiệu quả và vừa đáp ứng yêu cầu thực tiễn, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của người nộp thuế trong quá trình thực hiện thì việc ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP là cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích

- Tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp trong quá trình sử dụng hóa đơn, chứng từ điện tử, cải cách thủ tục hành chính.

- Có giải pháp ngăn ngừa và hạn chế gian lận về sử dụng hóa đơn điện tử.

- Nghiên cứu sửa đổi bất cập trong quy định hiện hành để đảm bảo minh bạch, tạo thuận lợi cho người nộp thuế, các tổ chức trong việc sử dụng hóa đơn, chứng từ điện tử.

- Bổ sung giải pháp nhằm phòng ngừa, hạn chế gian lận khi doanh nghiệp đăng ký sử dụng hóa đơn và trong quá trình sử dụng hóa đơn điện tử.

- Quy định rõ hơn trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử; hệ thống hóa quy định việc trao đổi cung cấp thông tin HĐĐT nhưng vẫn đảm bảo tính bảo mật của hệ thống HĐĐT.

2. Quan điểm chỉ đạo xây dựng Nghị định sửa đổi.

- Việc xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 123/2020/NĐ-CP nhằm thực hiện các chủ trương của Đảng, Nhà nước về đẩy mạnh xây dựng chính phủ điện tử, tiến tới chính phủ số, nền kinh tế số, xã hội số.

- Sửa đổi những quy định chưa phù hợp, bổ sung cập nhật các nội dung mới dựa trên nguyên tắc phù hợp với tình hình thực tiễn.

- Kế thừa và phát huy những quy định về hóa đơn, chứng từ đã mang lại tác động tích cực; những nội dung sửa đổi, bổ sung đều rõ ràng, minh bạch, có đánh giá tác động cụ thể.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Thực hiện theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Bộ Tài chính đã phối hợp với các Bộ, ngành địa phương xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP như sau:

Ngày 29/8/2023, Bộ Tài chính đã có công văn số 9206/BTC-TCT kèm dự thảo Nghị định, tờ trình và các tài liệu có liên quan gửi lấy ý kiến các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan, trong đó có Văn phòng Chính phủ, Bộ Tư pháp, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;

Ngày 30/8/2023, toàn văn Dự thảo Nghị định và dự thảo Tờ trình Chính phủ đã được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính để các cơ quan, tổ chức, cá nhân góp ý kiến.

Bộ Tài chính đã nhận được gần 100 ý kiến tham gia bằng văn bản của các Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp như sau:

- 14/17 Bộ
- 4/4 Cơ quan ngang Bộ
- 5/8 Cơ quan thuộc CP
- 47 địa phương (14 UBND, 10 Sở Tài chính, 23 Cục Thuế).

Trên cơ sở ý kiến của các Bộ, ngành và tổ chức, doanh nghiệp, Bộ Tài chính đã hoàn chỉnh dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung, dự thảo Tờ trình và gửi Bộ Tư pháp thẩm định (công văn số ~~5929~~ /BTC-TCT ngày 7 tháng 6 năm 2024).

IV. TÊN GỌI, BỐ CỤC CỦA NGHỊ ĐỊNH

1. Tên gọi Nghị định

“Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ về hóa đơn, chứng từ”.

2. Bố cục của Nghị định

Dự thảo Nghị định gồm 02 Điều:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2023 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ.

Điều 2. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành.

V. NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ ĐỊNH

Nghị định quy định theo từng nhóm nội dung liên quan người nộp thuế, cơ quan thuế, các tổ chức, cá nhân có liên quan, cụ thể như sau:

1. Nhóm nội dung liên quan đến người nộp thuế nhằm quy định minh bạch, tạo thuận lợi cho người nộp thuế, đơn giản hóa thủ tục thực hiện.

Nhóm vấn đề này tập trung sửa đổi, bổ sung các nội dung về: Nguyên tắc lập hóa đơn (Điều 4); Hành vi bị cấm trong lĩnh vực hóa đơn, chứng từ (Điều 5); Loại hóa đơn (Điều 8); Thời điểm lập hóa đơn (Điều 9); Nội dung hóa đơn (Điều 10); Áp dụng HĐĐT khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối chuyển dữ liệu đến cơ quan thuế (Điều 11); Áp dụng hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ (Điều 13); Xử lý hóa đơn đã lập sai (Điều 19). Cụ thể như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung Điều 4 về Nguyên tắc lập, quản lý, sử dụng hóa đơn.

Tại Điều 4 Nghị định 123/2020/NĐ-CP quy định về nguyên tắc lập, quản lý, sử dụng hóa đơn, chứng từ gồm tám (08) khoản.

Tại Điều 4 Nghị định 123/2020/NĐ-CP cần sửa đổi, bổ sung một số quy định về nguyên tắc lập hóa đơn một số trường hợp như: (i) Các trường hợp lập hóa đơn điều chỉnh hoặc thay thế; (ii) Hoàn thiện nguyên tắc về cấp chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân; (iii) Cần có quy định về việc sử dụng cơ sở dữ liệu về hóa đơn điện tử để thực hiện các biện pháp khuyến khích người tiêu dùng lấy hóa đơn khi mua hàng hóa, dịch vụ; (iv) Chưa có quy định về việc ủy quyền lập hóa đơn trong hoạt động thương mại điện tử; (v) Chưa có quy định lập biên lai thu phí và hóa đơn điện tử trên cùng một định dạng điện tử để giảm chi phí cho 01 người mua/người sử dụng dịch vụ; (vi) Liên quan hoạt động kinh doanh casino, trò chơi điện tử có thưởng cần bổ sung nguyên tắc sử dụng chứng từ điện tử.

Theo đó, dự thảo Nghị định gửi lấy ý kiến đã bổ sung quy định đối với một số nội dung nêu trên.

Trên cơ sở tổng hợp ý kiến tham gia, tiếp thu ý kiến NHNN, Bộ KHCN và sau khi rà soát, Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:

Về nguyên tắc lập hóa đơn: Cơ bản giữ như quy định tại Nghị định hiện hành và bổ sung *“các trường hợp lập hóa đơn điều chỉnh hoặc thay thế theo quy định tại Điều 19 Nghị định này”*.

Sửa đổi, bổ sung nguyên tắc lập chứng từ khấu trừ thuế, biên lai thu thuế, phí, lệ phí tại khoản 2 theo hướng cá nhân có quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân trả thu nhập cấp chứng từ khấu trừ thuế cho mỗi lần khấu trừ thuế hoặc cấp một chứng từ khấu trừ cho nhiều lần khấu trừ thuế; đồng thời thay *“lỳ”* tính thuế bằng *“năm”* tính thuế để giảm thủ tục khi cấp chứng từ thuế TNCN. Dự thảo Nghị định vẫn giữ quy định: *“Trường hợp cá nhân ủy quyền quyết toán thuế thì không cấp chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân”*.

Hoàn thiện câu chữ quy định về các đối tượng phải đăng ký sử dụng hóa đơn, chứng từ tại khoản 3. Thay cụm từ *“biên lai”* bằng *“chứng từ”* để bao quát; dùng thống nhất cụm từ *“hệ kinh doanh”*; bổ sung cụm từ *“tổ chức, cá nhân khấu trừ thuế thu nhập cá nhân”* để đầy đủ đối tượng sử dụng hóa đơn, chứng từ.

Bổ sung tại khoản 6 quy định về sử dụng cơ sở dữ liệu về hóa đơn điện tử để thực hiện các biện pháp khuyến khích người tiêu dùng lấy hóa đơn khi mua hàng hóa, dịch vụ.

Sửa đổi, bổ sung khoản 7 quy định cho phép trường hợp cá nhân kinh doanh trên sàn giao dịch thương mại điện tử nếu đã ủy quyền cho chủ sở hữu

sản khai thuế theo quy định tại Nghị định 91/2022/NĐ-CP thì có thể ủy quyền cho sản lập hóa đơn giao cho người mua.

Bổ sung khoản 9 quy định chứng từ điện tử tích hợp biên lai thu phí và hóa đơn trên cùng một định dạng điện tử để thuận lợi cho người mua hàng hóa, dịch vụ, và thuận lợi trong việc triển khai chuyển đổi số theo đề xuất của địa phương (UBND tỉnh Quảng Ninh đề nghị).

Bổ sung khoản 10 quy định về nguyên tắc lập chứng từ điện tử hoạt động kinh doanh casino, trò chơi điện tử có thưởng.

Nội dung quy định cụ thể tại khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị định kèm theo.

b) Sửa đổi, bổ sung Điều 5 về Hành vi bị cấm trong lĩnh vực hóa đơn, chứng từ.

Tại Điều 5 Nghị định 123/2020/NĐ-CP về hành vi bị cấm trong lĩnh vực hóa đơn, chứng từ gồm 02 khoản quy định hành vi bị cấm đối với công chức thuế (khoản 1) và đối với tổ chức, cá nhân bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ tổ chức, cá nhân có quyền, nghĩa vụ liên quan (khoản 2).

Khoản 1 Điều 5 Nghị định hiện hành chưa có quy định trường hợp chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử về cơ quan thuế không theo quy định là hành vi bị cấm đối với công chức thuế. Tại Điều 30 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 đã có quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn có quy định về xử phạt hành vi vi phạm quy định về chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử. Do đó, tại khoản 1 Điều 5 bổ sung trường hợp *“Không chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử về cơ quan thuế theo quy định”*. Đồng thời bổ sung hành vi *“làm giả hóa đơn, chứng từ để thực hiện hành vi trái pháp luật”* là hành vi trái pháp luật.

Nội dung quy định cụ thể tại khoản 3 Điều 1 dự thảo Nghị định kèm theo.

c) Sửa đổi, bổ sung Điều 8 về Loại hóa đơn.

Tại Điều 8 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP quy định về loại hóa đơn, bao gồm 07 khoản.

Tại Điều 26 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/05/2022 của Chính phủ quy định riêng áp dụng đối với khu chế xuất, doanh nghiệp chế xuất (DNCX) cho phép DNCX ngoài hoạt động chế xuất còn được thực hiện: (i) bán, thanh lý vào thị trường nội địa tài sản đã qua sử dụng và các hàng hóa theo quy định của pháp luật về đầu tư và quy định khác của pháp luật có liên quan; (ii) các hoạt động kinh doanh khác theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan; (iii) bán hàng hóa vào thị trường nội địa. Nghị định số 123/2020/NĐ-CP chỉ có quy định về việc tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan (trong đó có DNCX) sử dụng loại hóa đơn bán hàng, loại *“Dành cho tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan”*, chưa có quy định về loại hóa đơn khi DNCX có hoạt động khác ngoài hoạt động chế

xuất mà Nghị định số 35/2022/NĐ-CP đã quy định.

Trong quá trình thực hiện Nghị định 123/2020/NĐ-CP, một số doanh nghiệp nêu vướng mắc về việc thực tế các doanh nghiệp đang phải sử dụng hai loại hóa đơn khi xuất khẩu hàng hóa: (1) hóa đơn thương mại (là loại hóa đơn được lập theo thông lệ quốc tế và thuộc thành phần hồ sơ khai hải quan theo quy định của pháp luật hải quan); (2) hóa đơn bán hàng/hóa đơn GTGT điện tử (là loại hóa đơn đăng ký sử dụng với cơ quan thuế và chuyển dữ liệu cho cơ quan thuế), trong khi trước đây doanh nghiệp chỉ sử dụng hóa đơn thương mại. Do đó, doanh nghiệp đề xuất sử dụng 01 loại hóa đơn khi xuất khẩu hàng hóa.

Cần sửa đổi, bổ sung quy định về loại hóa đơn điện tử bán tài sản công để phù hợp với quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các Nghị định quy định thi hành.

Từ vướng mắc trên, dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung:

Bổ sung quy định sử dụng hóa đơn khi DNCX có hoạt động khác ngoài hoạt động chế xuất.

Bổ sung quy định về hóa đơn thương mại điện tử khi xuất khẩu hàng hóa, cung cấp dịch vụ ra nước ngoài.

Hoàn thiện quy định về hóa đơn bán tài sản công để phù hợp với quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các Nghị định quy định thi hành.

Nội dung quy định cụ thể tại khoản 4 Điều 1 dự thảo Nghị định kèm theo.

d) Sửa đổi, bổ sung Điều 9 về Thời điểm lập hóa đơn.

Điều 9 Nghị định 123/2020/NĐ-CP quy định thời điểm lập hóa đơn gồm 4 khoản, quy định nguyên tắc chung về thời điểm lập hóa đơn đối với bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ. Đồng thời, tại khoản 4 Điều 9 có quy định thời điểm lập hóa đơn đối với một số trường hợp cụ thể như cung cấp dịch vụ số lượng lớn, phát sinh thường xuyên, cần thời gian đối soát số liệu như dịch vụ viễn thông, hoạt động xây dựng, lắp đặt, tổ chức kinh doanh bất động sản, xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng nhà để bán, chuyển nhượng, tổ chức kinh doanh mua dịch vụ vận tải hàng không xuất qua website và hệ thống thương mại điện tử, hoạt động tìm kiếm thăm dò, khai thác và chế biến dầu thô, kinh doanh thương mại bán lẻ, kinh doanh dịch vụ ăn uống, hoạt động bán điện, bán xăng dầu, cung cấp dịch vụ vận tải hàng không, dịch vụ bảo hiểm qua đại lý, cung cấp dịch vụ ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, dịch vụ chuyển tiền qua ví điện tử, dịch vụ ngừng và cấp điện trở lại của đơn vị phân phối điện cho người mua là cá nhân không kinh doanh (hoặc cá nhân kinh doanh), kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi, cơ sở y tế kinh doanh dịch vụ khám chữa bệnh, hoạt động thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ.

Qua thời gian triển khai thực hiện có phát sinh một số trường hợp có tính chất đặc thù cần có quy định cụ thể như các trường hợp đã được quy định tại

khoản 4 Điều 9 như: hàng hóa xuất khẩu, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường sắt, dịch vụ quảng cáo truyền hình, chuyển tiền quốc tế, chứng khoán, xổ số điện toán, thu phí sử dụng đường bộ giữa các nhà đầu tư và nhà cung cấp dịch vụ thu phí, dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, kinh doanh vé xổ số, hoạt động kinh doanh casino, trò chơi điện tử có thưởng. Hoạt động cung cấp dịch vụ ngân hàng, hoạt động cho vay, hoạt động đại lý đối ngoại tệ, cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế của tổ chức tín dụng cần có quy định cụ thể về thời điểm lập hóa đơn. Quy định lập hóa đơn của cơ sở kinh doanh thương mại bán lẻ, ăn uống cần được rà soát phù hợp với việc triển khai HĐĐT từ máy tính tiền có kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế. Quy định về thời điểm lập hóa đơn hoạt động bán khí thiên nhiên, khí đồng hành, khí than được chuyển bằng đường ống dẫn khí đến người mua tại Nghị định hiện hành chưa phù hợp với thực tế phát sinh.

Trên cơ sở tiếp thu ý kiến tham gia của Bộ Nội vụ, Bộ Công an, Đài THVN, rà soát sau các cuộc họp, Điều 9 được sửa đổi, bổ sung như sau:

- Bổ sung tại khoản 1 quy định về thời điểm lập hóa đơn đối với hàng hóa xuất khẩu theo 02 trường hợp:

+ Trường hợp người bán đáp ứng điều kiện chuyển dữ liệu hóa đơn thương mại bằng phương thức điện tử đến cơ quan thuế thì thời điểm lập hóa đơn thương mại điện tử do người bán tự xác định nhưng chậm nhất không quá ngày làm việc tiếp theo kể từ ngày hàng hóa được thông quan theo quy định pháp luật về hải quan và chuyển dữ liệu hóa đơn thương mại điện tử đến cơ quan thuế.

+ Trường hợp người bán không đáp ứng điều kiện chuyển dữ liệu hóa đơn thương mại bằng phương thức điện tử đến cơ quan thuế thì thời điểm lập hóa đơn giá trị gia tăng điện tử do người bán tự xác định nhưng chậm nhất không quá ngày làm việc tiếp theo kể từ ngày hàng hóa được thông quan theo quy định pháp luật về hải quan.

- Thời điểm lập hóa đơn đối với dịch vụ (*quy định tại khoản 2*) vẫn giữ như hiện hành và có bổ sung câu chữ thể hiện việc lập hóa đơn đối với dịch vụ bao gồm cả cung cấp cho tổ chức, cá nhân nước ngoài.

- Tại điểm a, khoản 4 quy định thời điểm lập hóa đơn đối với các trường hợp bán hàng hóa, dịch vụ với số lượng lớn, phát sinh thường xuyên, cần có thời gian đối soát số liệu giữa doanh nghiệp và khách hàng là thời điểm hoàn thành việc đối soát dữ liệu giữa các bên nhưng chậm nhất không quá 07 của tháng sau tháng phát sinh việc cung cấp dịch vụ hoặc không quá 07 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ quy ước thì bổ sung thêm các dịch vụ được áp dụng thời điểm lập hóa đơn như trên gồm: *dịch vụ ngân hàng (trừ hoạt động cho vay), dịch vụ quảng cáo truyền hình, chuyển tiền quốc tế, chứng khoán, xổ số điện toán, cung cấp dịch vụ hỗ trợ vận tải đường sắt, thu phí sử dụng đường bộ giữa nhà đầu tư và nhà cung cấp dịch vụ thu phí*

- Tại điểm e khoản 4, sửa đổi, bổ sung thời điểm lập hóa đơn “đối với hoạt động bán khí thiên nhiên, khí đồng hành, khí than được chuyển bằng đường ống dẫn khí đến người mua” theo hướng *thời điểm lập hóa là thời điểm bên mua, bên bán xác định khối lượng khí giao của tháng nhưng chậm nhất là ngày cuối cùng của thời hạn kê khai, nộp thuế đối với tháng phát sinh nghĩa vụ thuế theo quy định pháp luật về thuế* để phù hợp với quy định tại điểm h khoản 4 Điều 9 Nghị định về thời điểm lập hóa đơn đối với bán điện của các công ty phát điện và tránh phụ thuộc vào thời điểm lập thông báo theo chủ quan của doanh nghiệp như quy định hiện hành (là thời điểm bên mua, bên bán xác định khối lượng khí giao hàng tháng nhưng chậm nhất không quá 07 ngày kế tiếp kể từ ngày bên bán gửi thông báo lượng khí giao hàng tháng).

- Bỏ điểm g khoản 4 về thời điểm lập hóa đơn đối với hoạt động kinh doanh bán lẻ có sử dụng máy tính tiền nhưng chưa đáp ứng điều kiện kết nối với cơ quan thuế do căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 90 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 có quy định về nguyên tắc lập hoá đơn điện tử. Do đó, cần bỏ quy định này để đáp ứng việc thực hiện xuất hoá đơn theo từng giao dịch đúng quy định của pháp luật và phù hợp với đối tượng áp dụng hóa đơn điện tử từ máy tính tiền (được bổ sung tại khoản 1 Điều 11 – *được báo cáo tại điểm e khoản 1 mục V tờ trình này*).

- Điểm l (được sửa đổi thành điểm k) khoản 4 và sửa đổi, bổ sung một số quy định:

+ Bỏ nội dung quy định thời điểm lập hóa đơn trường hợp cung cấp dịch vụ ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, dịch vụ chuyển tiền qua ví điện tử, dịch vụ ngừng và cấp điện trở lại của đơn vị phân phối điện cho người mua là cá nhân không kinh doanh (hoặc cá nhân kinh doanh) nhưng không có nhu cầu lấy hóa đơn tại Nghị định hiện hành.

+ Bổ sung quy định thời điểm lập hóa đơn hoạt động cho vay xác định theo kỳ hạn thu lãi tại hợp đồng tín dụng giữa tổ chức tín dụng và khách hàng đi vay.

+ Bổ sung quy định thời điểm lập hóa đơn hoạt động đại lý đổi ngoại tệ, hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ: thời điểm lập hóa đơn là thời điểm đổi ngoại tệ, thời điểm hoàn thành dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ.

- Bổ sung vào điểm n (được sửa đổi thành điểm m) khoản 4 quy định về thời điểm lập hóa đơn đối với cơ sở y tế kinh doanh dịch vụ khám chữa bệnh khi thanh, quyết toán với BHXH cho phù hợp với Luật Bảo hiểm xã hội trên cơ sở tiếp thu ý kiến của Bảo hiểm Xã hội Việt Nam

- Bổ sung điểm o vào khoản 4 quy định về thời điểm lập hóa đơn của hoạt động kinh doanh bảo hiểm là *thời điểm ghi nhận doanh thu bảo hiểm theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm*.

- Bổ sung quy định điểm p khoản 4 quy định thời điểm lập hóa đơn đối với hoạt động kinh doanh vé xổ số truyền thống, xổ số biết kết quả ngay (vé xổ số) theo hình thức bán vé số in sẵn đủ mệnh giá cho khách hàng hàng trên cơ sở tiếp thu ý kiến các doanh nghiệp kinh doanh xổ số, các Cục Thuế.

- Bổ sung điểm q thời điểm lập hóa đơn hoạt động kinh doanh casino, trò chơi điện tử có thưởng: doanh nghiệp kinh doanh casino, trò chơi điện tử có thưởng căn cứ vào tổng doanh thu thu được trên Mẫu số 01/TH-DT để lập hóa đơn chậm nhất là một (01) ngày kể từ thời điểm kết thúc ngày xác định doanh thu đồng thời chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử đến cơ quan thuế trong ngày lập hóa đơn.

Nội dung quy định cụ thể tại khoản 5 Điều 1 dự thảo Nghị định kèm theo.

đ) Sửa đổi, bổ sung Điều 10 về Nội dung hóa đơn.

Điều 10 Nghị định 123/2020/NĐ-CP quy định về nội dung hóa đơn gồm 16 khoản.

Qua quá trình thực hiện phát sinh các vướng mắc cần quy định rõ về số định danh người mua trên hóa đơn; nội dung hóa đơn của hoạt động kinh doanh vận tải, kinh doanh ăn uống, nhà hàng; nội dung hóa đơn đối với trường hợp khuyến mại; thời điểm ký số và thời điểm lập trên hóa đơn khác nhau và nội dung hóa đơn của hoạt động kinh doanh casino, trò chơi điện tử có thưởng cũng cần được quy định rõ.

Ngoài ra, tại điểm a Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP quy định về tên hoá đơn, trong đó có “HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG KIỂM TỜ KHAI HOÀN THUẾ”, tuy nhiên Nghị định số 123/2020/NĐ-CP chưa quy định các nội dung của hóa đơn kiểm tờ khai hoàn thuế GTGT. Thực tế các đơn vị đang dùng mẫu hóa đơn GTGT kiểm tờ khai hoàn thuế theo Thông tư 92/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về hóa đơn GTGT kiểm tờ khai hoàn thuế (mẫu hóa đơn gồm 3 phần: Phần A: Do cửa hàng ghi, Phần B: Dành cho cơ quan hải quan, Phần C: Dành cho ngân hàng thương mại là đại lý hoàn thuế) khi chuyển đổi sang sử dụng hóa đơn điện tử theo Nghị định số 123/2020/NĐ-CP.

Dự thảo lấy ý kiến các Bộ, ngành, địa phương có đề xuất sửa đổi, bổ sung 04 khoản (khoản 5, 6, 9, 14) và bổ sung nội dung về hóa đơn GTGT kiểm tờ khai hoàn thuế để tháo gỡ các vướng mắc trên.

Sau tổng hợp, rà soát tiếp thu ý kiến của các đơn vị và tiếp thu ý kiến Đài THVN, Bộ TT&TT, Bộ KH&CN, Điều 10 được sửa đổi, bổ sung như sau:

- Bổ sung số định danh cá nhân của người mua, mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách để phù hợp quy định về cấp và sử dụng mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách tại khoản 1, khoản 7 Điều 4 Thông tư 185/2015/TT-BTC ngày 17/11/2015 của Bộ Tài chính (do Cục Tin học và Thống kê Tài chính chủ trì), và quy định trường hợp người mua cung cấp mã số thuế, số định danh cá nhân thì

trên hóa đơn phải thể hiện mã số thuế, mã số định danh người mua tại khoản 5 quy định về tên, địa chỉ, mã số thuế của người mua.

- Bổ sung tại khoản 6 (Tên, đơn vị tính, số lượng, đơn giá hàng hóa, dịch vụ...) gồm: (1) Bổ sung ví dụ thể hiện tên hàng hóa, dịch vụ trên hóa đơn đối với kinh doanh ăn uống, vận tải; (2) Bổ sung nội dung trên hóa đơn trong trường hợp kinh doanh vận tải phải thể hiện biển kiểm soát phương tiện vận tải, hành trình (điểm đi-điểm đến); (3) Bổ sung nội dung trên hóa đơn trong trường hợp cung cấp dịch vụ vận tải hàng hóa trên nền tảng số, hoạt động thương mại điện tử để phục vụ quản lý thuế thương mại điện tử phải thể hiện tên hàng hóa vận chuyển, thông tin tên, địa chỉ, mã số thuế hoặc số định danh người gửi hàng; (4) Bổ sung quy định được lập Bảng kê hàng hóa, dịch vụ nếu người mua hàng không yêu cầu lấy hóa đơn đối với dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, đối với trường hợp khuyến mại theo quy định pháp luật về thương mại, cho, biếu, tặng hàng hóa phù hợp quy định pháp luật.

- Sửa đổi quy định tại khoản 9 về thời điểm lập hóa đơn và thời điểm ký số trên hóa đơn trong trường hợp thời điểm lập và thời điểm ký số khác nhau.

- Bổ sung điểm 1 vào khoản 14 quy định về một số nội dung không nhất thiết phải có trên hóa đơn điện tử của hoạt động kinh doanh casino, trò chơi điện tử có thưởng do thực trạng tại các doanh nghiệp kinh doanh casino, trò chơi điện tử có thưởng, việc xuất hóa đơn GTGT không nhằm mục đích giao cho người sử dụng dịch vụ để xác nhận việc cung cấp dịch vụ vì các cá nhân khi chơi casino, trò chơi điện tử có thưởng có nhu cầu được bảo mật thông tin và không có nhu cầu lấy hóa đơn; hóa đơn GTGT chỉ làm căn cứ để các doanh nghiệp kinh doanh casino, trò chơi điện tử có thưởng kê khai, nộp thuế.

- Bổ sung khoản 17 quy định về hóa đơn GTGT kiêm tờ khai hoàn thuế.

Nội dung quy định cụ thể tại khoản 6 Điều 1 dự thảo Nghị định kèm theo.

e) Sửa đổi, bổ sung Điều 11 về Hóa đơn được khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối chuyển dữ liệu với cơ quan thuế.

Tại Điều 11 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP quy định về hóa đơn được khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối chuyển dữ liệu với cơ quan thuế bao gồm 03 khoản, chưa quy định cụ thể đối tượng áp dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền và nội dung hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền mà các nội dung này đang được hướng dẫn tại Điều 8 Thông tư số 78/2021/TT-BTC.

Dự thảo lấy ý kiến các Bộ, ngành, địa phương có bổ sung các nội dung trên trên cơ sở hướng dẫn tại Điều 8 Thông tư số 78/2021/TT-BTC.

Tiếp thu ý kiến các Bộ: Tư pháp, Bộ Công an, ý kiến các Cục Thuế, doanh nghiệp và qua rà soát các cuộc họp về việc bổ sung mã QR để người mua tra cứu hóa đơn, Điều 11 được sửa đổi, bổ sung theo hướng sửa đổi câu chữ tại 03 khoản hiện hành và bổ sung 02 khoản quy định về đối tượng áp dụng HĐĐT khởi tạo từ máy tính tiền và nội dung trên HĐĐT khởi tạo từ máy tính tiền.

Nội dung quy định cụ thể tại khoản 7 Điều 1 dự thảo Nghị định kèm theo.

g) Sửa đổi, bổ sung Điều 13 về Áp dụng hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Tại Điều 13 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP có 4 khoản, quy định về đối tượng áp dụng hóa đơn điện tử, cấp và kê khai xác định nghĩa vụ thuế khi cơ quan thuế cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh, sử dụng hóa đơn trong một số trường hợp và giao Bộ Tài chính hướng dẫn việc áp dụng hóa đơn điện tử đối với một số trường hợp khác theo yêu cầu quản lý.

Quá trình thực hiện phát sinh trường hợp doanh nghiệp đang làm thủ tục phá sản nhưng vẫn hoạt động kinh doanh dưới sự giám sát của Tòa án theo quy định pháp luật phá sản cần đưa vào diện cấp hóa đơn theo từng lần phát sinh để cơ quan thuế kiểm soát, quản lý; chưa có quy định về cấp hóa đơn theo từng lần phát sinh đối với trường hợp bên mua bất động sản mà trong hợp đồng chuyển nhượng bất động sản có thỏa thuận bên mua chịu trách nhiệm khai thay, nộp thay như người nộp thuế theo quy định tại điểm g khoản 5 Điều 7 Nghị định 126/2020/NĐ-CP⁵; chưa có quy định cấp hóa đơn đối với doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thuộc diện ngừng sử dụng hóa đơn điện tử trong thời gian giải trình hoặc bổ sung tài liệu (quy định tại Điều 16); chưa quy định rõ việc khai, nộp thuế khi cơ quan thuế cấp hóa đơn, xử lý hóa đơn điện tử do cơ quan thuế cấp sau đó phát hiện bị sai.

Trên cơ sở ý kiến tham gia, về cơ bản, nhất trí của các đơn vị, Điều 13 được sửa đổi, bổ sung như sau:

- Bổ sung các trường hợp sau được cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh là hóa đơn bán hàng:

+ Doanh nghiệp đang làm thủ tục phá sản nhưng vẫn có hoạt động kinh doanh dưới sự giám sát của Tòa án;

+ Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thuộc diện ngừng sử dụng hóa đơn điện tử trong thời gian giải trình hoặc bổ sung tài liệu;

+ Cấp hóa đơn cho bên mua trong trường hợp bên mua bất động sản mà trong hợp đồng chuyển nhượng bất động sản có thỏa thuận bên mua chịu trách nhiệm khai thay, nộp thay như người nộp thuế theo quy định tại điểm g khoản 5 Điều 7 Nghị định 126/2020/NĐ-CP và bên bán không còn tồn tại.

- Bổ sung các trường hợp sau được cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh là hóa đơn giá trị gia tăng:

⁵ “g) Bên mua bất động sản mà trong hợp đồng chuyển nhượng bất động sản có thỏa thuận bên mua là người nộp thuế thay cho bên bán (trừ trường hợp được miễn thuế, không phải nộp thuế hoặc tạm thời chưa phải nộp thuế); bên thứ ba có liên quan được phép bán tài sản của cá nhân theo quy định của pháp luật thì bên mua, bên thứ ba có trách nhiệm khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân theo quy định.”. (điểm g khoản 5 Điều 7 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020).

+ Doanh nghiệp đang làm thủ tục phá sản nhưng vẫn có hoạt động kinh doanh dưới sự giám sát của Tòa án;

+ Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác thuộc diện ngừng sử dụng hóa đơn điện tử trong thời gian giải trình hoặc bổ sung tài liệu.

- Bổ sung quy định về khai, nộp thuế khi cấp hóa đơn từng lần phát sinh và quy định điều chỉnh hoặc thay thế hóa đơn cấp từng lần phát sinh bị lập sai

Nội dung quy định cụ thể tại khoản 9 Điều 1 dự thảo Nghị định kèm theo.

h) Sửa đổi, bổ sung Điều 19 về Xử lý hóa đơn có sai sót.

Tại Điều 19 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP quy định về xử lý hóa đơn có sai sót gồm 04 khoản, quy định về hủy hóa đơn điện tử có mã đã lập có sai sót, về lập hóa đơn điện tử điều chỉnh hoặc thay thế trong trường hợp có sai sót về tên, địa chỉ của người mua nhưng không sai mã số thuế, các nội dung khác không sai sót; có sai: mã số thuế; sai sót về số tiền ghi trên hóa đơn, sai về thuế suất, tiền thuế hoặc hàng hóa ghi trên hóa đơn không đúng quy cách, chất lượng; điều chỉnh hoặc thay thế hóa đơn điện tử đối với ngành hàng không.

Điều 19 chưa có quy định lập 01 hóa đơn để điều chỉnh hoặc thay thế cho nhiều hóa đơn đã lập sai của cùng người mua; chưa có quy định xử lý hóa đơn điện tử đã lập nhưng không sai trong một số trường hợp như khi thanh toán thực tế hoặc khi quyết toán có sự thay đổi về giá trị, khối lượng; trả lại hàng hóa, chấm dứt toàn bộ hoặc một phần việc cung cấp dịch vụ (*trường hợp hủy hoặc chấm dứt dịch vụ được hướng dẫn tại Thông tư số 78/2021/TT-BTC nhưng theo kết quả kiểm tra văn bản của Cục Kiểm tra văn bản Bộ Tư pháp thì không phải là trường hợp lập sai nên đề nghị có hướng dẫn xử lý cho phù hợp*); kê khai hóa đơn điều chỉnh hoặc thay thế.

Ngoài ra, thực tế phát sinh trường hợp người mua, người bán đã kê khai thuế, sau đó người bán tự ý hủy hoặc điều chỉnh hoặc thay thế hóa đơn nhưng không có thỏa thuận, không thông báo cho người mua, gây ảnh hưởng đến quyền lợi người mua.

Để giải quyết được các vướng mắc trên, dự thảo Nghị định gửi lấy ý kiến các Bộ, ngành, địa phương dự kiến sửa đổi, bổ sung 08 khoản của Điều 19, bao gồm sửa đổi 04 khoản của Nghị định hiện hành và bổ sung 04 khoản.

Sau rà soát, Điều 19 được sửa đổi, bổ sung như sau:

- Sửa tên Điều 19 từ “*Xử lý hóa đơn có sai sót*” thành “*Thay thế, điều chỉnh hóa đơn điện tử*” để bao quát các trường hợp cần điều chỉnh hoặc thay thế hóa đơn đã lập bao gồm các trường hợp lập sau và trường hợp không phải do lập sai, trong đó có trường hợp hướng dẫn tại Điều 7 Thông tư số 78/2021/TT-BTC theo ý kiến của Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp). Ngoài ra, theo kiến nghị của Đoàn ĐBQH tỉnh An Giang tại Phụ lục kết quả rà soát theo Nghị quyết số 101/2023/QH15 của Quốc hội do Bộ Tư pháp gửi kèm công văn số 4106/BTP-

KTrVB ngày 05/9/2023 thì các trường hợp phải gửi mẫu 04/SS-HĐĐT đến cơ quan thuế cần được quy định rõ tại Điều 19 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP hoặc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 78/2021/TT-BTC, Bộ Tài chính đã rà soát kiến nghị nêu trên và tại dự thảo Nghị định đã tiếp thu kiến nghị nêu trên, theo đó, đã quy định rõ các trường hợp phải gửi mẫu 04/SS-HĐĐT đến cơ quan thuế, trường hợp phải lập hóa đơn điều chỉnh hoặc hóa đơn thay thế thì không phải lập mẫu 04/SS-HĐĐT.

- Bổ quy định về hủy hóa đơn tại khoản 1, theo đó, hóa đơn đã lập sẽ không được hủy mà thực hiện điều chỉnh hoặc thay thế.

- Bổ sung quy định khi điều chỉnh hoặc thay thế hóa đơn, người bán, người mua phải có văn bản thỏa thuận ghi rõ nội dung sai.

- Bổ sung quy định lập 01 hóa đơn để thay thế hoặc điều chỉnh cho nhiều hóa đơn đã lập sai trong cùng tháng của cùng 01 người mua.

- Bổ sung 01 khoản (khoản 4) quy định các trường hợp lập hóa đơn điều chỉnh trong một số trường hợp (mà không phải do lập sai).

- Bổ sung 01 khoản (khoản 5) quy định về áp dụng hóa đơn điện tử điều chỉnh, thay thế, theo đó, đưa một số hướng dẫn tại Điều 7 Thông tư số 78/2021/TT-BTC lên Nghị định (đối với nội dung về giá trị trên hóa đơn có sai sót thì điều chỉnh tăng (ghi dấu dương), điều chỉnh giảm (ghi dấu âm) đúng với thực tế điều chỉnh) và bổ sung quy định khai hóa đơn điều chỉnh hoặc thay thế để có cơ sở giải quyết những vướng mắc trong thời gian qua.

Nội dung quy định cụ thể tại khoản 12 Điều 1 dự thảo Nghị định kèm theo.

2. Nhóm nội dung liên quan giải pháp của cơ quan thuế nhằm tăng cường công tác quản lý thuế, chống gian lận trong sử dụng hóa đơn điện tử

Nhóm nội dung này tập trung sửa đổi: Điều 15 - Đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử ; Điều 16 - Ngừng sử dụng hóa đơn điện tử để bổ sung biện pháp phòng ngừa, hạn chế gian lận ngay từ khi doanh nghiệp đăng ký sử dụng HĐĐT và có giải pháp xử lý đối với hành vi gian lận trong quá trình sử dụng HĐĐT.

a) Sửa đổi, bổ sung Điều 15 về Đăng ký, thay đổi nội dung đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử.

Điều 15 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP gồm 06 khoản, quy định về trình tự thủ tục đăng ký, thay đổi nội dung đăng ký hóa đơn điện tử.

Thực tế áp dụng HĐĐT thời gian qua phát sinh trường hợp do việc đăng ký thành lập doanh nghiệp quá dễ dàng nên một số đối tượng lợi dụng để thành lập doanh nghiệp, không hoạt động sản xuất, kinh doanh mà đăng ký sử dụng HĐĐT và thực hiện hành vi bán khống HĐĐT. Qua rà soát dữ liệu HĐĐT trong công tác quản lý thuế, cơ quan thuế đã phát hiện một số trường hợp xuất HĐĐT với doanh số lớn “đột biến”. Ngoài ra, cơ quan cảnh sát điều tra tại một số tỉnh

cũng đã thực hiện điều tra một số vụ án liên quan đến thành lập doanh nghiệp để thực hiện mua, bán hóa đơn điện tử không hợp pháp. Do đó, để phòng chống gian lận trong việc thành lập doanh nghiệp nhằm mục đích mua bán hóa đơn điện tử, dự thảo Nghị định bổ sung quy định xác định nhân thân của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, xác minh người nộp thuế có hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký trong trường hợp người nộp thuế rủi ro cao về thuế khi đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử trên cơ sở tiếp thu kiến nghị của UBND tỉnh Quảng Trị tại Phụ lục kết quả rà soát theo Nghị quyết số 101/2023/QH15 do Bộ Tư pháp gửi kèm công văn số 4106/BTP-KTrVB ngày 05/9/2023.

Qua rà soát, theo quy định tại khoản 3 và khoản 8, điều 3, Nghị định số 59/2022/NĐ-CP Quy định về định danh và xác thực điện tử: “Định danh điện tử” là hoạt động đăng ký, đối soát, tạo lập và gắn danh tính điện tử với chủ thể danh tính điện tử; “Xác thực điện tử” là hoạt động xác nhận, khẳng định thông tin gắn với chủ thể danh tính điện tử thông qua việc khai thác, đối chiếu thông tin của chủ thể danh tính điện tử đó trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân, Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh, cơ sở dữ liệu khác và hệ thống định danh và xác thực điện tử hoặc xác thực tài khoản định danh điện tử do hệ thống định danh và xác thực điện tử tạo lập qua tổ chức cung cấp dịch vụ xác thực điện tử để khẳng định giá trị sử dụng của tài khoản định danh điện tử đó.

Tại khoản 5, điều 3, Nghị định 59/2022/NĐ-CP cũng quy định: Bộ Công an xây dựng, quản lý hệ thống định danh và xác thực điện tử để thực hiện đăng ký, tạo lập, quản lý tài khoản định danh điện tử và thực hiện xác thực điện tử. Các phương tiện xác thực quy định tại Nghị định gồm các yếu tố sau: mặt khẩu; mã bí mật; mã vạch hai chiều; thiết bị đầu cuối; thiết bị hoặc phần mềm mặt khẩu sử dụng một lần; thiết bị hoặc phần mềm mặt mã, thẻ Căn cước công dân, hộ chiếu, ảnh chân dung, vân tay được sử dụng cho mục đích xác thực điện tử. Để có thể áp dụng các yếu tố xác thực như sinh trắc học hoặc vân tay thì cần đầu tư các thiết bị chuyên dụng như camera có cảm biến và đèn chiếu tia hồng ngoại hoặc máy đọc vân tay.

Để triển khai xác thực thông tin của chủ thể danh tính điện tử qua hệ thống định danh và xác thực điện tử khi thực hiện dịch vụ công, Nghị định 59/2022/NĐ-CP quy định cơ quan nhà nước thực hiện theo hướng dẫn về tiêu chuẩn kỹ thuật, quy trình, điều kiện bảo đảm kết nối với hệ thống định danh và xác thực điện tử của Bộ Công an. Vì vậy, đề xuất hiệu chỉnh quy định tại Điều 15 dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định số 123/2020/NĐ-CP về việc thực hiện xác thực điện tử khi đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử.

Sau rà soát, Điều 15 được sửa đổi, bổ sung theo hướng:

(i) Bổ sung tại khoản 1 quy định đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế đáp ứng quy định khai thuế giá trị gia tăng riêng thì được đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử; cơ quan thuế hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ tổ

chức, xử lý tài sản công không phải trả tiền dịch vụ khi sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế.

(ii) Bổ sung khoản 1a quy định về đăng ký sử dụng HĐĐT. Theo đó, bổ sung các giải pháp về xác thực nhân thân người đại diện theo pháp luật, đại diện hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh, chủ doanh nghiệp tư nhân đăng ký sử dụng hóa đơn, xác minh địa chỉ đăng ký của người nộp thuế nếu người nộp thuế thuộc trường hợp rủi ro cao để phòng ngừa gian lận ngay từ khi người nộp thuế đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử.

(iii) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 quy định về thay đổi thông tin đăng ký sử dụng HĐĐT.

Nội dung quy định cụ thể tại khoản 10 Điều 1 dự thảo Nghị định kèm theo.

b) Sửa đổi, bổ sung Điều 16 về Ngừng sử dụng hóa đơn điện tử.

Tại Điều 16 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP quy định về ngừng sử dụng hóa đơn điện tử gồm 04 khoản. Khoản 1 Điều 16 Nghị định hiện hành quy định 07 trường hợp ngừng sử dụng hóa đơn điện tử.

Thực tế phát sinh một số trường hợp có các hành vi, dấu hiệu gian lận từ các vụ án liên quan lập hóa đơn điện tử không để trốn thuế nên tại dự thảo Nghị định gửi lấy ý kiến đã bổ sung các trường hợp ngừng sử dụng HĐĐT nhằm góp phần kịp thời ngăn chặn các hành vi gian lận liên quan đến sử dụng HĐĐT. Về cơ bản, các Bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp không có ý kiến bổ sung quy định tại Điều này.

Sau khi rà soát, Điều 16 được hoàn thiện sửa đổi, bổ sung như sau:

- Giữ 07 trường hợp ngừng sử dụng hóa đơn điện tử đã được quy định tại khoản 1 Điều 16 và bổ sung một số trường hợp ngừng sử dụng hóa đơn điện tử vào các điểm đã được quy định tại khoản 1 Điều 16 để bao quát các trường hợp đã phát sinh trong thực tế như: (i) tạm ngừng sử dụng hóa đơn điện tử theo văn bản gửi cơ quan thuế (Mẫu 01/ĐKTĐ-HĐĐT ban hành kèm Nghị định này); (ii) hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh chuyển đổi phương pháp từ kê khai sang phương pháp khoán hoặc nộp thuế theo từng lần phát sinh theo thông báo của cơ quan thuế; (iii) cơ quan công an, viện kiểm sát, tòa án có văn bản đề nghị cơ quan thuế ngừng sử dụng hóa đơn điện tử của tổ chức, cá nhân có hành vi lập hóa đơn điện tử phục vụ mục đích bán không hàng hóa, cung cấp dịch vụ để chiếm đoạt tiền của tổ chức, cá nhân bị cơ quan chức năng phát hiện, khởi tố và thông báo cho cơ quan thuế; (iv) trường hợp cơ quan chức năng phát hiện và thông báo cho cơ quan thuế người nộp thuế có hành vi vi phạm pháp luật về thuế và hóa đơn; (v) Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đang áp dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền có thay đổi ngành nghề kinh doanh dẫn đến không đáp ứng điều kiện sử dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định

này thì cơ quan thuế ra thông báo người nộp thuế ngừng sử dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền.

- Bổ sung 01 điểm (điểm i) vào khoản 1 (*trước đây là khổ rơi cuối khoản 1 Điều 16*) và hoàn thiện quy định tại điểm này theo hướng giao Bộ Tài chính quyết định đối với các trường hợp ngừng sử dụng hóa đơn điện tử khác.

- Khoản 2 Điều 16 về trình tự thực hiện ngừng sử dụng hóa đơn điện tử được hoàn thiện theo hướng quy định cụ thể thủ tục ngừng sử dụng hóa đơn điện tử tương ứng với từng trường hợp đã được quy định tại khoản 1.

Nội dung quy định cụ thể tại khoản 11 Điều 1 dự thảo Nghị định kèm theo.

3. Nhóm nội dung liên quan trách nhiệm của các chủ thể tham gia vào quá trình sử dụng hóa đơn điện tử

Hiện hành tại Điều 22 quy định về trách nhiệm của người bán trong việc sử dụng HĐĐT không có mã của cơ quan thuế.

Qua quá trình thực hiện, một số vướng mắc liên quan đến trách nhiệm của các chủ thể tham gia vào quá trình quản lý, sử dụng hóa đơn điện tử như sau:

(i) Quy định tại Điều 22 chưa rõ điều kiện về số lượng hóa đơn doanh nghiệp sử dụng để đáp ứng điều kiện chuyển dữ liệu trực tiếp đến cơ quan thuế. Do đó, cần thiết phải có quy định cụ thể về tiêu chí số lượng hóa đơn để các Cục Thuế có cơ sở đánh giá hồ sơ đăng ký chuyển dữ liệu trực tiếp đến cơ quan thuế của doanh nghiệp. Việc quy định số lượng hóa đơn sẽ hạn chế được số lượng doanh nghiệp thực hiện chuyển dữ liệu trực tiếp đến cơ quan thuế, tránh tình trạng quá tải đối với hệ thống hóa đơn điện tử của cơ quan thuế.

(ii) Một số trách nhiệm liên quan đến chia sẻ, kết nối thông tin, dữ liệu hóa đơn điện tử chưa được quy định tại Nghị định hiện hành.

(iii) Nghị định hiện hành chưa phân tách rõ quyền và trách nhiệm của người mua, và cần bổ sung thêm quyền của người mua được sử dụng hóa đơn hợp pháp đã được quy định trước đây tại Điều 20 Nghị định số 51/2010/NĐ-CP

(iv) Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 23/2021/TT-BTC ngày 30/3/2021 hướng dẫn về in, phát hành, quản lý và sử dụng tem điện tử rọu và tem điện tử thuốc lá. Thông tư số 23/2021/TT-BTC có quy định về dán tem điện tử (Điều 3), nguyên tắc quản lý, sử dụng tem điện tử (Điều 4) và tra cứu, xác thực thông tin của tem điện tử trên mã QRcode đã dán trên sản phẩm (Khoản 3 Điều 6). Tuy nhiên, Thông tư 23/2021/TT-BTC chưa hướng dẫn về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân phải quét mã QR trước khi tiêu thụ trong nước và trước khi nhập khẩu do Nghị định 123/2020/NĐ-CP chưa có quy định này.

Tại dự thảo Nghị định gửi lấy ý kiến đã gộp Điều 21 (Trách nhiệm của người bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ sử dụng hóa đơn điện tử hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế) và Điều 22 (Trách nhiệm của người bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ sử dụng hóa đơn điện tử hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan

thuế) thành 01 Điều (Điều 21) và bổ sung 01 Điều về trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử.

Các ý kiến tham gia, về cơ bản, không có ý kiến bổ sung về nội dung này. Sau khi rà soát, Điều 21, Điều 22 được hoàn thiện sửa đổi, bổ sung như sau:

(i) Không gộp 02 Điều 21 và Điều 22 như đã lấy ý kiến, theo đó:

- Điều 21 không có nội dung sửa đổi, bổ sung.

- Tại Điều 22, sửa tên Điều (Trách nhiệm của người bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ sử dụng hóa đơn điện tử **không** có mã của cơ quan thuế) và bổ sung quy định số lượng hóa đơn để doanh nghiệp được chuyển dữ liệu trực tiếp đến cơ quan thuế xuất phát từ lý do quy định tại Điều 22 quy định doanh nghiệp, tổ chức kinh tế sử dụng hóa đơn số lượng lớn, có hệ thống CNTT đáp ứng yêu cầu về định dạng chuẩn dữ liệu và quy định tại khoản 4 Điều 12 thì được chuyển trực tiếp đến cơ quan thuế nhưng chưa rõ điều kiện về số lượng hóa đơn doanh nghiệp sử dụng để đáp ứng điều kiện chuyển dữ liệu trực tiếp đến cơ quan thuế. Do đó, cần thiết phải có quy định cụ thể về tiêu chí số lượng hóa đơn để các Cục Thuế có cơ sở đánh giá hồ sơ đăng ký chuyển dữ liệu trực tiếp đến cơ quan thuế của doanh nghiệp. Việc quy định số lượng hóa đơn sẽ hạn chế được số lượng doanh nghiệp thực hiện chuyển dữ liệu trực tiếp đến cơ quan thuế, tránh tình trạng quá tải đối với hệ thống hóa đơn điện tử của cơ quan thuế. Trên cơ sở đánh giá dữ liệu hóa đơn điện tử, dự thảo Nghị định đề xuất số lượng hóa đơn doanh nghiệp sử dụng bình quân từ 1.000.000 hóa đơn một tháng trở lên và đáp ứng điều kiện về công nghệ thì chuyển dữ liệu trực tiếp. Với số lượng hóa đơn sử dụng như trên thì hiện tại số lượng doanh nghiệp đáp ứng điều kiện này là 31 doanh nghiệp, phù hợp với khả năng đáp ứng của hệ thống của Tổng cục Thuế.

(ii) Bổ sung Điều mới (Điều 22a) quy định nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử với khách hàng, cơ quan thuế để đảm bảo quyền lợi của khách hàng và đảm bảo việc thực hiện trách nhiệm và bảo mật thông tin với cơ quan thuế.

(iii) Sửa đổi, bổ sung Điều 56 theo hướng chia rõ quy định về quyền và trách nhiệm của người mua hàng hóa, dịch vụ, đồng thời bổ sung quy định tra cứu, nhận file gốc hóa đơn điện tử của người bán, sử dụng hóa đơn hợp pháp theo quy định pháp luật cho các hoạt động kinh doanh là quyền của người mua hàng hóa, dịch vụ.

(iv) Sửa đổi, bổ sung Điều 58 đề hướng tới mục tiêu, yêu cầu quản lý tem gắn với quản lý thuế, góp phần đánh giá việc quản lý tem, quản lý thuế và đảm bảo cơ sở pháp lý về việc tổ chức, cá nhân phải thực hiện quét mã QR code cho sản phẩm.

Nội dung quy định cụ thể tại khoản 13, 34, 36 Điều 1 dự thảo Nghị định kèm theo.

4. Nhóm nội dung liên quan quản lý chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân, biên lai điện tử để tạo thuận lợi cho người sử dụng.

a) Sửa đổi, bổ sung Điều 31 về Thời điểm lập chứng từ.

Điều 31 Nghị định 123/2020/NĐ-CP quy định về thời điểm lập chứng từ như sau:

“Điều 31. Thời điểm lập chứng từ

Tại thời điểm khấu trừ thuế thu nhập cá nhân, thời điểm thu thuế, phí, lệ phí, tổ chức khấu trừ thuế thu nhập cá nhân, tổ chức thu thuế, phí, lệ phí phải lập chứng từ, biên lai giao cho người có thu nhập bị khấu trừ thuế, người nộp các khoản thuế, phí, lệ phí.”

Nghị định số 123/2020/NĐ-CP chưa quy định về thời điểm ký số trên chứng từ như quy định đối với hóa đơn (đã được quy định tại khoản 9 Điều 10 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP) vì trên chứng từ điện tử cũng có 02 thời điểm (thời điểm lập, thời điểm ký số) như hóa đơn điện tử.

Qua quá trình lấy ý kiến, tiếp thu ý kiến của các Cục Thuế, Sở Tài chính, Điều 31 bổ sung quy định thời điểm ký số trên chứng từ là *thời điểm tổ chức, cá nhân khấu trừ thuế thu nhập cá nhân, tổ chức thu thuế, phí, lệ phí điện tử sử dụng chữ ký số để ký trên chứng từ điện tử được hiển thị theo định dạng ngày, tháng, năm của năm dương lịch* thành khoản 2 Điều 31.

Nội dung quy định cụ thể tại khoản 15 Điều 1 dự thảo Nghị định kèm theo.

b) Sửa đổi, bổ sung Điều 32 về Nội dung chứng từ.

Tại Điều 32 Nghị định 123/2020/NĐ-CP quy định về nội dung chứng từ gồm 03 khoản. Điều 32 chưa quy định rõ về nội dung của chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân; ký hiệu mẫu biên lai, ký hiệu chứng từ.

Nội dung gửi lấy ý kiến đề xuất sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 32 để giải quyết các vướng mắc nêu trên. Sau khi rà soát, Điều 32 được sửa đổi, bổ sung như sau:

(i) Khoản 1 quy định nội dung của chứng từ khấu trừ thuế TNCN: bổ sung số điện thoại, số định danh cá nhân của cá nhân nhận thu nhập; khoản đóng bảo hiểm bắt buộc; khoản từ thiện, nhân đạo, khuyến học.

(ii) Khoản 2 bổ sung Tổng cục Hải quan quản lý trường hợp tổ chức thu phí, lệ phí sử dụng biên lai điện tử cần điều chỉnh một số tiêu thức nội dung trên biên lai điện tử (Nghị định hiện hành đang chỉ quy định Tổng cục Thuế).

(iii) Khoản 3 bổ sung quy định ký hiệu mẫu chứng từ, ký hiệu chứng từ thực hiện theo hướng dẫn Bộ Tài chính (tại điểm b khoản 1 Điều 10 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP cũng quy định ký hiệu mẫu, ký hiệu hóa đơn thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính và Thông tư số 78/2021/TT-BTC đã hướng dẫn cụ

thể).

Đồng thời bổ sung Điều 32a quy định về lập và ủy nhiệm lập biên lai. Nội dung Điều 32a được đưa từ Điều 37 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP đang quy định về lập và ủy nhiệm biên lai giấy và bổ sung thêm quy định về ủy nhiệm lập biên lai điện tử.

Nội dung quy định cụ thể tại khoản 16 Điều 1 dự thảo Nghị định kèm theo.

c) Sửa đổi, bổ sung Điều 33 về Định dạng chứng từ điện tử.

(i) Điều 33 Nghị định 123/2020/NĐ-CP quy định về định dạng chứng từ điện tử gồm 03 khoản. Tại khoản 5 Điều 3 về giải thích từ ngữ đã sửa đổi câu chữ trong giải thích từ ngữ “*chứng từ điện tử*”, do đó, nội dung sửa đổi, bổ sung Điều 33 tại dự thảo Nghị định lấy ý kiến đã sửa đổi câu chữ cho thống nhất với nội dung sửa đổi tại Điều 3.

(ii) Khoản 2 Điều 33 quy định:

“2. Định dạng chứng từ điện tử khấu trừ thuế thu nhập cá nhân:

Tổ chức khấu trừ thuế thu nhập cá nhân khi sử dụng chứng từ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 30 Nghị định này theo hình thức điện tử tự xây dựng hệ thống phần mềm để sử dụng chứng từ điện tử đảm bảo các nội dung bắt buộc theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị định này.”

Tại điểm c khoản 1 Điều 33 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP đã có quy định: “*c) Tổng cục Thuế xây dựng và công bố chứa dữ liệu nghiệp vụ chứng từ điện tử, thành phần chứa dữ liệu chữ ký số và cung cấp công cụ hiển thị các nội dung của chứng từ điện tử theo quy định tại Nghị định này*”. Do đó, dự thảo Nghị định bỏ quy định tại khoản 2 quy định về định dạng khấu trừ thuế TNCN để tránh trùng lặp.

Nội dung quy định cụ thể tại khoản 17 Điều 1 dự thảo Nghị định kèm theo.

d) Sửa đổi, bổ sung Điều 34 về “Đăng ký, sử dụng biên lai điện tử”.

Điều 34 Nghị định 123/2020/NĐ-CP bao gồm 04 khoản quy định về đăng ký sử dụng biên lai điện tử và chưa có quy định về đăng ký sử dụng chứng từ điện tử khác, trong khi biên lai điện tử chỉ là một loại chứng từ điện tử. Do đó, dự thảo Nghị định sửa tên Điều 34 từ “*Đăng ký sử dụng biên lai điện tử*” thành “*Đăng ký sử dụng chứng từ điện tử*” để bao quát và bổ sung quy định đăng ký sử dụng chứng từ điện tử tương tự đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử.

Nội dung quy định cụ thể tại điểm a khoản 18 Điều 1 dự thảo Nghị định kèm theo.

đ) Bổ sung Điều 34a về “Xử lý chứng từ điện tử đã lập”.

Nghị định 123/2020/NĐ-CP chưa có quy định về xử lý chứng từ điện tử

đã lập. Thực tế, các chứng từ điện tử đã lập cũng bị lập sai, do đó, cần có quy định để xử lý điều chỉnh như hóa đơn điện tử lập sai.

Dự thảo Nghị định bổ sung Điều 34a quy định về xử lý chứng từ điện tử đã lập theo nguyên tắc như xử lý hóa đơn điện tử tại Điều 19.

Nội dung quy định cụ thể tại điểm b khoản 18 Điều 1 dự thảo Nghị định kèm theo.

e) Bổ sung Điều 34b về “Trách nhiệm của tổ chức khấu trừ thuế thu nhập cá nhân, tổ chức thu thuế, phí, lệ phí khi sử dụng chứng từ điện tử”.

Dự thảo Nghị định gửi xin ý kiến các Bộ, ngành, địa phương chưa có nội dung quy định về trách nhiệm của tổ chức khấu trừ thuế TNCN, tổ chức thu thuế, phí, lệ phí khi sử dụng chứng từ điện tử. Căn cứ quy định tại Điều 94 Luật Quản lý thuế (về chứng từ điện tử):

“Điều 94. Chứng từ điện tử

1. Chứng từ điện tử bao gồm các loại chứng từ, biên lai được thể hiện ở dạng dữ liệu điện tử do cơ quan quản lý thuế hoặc tổ chức có trách nhiệm khấu trừ thuế cấp cho người nộp thuế bằng phương tiện điện tử khi thực hiện các thủ tục về thuế hoặc các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước và các loại chứng từ, biên lai điện tử khác.

2. Chính phủ quy định chi tiết các loại chứng từ điện tử quy định tại Điều này và việc quản lý, sử dụng chứng từ điện tử.”

Để đảm bảo việc sử dụng chứng từ điện tử đúng quy định, sau rà soát, Điều 34b được bổ sung để quy định cụ thể về trách nhiệm của tổ chức khấu trừ thuế thu nhập cá nhân khi triển khai chứng từ điện tử.

Theo đó, ngoài quy định về trách nhiệm của tổ chức trả thu nhập (như quản lý tài khoản, tạo lập chứng từ, lưu trữ...) thì việc truyền dữ liệu về chứng từ khấu trừ sẽ giúp cho cơ quan thuế kịp thời có dữ liệu để xử lý hoàn thuế, bên cạnh đó, tổ chức trả thu nhập không phải thực hiện báo cáo tình hình sử dụng chứng từ khấu trừ cho cơ quan thuế mà sẽ truyền dữ liệu qua đơn vị cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử hoặc thông qua việc tổ chức sử dụng chứng từ khấu trừ điện tử trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, vì vậy, tại Điều 34b quy định cụ thể trách nhiệm chuyển dữ liệu chứng từ điện tử đến cơ quan thuế của tổ chức, cá nhân khấu trừ thuế thu nhập cá nhân; tổ chức thu thuế, phí, lệ phí gửi Báo cáo tình hình sử dụng biên lai cùng với thời gian gửi Tờ khai phí, lệ phí theo quy định của Luật Quản lý thuế.

Nội dung quy định cụ thể tại điểm c khoản 18 Điều 1 dự thảo Nghị định kèm theo.

g) Một số nội dung khác:

Điều 30, Điều 35, Điều 36, Điều 38 và Điều 40 sửa đổi, bổ sung về câu chữ để phù hợp thực tế.

Bãi bỏ Điều 37 quy định về lập và ủy nhiệm lập biên lai do đã đưa lên Điều 32a.

Điều 39 bỏ quy định trình tự tiêu hủy biên lai đối với hàng hóa xuất, nhập khẩu, quá cảnh, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh đối với Cục Hải quan.

Bổ sung Điều 55a quy định trách nhiệm của cơ quan hải quan trong quản lý chứng từ điện tử.

Nội dung quy định cụ thể tại khoản 14, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 35 Điều 1 dự thảo Nghị định kèm theo.

5. Nhóm nội dung về tra cứu, cung cấp, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử

Về tra cứu, cung cấp, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử được quy định từ Điều 46 đến Điều 54 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP gồm:

Điều 46. Đối tượng cung cấp thông tin, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử

Điều 47. Hình thức khai thác, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử trên Cổng thông tin điện tử.

Điều 48. Công bố, tra cứu thông tin hóa đơn điện tử.

Điều 49. Đăng ký, bổ sung, chấm dứt sử dụng thông tin hóa đơn điện tử.

Điều 50. Chấm dứt sử dụng các hình thức cung cấp, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử.

Điều 51. Thời hạn cung cấp thông tin hóa đơn điện tử.

Điều 52. Trách nhiệm của Tổng cục Thuế.

Điều 53. Trách nhiệm của bên sử dụng thông tin.

Điều 54. Kinh phí thực hiện.

Vấn đề phát sinh: Thực tế đã có trường hợp bên sử dụng thông tin có văn bản yêu cầu Tổng cục Thuế cung cấp 30 tài khoản để truy cập Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, điều này sẽ làm ảnh hưởng đến việc bảo mật thông tin trên Cổng thông tin điện tử. Do đó, đề xuất sửa đổi, bổ sung các điều khoản quy định về tra cứu, cung cấp, sử dụng thông tin HĐĐT để đảm bảo tính bảo mật thông tin trên Cổng thông tin điện tử, và đồng thời đảm bảo việc truy cập, tra cứu, sử dụng thông tin của bên sử dụng thông tin. Ngoài ra, quy định hiện hành chưa quy định việc cung cấp thông tin cho các cơ quan quản lý nhà nước có hoạt động tổ tụng thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và cơ quan quản lý thuế nước ngoài nên quá trình thực hiện có vướng mắc.

Dự thảo Nghị định gửi xin ý kiến các Bộ, ngành, địa phương đã sửa đổi, bổ sung các Điều nêu trên. Về cơ bản, các ý kiến đều thống nhất với dự thảo Nghị định. Ngoài ra, Bộ GTVT có ý kiến tham gia cụ thể tại Điều 49 (đã được giải trình tại Bản tổng hợp ý kiến).

Các nội dung được sửa đổi, bổ sung từ Điều 46 đến Điều 54 như sau:

(i) Điều 46: Sửa đổi, bổ sung điểm b và bổ sung điểm e vào khoản 2 về các bên sử dụng thông tin hóa đơn điện tử bao gồm: các cơ quan quản lý nhà nước sử dụng thông tin *HĐĐT để phục vụ hoạt động tổ tụng, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán; Cơ quan quản lý thuế nước ngoài phù hợp với điều ước quốc tế về thuế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.*

(ii) Điều 47: Sửa đổi quy định về hình thức khai thác, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử đối với các đối tượng sử dụng thông tin khác nhau: Trường hợp bên sử dụng thông tin là người bán, người mua hàng hóa, dịch vụ thì truy cập vào Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế để tra cứu thông tin; sửa đổi, bổ sung quy định về khai thác, sử dụng thông tin trên Cổng đối với công ty mẹ cần khai thác dữ liệu của các chi nhánh, đơn vị phụ thuộc; bổ sung, quy định trách nhiệm của Tổng cục Thuế, Cục Thuế thực hiện cấp tối đa hai (02) tài khoản khai thác sử dụng thông tin hóa đơn điện tử cho người sử dụng của cơ quan, tổ chức quản lý đồng cấp theo văn bản giữa các bên để tránh tràn lan, để ảnh hưởng đến tính bảo mật thông tin của người nộp thuế.

(iii) Điều 48: Sửa đổi, bổ sung các nội dung thông tin hóa đơn điện tử cơ quan thuế cung cấp phù hợp phương án kỹ thuật đang được triển khai của hệ thống hóa đơn điện tử tại cơ quan thuế. Theo đó, bỏ hình thức cung cấp thông tin qua tin nhắn. Các nội dung về sử dụng hình thức nhắn tin của số điện thoại di động tại các Điều 49, 50, 52 được bỏ tương ứng.

(iv) Bỏ Điều 51 quy định về thời hạn cung cấp thông tin hóa đơn điện tử do việc cung cấp thông tin bằng hình thức cấp tài khoản sử dụng trên Cổng thông tin điện tử về hóa đơn điện tử do người được cấp chủ động thực hiện nên không cần quy định

(v) Điều 53 quy định về trách nhiệm của bên sử dụng thông tin: bổ sung quy định: *các thông tin thu thập từ cơ quan thuế, bên sử dụng thông tin không cung cấp thông tin cho bên thứ ba khi chưa được sự đồng ý của cơ quan thuế cung cấp thông tin hoặc tài khoản nhằm tăng cường bảo mật thông tin của người nộp thuế.*

(vi) Điều 54 quy định về kinh phí thực hiện việc tra cứu, cung cấp, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử. Do Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 không ban hành kèm theo Quy chế, mà nội dung thực hiện được quy định tại ngay Nghị định, do đó, thay từ "*Quy chế*" bằng từ "*Nghị định*" cho chính xác.

Nội dung quy định cụ thể từ khoản 25 đến khoản 33 Điều 1 dự thảo Nghị định kèm theo.

6. Một số nội dung khác

a) Về giải thích từ ngữ (Điều 3)

Tại Điều 3 Nghị định 123/2020/NĐ-CP quy định về giải thích từ ngữ có

13 khoản, giải thích các từ ngữ dùng trong Nghị định này.

Qua quá trình thực hiện phát sinh hai (02) nội dung cần đưa vào quy định tại Nghị định và có năm (05) nội dung cần sửa đổi, bổ sung. Cụ thể;

- Một số từ ngữ cần bổ sung giải thích để hiểu và thực hiện được thống nhất như: *“Hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối chuyên dữ liệu điện tử với cơ quan thuế”, “Máy tính tiền”*.

- Bổ sung làm rõ thêm định nghĩa hóa đơn, chứng từ giả là hóa đơn, chứng từ được lập để nộp thuế cho hàng hóa mua bán thực tế không phải là hàng hóa được ghi trên hóa đơn.

- Liên quan đến hoạt động kinh doanh casino, trò chơi điện tử có thưởng cần bổ sung nội dung giải thích từ ngữ để có cơ sở pháp lý cho chứng từ liên quan đến hoạt động kinh doanh casino, trò chơi điện tử có thưởng;

- Chưa có nội dung quy định về việc hóa đơn, chứng từ điện tử lưu trữ bao lâu thì được tiêu hủy

- Ngoài ra, sửa đổi, bổ sung về câu chữ tại khoản 5, khoản 12 để phù hợp thực tế;

- Bỏ khoản 10 về hủy hóa đơn, chứng từ do không còn nghiệp vụ hủy hóa đơn, chứng từ tại Điều 19, Điều 33 (dự thảo Nghị định bỏ quy định về hủy hóa đơn tại Điều 19 và hủy chứng từ tại Điều 33).

- Bổ sung một khoản giải thích từ ngữ về *Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế về hóa đơn điện tử dành cho người nộp thuế* trên cơ sở quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử quy định về quy trình tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

Nội dung quy định cụ thể tại khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị định kèm theo.

b) Về định dạng hóa đơn điện tử (Điều 12)

Tại Điều 10 bổ sung quy định về nội dung hóa đơn GTGT kiêm tờ khai hoàn thuế. Mẫu hóa đơn GTGT kiêm tờ khai hoàn thuế được quy định tại Thông tư 92/2019/TT-BTC và Nghị định số 123/2020/NĐ-CP đã được quy định. Tuy nhiên khi chuyển sang phương thức điện tử thì phát sinh vướng mắc trong công tác phối hợp luân chuyển chứng từ giữa doanh nghiệp, cơ quan hải quan và NHTM là đại lý hoàn thuế, do đó, cần bổ sung quy định về trách nhiệm của Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan trong việc xây dựng thành phần chứa dữ liệu nghiệp vụ hóa đơn điện tử và phương thức truyền nhận với cơ quan thuế đối với hóa đơn GTGT kiêm tờ khai hoàn thuế.

Khoản 3 Điều 12 được sửa đổi, bổ sung để quy định nội dung trên.

Nội dung quy định cụ thể tại khoản 8 Điều 1 dự thảo Nghị định kèm theo.

c) Về xử lý chuyển tiếp (Điều 60)

Bổ sung tại Điều 60 lộ trình để tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cơ sở kinh doanh thực hiện chuyển đổi áp dụng HĐĐT khởi tạo từ MTT.

Nội dung quy định cụ thể tại khoản 37 Điều 1 dự thảo Nghị định kèm theo.

d) Về trách nhiệm thi hành (Điều 61)

Điều 61 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định trách nhiệm thi hành đối với: (i) Bộ trưởng Bộ Tài chính có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các tỉnh thành phố; (ii) Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và (iii) Chủ tịch UBND các tỉnh, thành phố trong việc thi hành Nghị định này.

Để triển khai thực hiện đối với các nội dung sửa đổi, bổ sung của dự thảo Nghị định, cần sự phối hợp của:

(i) Ngân hàng Nhà nước trong việc chỉ đạo, hướng dẫn các tổ chức tín dụng trong việc kết nối, cung cấp thông tin với cơ quan quản lý thuế liên quan đến giao dịch qua ngân hàng của tổ chức, cá nhân áp dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền.

(ii) UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong việc hỗ trợ các cơ sở kinh doanh trong việc chuyển đổi áp dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền.

Điều 15 Luật Quản lý thuế có quy định nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, trong đó có Bộ Tài chính (quy định tại khoản 1), Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (quy định tại khoản 5) và Điều 20 Luật Quản lý thuế có quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp. Tuy nhiên, chưa có các nội dung cần thiết nêu trên.

Tại khoản 11 Điều 15 Luật Quản lý thuế có quy định:

“11. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tài chính thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về quản lý thuế theo quy định của Chính phủ.”

Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế có quy định về trách nhiệm cung cấp thông tin, công khai thông tin người nộp thuế và nhiệm vụ, quyền hạn của NHTM; cũng chưa có các nội dung cần thiết nêu trên.

Vì vậy, căn cứ quy định tại khoản 11 Điều 15 Luật Quản lý thuế, Điều 61 bổ sung các quy định về trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng dữ liệu hóa đơn thương mại vào hệ thống hóa đơn điện tử của cơ quan thuế.

Nội dung quy định cụ thể tại khoản 38 Điều 1 dự thảo Nghị định kèm theo.

đ) Sửa đổi, bổ sung một số biểu mẫu:

Cùng với việc sửa đổi các Điều nêu trên thì một số biểu mẫu cũng được sửa đổi theo hướng đơn giản, minh bạch, dễ hiểu nhưng vẫn đảm bảo đầy đủ nội dung, thông tin để quản lý theo phương thức điện tử. Cụ thể, sửa đổi, bổ sung các Biểu mẫu sau:

a) Đối với hóa đơn điện tử:

- Nghị định sửa đổi, bổ sung Phiếu tổng hợp doanh thu đối với hoạt động casino, trò chơi điện tử có thưởng nên bổ sung Mẫu 01/TH-DT.

- Do Điều 15, Điều 16 Nghị định sửa đổi bổ sung các thông tin về đại diện theo pháp luật, tên Hộ, cá nhân kinh doanh); Cơ quan thuế hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức, xử lý tài sản công lập hóa đơn trên Cổng thông tin điện tử của CQT; bổ sung thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ, thông tin đơn vị truyền nhận và trường hợp NNT tự tạm ngừng sử dụng HĐĐT nên Sửa đổi Mẫu 01/ĐKTĐ-HĐĐT, Bổ sung Mẫu số 01/TB-NSDHĐ;

- Do Điều 13 sửa đổi, bổ sung việc hóa đơn theo từng lần phát sinh được điều chỉnh, bổ sung và sửa đổi về mã định danh, mã số QHVNS nên Sửa đổi Mẫu 06/ĐN-PSĐT đề nghị cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh: Bổ sung thông tin về mã định danh, mã QHVNS của người đại diện pháp luật cho phù hợp với pháp luật về định danh; mã hồ sơ giúp cơ quan thuế dễ dàng tra cứu. Hóa đơn điện tử theo từng lần phát sinh được điều chỉnh, thay thế do đó, bổ sung các thông tin về các hóa đơn đã được cấp và thông tin cần sửa đổi;

- Do Điều 19 cho phép 1 hóa đơn thay thế/điều chỉnh cho nhiều hóa đơn có sai sót nên Bổ sung Mẫu 01/BK-ĐCTT: bảng kê hóa đơn điều chỉnh, thay thế trong trường hợp người bán đã lập sai nhiều hóa đơn điện tử cho cùng một người mua;

- Ngoài ra sửa đổi mẫu 04/SS-HĐĐT giải thích rõ các trường hợp phải nộp mẫu 04/SS-HĐĐT theo quy định tại Điều 19 (Thông báo hoặc giải trình với CQT); Mẫu số 01/TH-HĐĐT: gộp chung sửa đổi, bổ sung không tách riêng thành 02 trường sửa đổi, hoặc bổ sung do quy định không quy định rõ trường hợp nào là sửa đổi, trường hợp nào là bổ sung, bổ sung thêm các trường tỷ giá, tổng tiền giảm giá, các tổng tiền phí, lệ phí (nếu có).

b) Đối với chứng từ điện tử:

- Bỏ Mẫu 01/ĐKTĐ-BL - Tờ khai đăng ký/thay đổi thông tin sử dụng biên lai và thay thế bằng Mẫu 01/ĐKTĐ-CTĐT - Tờ khai đăng ký/thay đổi thông tin sử dụng chứng từ điện tử;

- Bổ sung Mẫu 04/SS-CTĐT - Thông báo chứng từ điện tử đã lập sai do

chứng từ điện tử được điều chỉnh như hóa đơn điện tử.

- Sửa đổi Mẫu số BC26/BLĐT báo cáo tình hình sử dụng biên lai điện tử, theo đó bổ sung tổng tiền thuế, phí, lệ phí.

c) Sửa đổi, bổ sung các thông báo của CQT:

Do các thay đổi ở trên mà các thông báo của CQT có sự thay đổi tương ứng cụ thể:

- Mẫu 01/TB-TNĐT về việc tiếp nhận/không tiếp nhận tờ khai;

- Mẫu 01/TB-ĐKĐT thông báo về việc chấp nhận/không chấp nhận đăng ký/thay đổi thông tin;

- Mẫu 01/TB-KTT thông báo hết thời gian sử dụng hóa đơn điện tử không thu tiền cho phù hợp với các nội dung sửa đổi tại dự thảo Nghị định.

- Mẫu số 01/TB-NSDHD, Mẫu số 01/TB-NSDHD: Thông báo NNT ngừng sử dụng hóa đơn điện tử, ngừng sử dụng hóa đơn khởi tạo từ máy tính tiền.

Dự thảo lấy ý kiến có gửi các Mẫu biểu sửa đổi, bổ sung.

VI. VỀ VIỆC TIẾP THU VÀ GIẢI TRÌNH Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA BỘ TƯ PHÁP

(Tiếp thu sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp).

VII. NHỮNG VẤN ĐỀ CÒN CÓ Ý KIẾN KHÁC NHAU

Về cơ bản, Bộ Tài chính tiếp thu các ý kiến góp ý của các Bộ, ngành, địa phương, tổ chức và doanh nghiệp đối với dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP và đã hoàn thiện, chỉnh lý các nội dung như đã nêu tại khoản 5 Tờ trình này. Tuy nhiên vẫn còn một số vấn đề còn có ý kiến khác nhau, cụ thể như sau:

(1) Về thời điểm lập hóa đơn hoạt động kinh doanh xổ số.

(2) Về thời điểm lập hóa đơn hoạt động casino, trò chơi điện tử có thưởng.

(3) Thời điểm lập hóa đơn hoạt động cho vay của ngân hàng.

VIII. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ ĐỊNH

Sau khi Nghị định sửa đổi được ban hành, Bộ Tài chính sẽ tập trung nguồn lực thực hiện các công việc sau:

- Có văn bản giới thiệu nội dung mới của Nghị định sửa đổi;

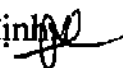
- Giao Tổng cục Thuế/các Cục thuế tổ chức các Hội nghị tuyên truyền, phổ biến đến người nộp thuế đồng thời giải đáp các thắc mắc;

- Ban hành Quy trình quản lý hóa đơn, biên lai điện tử phù hợp với nội dung Nghị định sửa đổi;

- Sửa đổi, bổ sung ứng dụng quản lý hóa đơn điện tử phù hợp với nội dung Nghị định sửa đổi;

Về hiệu lực thi hành: Bộ Tài chính đề xuất Nghị định sửa đổi có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký.

Trên đây là nội dung của dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ.

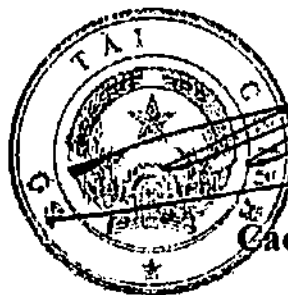
Bộ Tài chính trình Chính phủ xem xét, quyết định 

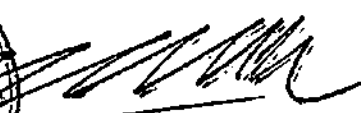
(Xin trình kèm: Dự thảo Nghị định; Báo cáo đánh giá tác động dự thảo Nghị định; Báo cáo về rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Nghị định; Bản giải trình chi tiết nội dung sửa đổi, bổ sung; Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý; Bản chụp ý kiến góp ý của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Báo cáo đánh giá tác động).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, TCT (VP, CS).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**




Cao Anh Tuấn

Số: 156/BC-BTC

Hà Nội, ngày 7 tháng 6 năm 2024

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH
(Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 123/2020/NĐ-CP
ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ)

Kính gửi: Chính phủ
(Tài liệu phục vụ gửi Bộ Tư pháp thẩm định)

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẤT CẬP TỔNG QUAN

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ thời gian qua đã tạo cơ sở pháp lý để quản lý hóa đơn, đặc biệt là hóa đơn điện tử (HĐĐT) đã mang lại thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp.

Nghị định số 123/2020/NĐ-CP được đánh giá có ý nghĩa quan trọng trong việc chuyển đổi phương thức quản lý thuế, sử dụng hóa đơn điện tử, giúp tiết kiệm chi phí cho doanh nghiệp và xã hội. Sử dụng HĐĐT giúp giảm chi phí hơn so với sử dụng hóa đơn giấy; giảm chi phí giấy, mực in, vận chuyển, lưu trữ hóa đơn, không gian lưu trữ hóa đơn,...; giảm chi phí tuân thủ thủ tục hành chính thuế; khắc phục rủi ro làm mất, hỏng, cháy khi sử dụng hóa đơn giấy.

Ngoài ra, việc sử dụng HĐĐT giúp cơ quan thuế xây dựng cơ sở dữ liệu về hóa đơn; góp phần ngăn chặn kịp thời hóa đơn của các doanh nghiệp bỏ trốn; ngăn chặn tình trạng gian lận, trốn thuế.

Cùng với việc triển khai thành công hệ thống HĐĐT, ngành thuế đang tiếp tục triển khai trên diện rộng hệ thống HĐĐT có mã của cơ quan thuế khởi tạo từ máy tính tiền. HĐĐT khởi tạo từ máy tính tiền giúp người bán chủ động trong việc lập hóa đơn khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; xử lý vướng mắc về độ trễ giữa thời điểm thanh toán và thời điểm lập hóa đơn, đồng thời người mua có thể nhận HĐĐT ngay khi thanh toán, tạo điều kiện cho người tiêu dùng có hóa đơn tham gia dự thưởng chương trình "Hóa đơn may mắn".

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, Nghị định số 123/2020/NĐ-CP còn một số điểm quy định chưa rõ gây bất cập, vướng mắc, cần có quy định sửa đổi,

bổ sung. Ngoài ra, thời gian qua đã phát sinh một số vụ án mua bán hóa đơn lớn đòi hỏi ngành thuế cần phải có giải pháp quản lý người nộp thuế ngay từ khâu đăng ký sử dụng hóa đơn và trong quá trình sử dụng hóa đơn điện tử.

Vì vậy, cần thiết phải sửa đổi, bổ sung Nghị định số 123/2020/NĐ-CP để tháo gỡ vướng mắc triệt để những vướng mắc trong triển khai HĐĐT; đồng thời xây dựng chính sách khách quan, minh bạch, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, người dân cũng như công tác quản lý thuế.

2. Mục tiêu xây dựng chính sách

a) Mục tiêu tổng thể

- Tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp trong quá trình sử dụng hóa đơn, chứng từ điện tử, cải cách thủ tục hành chính.
- Bổ sung giải pháp ngăn ngừa và hạn chế gian lận về sử dụng HĐĐT.
- Hoàn thiện cơ sở pháp lý để vận hành và áp dụng có hiệu quả các quy định về HĐĐT, góp phần hình thành cơ sở dữ liệu quản lý hóa đơn của ngành thuế trên cơ sở ứng dụng công nghệ quản lý thuế hiện đại; góp phần xây dựng cơ quan thuế điện tử, phục vụ việc xây dựng Chính phủ điện tử.
- Đảm bảo phù hợp quy định Luật Quản lý thuế, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

b) Mục tiêu cụ thể

- Nghiên cứu sửa đổi bất cập trong quy định hiện hành để đảm bảo minh bạch, tạo thuận lợi cho người nộp thuế, các tổ chức trong việc sử dụng hóa đơn, chứng từ điện tử.
- Bổ sung giải pháp nhằm phòng ngừa, hạn chế gian lận khi doanh nghiệp đăng ký sử dụng hóa đơn và trong quá trình sử dụng HĐĐT.
- Bổ sung quy định về trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử;
- Kế thừa và phát triển các kết quả đạt được từ việc thực hiện các quy định về quản lý HĐĐT trong thời gian qua.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

1. Nhóm nội dung liên quan đến người nộp thuế nhằm quy định minh bạch, tạo thuận lợi cho người nộp thuế, đơn giản hóa thủ tục thực hiện.

1.1. Xác định vấn đề bất cập

Qua quá trình thực hiện, Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 thể hiện những bất cập về các quy định liên quan đến người nộp thuế như sau:

a) Về nguyên tắc lập quản lý, sử dụng hóa đơn, chứng từ:

Tại Điều 4 Nghị định 123/2020/NĐ-CP cần sửa đổi, bổ sung một số quy định về nguyên tắc lập hóa đơn một số trường hợp như:

(i) Nghị định hiện hành chưa có quy định nguyên tắc lập hóa đơn đối với các trường hợp lập hóa đơn điều chỉnh, thay thế;

(ii) Cần sửa đổi, bổ sung nguyên tắc lập chứng từ khấu trừ thuế TNCN để đảm bảo quyền lợi của cá nhân, tránh trường hợp tổ chức trả thu nhập khấu trừ thuế của cá nhân nhưng không cấp chứng từ khấu trừ thuế TNCN;

(iii) Căn cứ quy định Tại khoản 6 Điều 4, khoản 4 Điều 5 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 quy định các biện pháp quản lý thuế trong đó có biện pháp quản lý thuế gián tiếp thông qua sự giám sát của người tiêu dùng. Việc triển khai hoá đơn may mắn phù hợp với thông lệ quốc tế góp phần thúc đẩy người mua hàng lấy hoá đơn khi mua hàng hoá dịch vụ, qua đó, tạo áp lực lên người bán hàng phải xuất hoá đơn đúng quy định, góp phần tạo lập môi trường kinh doanh bình đẳng, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Ngoài ra, cơ sở dữ liệu về hóa đơn điện tử cũng có thể được sử dụng để người bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ để thực hiện các chương trình khuyến mại theo quy định của pháp luật thương mại.

Do đó, cần bổ sung nội dung về việc sử dụng cơ sở dữ liệu về hóa đơn điện tử để thực hiện các biện pháp khuyến khích người tiêu dùng lấy hóa đơn khi mua hàng hóa, dịch vụ;

(iv) Cần có chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho các trường hợp kinh doanh thương mại điện tử có thể thực hiện xuất hóa đơn điện tử cho người mua, đặc biệt là các cá nhân chỉ kinh doanh trên Sàn không có địa điểm kinh doanh cố định, cá nhân nước ngoài không cư trú tại Việt Nam bán hàng hóa vào thị trường Việt Nam thông qua sàn giao dịch thương mại điện tử;

(v) UBND tỉnh Quảng Ninh phản ánh vướng mắc trong việc tích hợp thu phí thăm quan Vịnh Hạ Long và thu tiền dịch vụ cảng. Cụ thể, khách du lịch khi đi thăm quan Vịnh Hạ Long thì phải qua các cầu cảng để xuống tàu thăm Vịnh, theo đó Ban Quản lý Vịnh Hạ Long thực hiện thu phí tham quan Vịnh Hạ Long (mức thu 125.000 đồng/lần/người), các cầu cảng do Công ty là đơn vị đầu tư xây dựng thực hiện thu tiền dịch vụ qua cảng (mức giá 20.000 đồng/lượt đi và về/hành khách). Ban Quản lý Vịnh Hạ Long là đầu mối thực hiện thu tiền của khách tham quan bao gồm: phí thăm quan Vịnh Hạ Long và dịch vụ hành khách qua cảng theo mẫu vé điện tử cũng đang gồm 02 phần (phần vé thu phí thăm quan Vịnh Hạ Long nộp NSNN và phần vé thu dịch vụ hành khách qua cảng nộp thuế GTGT).

Do đó, để cải cách thủ tục hành chính, đồng thời để giảm cho phí cho 01 người mua/ sử dụng dịch vụ thì cần có quy định về việc lập biên lai thu phí và

hóa đơn điện tử trên cùng một định dạng điện tử.

(vi) Liên quan hoạt động kinh doanh casino, trò chơi điện tử có thưởng cần bổ sung nguyên tắc sử dụng chứng từ điện tử.

b) Về hành vi bị cấm trong lĩnh vực hóa đơn, chứng từ;

Tại Điều 5 Nghị định 123/2020/NĐ-CP về hành vi bị cấm trong lĩnh vực hóa đơn, chứng từ gồm 02 khoản quy định hành vi bị cấm đối với công chức thuế (khoản 1) và đối với tổ chức, cá nhân bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ tổ chức, cá nhân có quyền, nghĩa vụ liên quan (khoản 2).

Khoản 1 Điều 5 Nghị định hiện hành chưa có quy định trường hợp chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử về cơ quan thuế không theo quy định là hành vi bị cấm đối với công chức thuế. Tại Điều 30 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 đã có quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn có quy định về xử phạt hành vi vi phạm quy định về chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử. Do đó, tại khoản 1 Điều 5 cần bổ sung trường hợp *“Không chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử về cơ quan thuế theo quy định”*. Đồng thời bổ sung hành vi *“làm giả hóa đơn, chứng từ để thực hiện hành vi trái pháp luật”* là hành vi trái pháp luật.

c) Về loại hóa đơn:

Trong quá trình thực hiện Nghị định số 123/2020/NĐ-CP phát sinh một số vướng mắc về loại hóa đơn như sau:

(i) Tại Điều 26 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/05/2022 của Chính phủ quy định riêng áp dụng đối với khu chế xuất, doanh nghiệp chế xuất (DNCX) cho phép DNCX ngoài hoạt động chế xuất còn được thực hiện: (i) bán, thanh lý vào thị trường nội địa tài sản đã qua sử dụng và các hàng hóa theo quy định của pháp luật về đầu tư và quy định khác của pháp luật có liên quan; (ii) các hoạt động kinh doanh khác theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan; (iii) bán hàng hóa vào thị trường nội địa. Nghị định số 123/2020/NĐ-CP chỉ có quy định về việc tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan (trong đó có DNCX) sử dụng loại hóa đơn bán hàng, loại *“Dành cho tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan”*, chưa có quy định về loại hóa đơn khi DNCX có hoạt động khác ngoài hoạt động chế xuất mà Nghị định số 35/2022/NĐ-CP đã quy định.

(ii) Trong quá trình thực hiện Nghị định 123/2020/NĐ-CP, một số doanh nghiệp nêu vướng mắc về việc thực tế các doanh nghiệp đang phải sử dụng hai loại hóa đơn khi xuất khẩu hàng hóa: (1) hóa đơn thương mại (là loại hóa đơn được lập theo thông lệ quốc tế và thuộc thành phần hồ sơ khai hải quan theo quy định của pháp luật hải quan); (2) hóa đơn bán hàng/hóa đơn GTGT điện tử (là loại hóa đơn đăng ký sử dụng với cơ quan thuế và chuyển dữ liệu cho cơ quan thuế), trong khi trước đây doanh nghiệp chỉ sử dụng hóa đơn thương mại. Do đó,

doanh nghiệp để xuất sử dụng 01 loại hóa đơn khi xuất khẩu hàng hóa.

(iii) Cần sửa đổi, bổ sung quy định về loại hóa đơn điện tử bán tài sản công để phù hợp với quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các Nghị định quy định thi hành.

d) Về thời điểm lập hóa đơn:

Qua thời gian triển khai thực hiện có phát sinh một số trường hợp có tính chất đặc thù cần có quy định cụ thể như các trường hợp đã được quy định tại khoản 4 Điều 9 như: hàng hóa xuất khẩu, dịch vụ ngân hàng, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường sắt, dịch vụ quảng cáo truyền hình, chuyển tiền quốc tế, chứng khoán, xổ số điện toán, thu phí sử dụng đường bộ giữa các nhà đầu tư và nhà cung cấp dịch vụ thu phí, dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, kinh doanh vé xổ số, hoạt động kinh doanh casino, trò chơi điện tử có thưởng. Hoạt động cho vay, hoạt động đại lý đối ngoại tệ, cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế của tổ chức tín dụng cần có quy định cụ thể về thời điểm lập hóa đơn. Quy định lập hóa đơn của cơ sở kinh doanh thương mại bán lẻ, ăn uống cần được rà soát phù hợp với việc triển khai HĐĐT từ máy tính tiền có kết nối chuyên dữ liệu điện tử với cơ quan thuế. Quy định về thời điểm lập hóa đơn hoạt động bán khí thiên nhiên, khí đồng hành, khí than được chuyển bằng đường ống dẫn khí đến người mua tại Nghị định hiện hành chưa phù hợp với thực tế phát sinh. Thời điểm lập hóa đơn đối với cơ sở y tế kinh doanh dịch vụ khám chữa bệnh khi thanh, quyết toán với bảo hiểm xã hội cần được rà soát để phù hợp Luật Bảo hiểm xã hội.

đ) Về nội dung hóa đơn

Qua quá trình thực hiện phát sinh các vướng mắc cần quy định rõ về số định danh cá nhân người mua và mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách trên hóa đơn; nội dung hóa đơn của các hoạt động: kinh doanh vận tải, hoạt động cung cấp dịch vụ vận tải hàng hóa trên nền tảng số, hoạt động thương mại điện tử, kinh doanh ăn uống, nhà hàng, trường hợp khuyến mại hàng hóa, dịch vụ, dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, hoạt động kinh doanh casino, trò chơi điện tử có thưởng; quy định xử lý trường hợp thời điểm ký số và thời lập trên hóa đơn khác nhau.

Ngoài ra, tại điểm a Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP quy định về tên hoá đơn, trong đó có “HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG KIỂM TỜ KHAI HOÀN THUẾ”, tuy nhiên Nghị định số 123/2020/NĐ-CP chưa quy định các nội dung của hóa đơn kiểm tờ khai hoàn thuế GTGT. Thực tế các đơn vị đang dùng mẫu hóa đơn GTGT kiểm tờ khai hoàn thuế theo Thông tư 92/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về hóa đơn GTGT kiểm tờ khai hoàn thuế (mẫu hóa đơn gồm 3 phần: Phần A: Do cửa hàng ghi, Phần B: Dành cho cơ quan hải quan, Phần C: Dành cho ngân hàng thương mại là đại lý hoàn

thuế) khi chuyển đổi sang sử dụng hóa đơn điện tử theo Nghị định số 123/2020/NĐ-CP.

e) Về hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền.

Nghị định số 123/2020/NĐ-CP quy định về Hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế chỉ quy định nguyên tắc, chưa quy định rõ trường hợp áp dụng (các nhóm ngành, nghề) cũng như nội dung HĐĐT từ máy tính tiền.

g) Về áp dụng hóa đơn điện tử

Quá trình thực hiện phát sinh trường hợp doanh nghiệp đang làm thủ tục phá sản nhưng vẫn hoạt động kinh doanh dưới sự giám sát của Tòa án theo quy định pháp luật phá sản cần đưa vào diện cấp hóa đơn theo từng lần phát sinh để cơ quan thuế kiểm soát, quản lý; chưa có quy định về cấp hóa đơn theo từng lần phát sinh đối với trường hợp bên mua bất động sản mà trong hợp đồng chuyển nhượng bất động sản có thỏa thuận bên mua chịu trách nhiệm khai thay, nộp thay như người nộp thuế theo quy định tại điểm g khoản 5 Điều 7 Nghị định 126/2020/NĐ-CP và bên bán không còn tồn tại; chưa có quy định cấp hóa đơn đối với doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thuộc diện ngừng sử dụng hóa đơn điện tử trong thời gian giải trình hoặc bổ sung tài liệu (quy định tại Điều 16); chưa quy định rõ việc khai, nộp thuế khi cơ quan thuế cấp hóa đơn, xử lý hóa đơn điện tử do cơ quan thuế cấp sau đó phát hiện bị sai; cần quy định và áp dụng hóa đơn điện tử trường hợp điều chuyển tài sản từ công ty mẹ đến các đơn vị hạch toán phụ thuộc và ngược lại.

h) Về xử lý hóa đơn điện tử đã lập

Điều 19 chưa có quy định lập 01 hóa đơn để điều chỉnh/thay thế cho nhiều hóa đơn đã lập sai của cùng người mua; chưa có quy định xử lý hóa đơn điện tử đã lập nhưng không sai trong một số trường hợp: hóa đơn điện tử đã lập nhưng khi thanh toán thực tế hoặc khi quyết toán có sự thay đổi về giá trị, khối lượng; trả lại hàng hóa, chấm dứt toàn bộ hoặc một phần việc cung cấp dịch vụ (được hướng dẫn tại Thông tư số 78/2021/TT-BTC); kê khai hóa đơn điều chỉnh/thay thế.

Ngoài ra, thực tế phát sinh trường hợp người mua, người bán đã kê khai thuế, sau đó người bán tự ý hủy hoặc điều chỉnh/thay thế hóa đơn nhưng không có thỏa thuận, không thông báo cho người mua, gây ảnh hưởng đến quyền lợi người mua.

1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Tháo gỡ các vướng mắc của người nộp thuế trong quá trình lập hóa đơn, xử lý hóa đơn đã lập.

- Đưa ra các giải pháp ngăn ngừa và hạn chế gian lận về sử dụng HĐĐT, giảm thủ tục hành chính và giảm khối lượng công việc của cán bộ thuế

1.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

(i) Đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều 4 các nội dung:

Về nguyên tắc lập hóa đơn: Cơ bản giữ như quy định tại Nghị định hiện hành và bổ sung *"các trường hợp lập hóa đơn điều chỉnh hoặc thay thế theo quy định tại Điều 19 Nghị định này"*.

Sửa đổi, bổ sung nguyên tắc lập chứng từ khấu trừ thuế, biên lai thu thuế, phí, lệ phí tại khoản 2 theo hướng cá nhân có quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân trả thu nhập cấp chứng từ khấu trừ thuế cho mỗi lần khấu trừ thuế hoặc cấp một chứng từ khấu trừ cho nhiều lần khấu trừ thuế; đồng thời thay *"kỳ"* tính thuế bằng *"năm"* tính thuế để giảm thủ tục khi cấp chứng từ thuế TNCN.

Hoàn thiện câu chữ quy định về các đối tượng phải đăng ký sử dụng hóa đơn, chứng từ tại khoản 3. Thay cụm từ *"biên lai"* bằng *"chứng từ"* để bao quát; dùng thống nhất cụm từ *"hộ kinh doanh"*; bổ sung cụm từ *"tổ chức, cá nhân khấu trừ thuế thu nhập cá nhân"* cho đầy đủ.

Bổ sung tại khoản 6 quy định về sử dụng cơ sở dữ liệu về hóa đơn điện tử để thực hiện các biện pháp khuyến khích người tiêu dùng lấy hóa đơn khi mua hàng hóa, dịch vụ.

Sửa đổi, bổ sung khoản 7 quy định cho phép trường hợp cá nhân kinh doanh trên sàn giao dịch thương mại điện tử nếu đã ủy quyền cho chủ sở hữu sàn khai thuế theo quy định tại Nghị định 91/2022/NĐ-CP thì có thể ủy quyền cho sàn lập hóa đơn giao cho người mua.

Bổ sung khoản 9 quy định hóa đơn điện tử tích hợp biên lai thu phí trên cùng một định dạng điện tử.

Bổ sung khoản 10 quy định về nguyên tắc lập chứng từ điện tử hoạt động kinh doanh casino, trò chơi điện tử có thưởng.

(ii) Đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều 5 các nội dung:

Bổ sung hành vi *"làm giả hóa đơn, chứng từ để thực hiện hành vi trái pháp luật"* và *"không chuyển dữ liệu điện tử về cơ quan thuế theo quy định"* là hành vi trái pháp luật.

(iii) Đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều 8 các nội dung:

Bổ sung quy định về loại hóa đơn khi DNCX có hoạt động khác ngoài hoạt động chế xuất.

Bổ sung quy định về hóa đơn thương mại điện tử khi xuất khẩu hàng hóa, cung cấp dịch vụ ra nước ngoài.

Hoàn thiện quy định về hóa đơn bán tài sản công để phù hợp với quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các Nghị định quy định thi hành.

(iv) Đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều 9 các nội dung

Bổ sung tại khoản 1 quy định về thời điểm lập hóa đơn đối với hàng hóa xuất khẩu theo 02 trường hợp:

- Trường hợp người bán đáp ứng điều kiện chuyển dữ liệu hóa đơn thương mại bằng phương thức điện tử đến cơ quan thuế thì thời điểm lập hóa đơn thương mại điện tử do người bán tự xác định nhưng chậm nhất không quá ngày làm việc tiếp theo kể từ ngày hàng hóa được thông quan theo quy định pháp luật về hải quan và chuyển dữ liệu hóa đơn thương mại điện tử đến cơ quan thuế.

- Trường hợp người bán không đáp ứng điều kiện chuyển dữ liệu hóa đơn thương mại bằng phương thức điện tử đến cơ quan thuế thì thời điểm lập hóa đơn giá trị gia tăng điện tử do người bán tự xác định nhưng chậm nhất không quá ngày làm việc tiếp theo kể từ ngày hàng hóa được thông quan theo quy định pháp luật về hải quan.

Thời điểm lập hóa đơn đối với dịch vụ (*quy định tại khoản 2*) vẫn giữ như hiện hành và có bổ sung câu chữ thể hiện việc lập hóa đơn đối với dịch vụ bao gồm cả cung cấp cho tổ chức, cá nhân nước ngoài.

Bổ sung tại khoản 4 các trường hợp:

- Tại điểm a bổ sung: *dịch vụ ngân hàng (trừ hoạt động cho vay), dịch vụ quảng cáo truyền hình, chuyển tiền quốc tế, chứng khoán, xổ số điện toán, cung cấp dịch vụ hỗ trợ vận tải đường sắt, thu phí sử dụng đường bộ giữa nhà đầu tư và nhà cung cấp dịch vụ thu phí* thuộc trường hợp bán hàng hóa, dịch vụ với số lượng lớn, phát sinh thường xuyên, cần có thời gian đối soát số liệu giữa doanh nghiệp và khách hàng là thời điểm hoàn thành việc đối soát dữ liệu giữa các bên nhưng chậm nhất không quá ngày 07 của tháng sau tháng phát sinh việc cung cấp dịch vụ hoặc không quá 07 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ quy ước.

- Sửa đổi, bổ sung điểm e thời điểm lập hóa đơn hoạt động bán khí thiên nhiên, khí đồng hành, khí than được chuyển bằng đường ống dẫn khí đến người mua ***là thời điểm bên mua, bên bán xác định khối lượng khí giao của tháng nhưng chậm nhất là ngày cuối cùng của thời hạn kê khai, nộp thuế đối với tháng phát sinh nghĩa vụ thuế theo quy định pháp luật về thuế*** để phù hợp với quy định tại điểm h khoản 4 Điều 9 Nghị định về thời điểm lập hóa đơn đối với bán điện của các công ty phát điện và tránh phụ thuộc vào thời điểm lập thông báo theo chủ quan của doanh nghiệp như quy định hiện hành (là thời điểm bên mua, bên bán xác định khối lượng khí giao hàng tháng nhưng chậm nhất không quá 07 ngày kế tiếp kể từ ngày bên bán gửi thông báo lượng khí giao hàng tháng).

- Bỏ điểm g khoản 4 về thời điểm lập hóa đơn đối với hoạt động kinh doanh bán lẻ có sử dụng máy tính tiền nhưng chưa đáp ứng điều kiện kết nối với cơ quan thuế do căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 90 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 có quy định về nguyên tắc lập hoá đơn điện tử. Do đó, cần bỏ quy định này để đáp ứng việc thực hiện xuất hoá đơn theo từng giao dịch đúng quy định của pháp luật và phù hợp với đối tượng áp dụng hóa đơn điện tử từ máy tính tiền.

- Điểm l (được sửa đổi thành điểm k) bổ sung quy định thời điểm lập hóa đơn các trường hợp:

+ Bỏ nội dung quy định thời điểm lập hóa đơn trường hợp cung cấp dịch vụ ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, dịch vụ chuyển tiền qua ví điện tử, dịch vụ ngừng và cấp điện trở lại của đơn vị phân phối điện cho người mua là cá nhân không kinh doanh (hoặc cá nhân kinh doanh) nhưng không có nhu cầu lấy hóa đơn tại Nghị định hiện hành.

+ Bổ sung quy định thời điểm lập hóa đơn hoạt động cho vay xác định theo kỳ hạn thu lãi tại hợp đồng tín dụng giữa tổ chức tín dụng và khách hàng đi vay.

+ Bổ sung quy định thời điểm lập hóa đơn hoạt động đại lý đối ngoại tệ, hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ: thời điểm lập hóa đơn là thời điểm đối ngoại tệ, thời điểm hoàn thành dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ.

+ Bổ sung tại khoản n (được sửa đổi thành khoản m) quy định về thời điểm lập hóa đơn đối với cơ sở y tế kinh doanh dịch vụ khám chữa bệnh khi thanh, quyết toán với BHXH cho phù hợp với Luật Bảo hiểm xã hội.

+ Bổ sung điểm o quy định thời điểm lập hóa đơn hoạt động kinh doanh bảo hiểm là thời điểm ghi nhận doanh thu bảo hiểm theo quy định pháp luật về kinh doanh bảo hiểm.

+ Bổ sung điểm p quy định thời điểm lập hóa đơn hoạt động kinh doanh vé xổ số truyền thống, xổ số biết kết quả ngay: sau khi thu hồi vé xổ số không tiêu thụ hết và chậm nhất là trước khi mở thưởng của kỳ tiếp theo thì doanh nghiệp lập 01 hóa đơn GTGT điện tử có mã của CQT cho từng đại lý.

+ Bổ sung điểm q thời điểm lập hóa đơn hoạt động kinh doanh casino, trò chơi điện tử có thưởng: doanh nghiệp kinh doanh casino, trò chơi điện tử có thưởng căn cứ vào tổng doanh thu thu được trên Mẫu số 01/TH-DT để lập hóa đơn chậm nhất là một (01) ngày kể từ thời điểm kết thúc ngày xác định doanh thu đồng thời chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử đến cơ quan thuế trong ngày lập hóa đơn.

(v) Đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều 10 các nội dung:

Tại khoản 5 bổ sung số định danh cá nhân của người mua, mã số đơn vị

có quan hệ với ngân sách và quy định trường hợp người mua cung cấp mã số thuế, số định danh cá nhân thì trên hóa đơn phải thể hiện mã số thuế, mã số định danh người mua.

Bổ sung tại khoản 6 (Tên, đơn vị tính, số lượng, đơn giá hàng hóa, dịch vụ...) gồm: (1) Bổ sung ví dụ thể hiện tên hàng hóa, dịch vụ trên hóa đơn đối với kinh doanh ăn uống, vận tải; (2) Bổ sung nội dung trên hóa đơn trong trường hợp kinh doanh vận tải phải thể hiện biển kiểm soát phương tiện vận tải, hành trình (điểm đi-điểm đến); (3) Bổ sung nội dung trên hóa đơn trong trường hợp cung cấp dịch vụ vận tải hàng hóa trên nền tảng số, hoạt động thương mại điện tử để phục vụ quản lý thuế thương mại điện tử phải thể hiện tên hàng hóa vận chuyển, thông tin tên, địa chỉ, mã số thuế hoặc số định danh người gửi hàng; (4) Bổ sung quy định được lập hóa đơn tổng trường hợp khuyến mại theo quy định pháp luật về thương mại, cho, biếu, tặng hàng hóa phù hợp quy định pháp luật.

Sửa đổi quy định tại khoản 9 về thời điểm lập hóa đơn và thời điểm ký số trên hóa đơn trong trường hợp thời điểm lập và thời điểm ký số khác nhau.

Bổ sung điểm 1 khoản 14 quy định nội dung hóa đơn điện tử hoạt động kinh doanh casino, trò chơi điện tử có thưởng.

Bổ sung khoản 17 quy định về hóa đơn GTGT kiêm tờ khai hoàn thuế.

(vi) Đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều 11 các nội dung:

Sửa đổi, bổ sung quy định đối tượng áp dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền và nội dung trên hóa đơn khởi tạo từ máy tính tiền để thống nhất thực hiện.

(vii) Đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều 13 các nội dung:

Bổ sung trường hợp được cấp HĐĐT lẻ theo từng lần phát sinh gồm:

- Doanh nghiệp đang làm thủ tục phá sản nhưng vẫn có hoạt động kinh doanh dưới sự giám sát của Tòa án được sử dụng hóa đơn bán hàng/ hóa đơn GTGT theo từng lần phát sinh;

- Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác thuộc diện ngừng sử dụng hóa đơn điện tử trong thời gian giải trình hoặc bổ sung tài liệu thì được cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh là hóa đơn bán hàng/hóa đơn GTGT; đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh cấp hóa đơn bán hàng.

- Cấp hóa đơn cho bên mua trong trường hợp bên mua bất động sản mà trong hợp đồng chuyển nhượng bất động sản có thỏa thuận bên mua chịu trách nhiệm khai thay, nộp thay như người nộp thuế theo quy định tại điểm g khoản 5 Điều 7 Nghị định 126/2020/NĐ-CP và bên bán không còn tồn tại.

Bổ sung quy định về khai, nộp thuế khi cấp hóa đơn từng lần phát sinh và

quy định điều chỉnh hoặc thay thế hóa đơn cấp từng lần phát sinh bị lập sai

(viii) Đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều 19 các nội dung:

Sửa tên Điều 19 từ “*Xử lý hóa đơn có sai sót*” thành “*Thay thế, điều chỉnh hóa đơn điện tử*” để bao quát các trường hợp cần điều chỉnh hoặc thay thế hóa đơn đã lập bao gồm các trường hợp lập sau và trường hợp không phải do lập sai.

Bỏ quy định về hủy hóa đơn tại khoản 1, theo đó, hóa đơn đã lập sẽ được điều chỉnh hoặc thay thế.

Bổ sung quy định khi điều chỉnh/ thay thế hóa đơn, người bán, người mua phải có văn bản thỏa thuận ghi rõ nội dung sai.

Bổ sung quy định lập 01 hóa đơn để thay thế/ điều chỉnh cho nhiều hóa đơn đã lập sai trong cùng tháng của cùng 01 người mua.

Bổ sung 01 khoản (khoản 4) quy định các trường hợp lập hóa đơn điều chỉnh trong một số trường hợp (mà không phải do lập sai).

Bổ sung 01 khoản (khoản 5) quy định về áp dụng hóa đơn điện tử điều chỉnh, thay thế, theo đó, đưa một số hướng dẫn tại Điều 7 Thông tư số 78/2021/TT-BTC lên Nghị định và bổ sung quy định khai hóa đơn điều chỉnh/ thay thế.

1.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan.

- Tác động về kinh tế: Các nội dung sửa đổi, bổ sung không làm phát sinh thêm chi phí tuân thủ của người nộp thuế.

- Tác động về xã hội: Quy định sửa đổi, bổ sung không làm cản trở hoạt động của tổ chức, cá nhân người nộp thuế; tạo thuận lợi cho người nộp thuế và phục vụ công tác quản lý của cơ quan thuế; hạn chế gian lận trong quá trình sử dụng hóa đơn.

- Tác động về giới: Nội dung chính sách không có tác động về giới.

- Tác động của thủ tục hành chính: Sửa đổi TTHC: Xử lý hóa đơn điện tử có sai sót (*Báo cáo đánh giá tác động về TTHC gửi kèm*).

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Quy định sửa đổi, bổ sung đảm bảo thống nhất đồng bộ với Luật Quản lý thuế, Luật Thuế GTGT và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan.

2. Nhóm nội dung liên quan giải pháp của cơ quan thuế nhằm tăng cường công tác quản lý thuế, chống gian lận trong sử dụng hóa đơn điện tử

2.1. Xác định vấn đề bất cập

Hiện hành tại Điều 15 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP quy định về việc đăng ký, thay đổi nội dung đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử gồm 06 khoản.

Thực tế áp dụng HĐĐT thời gian qua phát sinh trường hợp do việc đăng ký thành lập doanh nghiệp quá dễ dàng nên một số đối tượng lợi dụng để thành lập doanh nghiệp không có hoạt động sản xuất, kinh doanh mà chỉ lấy pháp nhân sau đó đăng ký sử dụng HĐĐT và thực hiện hành vi bán khống HĐĐT. Qua rà soát dữ liệu HĐĐT trong công tác quản lý thuế, cơ quan thuế đã phát hiện một số trường hợp xuất HĐĐT với doanh số lớn “đột biến”. Ngoài ra, cơ quan cảnh sát điều tra tại một số tỉnh cũng đã thực hiện điều tra một số vụ án liên quan đến thành lập doanh nghiệp để thực hiện mua, bán hóa đơn điện tử không hợp pháp. Do đó, để phòng chống gian lận trong việc thành lập doanh nghiệp nhằm mục đích mua bán hóa đơn điện tử, dự thảo Nghị định bổ sung quy định xác định nhân thân của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, xác minh người nộp thuế có hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký trong trường hợp người nộp thuế rủi ro cao về thuế khi đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử trên cơ sở tiếp thu kiến nghị của UBND tỉnh Quảng Trị tại Phụ lục kết quả rà soát theo Nghị quyết số 101/2023/QH15 do Bộ Tư pháp gửi kèm công văn số 4106/BTP-KTrVB ngày 05/9/2023.

Qua rà soát, theo quy định tại khoản 3 và khoản 8, điều 3, Nghị định số 59/2022/NĐ-CP Quy định về định danh và xác thực điện tử: “*Định danh điện tử*” là hoạt động đăng ký, đối soát, tạo lập và gắn danh tính điện tử với chủ thể danh tính điện tử; “*Xác thực điện tử*” là hoạt động xác nhận, khẳng định thông tin gắn với chủ thể danh tính điện tử thông qua việc khai thác, đối chiếu thông tin của chủ thể danh tính điện tử đó trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân, Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh, cơ sở dữ liệu khác và hệ thống định danh và xác thực điện tử hoặc xác thực tài khoản định danh điện tử do hệ thống định danh và xác thực điện tử tạo lập qua tổ chức cung cấp dịch vụ xác thực điện tử để khẳng định giá trị sử dụng của tài khoản định danh điện tử đó.

Tại khoản 5 Điều 3, Nghị định 59/2022/NĐ-CP cũng quy định: Bộ Công an xây dựng, quản lý hệ thống định danh và xác thực điện tử để thực hiện đăng ký, tạo lập, quản lý tài khoản định danh điện tử và thực hiện xác thực điện tử. Các phương tiện xác thực quy định tại Nghị định gồm các yếu tố sau: mật khẩu; mã bí mật; mã vạch hai chiều; thiết bị đầu cuối; thiết bị hoặc phần mềm mật khẩu sử dụng một lần; thiết bị hoặc phần mềm mật mã, thẻ Căn cước công dân, hộ chiếu, ảnh chân dung, vân tay được sử dụng cho mục đích xác thực điện tử. Để có thể áp dụng các yếu tố xác thực như sinh trắc học hoặc vân tay thì cần đầu

tư các thiết bị chuyên dụng như camera có cảm biến và đèn chiếu tia hồng ngoại hoặc máy đọc vân tay.

Để triển khai xác thực thông tin của chủ thể danh tính điện tử qua hệ thống định danh và xác thực điện tử khi thực hiện dịch vụ công, Nghị định 59/2022/NĐ-CP quy định cơ quan nhà nước thực hiện theo hướng dẫn về tiêu chuẩn kỹ thuật, quy trình, điều kiện bảo đảm kết nối với hệ thống định danh và xác thực điện tử của Bộ Công an. Vì vậy, đề xuất hiệu chỉnh quy định tại Điều 15 dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định số 123/2020/NĐ-CP về việc thực hiện xác thực điện tử khi đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử.

Về quy định ngừng sử dụng HĐĐT tại Điều 16 Nghị định 123/2020/NĐ-CP đã quy định 07 (bảy) trường hợp ngừng sử dụng HĐĐT. Thực tế phát sinh một số hành vi, dấu hiệu gian lận từ các vụ án liên quan lập hóa đơn điện tử không để trốn thuế nên tại dự thảo Nghị định gửi lấy ý kiến đã bổ sung các trường hợp ngừng sử dụng HĐĐT nhằm kịp thời ngăn chặn các hành vi gian lận liên quan đến sử dụng HĐĐT.

2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Nghiên cứu giải pháp kịp thời phòng ngừa, hạn chế gian lận trong quá trình doanh nghiệp đăng ký sử dụng HĐĐT và trong quá trình sử dụng HĐĐT.

2.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Đề xuất bổ sung tại Điều 15 các quy định đăng ký sử dụng hóa đơn, thay đổi thông tin đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử. Theo đó, bổ sung các giải pháp về xác thực nhân thân người đại diện theo pháp luật, đại diện hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh, chủ doanh nghiệp tư nhân đăng ký sử dụng hóa đơn, xác minh địa chỉ đăng ký của người nộp thuế nếu người nộp thuế thuộc trường hợp rủi ro cao để phòng ngừa gian lận ngay từ khi người nộp thuế đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử.

Điều 16 bổ sung một số trường hợp ngừng sử dụng hóa đơn điện tử để cơ quan thuế kiểm soát, quản lý sử dụng hóa đơn điện tử, đồng thời, ngăn chặn kịp thời gian lận khi người nộp thuế có dấu hiệu sử dụng hóa đơn điện tử không hợp pháp, cụ thể: (i) tạm ngừng sử dụng hóa đơn điện tử theo văn bản gửi cơ quan thuế (Mẫu 01/ĐKTD-HĐĐT ban hành kèm Nghị định này); (ii) hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh chuyển đổi phương pháp từ kê khai sang phương pháp khoán hoặc nộp thuế theo từng lần phát sinh theo thông báo của cơ quan thuế; (iii) cơ quan công an, viện kiểm sát, tòa án có văn bản đề nghị cơ quan thuế ngừng sử dụng hóa đơn điện tử của tổ chức, cá nhân có hành vi lập hóa đơn điện tử phục vụ mục đích bán khống hàng hóa, cung cấp dịch vụ để chiếm đoạt tiền của tổ chức, cá nhân bị cơ quan chức năng phát hiện, khởi tố và thông báo cho cơ quan thuế; (iv) trường hợp cơ quan chức năng phát hiện và thông báo cho cơ quan thuế người nộp thuế có hành vi vi phạm pháp luật về thuế và hóa đơn; (v)

Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đang áp dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền có thay đổi ngành nghề kinh doanh dẫn đến không đáp ứng điều kiện sử dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định này thì cơ quan thuế ra thông báo người nộp thuế ngừng sử dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền.

Bổ sung 01 điểm (điểm i) vào khoản 1 (trước đây là khổ rơi cuối khoản 1 Điều 16) và hoàn thiện quy định tại điểm này theo hướng giao Bộ Tài chính quyết định đối với các trường hợp ngừng sử dụng hóa đơn điện tử khác.

Đồng thời, khoản 2 Điều 16 về trình tự thực hiện ngừng sử dụng hóa đơn điện tử được hoàn thiện theo hướng quy định cụ thể thủ tục ngừng sử dụng hóa đơn điện tử tương ứng với từng trường hợp đã được quy định tại khoản 1.

2.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan.

- Tác động về kinh tế: Các nội dung sửa đổi, bổ sung không làm phát sinh thêm chi phí tuân thủ của người nộp thuế.

- Tác động về xã hội: Quy định sửa đổi, bổ sung không làm cản trở hoạt động của tổ chức, cá nhân người nộp thuế; giúp tăng hiệu quả quản lý của cơ quan thuế, ngăn chặn các trường hợp thành lập doanh nghiệp để thực hiện hành vi bán khống HĐĐT, giảm thiểu rủi ro trong quá trình quản lý, sử dụng HĐĐT.

- Tác động về giới: Nội dung chính sách không có tác động về giới.

- Tác động của thủ tục hành chính: Đề xuất sửa đổi TTHC: Đăng ký/ Thay đổi nội dung đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử; Sửa đổi TTHC: Cấp hóa đơn điện tử có mã theo từng lần phát sinh (*Báo cáo đánh giá tác động TTHC gửi kèm*).

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Quy định sửa đổi, bổ sung đảm bảo thống nhất đồng bộ với Luật Quản lý thuế, Luật Thuế GTGT và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan.

3. Nhóm nội dung liên quan trách nhiệm của các chủ thể tham gia vào quá trình sử dụng hóa đơn điện tử.

3.1. Xác định vấn đề bất cập

Hiện hành tại Điều 22 quy định về trách nhiệm của người bán trong việc sử dụng HĐĐT không có mã của cơ quan thuế.

Quy định tại Điều 22 chưa rõ điều kiện về số lượng hóa đơn doanh nghiệp sử dụng để đáp ứng điều kiện chuyển dữ liệu trực tiếp đến cơ quan thuế. Do đó, cần thiết phải có quy định cụ thể về tiêu chí số lượng hóa đơn để các Cục Thuế có cơ sở đánh giá hồ sơ đăng ký chuyển dữ liệu trực tiếp đến cơ quan thuế của

doanh nghiệp. Việc quy định số lượng hóa đơn sẽ hạn chế được số lượng doanh nghiệp thực hiện chuyển dữ liệu trực tiếp đến cơ quan thuế, tránh tình trạng quá tải đối với hệ thống hóa đơn điện tử của cơ quan thuế

Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 23/2021/TT-BTC ngày 30/3/2021 hướng dẫn về in, phát hành, quản lý và sử dụng tem điện tử rượu và tem điện tử thuốc lá. Thông tư số 23/2021/TT-BTC có quy định về dán tem điện tử (Điều 3), nguyên tắc quản lý, sử dụng tem điện tử (Điều 4) và tra cứu, xác thực thông tin của tem điện tử trên mã QRcode đã dán trên sản phẩm (Khoản 3 Điều 6). Tuy nhiên, Thông tư 23/2021/TT-BTC chưa hướng dẫn về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân phải quét mã QR trước khi tiêu thụ trong nước và trước khi nhập khẩu do Nghị định 123/2020/NĐ-CP chưa có quy định này.

Và một số trách nhiệm liên quan đến chia sẻ, kết nối thông tin, dữ liệu hóa đơn điện tử chưa được quy định tại Nghị định hiện hành.

Nghị định hiện hành chưa phân tách rõ quyền và trách nhiệm của người mua, và cần bổ sung thêm quyền của người mua được sử dụng hóa đơn hợp pháp đã được quy định trước đây tại Điều 20 Nghị định số 51/2010/NĐ-CP.

3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Sửa đổi, bổ sung các điều khoản liên quan đến trách nhiệm của người bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ sử dụng HĐĐT; nghĩa vụ, trách nhiệm của các bên trong việc chia sẻ, kết nối thông tin, dữ liệu hóa đơn điện tử.

3.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Trên cơ sở đánh giá dữ liệu hóa đơn điện tử, Điều 22 bổ sung số lượng hóa đơn doanh nghiệp sử dụng bình quân từ 1.000.000 hóa đơn một tháng trở lên và đáp ứng điều kiện khác về công nghệ thì chuyển dữ liệu trực tiếp. Với số lượng hóa đơn sử dụng như trên thì hiện tại số lượng doanh nghiệp đáp ứng điều kiện này là 31 doanh nghiệp. Đồng thời bổ sung quy định về xử lý bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử đã gửi cơ quan thuế và bổ sung quy định cơ sở kinh doanh bán hàng hóa hoàn thuế GTGT truy cập hệ thống hóa đơn điện tử do cơ quan thuế xây dựng theo định dạng chuẩn dữ liệu để lập hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế GTGT.

Bổ sung Điều mới (Điều 22a) quy định nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử với khách hàng, cơ quan thuế để đảm bảo quyền lợi của khách hàng và đảm bảo việc thực hiện trách nhiệm và bảo mật thông tin với cơ quan thuế.

Sửa đổi, bổ sung Điều 56 theo hướng chia rõ quy định về quyền và trách nhiệm của người mua hàng hóa, dịch vụ, đồng thời bổ sung quy định tra cứu, nhận file gốc hóa đơn điện tử của người bán, sử dụng hóa đơn hợp pháp theo

quy định pháp luật cho các hoạt động kinh doanh là quyền của người mua hàng hóa, dịch vụ.

Sửa đổi, bổ sung Điều 58 để hướng tới mục tiêu, yêu cầu quản lý tem gắn với quản lý thuế, góp phần đánh giá việc quản lý tem, quản lý thuế và đảm bảo cơ sở pháp lý về việc tổ chức, cá nhân phải thực hiện quét mã QR code cho sản phẩm

3.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan.

- Tác động về kinh tế: Các nội dung sửa đổi, bổ sung không làm phát sinh thêm chi phí tuân thủ của người nộp thuế.

- Tác động về xã hội: Quy định sửa đổi, bổ sung không làm cản trở hoạt động của tổ chức, cá nhân người nộp thuế, minh bạch chính sách, tạo điều kiện thuận lợi cho sự tuân thủ quy định của người nộp thuế và hoạt động quản lý của cơ quan thuế.

- Tác động về giới: Nội dung chính sách không có tác động về giới.

- Tác động của thủ tục hành chính: Quy định sửa đổi, bổ sung không làm tăng thủ tục hành chính.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Quy định sửa đổi, bổ sung đảm bảo thống nhất đồng bộ với Luật Quản lý thuế, Luật Thuế GTGT và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan.

4. Nhóm nội dung liên quan quản lý chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân, biên lai điện tử để tạo thuận lợi cho người sử dụng.

4.1. Xác định vấn đề bất cập

Hiện hành tại các Điều 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40 đang quy định về biên lai, chứng từ điện tử.

Nghị định hiện hành chưa có quy định về thời điểm ký số trên chứng từ; quy định rõ về nội dung của chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân, ký hiệu mẫu biên lai, ký hiệu chứng từ; Nghị định hiện hành quy định về đăng ký sử dụng biên lai điện tử và chưa có quy định về đăng ký sử dụng chứng từ điện tử khác, trong khi biên lai điện tử chỉ là một loại chứng từ điện tử; chưa có quy định về xử lý chứng từ điện tử đã lập; chưa có quy định về trách nhiệm của tổ chức khấu trừ thuế thu nhập cá nhân khi triển khai chứng từ điện tử; chưa có quy định về ủy nhiệm lập biên lai điện tử; chưa có quy định về trình tự, tiêu hủy biên lai đối với Cục Hải quan cũng như trách nhiệm của cơ quan hải quan trong quản lý chứng từ điện tử.

4.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Tạo thuận lợi cho người sử dụng

- Sửa đổi, bổ sung quy định hiện hành để tháo gỡ các vướng mắc của người nộp thuế trong quá trình thực hiện Nghị định

4.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Điều 31 bổ sung quy định thời điểm ký số trên chứng từ là *thời điểm tổ chức, cá nhân khấu trừ thuế thu nhập cá nhân, tổ chức thu thuế, phí, lệ phí điện tử sử dụng chữ ký số để ký trên chứng từ điện tử được hiển thị theo định dạng ngày, tháng, năm của năm dương lịch.*

Điều 32 bổ sung một số nội dung của chứng từ khấu trừ thuế TNCN, bổ sung Tổng cục Hải quan quản lý trường hợp tổ chức thu phí, lệ phí sử dụng biên lai điện tử cần điều chỉnh một số tiêu thức nội dung trên biên lai điện tử (Nghị định hiện hành đang chỉ quy định Tổng cục Thuế) và bổ sung quy định ký hiệu mẫu chứng từ, ký hiệu chứng từ thực hiện theo hướng dẫn Bộ Tài chính.

Bổ sung Điều 32a quy định về lập và ủy nhiệm lập biên lai. Nội dung Điều 32a được đưa từ Điều 37 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP đang quy định về lập và ủy nhiệm biên lai giấy và bổ sung thêm quy định về ủy nhiệm lập biên lai điện tử.

Điều 33 sửa đổi, bổ sung về câu chữ, bỏ khoản 2 quy định định dạng chứng từ khấu trừ thuế TCND.

Điều 34 bổ sung quy định về đăng ký sử dụng chứng từ tương tự đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử.

Bổ sung Điều 34a về xử lý chứng từ điện tử đã lập có sai sót tạo thuận lợi cho người nộp thuế.

Bổ sung Điều 34b về trách nhiệm của tổ chức khấu trừ thuế thu nhập cá nhân, tổ chức thu thuế, phí, lệ phí khi sử dụng chứng từ điện tử.

Điều 30, Điều 35, Điều 36, Điều 38 và Điều 40 sửa đổi, bổ sung về câu chữ để phù hợp thực tế.

Bãi bỏ Điều 37 quy định về lập và ủy nhiệm lập biên lai do đã đưa lên Điều 32a.

Điều 39 bổ quy định trình tự tiêu hủy biên lai đối với hàng hóa xuất, nhập khẩu, quá cảnh, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh đối với Cục Hải quan.

Bổ sung Điều 55a quy định trách nhiệm của cơ quan hải quan trong quản lý chứng từ điện tử.

4.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan.

- Tác động về kinh tế: Các nội dung sửa đổi, bổ sung không làm phát sinh thêm chi phí tuân thủ của người nộp thuế.

- Tác động về xã hội: Quy định sửa đổi, bổ sung không làm cản trở hoạt động của tổ chức, cá nhân người nộp thuế.

- Tác động về giới: Nội dung chính sách không có tác động về giới.

- Tác động của thủ tục hành chính: Sửa đổi TTHC: Chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế ; Sửa đổi TTHC: Đăng ký/ Thay đổi thông tin sử dụng biên lai điện tử; Bổ sung TTHC về Xử lý chứng từ điện tử đã lập sai (*Báo cáo đánh giá tác động về TTHC gửi kèm*).

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Quy định sửa đổi, bổ sung đảm bảo thống nhất đồng bộ với Luật Quản lý thuế, Luật Thuế GTGT và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan.

5. Nhóm vấn đề quy định về tra cứu, cung cấp, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử

5.1. Xác định vấn đề bất cập

Hiện hành, từ Điều 46 đến Điều 54 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định về tra cứu, cung cấp, sử dụng thông tin HĐĐT. Theo đó, Tổng cục Thuế là đơn vị cung cấp thông tin hóa đơn điện tử đối với đề nghị của các cơ quan, tổ chức quản lý nhà nước cấp Trung ương. Cục Thuế, Chi cục Thuế cung cấp thông tin đối với đề nghị của cơ quan, tổ chức quản lý đồng cấp. Đối với trường hợp bên sử dụng thông tin đã ký quy chế trao đổi thông tin và có đăng ký với Tổng cục Thuế thì Tổng cục Thuế sẽ cấp tài khoản để bên sử dụng thông tin truy cập vào Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế để tra cứu thông tin.

Vấn đề phát sinh: Thực tế đã có trường hợp bên sử dụng thông tin có văn bản yêu cầu Tổng cục Thuế cung cấp 30 tài khoản để truy cập Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, điều này sẽ làm ảnh hưởng đến việc bảo mật thông tin trên Cổng thông tin điện tử. Do đó, đề xuất sửa đổi, bổ sung các điều khoản quy định về tra cứu, cung cấp, sử dụng thông tin HĐĐT để đảm bảo tính bảo mật thông tin trên Cổng thông tin điện tử, và đồng thời đảm bảo việc truy cập, tra cứu, sử dụng thông tin của bên sử dụng thông tin. Ngoài ra, quy định hiện hành chưa quy định việc cung cấp thông tin cho các cơ quan quản lý nhà nước có hoạt động tổ tụng thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và cơ quan quản lý thuế nước ngoài nên quá trình thực hiện có vướng mắc.

5.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Bổ sung quy định nhằm đảm bảo tính bảo mật thông tin trên Cổng thông tin điện tử, đảm bảo việc truy cập, tra cứu, sử dụng thông tin.

5.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

(i) Điều 46: Sửa đổi, bổ sung điểm b và bổ sung điểm e vào khoản 2 về các bên sử dụng thông tin hóa đơn điện tử bao gồm: các cơ quan quản lý nhà

nước sử dụng thông tin HĐĐT để phục vụ hoạt động tổ tụng, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán; Cơ quan quản lý thuế nước ngoài phù hợp với điều ước quốc tế về thuế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

(ii) Điều 47: Sửa đổi quy định về hình thức khai thác, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử đối với các đối tượng sử dụng thông tin khác nhau: Trường hợp bên sử dụng thông tin là người bán, người mua hàng hóa, dịch vụ thì truy cập vào Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế để tra cứu thông tin; sửa đổi, bổ sung quy định về khai thác, sử dụng thông tin trên Cổng đối với công ty mẹ cần khai thác dữ liệu của các chi nhánh, đơn vị phụ thuộc; bổ sung, quy định trách nhiệm của Tổng cục Thuế, Cục Thuế thực hiện cấp tối đa hai (02) tài khoản khai thác sử dụng thông tin hóa đơn điện tử cho người sử dụng của cơ quan, tổ chức quản lý đồng cấp theo văn bản giữa các bên để tránh tràn lan, để ảnh hưởng đến tính bảo mật thông tin của người nộp thuế.

(iii) Điều 48: Sửa đổi, bổ sung các nội dung thông tin hóa đơn điện tử cơ quan thuế cung cấp phù hợp phương án kỹ thuật đang được triển khai của hệ thống hóa đơn điện tử tại cơ quan thuế. Theo đó, bỏ hình thức cung cấp thông tin qua tin nhắn. Các nội dung về sử dụng hình thức nhắn tin của số điện thoại di động tại các Điều 49, 50, 52 được bỏ tương ứng.

(iv) Bỏ Điều 51 quy định về thời hạn cung cấp thông tin hóa đơn điện tử do việc cung cấp thông tin bằng hình thức cấp tài khoản sử dụng trên Cổng thông tin điện tử về hóa đơn điện tử do người được cấp chủ động thực hiện nên không cần quy định.

(v) Điều 53 quy định về trách nhiệm của bên sử dụng thông tin: bổ sung quy định: *các thông tin thu thập từ cơ quan thuế, bên sử dụng thông tin không cung cấp thông tin cho bên thứ ba khi chưa được sự đồng ý của cơ quan thuế cung cấp thông tin hoặc tài khoản nhằm tăng cường bảo mật thông tin của người nộp thuế.*

(vi) Điều 54 quy định về kinh phí thực hiện việc tra cứu, cung cấp, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử. Do Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 không ban hành kèm theo Quy chế, mà nội dung thực hiện được quy định tại ngay Nghị định, do đó, thay từ “*Quy chế*” bằng từ “*Nghị định*” cho chính xác.

5.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan.

- Tác động về kinh tế: Các nội dung sửa đổi, bổ sung không làm phát sinh thêm chi phí tuân thủ của người nộp thuế.

- Tác động về xã hội: Quy định sửa đổi, bổ sung không làm cản trở hoạt động của tổ chức, cá nhân người nộp thuế; góp phần đảm bảo tính bảo mật thông tin trên Cổng thông tin điện tử; đảm bảo việc truy cập, tra cứu, sử dụng

thông tin của bên sử dụng thông tin; đảm bảo quá trình công tác tại các cơ quan quản lý nhà nước có hoạt động tổ tụng thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và cơ quan quản lý thuế nước ngoài.

- Tác động về giới: Nội dung chính sách không có tác động về giới.

- Tác động của thủ tục hành chính: Bãi bỏ 02 TTHC: Đăng ký/ sử dụng hình thức tra cứu thông tin hóa đơn điện tử (Bảng hình thức điện tử/ hình thức nhắn tin qua số điện thoại di động) và Đăng ký kết nối/ Đăng ký dùng keets nối với Cổng thông tin hóa đơn điện tử (*Báo cáo đánh giá tác động gửi kèm*).

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Quy định sửa đổi, bổ sung đảm bảo thống nhất đồng bộ với Luật Quản lý thuế, Luật Thuế GTGT và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan.

6. Một số nội dung khác.

6.1. Xác định vấn đề bất cập

(i) Một số từ ngữ cần bổ sung giải thích tại Điều 3 để hiểu và thực hiện được thống nhất như: *"Hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế"*, *"Máy tính tiền"*.

- Liên quan đến hoạt động kinh doanh casino, trò chơi điện tử có thưởng cần bổ sung nội dung giải thích từ ngữ để có cơ sở pháp lý cho chứng từ liên quan đến hoạt động kinh doanh casino, trò chơi điện tử có thưởng;

- Chưa có nội dung quy định về việc hóa đơn, chứng từ điện tử lưu trữ bao lâu thì được tiêu hủy;

- Ngoài ra, sửa đổi, bổ sung về câu chữ tại khoản 5, khoản 12 để phù hợp thực tế.

- Bỏ khoản 10 về hủy hóa đơn, chứng từ do không còn nghiệp vụ hủy hóa đơn, chứng từ tại Điều 19, Điều 33 (dự thảo Nghị định bỏ quy định về hủy hóa đơn tại Điều 19 và hủy chứng từ tại Điều 33).

- Bổ sung một khoản giải thích từ ngữ về *Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế về hóa đơn điện tử dành cho người nộp thuế* trên cơ sở quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử quy định về quy trình tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

(ii) Tại Điều 10 bổ sung quy định về nội dung hóa đơn GTGT kiêm tờ khai hoàn thuế. Mẫu hóa đơn GTGT kiêm tờ khai hoàn thuế được quy định tại Thông tư 92/2019/TT-BTC và Nghị định số 123/2020/NĐ-CP đã được quy định. Tuy nhiên khi chuyển sang phương thức điện tử thì phát sinh vướng mắc trong công tác phối hợp luân chuyển chứng từ giữa doanh nghiệp, cơ quan hải quan và NHTM là đại lý hoàn thuế, do đó, cần bổ sung quy định về trách nhiệm của

Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan trong việc xây dựng thành phần chứa dữ liệu nghiệp vụ hóa đơn điện tử và phương thức truyền nhận với cơ quan thuế đối với hóa đơn GTGT kiêm tờ khai hoàn thuế.

(iii) Theo quy định trước đây tại Nghị định số 123/2020/NĐ-CP việc áp dụng HĐĐT khởi tạo từ máy tính tiền theo nguyên tắc là được lựa chọn; đối với chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân, mặc dù có quy định áp dụng điện tử nhưng chưa quy định về việc đăng ký sử dụng, chuyển dữ liệu đến cơ quan thuế; biên lai thu thuế, phí, lệ phí cũng theo nguyên tắc được lựa chọn điện tử hoặc giấy. Theo nội dung sửa đổi, bổ sung Nghị định này thì việc áp dụng HĐĐT khởi tạo từ máy tính tiền, chứng từ điện tử là bắt buộc theo quy định. Do đó, cần bổ sung lộ trình để tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cơ sở kinh doanh thực hiện chuyển đổi.

(iv) Căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 15 Luật Quản lý thuế quy định nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quản lý thuế. Theo đó, bổ sung trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước trong việc kết nối, cung cấp thông tin liên quan đến giao dịch của tổ chức, cá nhân áp dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền tạo điều kiện thuận lợi trong công tác quản lý thuế; bổ sung trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phối hợp với cơ quan thuế trong việc hỗ trợ các cơ sở kinh doanh trong việc chuyển đổi áp dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền.

6.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Làm rõ các khái niệm liên quan trong quá trình triển khai quản lý, sử dụng hóa đơn điện tử để đảm bảo cơ sở pháp lý, đồng thời quy định rõ quyền, trách nhiệm của đơn vị trong công tác triển khai quản lý, sử dụng hóa đơn điện tử.

6.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

(i) Sửa đổi, bổ sung tại Điều 3 các nội dung:

- Tại khoản 2 bổ sung định nghĩa: *“Hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế”, “Máy tính tiền”;*

- Tại khoản 4 bổ sung định nghĩa chứng từ là tài liệu để *“ghi nhận số tiền thu được và trả lại cho khách chơi trong hoạt động kinh doanh casino, trò chơi điện tử có thưởng”;*

- Sửa đổi, bổ sung về câu chữ tại khoản 5, khoản 12 để phù hợp thực tế;

- Tại khoản 8 bổ sung trường hợp hóa đơn, chứng từ giả là hóa đơn, chứng từ được lập để nộp thuế cho hàng hóa mua bán thực tế không phải là hàng hóa được ghi trên hóa đơn;

- Bãi bỏ khoản 10 về hủy hóa đơn, chứng từ do không còn nghiệp vụ hủy hóa đơn, chứng từ tại Điều 19, Điều 33 (dự thảo Nghị định bỏ quy định về hủy

hóa đơn tại Điều 19 và hủy chứng từ tại Điều 33).

- Tại khoản 11 bổ sung quy định về thời hạn tiêu hủy hóa đơn, chứng từ;
- Bổ sung khoản 14 định nghĩa Công thông tin điện tử của Tổng cục Thuế;

(ii) Bổ sung tại Điều 12 quy định về trách nhiệm của Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan trong việc xây dựng thành phần chứa dữ liệu nghiệp vụ hóa đơn điện tử và phương thức truyền nhận với cơ quan thuế đối với hóa đơn GTGT kiêm tờ khai hoàn thuế.

(iii) Bổ sung tại Điều 60 lộ trình để tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cơ sở kinh doanh thực hiện chuyển đổi áp dụng HĐĐT khởi tạo từ MTT.

(iv) Bổ sung tại Điều 61 trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước trong việc kết nối, cung cấp thông tin liên quan đến giao dịch của tổ chức, cá nhân áp dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền tạo điều kiện thuận lợi trong công tác quản lý thuế; bổ sung trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phối hợp với cơ quan thuế trong việc hỗ trợ các cơ sở kinh doanh trong việc chuyển đổi áp dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền; bổ sung quy định về tích hợp dữ liệu hóa đơn thương mại.

6.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan.

- Tác động về kinh tế: Các nội dung sửa đổi, bổ sung không làm phát sinh thêm chi phí tuân thủ của người nộp thuế.
- Tác động về xã hội: Quy định sửa đổi, bổ sung không làm cản trở hoạt động của tổ chức, cá nhân người nộp thuế;
- Tác động về giới: Nội dung chính sách không có tác động về giới.
- Tác động của thủ tục hành chính: Quy định sửa đổi, bổ sung không làm tăng thủ tục hành chính.
- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Quy định sửa đổi, bổ sung đảm bảo thống nhất đồng bộ với Luật Quản lý thuế, Luật Thuế GTGT và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan.

III. Ý KIẾN THAM VẤN

Quá trình xây dựng dự thảo Báo cáo đánh giá tác động đối với Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định 123/2020/NĐ-CP, Bộ Tài chính đã tham khảo ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức có liên quan với việc lấy ý kiến về dự thảo Nghị định (công văn số 9206/BTC-TCT ngày 29/08/2023).

IV. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

Sau khi Nghị định được ban hành, các cơ quan từ Trung ương đến địa

phương có trách nhiệm thi hành chính sách, giám sát và đánh giá việc thi hành chính sách:

Cơ quan giám sát thực hiện chính sách: Quốc hội, UBTVQH, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, đại biểu Quốc hội.

Cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành chính sách: Chính phủ, các Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành các chính sách này.

Trên đây là Báo cáo đánh giá tác động chính sách tại Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ 0

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (để phối hợp);
- Lưu: VT, TCT (VT, CS).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Cao Anh Tuấn



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 7 tháng 6 năm 2024

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
(Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 123/2020/NĐ-CP
ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ)
(Kèm Tờ trình số 128/TTr-BTC ngày 7/6/2024 của Bộ Tài chính)

Kính gửi: Chính phủ
(Tài liệu phục vụ gửi Bộ Tư pháp thẩm định)

I. Các vấn đề cần giải quyết của Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 về hóa đơn, chứng từ.

Thực hiện Chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ năm 2023 ban hành kèm theo Quyết định số 48/QĐ-TTg ngày 03/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao Bộ Tài chính xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định về hóa đơn, chứng từ. Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn, Bộ Tài chính đã triển khai việc xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định về hóa đơn, chứng từ.

Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 có hiệu lực từ ngày 01/7/2020, riêng quy định về hóa đơn, chứng từ điện tử của Luật (Chương X) có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2022; khuyến khích cơ quan tổ chức, cá nhân áp dụng quy định về hóa đơn, chứng từ điện tử của Luật này trước ngày 01/7/2022.

Thực hiện Luật Quản lý thuế năm 2019, ngày 19/10/2020 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định về hóa đơn, chứng từ (sau gọi chung là Nghị định số 123/2020/NĐ-CP) với mục tiêu là áp dụng hóa đơn điện tử (HĐĐT) đối với các doanh nghiệp, tổ chức, hộ cá nhân kinh doanh từ ngày 01/7/2022, khuyến khích cơ quan, tổ chức, cá nhân đáp ứng điều kiện về hạ tầng công nghệ thông tin áp dụng quy định về HĐĐT trước ngày 01/7/2022.

Bộ Tài chính cũng đã ban hành các văn bản hướng dẫn một số nội dung quy định một số nội dung của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP và Quyết định công bố định dạng chuẩn dữ liệu hóa đơn điện tử và quy trình quản lý hóa đơn điện tử.

Quá trình thực hiện, cùng với sự phối hợp của UBND các tỉnh, thành phố, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định triển khai áp dụng hóa đơn điện tử trên địa bàn 63 tỉnh, thành phố theo hai (02) giai đoạn, giai đoạn một từ tháng 11/2021 áp dụng tại 6 tỉnh, thành phố (Hà Nội, Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Quảng Ninh, Phú Thọ, Bình Định), giai đoạn 2 từ tháng 02/2022 áp dụng trên 57 tỉnh, thành phố còn lại.

Bộ Tài chính đã chỉ đạo ngành thuế xây dựng hệ thống hóa đơn điện tử thống nhất tập trung và có khả năng: đáp ứng yêu cầu tiếp nhận, xử lý số lượng hóa đơn lớn (trung bình 6,4 tỷ hóa đơn/năm); có các phần mềm quản trị hệ thống tự động theo dõi, báo cáo và cảnh báo sự cố liên quan đến hoạt động của các hệ thống máy chủ, ứng dụng dịch vụ (micro service); phần mềm theo dõi trực tuyến (online) về sức khỏe của hệ thống (đường truyền, cơ sở dữ liệu...); đảm bảo hoạt động ổn định 24/7 để đáp ứng yêu cầu tiếp nhận và xử lý cấp mã hóa đơn để không làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất - kinh doanh của người nộp thuế; hỗ trợ cơ quan thuế các cấp trong công tác quản lý thuế với việc cung cấp các báo cáo tổng hợp, báo cáo chi tiết theo nhiều tiêu thức quản lý khác nhau, báo cáo hỗ trợ quản lý rủi ro hóa đơn điện tử, hỗ trợ cung cấp các chức năng khai thác dữ liệu.... Đồng thời, kết nối và chia sẻ cung cấp dữ liệu hóa đơn điện tử cho các cơ quan nhà nước theo từng lần phát sinh hoặc lô dữ liệu; kết nối tiếp nhận dữ liệu hóa đơn điện tử trực tiếp từ các doanh nghiệp lớn thuộc các ngành nghề điện lực, xăng dầu, ngân hàng, bảo hiểm.

Để khuyến khích người tiêu dùng có thói quen lấy hóa đơn khi mua hàng hóa, dịch vụ cũng như sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan, Bộ Tài chính đã chỉ đạo ngành thuế triển khai trên cả nước chương trình “Hóa đơn may mắn” (quay số hóa đơn trúng thưởng) và chương trình “Hóa đơn khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế” cho các ngành: kinh doanh ăn uống nhà hàng, khách sạn; bán lẻ hàng hóa (bao gồm siêu thị); bán lẻ thuốc tân dược; dịch vụ khác để quản lý chính xác doanh thu của các ngành nghề kinh doanh này.

Lũy kế đến 24h ngày 30/12/2023, trên cả nước đã có tổng số 6,271,899,856 hóa đơn điện tử đã được tiếp nhận và xử lý (Hóa đơn điện tử có mã: 1,798,009,183; Hóa đơn điện tử không có mã: 1,709,985,132; Hóa đơn điện tử không mã gửi Bảng tổng hợp: 2,762,496,301; Hóa đơn theo từng lần phát sinh: 1,409,240).

Việc sử dụng hóa đơn điện tử trên cả nước đã góp phần hỗ trợ cơ quan thuế trong việc nâng cao hiệu quả quản lý thuế, hỗ trợ cơ quan thuế thực hiện kết nối, chia sẻ và cung cấp dữ liệu hóa đơn điện tử cho các cơ quan khác của nhà nước. Với các doanh nghiệp, hộ kinh doanh, việc áp dụng hóa đơn điện tử góp phần làm giảm chi phí quản lý, sử dụng hóa đơn, giúp nâng cao hiệu quả hoạt động của

doanh nghiệp, giảm thiểu nhiều rủi ro so với sử dụng hóa đơn giấy. Với ngành tài chính, dữ liệu hóa đơn điện tử được xác định là một trong các nền tảng cơ bản của cơ sở dữ liệu quốc gia về tài chính.

Bên cạnh kết quả đạt được nêu trên, trong gần 3 năm triển khai Nghị định số 123/2020/NĐ-CP cũng có một số khó khăn, vướng mắc như:

- Một số quy định về việc áp dụng hóa đơn điện tử của người bán chưa rõ: nguyên tắc lập hóa đơn trong trường hợp điều chuyển tài sản, bồi thường bằng hàng hóa, dịch vụ...; quy định về thời điểm lập hóa đơn của hàng hóa xuất khẩu, thời điểm lập hóa đơn của một số ngành nghề đặc thù (như ngân hàng, bảo hiểm...); quy định về việc sử dụng hóa đơn của doanh nghiệp chế xuất...; quy định về xử lý hóa đơn điện tử đã lập không có sai nhưng cần điều chỉnh; về đối tượng áp dụng hóa đơn điện tử theo từng lần phát sinh; quy định về việc áp dụng hóa đơn điện tử từ máy tính tiền có kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế.

- Phát sinh một số vụ án mua bán hóa đơn lớn đòi hỏi ngành thuế cần phải có giải pháp quản lý người nộp thuế ngay từ khâu đăng ký sử dụng hóa đơn và trong quá trình sử dụng hóa đơn điện tử.

- Chưa có quy định về định dạng chuẩn dữ liệu chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân điện tử cũng như định dạng chuẩn dữ liệu khi áp dụng biên lai, chứng từ điện tử.

- Quy định về tra cứu, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử còn bất cập, thực tế có quá nhiều cơ quan có văn bản đề nghị được truy cập vào hệ thống hóa đơn điện tử của ngành thuế nên không đảm bảo bảo mật của hệ thống.

- Một số biểu mẫu ban hành kèm theo Nghị định số 123/2020/NĐ-CP còn chưa phù hợp thực tế và quá trình số hóa.

II. Mục đích, quan điểm xây dựng Nghị định

1. Mục đích

- Tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp trong quá trình sử dụng hóa đơn, chứng từ điện tử, cải cách thủ tục hành chính.

- Có giải pháp ngăn ngừa và hạn chế gian lận về sử dụng hóa đơn điện tử.

- Nghiên cứu sửa đổi bất cập trong quy định hiện hành để đảm bảo minh bạch, tạo thuận lợi cho người nộp thuế, các tổ chức trong việc sử dụng hóa đơn, chứng từ điện tử.

- Bổ sung giải pháp nhằm phòng ngừa, hạn chế gian lận khi doanh nghiệp đăng ký sử dụng hóa đơn và trong quá trình sử dụng hóa đơn điện tử.

- Quy định rõ hơn trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử; hệ thống hóa quy định việc trao đổi cung cấp thông tin HĐĐT nhưng vẫn đảm bảo tính bảo mật của hệ thống HĐĐT.

2. Quan điểm chỉ đạo xây dựng Nghị định sửa đổi.

- Việc xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 123/2020/NĐ-CP nhằm thực hiện các chủ trương của Đảng, Nhà nước về đẩy mạnh xây dựng chính phủ điện tử, tiến tới chính phủ số, nền kinh tế số, xã hội số.

- Sửa đổi những quy định chưa phù hợp, bổ sung cập nhật các nội dung mới dựa trên nguyên tắc phù hợp với tình hình thực tiễn.

- Kế thừa và phát huy những quy định về hóa đơn, chứng từ đã mang lại tác động tích cực; những nội dung sửa đổi, bổ sung đều rõ ràng, minh bạch, có đánh giá tác động cụ thể.

III. Các phương án giải quyết vấn đề và đánh giá tác động của phương án đề xuất

1. Đánh giá chung

Việc triển khai áp dụng hóa đơn điện tử mà ngành Tài chính, ngành Thuế đang thực hiện giúp thay đổi tích cực phương thức điều hành, lãnh đạo, quản lý, quy trình làm việc của cơ quan thuế cũng như của các doanh nghiệp (Hóa đơn điện tử có ý nghĩa quan trọng giúp doanh nghiệp giảm chi phí hơn so với sử dụng hóa đơn giấy (giảm chi phí giấy in, mực in, vận chuyển, lưu trữ hóa đơn, không gian lưu trữ hóa đơn...), giảm chi phí tuân thủ thủ tục hành chính thuế.); bên cạnh đó, việc triển khai hệ thống hóa đơn điện tử còn có ý nghĩa quan trọng trong xây dựng cơ sở dữ liệu lớn (big data), mấu chốt của chuyển đổi số không chỉ đối với cơ quan thuế mà còn đối với cả doanh nghiệp và nền kinh tế. Góp phần quan trọng phát triển Chính phủ điện tử, đổi mới công tác quản lý nhà nước.

Các TTHC tại dự thảo Nghị định, cơ bản được xây dựng đủ các bộ phận cấu thành của thủ tục hành chính: Tên thủ tục, cách thức thực hiện, thành phần hồ sơ, cơ quan giải quyết, thời hạn giải quyết, đối tượng thực hiện, mẫu kết quả thực hiện thủ tục hành chính, yêu cầu, điều kiện, phí, lệ phí, theo quy định tại Khoản 2, Điều 8 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ (đã được sửa đổi, bổ sung). Trên cơ sở đánh giá tác động chi tiết các TTHC tại dự thảo Nghị định theo quy định tại Nghị định 63/2010/NĐ-CP và Luật Ban hành VBQPPL năm 2015, tại báo cáo này Bộ Tài chính đánh giá TTHC chung, tổng hợp theo TTHC/nhóm TTHC, cụ thể như sau:

(1) Thủ tục /nhóm thủ tục về đăng ký, quản lý, sử dụng hóa đơn điện tử.

Các thủ tục hành chính khi áp dụng hóa đơn điện tử là cần thiết để: (i) cơ quan thuế phân loại trường hợp người nộp thuế thuộc diện sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế và trường hợp người nộp thuế sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế; (ii) Cơ quan thuế có dữ liệu hóa đơn phục vụ công tác quản lý thuế (phục vụ việc xây dựng CSDL về hóa đơn, phục vụ công tác hoàn thuế GTGT, phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra thuế, quản lý rủi ro, phục vụ việc cung cấp thông tin cho các cơ quan khác có liên quan...)

+ Tính hợp pháp của thủ tục hóa đơn điện tử:

Thủ tục hành chính của hóa đơn điện tử được quy định tại Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 là phù hợp với thẩm quyền ban hành, không chồng chéo và không trùng lặp với các thủ tục hành chính thuế khác. Phù hợp với việc ủy quyền/giao Chính phủ quy định đầy đủ các bộ phận còn lại của TTHC (thành phần hồ sơ, mẫu đơn, mẫu tờ khai ...).

+ Đánh giá chi phí tuân thủ của thủ tục:

Thủ tục hành chính khi áp dụng hóa đơn điện tử được thực hiện thông qua phương thức điện tử theo đó giúp giảm chi phí thời gian và chi phí vật chất so với thủ tục đăng ký, quản lý, sử dụng hóa đơn truyền thống. Cụ thể:

+ Người nộp thuế không phải in các báo cáo, thông báo và không phải trực tiếp đến trụ sở cơ quan thuế để nộp mà chỉ cần ngồi tại trụ sở người nộp thuế, truy cập vào mạng để làm thủ tục bằng cách gửi cơ quan thuế qua email.

+ Giúp doanh nghiệp giảm chi phí giấy, mực in, vận chuyển và đặc biệt chi phí lưu trữ hóa đơn.

+ Khi sử dụng hóa đơn điện tử, doanh nghiệp không phải lập báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn, dữ liệu từ hóa đơn điện tử có thể được thiết kế để kết nối tự động với phần mềm khai thuế giá trị gia tăng (GTGT) của doanh nghiệp nên không mất thời gian lập Tờ khai thuế GTGT. Do đó giảm được thời gian tuân thủ pháp luật thuế.

(2) Nhóm Thủ tục lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ về hóa đơn điện tử.

+ Sự cần thiết, tính hợp lý của thủ tục hành chính:

Các thủ tục hành chính khi áp dụng hóa đơn điện tử là cần thiết để: (i) cơ quan thuế phân loại trường hợp người nộp thuế thuộc diện sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế và trường hợp người nộp thuế sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế; (ii) Cơ quan thuế có dữ liệu hóa đơn phục vụ công tác quản lý thuế (phục vụ việc xây dựng CSDL về hóa đơn, phục vụ công tác hoàn thuế GTGT, phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra thuế, quản lý rủi ro,

phục vụ việc cung cấp thông tin cho các cơ quan khác có liên quan...), do đó cần thiết lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ về hóa đơn điện tử để đảm bảo quản lý việc sử dụng hóa đơn điện tử của NNT.

+ Tính hợp pháp, chi phí của thủ tục hóa đơn điện tử: Thủ tục hành chính của hóa đơn điện tử được quy định tại Dự thảo Luật quản lý thuế sửa đổi là phù hợp với thẩm quyền ban hành, không chồng chéo và không trùng lặp với các thủ tục hành chính thuế khác. Phù hợp với việc giao Bộ Tài chính quy định đầy đủ các bộ phận còn lại của TTHC (thành phần hồ sơ, mẫu đơn, mẫu tờ khai ...).

Thủ tục hành chính khi áp dụng hóa đơn điện tử được thực hiện thông qua phương thức điện tử theo đó giúp giảm chi phí thời gian và chi phí vật chất so với thủ tục truyền thống.

(3) Các TTHC khi áp dụng biên lai, chứng từ

+ Sự cần thiết của TTHC

Luật quản lý thuế giao cơ quan thuế quản lý các khoản phí, lệ phí theo quy định của Luật phí, lệ phí, các khoản tiền sử dụng đất nộp NSNN, tiền thu từ xử phạt VPHC theo quy định của pháp luật. Biên lai thu phí, lệ phí liên quan đến việc xác định các khoản phí, lệ phí do đó cơ quan thuế cần thiết quản lý từ khâu đăng ký sử dụng đến khâu chuyển dữ liệu cho cơ quan thuế. Do đó, nội dung về thủ tục khi áp dụng biên lai, chứng từ cần được chi tiết tại Nghị định quy định về hóa đơn để đảm bảo cơ sở pháp lý đồng thời bảo đảm quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

+ Tính hợp lý của TTHC: Các TTHC này hiện nay đang được áp dụng và không có vướng mắc.

+ Tính hợp pháp của TTHC: Các quy định về thủ tục được ban hành phù hợp thẩm quyền quy định của Chính phủ theo quy định của Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 của Quốc hội, không chồng chéo với các quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác.

+ Đánh giá tác động về chi phí tuân thủ của thủ tục: Các thủ tục tại dự thảo Nghị định không làm phát sinh thêm về chi phí tuân thủ vì là các thủ tục đã có và cơ bản các thủ tục này đã được triển khai trực tuyến nên chi phí tuân thủ của TTHC là không lớn. Không làm phát sinh thêm về chi phí tuân thủ.

2. Đánh giá tác động thủ tục hành chính tại dự thảo Nghị định

2.1. Thống kê các thủ tục hành chính tại Nghị định 123/2020/NĐ-CP đã được công bố

Theo Quyết định số 1464/QĐ-BTC ngày 22/7/2022 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi thay thế, bị bãi bỏ trong lĩnh vực Quản lý thuế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính đã công bố 18 TTHC về hóa đơn, chứng từ. Trong đó có 07 TTHC cấp Tổng cục Thuế (Cục Thuế, Chi cục Thuế) và 11 TTHC cấp Cục Thuế, Chi cục Thuế, cụ thể:

(1) Các TTHC khi sử dụng hóa đơn điện tử

- Đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử/ Thay đổi nội dung đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử (1.010337).

- Cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh (1.010339).

- Xử lý hóa đơn điện tử của cơ quan thuế có sai sót (1.010341);

- Chuyển dữ liệu HĐĐT không có mã của cơ quan thuế (1.010343);

(2) Các TTHC khi mua hóa đơn của cơ quan thuế

- Mua hóa đơn do cơ quan thuế đặt in (1.007032);

- Tiêu hủy hóa đơn đặt in, mua của cơ quan thuế (1.007033);

- Xử lý mất, cháy, hỏng hóa đơn đặt in đã mua của cơ quan thuế (1.008304);

- Báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn đặt in đã mua của cơ quan thuế và bảng kê hóa đơn sử dụng trong kỳ/ Gửi dữ liệu hóa đơn đến CQT đối với trường hợp mua hóa đơn của CQT (1.007709);

(3) Các TTHC khi áp dụng biên lai, chứng từ

- Thông báo phát hành biên lai đặt in/tự in (1.008307);

- Thông báo điều chỉnh thông tin tại thông báo phát hành biên lai (1.007713);

- Thông báo về việc ủy nhiệm lập biên lai thu tiền phí, lệ phí/ Thông báo về việc chấm dứt ủy nhiệm biên lai thu tiền phí, lệ phí (1.008555);

- Báo cáo tình hình sử dụng biên lai thu phí, lệ phí (1.008310)

- Đăng ký/ Thay đổi thông tin sử dụng biên lai điện tử (TTHC mới);

- Tiêu hủy biên lai (1.008313)

- Báo cáo biên lai đặt in, tự in trong trường hợp mất, cháy, hỏng (1.010344).

(4) Các TTHC về truy cập, kết nối

- Đăng ký/Bổ sung/ Chấm dứt sử dụng thông tin hóa đơn điện tử; Đăng ký/bổ sung/Chấm dứt tài khoản truy cập
- Đăng ký sử dụng hình thức tra cứu thông tin hóa đơn điện tử (Bảng hình thức điện tử/ hình thức nhắn tin qua số điện thoại di động)
- Đăng ký kết nối/Đăng ký dừng kết nối với Cổng thông tin hóa đơn điện tử.

2.2. Đánh giá tác động thủ tục hành chính tại dự thảo Nghị định

Về cơ bản, tại dự thảo Nghị định giữ nguyên các thủ tục hành chính đang áp dụng khi doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử, khi doanh nghiệp sử dụng hóa đơn mua hóa đơn của cơ quan thuế và khi doanh nghiệp áp dụng biên lai, chứng từ. Tại dự thảo Nghị định, sửa đổi một số TTHC chủ yếu liên quan đến thành phần hồ sơ (mẫu biểu), bãi bỏ các TTHC liên quan đến truy cập, kết nối và bổ sung thêm thủ tục mới so với các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Các TTHC mới (01 TTHC)

(1) Đề xuất bổ sung TTHC mới: Xử lý chứng từ điện tử đã lập sai

Tại khoản 22 Điều 1 dự thảo Nghị định bổ sung quy định về xử lý chứng từ điện tử đã lập sai, theo đó trường hợp chứng từ điện tử đã lập sai thì tổ chức thực hiện xử lý chứng từ theo nguyên tắc xử lý hóa đơn điện tử đã lập quy định tại Điều 19 Nghị định này. Mẫu thông báo chứng từ điện tử đã lập sai theo mẫu số 04/SS-CTĐT tại Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định này.

Việc bổ sung quy định về việc xử lý chứng từ điện tử đã lập sai sẽ giúp cho NNT trong việc thực hiện điều chỉnh sai, sót nếu có được thuận lợi, thống nhất. Về chứng từ khấu trừ thuế TNCN, kịp thời thông báo sai sót về chứng từ khấu trừ thuế TNCN điện tử cho cơ quan thuế để tăng cường trong công tác quản lý thuế TNCN. Giảm thiểu rủi ro trong việc xử lý quyết toán thuế, hoàn thuế TNCN đối với cá nhân trực tiếp quyết toán với cơ quan thuế.

Các TTHC sửa đổi (06 TTHC):

(1) Đề xuất sửa đổi TTHC: Đăng ký/ Thay đổi nội dung đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử

- Đề xuất sửa đổi mẫu: Tờ khai 01/ĐKTD-HĐĐT đăng ký/ thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử.

Do Điều 15 dự thảo Nghị định sửa đổi bổ sung quy định về các thông tin về đại diện theo pháp luật, tên Hộ, cá nhân kinh doanh); Cơ quan thuế sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế khi bán tem điện tử, các chứng từ do cơ

quan thuế đặt in; cơ quan thuế, tổ chức được ủy nhiệm thu thuế, phí, lệ phí sử dụng biên lai thu thuế, phí lệ phí điện tử trên Cổng thông tin điện tử của CQT; bổ sung thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ, thông tin đơn vị truyền nhận và trường hợp NNT tự tạm ngừng sử dụng HĐĐT nên đề xuất sửa đổi Mẫu 01/ĐKTD-HĐĐT tại hồ sơ.

Việc thay đổi cập nhật các thông tin này tại mẫu biểu 01/ĐKTD-HĐĐT không làm tăng thủ tục hành chính, thành phần hồ sơ không thay đổi, đồng thời cập nhật đầy đủ hơn các thông tin cho phù hợp với các quy định có liên quan.

- Đề xuất bổ sung trình tự thực hiện đối với trường hợp doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử (*tại điểm b khoản 10 Điều 1 dự thảo Nghị định*);

(2) Đề xuất sửa đổi TTHC: Cấp hóa đơn điện tử có mã theo từng lần phát sinh

- Đề xuất sửa đổi mẫu: Sửa đổi Mẫu 06/ĐN-PSĐT đề nghị cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh

Bổ sung thông tin về số định danh cá nhân của người đại diện pháp luật cho phù hợp với dữ liệu tại Hệ thống định danh và xác thực điện tử; mã hồ sơ giúp cơ quan thuế dễ dàng tra cứu. Hóa đơn điện tử theo từng lần phát sinh được điều chỉnh, thay thế do đó, bổ sung các thông tin về các hóa đơn đã được cấp và thông tin cần sửa đổi;

Việc thay đổi cập nhật các thông tin này tại mẫu biểu 06/ĐN-PSĐT không làm tăng thủ tục hành chính, thành phần hồ sơ không thay đổi, đồng thời cập nhật đầy đủ hơn các thông tin cho phù hợp với các quy định có liên quan.

- Tại trình tự thực hiện: Đề xuất bổ sung đối tượng được cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế là hóa đơn bán hàng và hóa đơn giá trị gia tăng (*khoản 9 Điều 1 dự thảo Nghị định- sửa đổi, bổ sung khoản 2, 3 Điều 13*).

(3) Đề xuất sửa đổi TTHC: Xử lý hóa đơn điện tử có sai sót

- Sửa đổi tên TTHC: *Điều chỉnh, thay thế hóa đơn đã lập sai*

- Sửa đổi mẫu 04/SS-HĐĐT: Thông báo hóa đơn điện tử đã lập sai.

Giải thích rõ các trường hợp phải nộp mẫu 04/SS-HĐĐT theo quy định tại Điều 19 (Thông báo hoặc giải trình với CQT);

Việc thay đổi cập nhật các thông tin này tại mẫu biểu 04/SS-HĐĐT không làm tăng thủ tục hành chính, thành phần hồ sơ, quy trình thực hiện không thay đổi.

(4) Đề xuất sửa đổi TTHC: Chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế

- Sửa đổi Mẫu số 01/TH-HĐĐT:

Gộp chung sửa đổi, bổ sung không tách riêng thành 02 trường sửa đổi, hoặc bổ sung do tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 78/2021/TT-BTC hướng dẫn trường hợp thiếu dữ liệu hóa đơn điện tử tại bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử đã gửi cơ quan thuế thì người bán gửi bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử bổ sung và trường hợp bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử đã gửi cơ quan thuế có sai sót thì người bán gửi thông tin điều chỉnh cho các thông tin đã kê khai trên bảng tổng hợp; do đó biểu mẫu gộp chung trường hợp có sửa đổi, bổ sung bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử; bổ sung thêm thông tin đồng tiền sử dụng (*khoản 15 Điều 1 dự thảo Nghị định*).

Việc thay đổi mẫu biểu 01/TH-HĐĐT không làm tăng thủ tục hành chính, thành phần hồ sơ, quy trình thực hiện không thay đổi.

(5) Đề xuất sửa đổi TTHC: Đăng ký/Thay đổi thông tin sử dụng biên lai điện tử

- Đề xuất sửa đổi tên TTHC: Đăng ký/Thay đổi thông tin sử dụng chứng từ điện tử (*Tại điểm b khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị định*)

- Sửa đổi mẫu biểu: sửa ký hiệu mẫu biểu (từ mẫu 01/ĐKTĐ-BL thành mẫu 01/ĐKTĐ-CTĐT) do chứng từ điện tử theo dự thảo bao gồm chứng từ khấu trừ thuế TNCN điện tử và biên lai điện tử.

- Về nội dung mẫu biểu 01/ĐKTĐ-CTĐT: Tại dự thảo Nghị định đã bổ sung quy định về việc Đăng ký/Thay đổi thông tin sử dụng chứng từ khấu trừ thuế TNCN điện tử, theo đó tổ chức, cá nhân khấu trừ thuế thu nhập cá nhân thực hiện đăng ký sử dụng qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn, chứng từ điện tử. Nội dung thông tin đăng ký theo Mẫu số 01/ĐKTĐ-CTĐT Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định này.

Việc bổ sung quy định đăng ký/thay đổi thông tin sử dụng chứng từ khấu trừ thuế TNCN điện tử giúp cho cơ quan thuế quản lý chặt chẽ hơn đối với việc sử dụng chứng từ khấu trừ của tổ chức, cá nhân trả thu nhập, tránh việc tổ chức, cá nhân trả thu nhập lợi dụng sử dụng chứng từ khấu trừ thuế TNCN giả mạo để cấp cho cá nhân sử dụng mục đích quyết toán, hoàn thuế TNCN gây rủi ro cho NSNN.

(6) Đề xuất sửa đổi TTHC: Báo cáo tình hình sử dụng Biên lai thu phí, lệ phí

- Đề xuất sửa đổi nội dung mẫu biểu BC26/BLĐT: Sửa đổi mẫu biểu BC26/BLĐT, theo đó bổ sung thêm trường thông tin “*Tổng tiền thuế, phí, lệ phí trong kỳ*”.

Việc bổ sung thêm trường thông tin “*Tổng tiền thuế, phí, lệ phí trong kỳ*” tại mẫu biểu BC26/BLĐT giúp cho cơ quan thuế quản lý có thông tin để đối chiếu tờ khai thuế, phí, lệ phí của tổ chức thu thuế, phí, lệ phí.

Việc sửa đổi mẫu biểu BC26/BLĐT không làm tăng thủ tục hành chính, thành phần hồ sơ, quy trình thực hiện không thay đổi.

Các TTHC bãi bỏ:

(1) TTHC: Đăng ký sử dụng hình thức tra cứu thông tin hóa đơn điện tử (Bảng hình thức điện tử/hình thức nhắn tin qua số điện thoại di động)

(2) TTHC: Đăng ký kết nối/ Đăng ký dùng kết nối với Cổng thông tin hóa đơn điện tử.

Lý do bãi bỏ: Tại khoản 2, Điều 49, Nghị định số 123/2020/NĐ-CP quy định có 3 hình thức đăng ký, bỏ sung, chấm dứt sử dụng thông tin hóa đơn điện tử, bao gồm: đăng ký tài khoản truy cập Cổng thông tin điện tử (theo mẫu 01/CCTT-ĐK); nhắn tin của số điện thoại di động (theo mẫu 01/CCTT-NT); kết nối hệ thống của bên sử dụng thông tin với Cổng thông tin điện tử (mẫu 01/CCTT-KN). Theo quy định “Việc tra cứu, cung cấp, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử được áp dụng để thực hiện các thủ tục về thuế, thủ tục thanh toán qua ngân hàng và các thủ tục hành chính khác; chứng minh tính hợp pháp của hàng hóa lưu thông trên thị trường” tại Khoản 1 Điều 44 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP và qua quá trình triển khai thực tế, với mỗi lần yêu cầu cung cấp thông tin sẽ phải giới hạn đối với một hoặc một số hoá đơn cụ thể. Với yêu cầu tương tự, để đảm bảo an toàn an ninh hệ thống, cơ sở dữ liệu, tránh dư thừa dữ liệu và thuận tiện cho công tác quản trị vận hành, hiện nay các hệ thống cơ bản đều áp dụng giải pháp công nghệ cung cấp thông tin qua dịch vụ dữ liệu qua (API) hoặc tra cứu trực tiếp trên Cổng/Ứng dụng theo tài khoản đã được của Tổ chức quản lý hệ thống cấp theo đăng ký. Ví dụ để sử dụng thông tin của cá nhân tại Cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư, các Tổ chức/cá nhân sử dụng thông tin sẽ sử dụng qua các dịch vụ dữ liệu do Bộ Công an cung cấp hoặc tra cứu trực tiếp trên Cổng của Bộ Công an hoặc ứng dụng VNeID.

Vì vậy, Bộ Tài chính đề xuất sửa đổi quy định tại điều 49 Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 123/2020/NĐ-CP theo hướng tổ chức/cá nhân sẽ đăng ký tài khoản để tra cứu thông tin hoá đơn điện tử thông qua dịch vụ dữ liệu hoặc truy cập và khai thác trực tiếp trên Cổng thông tin điện tử/ ứng dụng trên điện thoại thông minh của Tổng cục Thuế. Việc bãi bỏ 02 TTHC nêu trên quy định tại Điều 49 Nghị định 123/2020/NĐ-CP vừa giảm thủ tục nhưng vẫn đảm bảo việc sử dụng thông

tin hóa đơn điện tử cho các bên sử dụng thông tin theo quy định tại điều 46 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP.

IV. Kết luận

Tóm lại, những nội dung tại Dự thảo Nghị định có sự thay đổi về các TTHC: 01 TTHC mới, 6 TTHC sửa đổi, 02 TTHC bãi bỏ. Trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị định, Bộ Tài chính đã tổ chức nhiều cuộc hội thảo với các Bộ, ngành, các tổ chức, cá nhân chịu sự điều chỉnh của chính sách quản lý thuế. Trên cơ sở các ý kiến tham gia, tham vấn, kết quả nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế về các vấn đề liên quan, Bộ Tài chính đã tổng hợp, xây dựng Báo cáo đánh giá tác động này. *(Kèm theo Dự thảo Nghị định và các mẫu biểu).*

Trên đây là báo cáo đánh giá tác động tại dự thảo Nghị định của Bộ Tài chính./.

BỘ TÀI CHÍNH



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM.
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 7 tháng 6 năm 2024

BÁO CÁO
RÀ SOÁT CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN
(Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 123/2020/NĐ-CP
ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ)
(Kèm Tờ trình số 128 /TTr-BTC ngày 7 /6 /2024 của Bộ Tài chính)

Kính gửi: Chính phủ
(Tài liệu phục vụ gửi Bộ Tư pháp thẩm định)

Thực hiện Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, trên cơ sở kết quả tổng kết thực hiện Nghị định số 123/2020/NĐ-CP, tổng hợp ý kiến, kiến nghị của các Bộ, ngành, địa phương, người dân và doanh nghiệp, kết quả rà soát thường xuyên,... Bộ Tài chính đã tổ chức rà soát các quy định của chính sách về hóa đơn, chứng từ với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Trên cơ sở kết quả rà soát, Bộ Tài chính báo cáo như sau:

I. MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM RÀ SOÁT

1. Mục tiêu

Việc rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hóa đơn, chứng từ được thực hiện nhằm tránh việc chồng chéo, mâu thuẫn giữa các quy định của dự thảo Nghị định về hóa đơn, chứng từ với các luật khác có liên quan để đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật.

2. Quan điểm

Việc rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến dự thảo Nghị định hóa đơn, chứng từ được thực hiện dựa trên quan điểm sau đây:

- Việc xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 123/2020/NĐ-CP nhằm thực hiện các chủ trương của Đảng, Nhà nước về đẩy mạnh xây dựng chính phủ điện tử, tiến tới chính phủ số, nền kinh tế số, xã hội số.

- Sửa đổi những quy định chưa phù hợp, bổ sung cập nhật các nội dung mới dựa trên nguyên tắc phù hợp với tình hình thực tiễn.

- Rà soát, xác định rõ những nội dung, phạm vi vấn đề cần sửa đổi, bổ sung nhằm bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật.

- Kế thừa và phát huy những quy định về hóa đơn, chứng từ đã mang lại tác động tích cực; những nội dung sửa đổi, bổ sung đều rõ ràng, minh bạch, có đánh giá tác động cụ thể.

II. KẾT QUẢ RÀ SOÁT

Bộ Tài chính đã tổ chức rà soát các luật có mối quan hệ với quy định về hóa đơn, chứng từ, cụ thể:

1. Nhóm các luật thuế về thuế

Qua rà soát cho thấy, có 06 Luật liên quan đến quy định về hóa đơn, chứng từ, cụ thể:

a) Nhóm các luật chưa phát hiện có nội dung vướng mắc, chồng chéo: (1) Luật Quản lý Thuế; (2) Luật thuế thu nhập doanh nghiệp; (3) Luật thuế GTGT; (4) Luật thuế TNDN; (5) Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; (6) Luật phí, lệ phí.

b) Nhóm luật có nội dung vướng mắc, chồng chéo: không có

Nội dung vướng mắc tập trung vào: (1) người nộp thuế, (2) kê khai, điều chỉnh hóa đơn điều chỉnh, thay thế, (3) thời điểm lập hóa đơn trong một số ngành, lĩnh vực cụ thể: ngân hàng, hoạt động bán khí thiên nhiên, khí đồng hành, khí than, khám chữa bệnh và hoạt động khuyến mại (4) cách lập hóa đơn của hàng bán trả lại.

2. Nhóm các luật chuyên ngành

Qua rà soát cho thấy, có 04 lĩnh vực chuyên ngành có liên quan đến quy định về hóa đơn, chứng từ, bao gồm

a) Nhóm các VPQPPL chưa phát hiện có nội dung vướng mắc, chồng chéo: (1) BHXH, (2) kinh doanh bảo hiểm, (3) Hoạt động của các công ty tài chính và cho thuê tài chính, (4) Kinh doanh trò chơi có thưởng, (5) Luật ngân hàng, chứng khoán.

b) Nhóm VBQPPL có nội dung vướng mắc, chồng chéo: không có

Nội dung vướng mắc tập trung vào: thời điểm lập hóa đơn đối với một số lĩnh vực chuyên ngành.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 có hiệu lực từ ngày 01/7/2020, riêng quy định về hóa đơn, chứng từ điện tử của Luật (Chương X) có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2022; khuyến khích cơ quan tổ chức, cá nhân áp dụng quy định về hóa đơn, chứng từ điện tử của Luật này trước ngày 01/7/2022.

Thực hiện Luật Quản lý thuế năm 2019, ngày 19/10/2020 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định về hóa đơn, chứng

từ (sau gọi chung là Nghị định số 123/2020/NĐ-CP) với mục tiêu là áp dụng hóa đơn điện tử (HĐĐT) đối với các doanh nghiệp, tổ chức, hộ cá nhân kinh doanh từ ngày 01/7/2022, khuyến khích cơ quan, tổ chức, cá nhân đáp ứng điều kiện về hạ tầng công nghệ thông tin áp dụng quy định về HĐĐT trước ngày 01/7/2022.

Bộ Tài chính đã chỉ đạo ngành thuế xây dựng hệ thống hóa đơn điện tử thống nhất tập trung và có khả năng: đáp ứng yêu cầu tiếp nhận, xử lý số lượng hóa đơn lớn (trung bình 6,4 tỷ hóa đơn/năm); có các phần mềm quản trị hệ thống tự động theo dõi, báo cáo và cảnh báo sự cố liên quan đến hoạt động của các hệ thống máy chủ, ứng dụng dịch vụ (micro service); phần mềm theo dõi trực tuyến (online) về sức khỏe của hệ thống (đường truyền, cơ sở dữ liệu...); đảm bảo hoạt động ổn định 24/7 để đáp ứng yêu cầu tiếp nhận và xử lý cấp mã hóa đơn để không làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất - kinh doanh của người nộp thuế; hỗ trợ cơ quan thuế các cấp trong công tác quản lý thuế với việc cung cấp các báo cáo tổng hợp, báo cáo chi tiết theo nhiều tiêu thức quản lý khác nhau, báo cáo hỗ trợ quản lý rủi ro hóa đơn điện tử, hỗ trợ cung cấp các chức năng khai thác dữ liệu.... Đồng thời, kết nối và chia sẻ cung cấp dữ liệu hóa đơn điện tử cho các cơ quan nhà nước theo từng lần phát sinh hoặc lô dữ liệu; kết nối tiếp nhận dữ liệu hóa đơn điện tử trực tiếp từ các doanh nghiệp lớn thuộc các ngành nghề điện lực, xăng dầu, ngân hàng, bảo hiểm.

Để khuyến khích người tiêu dùng có thói quen lấy hóa đơn khi mua hàng hóa, dịch vụ cũng như sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan, Bộ Tài chính đã chỉ đạo ngành thuế triển khai trên cả nước chương trình “Hóa đơn may mắn” (quay số hóa đơn trúng thưởng) và chương trình “Hóa đơn khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế” cho các ngành: kinh doanh ăn uống nhà hàng, khách sạn; bán lẻ hàng hóa (bao gồm siêu thị); bán lẻ thuốc tân dược; dịch vụ khác để quản lý chính xác doanh thu của các ngành nghề kinh doanh này.

Việc sử dụng hóa đơn điện tử trên cả nước đã góp phần hỗ trợ cơ quan thuế trong việc nâng cao hiệu quả quản lý thuế, hỗ trợ cơ quan thuế thực hiện kết nối, chia sẻ và cung cấp dữ liệu hóa đơn điện tử cho các cơ quan khác của nhà nước. Với các doanh nghiệp, hộ kinh doanh, việc áp dụng hóa đơn điện tử góp phần làm giảm chi phí quản lý, sử dụng hóa đơn, giúp nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, giảm thiểu nhiều rủi ro so với sử dụng hóa đơn giấy. Với ngành tài chính, dữ liệu hóa đơn điện tử được xác định là một trong các nền tảng cơ bản của cơ sở dữ liệu quốc gia về tài chính.

Bên cạnh kết quả đạt được nêu trên, trong gần 3 năm triển khai Nghị định số 123/2020/NĐ-CP cũng có một số khó khăn, vướng mắc như:

- Một số quy định về việc áp dụng hóa đơn điện tử của người bán chưa rõ: nguyên tắc lập hóa đơn trong trường hợp điều chuyển tài sản, bồi thường bằng hàng hóa, dịch vụ...; quy định về thời điểm lập hóa đơn của hàng hóa xuất khẩu,

thời điểm lập hóa đơn của một số ngành nghề đặc thù (như ngân hàng, bảo hiểm...); quy định về việc sử dụng hóa đơn của doanh nghiệp chế xuất...; quy định về xử lý hóa đơn điện tử đã lập không có sai nhưng cần điều chỉnh; về đối tượng áp dụng hóa đơn điện tử theo từng lần phát sinh; quy định về việc áp dụng hóa đơn điện tử từ máy tính tiền có kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế.

- Phát sinh một số vụ án mua bán hóa đơn lớn¹ đòi hỏi ngành thuế cần phải có giải pháp quản lý người nộp thuế ngay từ khâu đăng ký sử dụng hóa đơn và trong quá trình sử dụng hóa đơn điện tử.

- Chưa có quy định về định dạng chuẩn dữ liệu chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân điện tử cũng như định dạng chuẩn dữ liệu khi áp dụng biên lai, chứng từ điện tử.

- Quy định về tra cứu, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử còn bất cập, thực tế có quá nhiều cơ quan có văn bản đề nghị được truy cập vào hệ thống hóa đơn điện tử của ngành thuế nên không đảm bảo bảo mật của hệ thống.

- Một số biểu mẫu ban hành kèm theo Nghị định số 123/2020/NĐ-CP còn chưa phù hợp thực tế và quá trình số hóa.

Từ kết quả rà soát và quá trình tổng kết thi hành Nghị định về hóa đơn, chứng từ trong thời gian qua, Bộ Tài chính đề xuất, kiến nghị sửa các quy định theo từng nhóm nội dung liên quan người nộp thuế, cơ quan thuế, các tổ chức, cá nhân có liên quan, cụ thể như sau:

1. Nhóm nội dung liên quan đến người nộp thuế nhằm quy định minh bạch, tạo thuận lợi cho người nộp thuế, đơn giản hóa thủ tục thực hiện.

2. Nhóm nội dung liên quan giải pháp của cơ quan thuế nhằm phòng ngừa, hạn chế gian lận khi doanh nghiệp đăng ký sử dụng HĐĐT và trong quá trình sử dụng HĐĐT.

3. Nhóm nội dung liên quan trách nhiệm của các chủ thể tham gia vào quá trình sử dụng hóa đơn điện tử

4. Nhóm nội dung liên quan quản lý chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân, biên lai điện tử; sử dụng biên lai giấy để tạo thuận lợi cho người sử dụng

5. Nhóm nội dung về tra cứu, cung cấp, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử

6. Các nội dung khác bao gồm giải thích từ ngữ, xử lý sự cố, các mẫu...

Qua rà soát, Bộ Tài chính nhận thấy, các quy định tại dự thảo sửa đổi Nghị định về hóa đơn, chứng từ đảm bảo phù hợp với các cam kết quốc tế của Việt

¹ Tháng 12/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử vụ án đường dây mua bán hóa đơn giá trị GTGT gần 64.000 tỷ đồng; Tháng 12/2023, cơ quan CSĐT Công an TP Đà Nẵng đã khởi tố vụ án 3 đường dây thành lập 280 công ty, mua bán trái phép hóa đơn với doanh số hơn 25.000 tỷ đồng; Tháng 10/2023, Công an TP HCM hoàn tất kết luận điều tra vụ án hình sự "in, phát hành, mua bán trái phép hóa đơn" và trốn thuế 34.000 hóa đơn trị giá hơn 4.000 tỷ đồng;...

Nam và không trái với các cam kết tại các Điều ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia và là thành viên.

Trên đây là Báo cáo kết quả rà soát các quy định về hóa đơn, chứng từ với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan./.

BỘ TÀI CHÍNH



(Bản Track Changes)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP
ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Thuế giá trị gia tăng ngày 03 tháng 6 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng ngày 19 tháng 6 năm 2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế ngày 26 tháng 11 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Quản lý thuế ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Luật Kế toán ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 22 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2016;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Hóa đơn điện tử là hóa đơn có mã hoặc không có mã của cơ quan thuế được thể hiện ở dạng dữ liệu điện tử do tổ chức, cá nhân bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ lập bằng phương tiện điện tử để ghi nhận thông tin bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật về kế toán, pháp luật về thuế, bao gồm cả

trường hợp hóa đơn được khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế, trong đó:

a) Hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế là hóa đơn điện tử được cơ quan thuế cấp mã trước khi tổ chức, cá nhân bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ gửi cho người mua.

Mã của cơ quan thuế trên hóa đơn điện tử bao gồm số giao dịch là một dãy số duy nhất do hệ thống của cơ quan thuế tạo ra và một chuỗi ký tự được cơ quan thuế mã hóa dựa trên thông tin của người bán lập trên hóa đơn.

b) Hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế là hóa đơn điện tử do tổ chức bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ gửi cho người mua không có mã của cơ quan thuế.

c) Hóa đơn điện tử có mã khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế (sau đây gọi là hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền) là hóa đơn được thể hiện ở dạng dữ liệu điện tử do tổ chức, cá nhân bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ lập từ hệ thống tính tiền, dữ liệu được chuyển đến cơ quan thuế theo định dạng dữ liệu được quy định tại Điều 12 Nghị định này và hướng dẫn của Tổng cục Thuế.

d) Máy tính tiền là hệ thống tính tiền bao gồm một thiết bị điện tử đồng bộ hoặc một hệ thống gồm nhiều thiết bị điện tử được kết hợp với nhau bằng giải pháp công nghệ thông tin có chức năng chung như: tính tiền, lưu trữ các giao dịch bán hàng, số liệu bán hàng.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Chứng từ là tài liệu dùng để ghi nhận thông tin về các khoản thuế khấu trừ, các khoản thu thuế, phí và lệ phí thuộc ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật quản lý thuế; *ghi nhận số tiền thu được và trả lại cho khách chơi trong hoạt động kinh doanh casino, trò chơi điện tử có thưởng.* Chứng từ theo quy định tại Nghị định này bao gồm chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân, biên lai thuế, phí, lệ phí được thể hiện theo hình thức điện tử hoặc đặt in, tự in, *chứng từ ghi nhận số tiền thu được và trả lại cho khách chơi trong hoạt động kinh doanh casino, trò chơi điện tử có thưởng.*”

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Chứng từ điện tử bao gồm các loại chứng từ, biên lai theo khoản 4 Điều này được thể hiện ở dạng dữ liệu điện tử do tổ chức, cá nhân có trách nhiệm khấu trừ thuế cấp cho người nộp thuế hoặc do tổ chức thu thuế, phí, lệ phí cấp cho người nộp bằng phương tiện điện tử theo quy định của pháp luật phí, lệ phí, pháp luật thuế.”

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 8 như sau:

“8. Hóa đơn, chứng từ giả là hóa đơn, chứng từ được in hoặc khởi tạo theo mẫu hóa đơn, chứng từ đã được thông báo phát hành của tổ chức, cá nhân khác hoặc in, khởi tạo trùng số của cùng một ký hiệu hóa đơn, chứng từ hoặc làm giả

Chữ in thường là quy định hiện hành;

Chữ *đậm, nghiêng* là bổ sung.

Chữ *gạch* giữa là xóa bỏ

hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử; là hóa đơn, chứng từ được lập để nộp thuế cho hàng hóa mua bán thực tế không phải là hàng hóa được ghi trên hóa đơn.”

d) Bỏ khoản 10:

~~“10. Hủy hóa đơn, chứng từ là làm cho hóa đơn, chứng từ đó không có giá trị sử dụng.”~~

e) Sửa đổi, bổ sung khoản 11, 12 như sau:

“11. Tiêu hủy hóa đơn, chứng từ:

a) Tiêu hủy hóa đơn, chứng từ điện tử là biện pháp làm cho hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử không còn tồn tại trên hệ thống thông tin, không thể truy cập và tham chiếu đến thông tin chứa trong hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử.

b) Tiêu hủy hóa đơn do cơ quan thuế đặt in, tiêu hủy chứng từ đặt in, tự in là việc sử dụng biện pháp đốt cháy, cắt, xé nhỏ hoặc hình thức tiêu hủy khác, đảm bảo hóa đơn, chứng từ đã tiêu hủy sẽ không thể sử dụng lại các thông tin, số liệu trên đó.

Hóa đơn, chứng từ được phép tiêu hủy là hóa đơn, chứng từ đã hết thời hạn lưu trữ theo quy định tại Điều 6 Nghị định này.

12. Tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử là tổ chức cung cấp giải pháp trong việc khởi tạo, kết nối nhận, truyền, nhận, lưu trữ, xử lý dữ liệu của hóa đơn điện tử, ~~chứng từ điện tử có mã của cơ quan thuế và không có mã của cơ quan thuế.~~ Tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử bao gồm: Tổ chức cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử ~~có mã của cơ quan thuế và không có mã của cơ quan thuế~~ cho người bán và người mua; tổ chức kết nối nhận, truyền, lưu trữ dữ liệu hóa đơn điện tử với cơ quan thuế.”

g) Bổ sung khoản 14 như sau:

“14. Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế về hóa đơn điện tử dành cho người nộp thuế (sau đây gọi tắt là Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế) là điểm truy cập tập trung trên internet do Tổng cục Thuế cung cấp để người nộp thuế, cơ quan thuế, tổ chức truyền nhận và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác thực hiện các giao dịch về hóa đơn điện tử theo quy định. Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế: gửi phản hồi tự động về việc xác nhận người nộp thuế đã gửi thành công và thông báo về thời điểm tiếp nhận chính thức hồ sơ, tài liệu, dữ liệu của người nộp thuế; gửi thông báo và kết quả giải quyết các nội dung liên quan đến hóa đơn điện tử của người nộp thuế (nếu có) thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử (đối với trường hợp người nộp thuế đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử qua tổ chức cung cấp dịch vụ) hoặc tài khoản sử dụng Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế hoặc địa chỉ thư điện tử đã đăng ký với cơ quan thuế (đối với trường hợp người nộp thuế đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử trực tiếp tại Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế).”

Chữ in thường là quy định hiện hành;

Chữ **đậm, nghiêng** là bổ sung.

Chữ gạch giữa là xóa bỏ

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1, 2, 3 như sau:

“1. Khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, người bán phải lập hóa đơn để giao cho người mua (bao gồm cả các trường hợp hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại, quảng cáo, hàng mẫu; hàng hóa, dịch vụ dùng để cho, biếu, tặng, trao đổi, trả thay lương cho người lao động và tiêu dùng nội bộ (trừ hàng hóa luân chuyển nội bộ để tiếp tục quá trình sản xuất); xuất hàng hóa dưới các hình thức cho vay, cho mượn hoặc hoàn trả hàng hóa) và ***các trường hợp lập hóa đơn điều chỉnh hoặc thay thế theo quy định tại Điều 19 Nghị định này.*** Hóa đơn phải ghi đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều 10 Nghị định này, trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử thì phải theo định dạng chuẩn dữ liệu của cơ quan thuế theo quy định tại Điều 12 Nghị định này.

2. Khi khấu trừ thuế thu nhập cá nhân, khi thu thuế, phí, lệ phí, tổ chức, cá nhân khấu trừ thuế, tổ chức thu ***thuế*** phí, lệ phí, tổ chức thu thuế phải lập chứng từ khấu trừ thuế, biên lai thu thuế, phí, lệ phí giao cho người có thu nhập bị khấu trừ thuế, người nộp thuế, nộp phí, lệ phí và phải ghi đầy đủ các nội dung theo quy định tại Điều 32 Nghị định này. Trường hợp sử dụng ***biên lai chứng từ*** điện tử thì phải theo định dạng chuẩn dữ liệu của cơ quan thuế. Trường hợp cá nhân ủy quyền quyết toán thuế thì không cấp chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân.

Đối với cá nhân không ký hợp đồng lao động hoặc ký hợp đồng lao động dưới 03 tháng ~~thì: cá nhân có quyền yêu cầu~~ tổ chức, cá nhân trả thu nhập được ~~lựa chọn~~ cấp chứng từ khấu trừ thuế cho mỗi lần khấu trừ thuế hoặc cấp một chứng từ khấu trừ cho nhiều lần khấu trừ thuế trong một ***kỳ năm*** tính thuế. Đối với cá nhân ký hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên, tổ chức, cá nhân trả thu nhập chỉ cấp cho cá nhân một chứng từ khấu trừ thuế trong một ***kỳ năm*** tính thuế.”

3. Trước khi sử dụng hóa đơn, ~~biên lai~~, ***chứng từ***, doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ ***kinh doanh***, cá nhân kinh doanh, ***tổ chức, cá nhân khấu trừ thuế thu nhập cá nhân***, tổ chức thu thuế, phí, lệ phí, phải thực hiện đăng ký sử dụng với cơ quan thuế hoặc thực hiện thông báo phát hành theo quy định tại Điều 15, Điều 34 và khoản 1 Điều 36 Nghị định này. Đối với hóa đơn, biên lai do cơ quan thuế đặt in, cơ quan thuế thực hiện thông báo phát hành theo khoản 3 Điều 24 và khoản 2 Điều 36 Nghị định này.”

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 6, 7 như sau:

“6. Dữ liệu hóa đơn, chứng từ khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, dữ liệu chứng từ khi thực hiện các giao dịch nộp thuế, khấu trừ thuế và nộp các khoản thuế, phí, lệ phí là cơ sở dữ liệu để phục vụ công tác quản lý thuế và cung cấp thông tin hóa đơn, chứng từ cho các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Người bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, cơ quan thuế sử dụng cơ sở dữ liệu về hóa đơn điện tử để thực hiện các biện pháp khuyến khích người tiêu dùng lấy hóa đơn khi mua hàng hóa, dịch vụ như: chương trình khách hàng thường xuyên, chương trình tham gia dự thưởng, chương trình hóa đơn may

Chữ in thường là quy định hiện hành;

Chữ ***đậm, nghiêng*** là bổ sung.

Chữ ***gạch giữa*** là xóa bỏ

mẫn. Đối với biện pháp khuyến khích người tiêu dùng lấy hóa đơn do cơ quan thuế thực hiện, giao Bộ Tài chính tổ chức thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước cấp cho cơ quan thuế.

7. Người bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ là doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác được ủy nhiệm cho bên thứ ba lập hóa đơn điện tử cho hoạt động bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ. Hóa đơn được ủy nhiệm cho bên thứ ba lập vẫn phải thể hiện tên đơn vị bán là bên ủy nhiệm. Việc ủy nhiệm phải được xác định bằng văn bản giữa bên ủy nhiệm và bên nhận ủy nhiệm thể hiện đầy đủ các thông tin về hóa đơn ủy nhiệm (mục đích ủy nhiệm; thời hạn ủy nhiệm; phương thức thanh toán hóa đơn ủy nhiệm) và phải thông báo cho cơ quan thuế khi đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử. Trường hợp hóa đơn ủy nhiệm là hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế thì bên ủy nhiệm phải chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử đến cơ quan thuế thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ. Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể nội dung này.”

c) Bổ sung khoản 9, 10 như sau:

“9. Trường hợp tổ chức thu thuế, phí, lệ phí và người cung cấp dịch vụ cùng thực hiện thu thuế, phí, lệ phí và tiền bán hàng hóa cung cấp dịch vụ của một khách hàng thì được tích hợp biên lai thu thuế, phí, lệ phí và hóa đơn trên cùng một định dạng điện tử để giao cho người mua. Hóa đơn điện tử tích hợp phải đảm bảo có đủ nội dung của hóa đơn điện tử, biên lai điện tử và theo đúng định dạng do cơ quan thuế quy định. Người bán hàng, cung cấp dịch vụ và tổ chức thu phí, lệ phí có trách nhiệm thỏa thuận về đơn vị chịu trách nhiệm lập hóa đơn điện tử tích hợp cho khách hàng và phải thông báo đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp. Việc kê khai doanh thu của người bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ và việc kê khai thuế, phí, lệ phí thực hiện theo quy định của pháp luật quản lý thuế.”

10. Doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh casino, trò chơi điện tử có thưởng phải lập chứng từ điện tử và chuyển dữ liệu đến cơ quan thuế theo Mẫu số 01/TH-DT quy định tại Nghị định này để ghi nhận số tiền thu được do đổi đồng tiền quy ước cho người chơi tại quầy, tại bàn chơi và số tiền thu tại máy trò chơi điện tử có thưởng trừ đi số tiền đổi trả cho người chơi do người chơi trúng thưởng hoặc người chơi không sử dụng hết trong ngày xác định doanh thu cùng thời điểm chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử. Ngày xác định doanh thu là khoảng thời gian từ 0 giờ 00 phút đến 23 giờ 59 phút cùng ngày.”

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 5 như sau:

“2. Đối với tổ chức, cá nhân bán, cung cấp hàng hóa, cung cấp dịch vụ, tổ chức, cá nhân có quyền và nghĩa vụ liên quan

a) Thực hiện hành vi gian dối như sử dụng hóa đơn không hợp pháp, sử dụng không hợp pháp hóa đơn; làm giả hóa đơn, chứng từ để thực hiện hành vi trái pháp luật.

Chữ in thường là quy định hiện hành;

Chữ ***đậm, nghiêng*** là bổ sung.

Chữ gạch giữa là xóa bỏ

b) Cản trở công chức thuế thi hành công vụ, cụ thể các hành vi cản trở gây tổn hại sức khỏe, nhân phẩm của công chức thuế khi đang thanh tra, kiểm tra về hóa đơn, chứng từ;

c) Truy cập trái phép, làm sai lệch, phá hủy hệ thống thông tin về hóa đơn, chứng từ;

d) Đưa hối lộ hoặc thực hiện các hành vi khác liên quan hóa đơn, chứng từ nhằm mưu lợi bất chính.

đ) Không chuyển dữ liệu điện tử về cơ quan thuế theo quy định tại Nghị định này.

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 như sau:

“b) Tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ vào nội địa và khi bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ giữa các tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan với nhau, xuất khẩu hàng hóa, cung cấp dịch vụ ra nước ngoài, trên hóa đơn ghi rõ “Dành cho tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan”.

Trường hợp doanh nghiệp chế xuất có hoạt động kinh doanh khác (ngoài hoạt động chế xuất theo quy định pháp luật về khu công nghiệp, khu chế xuất) thuộc diện phải kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật thuế giá trị gia tăng thì doanh nghiệp chế xuất sử dụng hóa đơn theo quy định tại khoản 1 hoặc điểm a khoản 2 Điều này.

b) Bổ sung khoản 2a như sau:

“2a. Hóa đơn thương mại điện tử khi xuất khẩu hàng hóa, cung cấp dịch vụ ra nước ngoài.”

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Hóa đơn điện tử bán tài sản công được sử dụng khi bán, ***chuyển nhượng*** các tài sản ***công thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công sau:***

a) Tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị (bao gồm cả nhà ở thuộc sở hữu nhà nước);

b) Tài sản kết cấu hạ tầng;

~~c) Tài sản công được Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;~~

d) Tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước;

~~đ) Tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;~~

~~e) Tài sản công bị thu hồi theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền;~~

Chữ in thường là quy định hiện hành;

Chữ ***đậm, nghiêng*** là bổ sung.

Chữ ~~gạch~~ giữa là xóa bỏ

g) ~~Vật tư, vật liệu thu hồi được từ việc xử lý tài sản công.~~

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1, 2 như sau:

“1. Thời điểm lập hóa đơn đối với bán hàng hóa (bao gồm cả bán, *chuyển nhượng* tài sản ~~công~~ nhà nước, tài sản tịch thu, ~~sung~~ quỹ nhà nước và bán hàng dự trữ quốc gia) là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hàng hóa cho người mua, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền. *Đối với trường hợp xuất khẩu hàng hóa (bao gồm cả gia công xuất khẩu):*

a) *Trường hợp người bán đáp ứng điều kiện chuyển dữ liệu hóa đơn thương mại bằng phương thức điện tử đến cơ quan thuế (người bán đăng ký sử dụng hóa đơn thương mại điện tử, hóa đơn thương mại điện tử đáp ứng quy định về nội dung theo quy định tại Điều 10 Nghị định này đáp ứng quy định về định dạng chuẩn dữ liệu của cơ quan thuế theo quy định tại Điều 12 Nghị định) thì thời điểm lập hóa đơn thương mại điện tử do người bán tự xác định nhưng chậm nhất không quá ngày làm việc tiếp theo kể từ ngày hàng hóa được thông quan theo quy định pháp luật về hải quan và chuyển dữ liệu hóa đơn thương mại điện tử đến cơ quan thuế.*

b) *Trường hợp người bán không đáp ứng điều kiện chuyển dữ liệu hóa đơn thương mại bằng phương thức điện tử đến cơ quan thuế thì thời điểm lập hóa đơn giá trị gia tăng điện tử do người bán tự xác định nhưng chậm nhất không quá ngày làm việc tiếp theo kể từ ngày hàng hóa được thông quan theo quy định pháp luật về hải quan.”*

2. Thời điểm lập hóa đơn đối với cung cấp dịch vụ là thời điểm hoàn thành việc cung cấp dịch vụ (*bao gồm cả cung cấp dịch vụ cho tổ chức, cá nhân nước ngoài*) không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền. Trường hợp người cung cấp dịch vụ có thu tiền trước hoặc trong khi cung cấp dịch vụ thì thời điểm lập hóa đơn là thời điểm thu tiền (không bao gồm trường hợp thu tiền đặt cọc hoặc tạm ứng để đảm bảo thực hiện hợp đồng cung cấp các dịch vụ: kế toán, kiểm toán, tư vấn tài chính, thuế; thẩm định giá; khảo sát, thiết kế kỹ thuật; tư vấn giám sát; lập dự án đầu tư xây dựng).”

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Thời điểm lập hóa đơn đối với một số trường hợp cụ thể như sau:

a) Đối với các trường hợp *bán hàng hóa*, cung cấp dịch vụ với số lượng lớn, phát sinh thường xuyên, cần có thời gian đối soát số liệu giữa doanh nghiệp *bán hàng hóa*, cung cấp dịch vụ và khách hàng, đối tác ~~như~~ *gồm*: trường hợp cung cấp dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không, cung ứng nhiên liệu hàng không cho các hãng hàng không, hoạt động cung cấp điện (trừ đối tượng quy định tại điểm h khoản này), *cung cấp dịch vụ hỗ trợ vận tải đường sắt*, nước, dịch vụ truyền hình, *dịch vụ quảng cáo truyền hình*, dịch vụ bưu chính chuyên phát (bao gồm cả dịch vụ đại lý, dịch vụ thu hộ, chi hộ), dịch vụ viễn thông (bao gồm cả dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng), dịch vụ logistic, dịch vụ công nghệ

Chữ in thường là quy định hiện hành;

Chữ *đậm, nghiêng* là bổ sung.

Chữ gạch giữa là xóa bỏ

thông tin (trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này) được bán theo kỳ nhất định, ***dịch vụ ngân hàng (trừ hoạt động cho vay), chuyển tiền quốc tế, chứng khoán, sổ số điện toán, thu phí sử dụng đường bộ giữa nhà đầu tư và nhà cung cấp dịch vụ thu phí và các trường hợp khác theo hướng dẫn của Bộ Tài chính***, thời điểm lập hóa đơn là thời điểm hoàn thành việc đối soát dữ liệu giữa các bên nhưng chậm nhất không quá ngày 07 của tháng sau tháng phát sinh việc cung cấp dịch vụ hoặc không quá 07 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ quy ước. Kỳ quy ước đề làm căn cứ tính lượng hàng hóa, dịch vụ cung cấp căn cứ thỏa thuận giữa đơn vị bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ với người mua.

b) Đối với dịch vụ viễn thông (bao gồm cả dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng), dịch vụ công nghệ thông tin (bao gồm dịch vụ trung gian thanh toán sử dụng trên nền tảng viễn thông, công nghệ thông tin) phải thực hiện đối soát dữ liệu kết nối giữa các cơ sở kinh doanh dịch vụ, thời điểm lập hóa đơn là thời điểm hoàn thành việc đối soát dữ liệu về cước dịch vụ theo hợp đồng kinh tế giữa các cơ sở kinh doanh dịch vụ nhưng chậm nhất không quá 2 tháng kể từ tháng phát sinh cước dịch vụ kết nối.

Trường hợp cung cấp dịch vụ viễn thông (bao gồm cả dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng) thông qua bán thẻ trả trước, thu cước phí hòa mạng khi khách hàng đăng ký sử dụng dịch vụ mà khách hàng không yêu cầu xuất hóa đơn GTGT hoặc không cung cấp tên, địa chỉ, mã số thuế thì cuối mỗi ngày hoặc định kỳ trong tháng, cơ sở kinh doanh dịch vụ lập chung một hóa đơn GTGT ghi nhận tổng doanh thu phát sinh theo từng dịch vụ người mua không lấy hóa đơn hoặc không cung cấp tên, địa chỉ, mã số thuế.

c) Đối với hoạt động xây dựng, lắp đặt, thời điểm lập hóa đơn là thời điểm nghiệm thu, bàn giao công trình, hạng mục công trình, khối lượng xây dựng, lắp đặt hoàn thành, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

d) Đối với tổ chức kinh doanh bất động sản, xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng nhà để bán, chuyển nhượng:

d.1) Trường hợp chưa chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng: Có thực hiện thu tiền theo tiến độ thực hiện dự án hoặc tiến độ thu tiền ghi trong hợp đồng thì thời điểm lập hóa đơn là ngày thu tiền hoặc theo thỏa thuận thanh toán trong hợp đồng.

d.2) Trường hợp đã chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng: Thời điểm lập hóa đơn thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này.

đ) Thời điểm lập hóa đơn đối với các trường hợp tổ chức kinh doanh mua dịch vụ vận tải hàng không xuất qua website và hệ thống thương mại điện tử được lập theo thông lệ quốc tế chậm nhất không quá 05 ngày kế tiếp kể từ ngày chứng từ dịch vụ vận tải hàng không xuất ra trên hệ thống website và hệ thống thương mại điện tử.

e) Đối với hoạt động tìm kiếm thăm dò, khai thác và chế biến dầu thô: Thời điểm lập hóa đơn bán dầu thô, condensate, các sản phẩm được chế biến từ dầu thô

Chữ in thường là quy định hiện hành;

Chữ ***đậm, nghiêng*** là bổ sung.

Chữ ***gạch*** giữa là xóa bỏ

(bao gồm cả hoạt động bao tiêu sản phẩm theo cam kết của Chính phủ) là thời điểm bên mua và bên bán xác định được giá bán chính thức, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

Đối với hoạt động bán khí thiên nhiên, khí đồng hành, khí than được chuyển bằng đường ống dẫn khí đến người mua, *thời điểm lập hóa đơn là thời điểm bên mua, bên bán xác định khối lượng khí giao của tháng nhưng chậm nhất là ngày cuối cùng của thời hạn kê khai, nộp thuế đối với tháng phát sinh nghĩa vụ thuế theo quy định pháp luật về thuế* không quá 07 ngày kế tiếp kể từ ngày bên bán gửi thông báo lượng khí giao hàng tháng.

Trường hợp thỏa thuận bảo lãnh và cam kết của Chính phủ có quy định khác về thời điểm lập hóa đơn thì thực hiện theo quy định tại thỏa thuận bảo lãnh và cam kết của Chính phủ.

g) ~~Đối với cơ sở kinh doanh thương mại bán lẻ, kinh doanh dịch vụ ăn uống theo mô hình hệ thống của hàng bán trực tiếp đến người tiêu dùng nhưng việc hạch toán toàn bộ hoạt động kinh doanh được thực hiện tại trụ sở chính (trụ sở chính trực tiếp ký hợp đồng mua, bán hàng hóa, dịch vụ; hóa đơn bán hàng hóa, dịch vụ từng của hàng xuất cho khách hàng xuất qua hệ thống máy tính tiền của từng cửa hàng đứng tên trụ sở chính), hệ thống máy tính tiền kết nối với máy tính chưa đáp ứng điều kiện kết nối chuyển dữ liệu với cơ quan thuế, từng giao dịch bán hàng hóa, cung cấp đồ ăn uống có in Phiếu tính tiền cho khách hàng, dữ liệu Phiếu tính tiền có lưu trên hệ thống và khách hàng không có nhu cầu nhận hóa đơn điện tử thì cuối ngày cơ sở kinh doanh căn cứ thông tin từ Phiếu tính tiền để tổng hợp lập hóa đơn điện tử cho các giao dịch bán hàng hóa, cung cấp đồ ăn uống trong ngày, trường hợp khách hàng yêu cầu lập hóa đơn điện tử thì cơ sở kinh doanh lập hóa đơn điện tử giao cho khách hàng.~~

h g) Đối với hoạt động bán điện của các công ty phát điện trên thị trường điện thì thời điểm lập hóa đơn điện tử được xác định căn cứ thời điểm về đối soát số liệu thanh toán giữa đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện, đơn vị phát điện và đơn vị mua điện theo quy định của Bộ Công Thương hoặc hợp đồng mua bán điện đã được Bộ Công Thương hướng dẫn, phê duyệt nhưng chậm nhất là ngày cuối cùng của thời hạn kê khai, nộp thuế đối với tháng phát sinh nghĩa vụ thuế theo quy định pháp luật về thuế. Riêng hoạt động bán điện của các công ty phát điện có cam kết bảo lãnh của Chính phủ về thời điểm thanh toán thì thời điểm lập hóa đơn điện tử căn cứ theo bảo lãnh của Chính phủ, hướng dẫn và phê duyệt của Bộ Công Thương và các hợp đồng mua bán điện đã được ký kết giữa bên mua điện và bên bán điện.

i h) Thời điểm lập hóa đơn điện tử đối với trường hợp bán xăng dầu tại các cửa hàng bán lẻ cho khách hàng là thời điểm kết thúc việc bán xăng dầu theo từng lần bán. Người bán phải đảm bảo lưu trữ đầy đủ hóa đơn điện tử đối với trường hợp bán xăng dầu cho khách hàng là cá nhân không kinh doanh, cá nhân kinh doanh và đảm bảo có thể tra cứu khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

Chữ in thường là quy định hiện hành;

Chữ *đậm, nghiêng* là bổ sung.

Chữ gạch giữa là xóa bỏ

k i) Đối với trường hợp cung cấp dịch vụ vận tải hàng không, dịch vụ bảo hiểm qua đại lý, thời điểm lập hóa đơn là thời điểm hoàn thành việc đối soát dữ liệu giữa các bên nhưng chậm nhất không quá ngày 10 của tháng sau tháng phát sinh.

~~l k) Trường hợp cung cấp dịch vụ ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, dịch vụ chuyển tiền qua vi điện tử, dịch vụ ngừng và cấp điện trở lại của đơn vị phân phối điện cho người mua là cá nhân không kinh doanh (hoặc cá nhân kinh doanh) nhưng không có nhu cầu lấy hóa đơn thì cuối ngày hoặc cuối tháng đơn vị thực hiện xuất hóa đơn tổng căn cứ thông tin chi tiết từng giao dịch phát sinh trong ngày, trong tháng tại hệ thống quản lý dữ liệu của đơn vị. Đơn vị cung cấp dịch vụ phải chịu trách nhiệm về tính chính xác nội dung thông tin giao dịch và cung cấp bảng tổng hợp chi tiết dịch vụ cung cấp khi cơ quan chức năng yêu cầu. Trường hợp khách hàng yêu cầu lấy hóa đơn theo từng giao dịch thì đơn vị cung cấp dịch vụ phải lập hóa đơn giao cho khách hàng.~~

Thời điểm lập hóa đơn đối với hoạt động cho vay được xác định theo kỳ hạn thu lãi tại hợp đồng tín dụng giữa tổ chức tín dụng và khách hàng đi vay, trừ trường hợp đến kỳ hạn thu lãi không thu được và tổ chức tín dụng theo dõi ngoại bảng theo quy định pháp luật về tín dụng thì thời điểm lập hóa đơn là thời điểm thu được tiền lãi vay của khách hàng. Trường hợp trả lãi trước hạn theo hợp đồng tín dụng thì thời điểm lập hóa đơn là thời điểm thu lãi trước hạn

Đối với hoạt động đại lý đối ngoại tệ, hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế của tổ chức tín dụng, thời điểm lập hóa đơn là thời điểm đối ngoại tệ, thời điểm hoàn thành dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ.

m l) Đối với kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi có sử dụng phần mềm tính tiền theo quy định của pháp luật:

- Tại thời điểm kết thúc chuyến đi, doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi có sử dụng phần mềm tính tiền thực hiện ***lập hóa đơn điện tử cho khách hàng***, ~~gửi các thông tin của chuyến đi cho khách hàng và gửi về cơ quan thuế theo định dạng dữ liệu của cơ quan thuế.~~ Các thông tin ***trên hóa đơn*** gồm: tên đơn vị kinh doanh vận tải, biển kiểm soát xe, cự ly chuyến đi (tính theo km) và tổng số tiền hành khách phải trả.

- Trường hợp khách hàng lấy hóa đơn điện tử thì khách hàng cập nhật hoặc gửi các thông tin đầy đủ (tên, địa chỉ, mã số thuế) vào phần mềm hoặc đơn vị cung cấp dịch vụ. Căn cứ thông tin khách hàng gửi hoặc cập nhật, doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi có sử dụng phần mềm tính tiền thực hiện gửi hóa đơn của chuyến đi cho khách hàng, đồng thời chuyển dữ liệu hóa đơn đến cơ quan thuế theo quy định tại Điều 22 Nghị định này.

n m) Đối với cơ sở y tế kinh doanh dịch vụ khám chữa bệnh có sử dụng phần mềm quản lý khám chữa bệnh và quản lý viện phí, từng giao dịch khám, chữa bệnh và thực hiện các dịch vụ chụp, chiếu, xét nghiệm có in phiếu thu tiền

Chữ in thường là quy định hiện hành;

Chữ ***đậm, nghiêng*** là bổ sung.

Chữ ***gạch*** giữa là xóa bỏ

(thu viện phí hoặc tiền khám, xét nghiệm) và có lưu trên hệ thống công nghệ thông tin, nếu khách hàng (người đến khám, chữa bệnh) không có nhu cầu lấy hóa đơn thì cuối ngày cơ sở y tế căn cứ thông tin khám, chữa bệnh và thông tin từ phiếu thu tiền để tổng hợp lập hóa đơn điện tử cho các dịch vụ y tế thực hiện trong ngày, trường hợp khách hàng yêu cầu lập hóa đơn điện tử thì cơ sở y tế lập hóa đơn điện tử giao cho khách hàng.

Cơ sở y tế kinh doanh khám chữa bệnh lập hóa đơn khám chữa bệnh vào thời điểm hoàn thành cung cấp dịch vụ với cơ quan bảo hiểm xã hội (thời điểm được cơ quan bảo hiểm xã hội thanh, quyết toán chi phí khám chữa bệnh cho người có thể bảo hiểm y tế).

o n) Đối với hoạt động thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ theo hình thức điện tử không dừng ngày lập hóa đơn điện tử là ngày xe lưu thông qua trạm thu phí. Trường hợp khách hàng sử dụng dịch vụ thu phí đường bộ theo hình thức điện tử không dừng có một hoặc nhiều phương tiện cùng sử dụng dịch vụ nhiều lần trong tháng, đơn vị cung cấp dịch vụ có thể lập hóa đơn điện tử theo định kỳ, ngày lập hóa đơn điện tử chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng phát sinh dịch vụ thu phí. Nội dung hóa đơn liệt kê chi tiết từng lượt xe lưu thông qua các trạm thu phí (bao gồm: thời gian xe qua trạm, giá phí sử dụng đường bộ của từng lượt xe).

o) Thời điểm lập hóa đơn của hoạt động kinh doanh bảo hiểm là thời điểm ghi nhận doanh thu bảo hiểm theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm.

p) Đối với hoạt động kinh doanh vé xổ số truyền thống, xổ số biết kết quả ngay (vé xổ số) theo hình thức bán vé số in sẵn đủ mệnh giá cho khách hàng thì sau khi thu hồi vé xổ số không tiêu thụ hết và chậm nhất là trước khi mở thưởng của kỳ tiếp theo, doanh nghiệp kinh doanh xổ số lập một (01) hóa đơn giá trị gia tăng điện tử có mã của cơ quan thuế cho từng đại lý là tổ chức, cá nhân cho vé xổ số được bán trong kỳ gửi cơ quan thuế cấp mã cho hóa đơn.

q) Đối với hoạt động kinh doanh casino và trò chơi điện tử có thưởng, doanh nghiệp kinh doanh casino, trò chơi điện tử có thưởng căn cứ vào tổng doanh thu thu được trên Mẫu số 01/TH-DT để lập hóa đơn chậm nhất là một (01) ngày kể từ thời điểm kết thúc ngày xác định doanh thu đồng thời chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử đến cơ quan thuế trong ngày lập hóa đơn.

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Tên, địa chỉ, mã số thuế hoặc mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách hoặc số định danh cá nhân của người mua:

a) Trường hợp người mua là cơ sở kinh doanh có mã số thuế thì tên, địa chỉ, mã số thuế của người mua thể hiện trên hóa đơn phải ghi theo đúng tại giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh,

Chữ in thường là quy định hiện hành;

Chữ ***dậm***, ***ngiêng*** là bổ sung.

Chữ ***gạch*** giữa là xóa bỏ

giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký thuế, thông báo mã số thuế, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã; ***trường hợp người mua là đơn vị có quan hệ ngân sách thì tên, địa chỉ, mã số đơn vị có quan hệ ngân sách thể hiện trên hóa đơn phải ghi mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách được cấp.***

Trường hợp tên, địa chỉ người mua quá dài, trên hóa đơn người bán được viết ngắn gọn một số danh từ thông dụng như: "Phường" thành "P"; "Quận" thành "Q", "Thành phố" thành "TP", "Việt Nam" thành "VN" hoặc "Cổ phần" là "CP", "Trách nhiệm Hữu hạn" thành "TNHH", "khu công nghiệp" thành "KCN", "sản xuất" thành "SX", "Chi nhánh" thành "CN"... nhưng phải đảm bảo đầy đủ số nhà, tên đường phố, phường, xã, quận, huyện, thành phố, xác định được chính xác tên, địa chỉ doanh nghiệp và phù hợp với đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế của doanh nghiệp.

b) Trường hợp người mua không có mã số thuế thì trên hóa đơn không phải thể hiện mã số thuế người mua. Một số trường hợp bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ đặc thù cho người tiêu dùng là cá nhân quy định tại khoản 14 Điều này thì trên hóa đơn không phải thể hiện tên, địa chỉ người mua. Trường hợp bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng nước ngoài đến Việt Nam thì thông tin về địa chỉ người mua có thể được thay bằng thông tin về số hộ chiếu hoặc giấy tờ xuất nhập cảnh và quốc tịch của khách hàng nước ngoài. ***Trường hợp người mua cung cấp mã số thuế, số định danh cá nhân thì trên hóa đơn phải thể hiện mã số thuế, số định danh cá nhân.***

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

“6. Tên, đơn vị tính, số lượng, đơn giá hàng hóa, dịch vụ; thành tiền chưa có thuế giá trị gia tăng, thuế suất thuế giá trị gia tăng, tổng số tiền thuế giá trị gia tăng theo từng loại thuế suất, tổng cộng tiền thuế giá trị gia tăng, tổng tiền thanh toán đã có thuế giá trị gia tăng.

a) Tên, đơn vị tính, số lượng, đơn giá hàng hóa, dịch vụ

- Tên hàng hóa, dịch vụ: Trên hóa đơn phải thể hiện tên hàng hóa, dịch vụ bằng tiếng Việt. Trường hợp bán hàng hóa có nhiều chủng loại khác nhau thì tên hàng hóa thể hiện chi tiết đến từng chủng loại (ví dụ: điện thoại Samsung, điện thoại Nokia; ***mặt hàng ăn, uống;...***). Trường hợp hàng hóa phải đăng ký quyền sử dụng, quyền sở hữu thì trên hóa đơn phải thể hiện các số hiệu, ký hiệu đặc trưng của hàng hóa mà khi đăng ký pháp luật có yêu cầu. Ví dụ: Số khung, số máy của ô tô, mô tô, địa chỉ, cấp nhà, chiều dài, chiều rộng, số tầng của một ngôi nhà... ***Trường hợp kinh doanh dịch vụ vận tải thì trên hóa đơn phải thể hiện biển kiểm soát phương tiện vận tải, hành trình (điểm đi - điểm đến). Đối với doanh nghiệp kinh doanh vận tải cung cấp dịch vụ vận tải hàng hóa trên nền tảng số,***

Chữ in thường là quy định hiện hành;

Chữ ***đậm***, ***ngiêng*** là bổ sung.

Chữ ~~gạch~~ giữa là xóa bỏ

hoạt động thương mại điện tử thì phải thể hiện tên hàng hóa vận chuyển, thông tin tên, địa chỉ, mã số thuế hoặc số định danh người gửi hàng.

Trường hợp cần ghi thêm chữ nước ngoài thì chữ nước ngoài được đặt bên phải trong ngoặc đơn () hoặc đặt ngay dưới dòng tiếng Việt và có cỡ chữ nhỏ hơn chữ tiếng Việt. Trường hợp hàng hóa, dịch vụ được giao dịch có quy định về mã hàng hóa, dịch vụ thì trên hóa đơn phải ghi cả tên và mã hàng hóa, dịch vụ.

- Đơn vị tính: Người bán căn cứ vào tính chất, đặc điểm của hàng hóa để xác định tên đơn vị tính của hàng hóa thể hiện trên hóa đơn theo đơn vị tính là đơn vị đo lường (ví dụ như: tấn, tạ, yến, kg, g, mg hoặc lượng, lạng, cái, con, chiếc, hộp, can, thùng, bao, gói, tuýp, m3, m2, m...). Đối với dịch vụ thì trên hóa đơn không nhất thiết phải có tiêu thức “đơn vị tính” mà đơn vị tính xác định theo từng lần cung cấp dịch vụ và nội dung dịch vụ cung cấp.

- Số lượng hàng hóa, dịch vụ: Người bán ghi số lượng bằng chữ số Ả-rập căn cứ theo đơn vị tính nêu trên. **Trường hợp cung cấp** các loại hàng hóa, dịch vụ đặc thù như điện, nước, dịch vụ viễn thông, dịch vụ công nghệ thông tin, dịch vụ truyền hình, dịch vụ bưu chính và chuyển phát, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, được lập theo kỳ ~~nhất định~~ **quy ước, dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, và các trường hợp khác theo hướng dẫn của Bộ Tài chính được lập hóa đơn sau khi đối soát dữ liệu thì người bán** được sử dụng bảng kê để liệt kê các loại hàng hóa, dịch vụ đã bán kèm theo hóa đơn; bảng kê được lưu giữ cùng hóa đơn để phục vụ việc kiểm tra, đối chiếu của các cơ quan có thẩm quyền.

Trường hợp khuyến mại hàng hóa, dịch vụ theo quy định của pháp luật về thương mại; cho, biếu, tặng hàng hóa, dịch vụ phù hợp với quy định pháp luật, thì được lập hóa đơn tổng giá trị khuyến mại, cho, biếu, tặng kèm theo danh sách khuyến mại, cho, biếu, tặng. Tổ chức lưu giữ hồ sơ có liên quan về chương trình khuyến mại, cho, biếu, tặng và cung cấp khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác nội dung thông tin giao dịch và cung cấp bảng tổng hợp chi tiết hàng hóa, dịch vụ khi cơ quan chức năng yêu cầu. Trường hợp khách hàng yêu cầu lấy hóa đơn theo từng giao dịch thì người bán phải lập hóa đơn giao cho khách hàng.

Hóa đơn phải ghi rõ “kèm theo bảng kê số..., ngày... tháng... năm”. Bảng kê phải có tên, mã số thuế và địa chỉ của người bán, tên hàng hóa, dịch vụ, số lượng, đơn giá, thành tiền hàng hóa, dịch vụ bán ra, ngày lập, tên và chữ ký người lập Bảng kê. Trường hợp người bán nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thì Bảng kê phải có tiêu thức “thuế suất giá trị gia tăng” và “tiền thuế giá trị gia tăng”. Tổng cộng tiền thanh toán đúng với số tiền ghi trên hóa đơn giá trị gia tăng. Hàng hóa, dịch vụ bán ra ghi trên Bảng kê theo thứ tự bán hàng trong ngày. Bảng kê phải ghi rõ “kèm theo hóa đơn số ngày... tháng... năm

- Đơn giá hàng hóa, dịch vụ: Người bán ghi đơn giá hàng hóa, dịch vụ theo đơn vị tính nêu trên. Trường hợp các hàng hóa, dịch vụ sử dụng bảng kê để liệt kê các hàng hóa, dịch vụ đã bán kèm theo hóa đơn thì trên hóa đơn không nhất thiết phải có đơn giá.”.

Chữ in thường là quy định hiện hành;

Chữ **đậm, nghiêng** là bổ sung.

Chữ gạch giữa là xóa bỏ

b) Thuế suất thuế giá trị gia tăng: Thuế suất thuế giá trị gia tăng thể hiện trên hóa đơn là thuế suất thuế giá trị gia tăng tương ứng với từng loại hàng hóa, dịch vụ theo quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng.

c) Thành tiền chưa có thuế giá trị gia tăng, tổng số tiền thuế giá trị gia tăng theo từng loại thuế suất, tổng cộng tiền thuế giá trị gia tăng, tổng tiền thanh toán đã có thuế giá trị gia tăng được thể hiện bằng đồng Việt Nam theo chữ số Ả-rập, trừ trường hợp bán hàng thu ngoại tệ không phải chuyển đổi ra đồng Việt Nam thì thể hiện theo nguyên tệ.

d) Tổng số tiền thanh toán trên hóa đơn được thể hiện bằng đồng Việt Nam theo chữ số Ả-rập và bằng chữ tiếng Việt, trừ trường hợp bán hàng thu ngoại tệ không phải chuyển đổi ra đồng Việt Nam thì tổng số tiền thanh toán thể hiện bằng nguyên tệ và bằng chữ tiếng nước ngoài.

đ. Trường hợp cơ sở kinh doanh áp dụng hình thức chiết khấu thương mại dành cho khách hàng hoặc khuyến mại theo quy định của pháp luật thì phải thể hiện rõ khoản chiết khấu thương mại, khuyến mại trên hóa đơn. Việc xác định giá tính thuế giá trị gia tăng (thành tiền chưa có thuế giá trị gia tăng) trong trường hợp áp dụng chiết khấu thương mại dành cho khách hàng hoặc khuyến mại thực hiện theo quy định của pháp luật thuế giá trị gia tăng.

e) Trường hợp doanh nghiệp vận tải hàng không sử dụng hệ thống xuất vé được lập theo thông lệ quốc tế thì các khoản phí dịch vụ thu trên chứng từ vận tải hàng không (phí quản trị hệ thống, phí đổi chứng từ vận tải và các khoản phí khác) và các khoản thu hộ phí dịch vụ sân bay của các doanh nghiệp vận tải hàng không (như phí phục vụ hành khách, phí soi chiếu an ninh và các loại phí khác) ghi trên hóa đơn là giá thanh toán đã có thuế giá trị gia tăng. Doanh nghiệp hàng không được làm tròn số đến hàng nghìn đối với các khoản thu trên chứng từ vận tải theo quy định của Hiệp hội hàng không quốc tế (IATA)."

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 9 như sau:

"9. Thời điểm ký số trên hóa đơn điện tử là thời điểm người bán, người mua sử dụng chữ ký số để ký trên hóa đơn điện tử được hiển thị theo định dạng ngày, tháng, năm của năm dương lịch. Trường hợp hóa đơn điện tử đã lập có thời điểm ký số trên hóa đơn khác thời điểm lập hóa đơn thì thời điểm khai thuế là thời điểm lập hóa đơn thời điểm ký số và thời điểm gửi cơ quan thuế cấp mã đối với hóa đơn có mã của cơ quan thuế hoặc thời điểm chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử đến cơ quan thuế đối với hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế chậm nhất là ngày làm việc tiếp theo kể từ thời điểm lập hóa đơn (trừ trường hợp gửi dữ liệu theo băng tổng hợp quy định tại điểm a.1 khoản 3 Điều 22 Nghị định 123/2020/NĐ-CP). Người bán khai thuế theo thời điểm lập hóa đơn; thời điểm khai thuế đối với người mua là thời điểm nhận hóa đơn đảm bảo đúng, đầy đủ về hình thức và nội dung theo quy định tại Điều 10 Nghị định này."

đ) Sửa đổi, bổ sung khoản 14 như sau:

“14. Một số trường hợp hóa đơn điện tử không nhất thiết có đầy đủ các nội dung

a) Trên hóa đơn điện tử không nhất thiết phải có chữ ký điện tử của người mua (bao gồm cả trường hợp lập hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng ở nước ngoài). Trường hợp người mua là cơ sở kinh doanh và người mua, người bán có thỏa thuận về việc người mua đáp ứng các điều kiện kỹ thuật để ký số, ký điện tử trên hóa đơn điện tử do người bán lập thì hóa đơn điện tử có chữ ký số, ký điện tử của người bán và người mua theo thỏa thuận giữa hai bên.

b) Đối với hóa đơn điện tử của cơ quan thuế cấp theo từng lần phát sinh không nhất thiết phải có chữ ký số của người bán, người mua.

c) Đối với hóa đơn điện tử bán hàng tại siêu thị, trung tâm thương mại mà người mua là cá nhân không kinh doanh thì trên hóa đơn không nhất thiết phải có tên, địa chỉ, mã số thuế người mua.

Đối với hóa đơn điện tử bán xăng dầu cho khách hàng là cá nhân không kinh doanh thì không nhất thiết phải có các chỉ tiêu tên hóa đơn, ký hiệu mẫu số hóa đơn, ký hiệu hóa đơn, số hóa đơn; tên, địa chỉ, mã số thuế của người mua, chữ ký điện tử của người mua; chữ ký số, chữ ký điện tử của người bán, thuế suất thuế giá trị gia tăng.

d) Đối với hóa đơn điện tử là tem, vé, thẻ thì trên hóa đơn không nhất thiết phải có chữ ký số của người bán (trừ trường hợp tem, vé, thẻ là hóa đơn điện tử do cơ quan thuế cấp mã), tiêu thức người mua (tên, địa chỉ, mã số thuế), tiền thuế, thuế suất thuế giá trị gia tăng. Trường hợp tem, vé, thẻ điện tử có sẵn mệnh giá thì không nhất thiết phải có tiêu thức đơn vị tính, số lượng, đơn giá.

đ) Đối với chứng từ điện tử dịch vụ vận tải hàng không xuất qua website và hệ thống thương mại điện tử được lập theo thông lệ quốc tế cho người mua là cá nhân không kinh doanh được xác định là hóa đơn điện tử thì trên hóa đơn không nhất thiết phải có ký hiệu hóa đơn, ký hiệu mẫu hóa đơn, số thứ tự hóa đơn, thuế suất thuế giá trị gia tăng, mã số thuế, địa chỉ người mua, chữ ký số của người bán.

Trường hợp tổ chức kinh doanh hoặc tổ chức không kinh doanh mua dịch vụ vận tải hàng không thì chứng từ điện tử dịch vụ vận tải hàng không xuất qua website và hệ thống thương mại điện tử được lập theo thông lệ quốc tế cho các cá nhân của tổ chức kinh doanh, cá nhân của tổ chức không kinh doanh thì không được xác định là hóa đơn điện tử. Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ vận tải hàng không phải lập hóa đơn điện tử có đầy đủ các nội dung theo quy định giao cho tổ chức có cá nhân sử dụng dịch vụ vận tải hàng không.

e) Đối với hóa đơn của hoạt động xây dựng, lắp đặt; hoạt động xây nhà để bán có thu tiền theo tiến độ theo hợp đồng thì trên hóa đơn không nhất thiết phải có đơn vị tính, số lượng, đơn giá.

Chữ in thường là quy định hiện hành;

Chữ ***đậm, nghiêng*** là bổ sung.

Chữ ***gạch*** giữa là xóa bỏ

g) Đối với Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ thì trên Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ thể hiện các thông tin liên quan lệnh điều động nội bộ, người nhận hàng, người xuất hàng, địa điểm kho xuất, địa điểm nhận hàng, phương tiện vận chuyển. Cụ thể: tên người mua thể hiện người nhận hàng, địa chỉ người mua thể hiện địa điểm kho nhận hàng; tên người bán thể hiện người xuất hàng, địa chỉ người bán thể hiện địa điểm kho xuất hàng và phương tiện vận chuyển; không thể hiện tiền thuế, thuế suất, tổng số tiền thanh toán.

Đối với Phiếu xuất kho hàng gửi bán đại lý thì trên Phiếu xuất kho hàng gửi bán đại lý thể hiện các thông tin như hợp đồng kinh tế, người vận chuyển, phương tiện vận chuyển, địa điểm kho xuất, địa điểm kho nhận, tên sản phẩm hàng hóa, đơn vị tính, số lượng, đơn giá, thành tiền. Cụ thể: ghi số, ngày tháng năm hợp đồng kinh tế ký giữa tổ chức, cá nhân; họ tên người vận chuyển, hợp đồng vận chuyển (nếu có), địa chỉ người bán thể hiện địa điểm kho xuất hàng.

h) Hóa đơn sử dụng cho thanh toán Interline giữa các hãng hàng không được lập theo quy định của Hiệp hội vận tải hàng không quốc tế thì trên hóa đơn không nhất thiết phải có các chỉ tiêu: ký hiệu hóa đơn, ký hiệu mẫu hóa đơn, tên địa chỉ, mã số thuế của người mua, chữ ký số của người mua, đơn vị tính, số lượng, đơn giá.

i) Hóa đơn doanh nghiệp vận chuyển hàng không xuất cho đại lý là hóa đơn xuất ra theo báo cáo đã đối chiếu giữa hai bên và theo bảng kê tổng hợp thì trên hóa đơn không nhất thiết phải có đơn giá.

k) Đối với hoạt động xây dựng, lắp đặt, sản xuất, cung cấp sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp quốc phòng an ninh phục vụ hoạt động quốc phòng an ninh theo quy định của Chính phủ thì trên hóa đơn không nhất thiết phải có đơn vị tính, số lượng, đơn giá; phần tên hàng hóa, dịch vụ ghi cung cấp hàng hóa, dịch vụ theo hợp đồng ký kết giữa các bên.

l) Đối với hóa đơn điện tử hoạt động kinh doanh casino, trò chơi điện tử có thưởng không nhất thiết phải có tên, địa chỉ, mã số thuế của người mua, chữ ký điện tử của người mua.

e) Bổ sung khoản 17 như sau:

“17. Hóa đơn giá trị gia tăng kiêm tờ khai hoàn thuế đảm bảo nội dung quy định tại Điều này và hoàn thuế theo quy định pháp luật về thuế giá trị gia tăng. Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện khoản này.”

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 như sau:

“Điều 11. Hóa đơn điện tử được khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối chuyên dữ liệu với cơ quan thuế

“1. Doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh theo quy định tại khoản 2 Điều 90, khoản 3 Điều 91 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 có hoạt động bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, trong đó có bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ trực tiếp đến người tiêu dùng (trung tâm thương mại; siêu thị; bán lẻ (trừ ô

Chữ in thường là quy định hiện hành;

Chữ ***đậm, nghiêng*** là bổ sung.

Chữ gạch giữa là xóa bỏ

tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác); ăn uống; nhà hàng; khách sạn; dịch vụ vận tải hành khách, dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, dịch vụ nghệ thuật, vui chơi, giải trí, hoạt động chiếu phim, dịch vụ phục vụ cá nhân khác theo quy định về Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam) sử dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế.”

2. Hóa đơn *điện tử* được khởi tạo từ máy tính tiền kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế đảm bảo nguyên tắc sau:

1- a) Nhận biết được hóa đơn in từ máy tính tiền kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế;

2- b) Không bắt buộc có chữ ký số;

3- c) Khoản chi mua hàng hóa, dịch vụ sử dụng hóa đơn (hoặc sao chụp hóa đơn hoặc tra thông tin từ Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế về hóa đơn) được khởi tạo từ máy tính tiền được xác định là khoản chi có đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp khi xác định nghĩa vụ thuế.

3. *Hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền có các nội dung sau đây:*

a) *Tên, địa chỉ, mã số thuế người bán;*

b) *Tên, địa chỉ, mã số thuế/ số định danh cá nhân/ số điện thoại của người mua theo quy định (nếu người mua yêu cầu);*

c) *Tên hàng hóa, dịch vụ, đơn giá, số lượng, giá thanh toán. Trường hợp tổ chức, doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp khấu trừ phải ghi rõ nội dung giá bán chưa thuế giá trị gia tăng, thuế suất thuế giá trị gia tăng, tiền thuế giá trị gia tăng, tổng tiền thanh toán có thuế giá trị gia tăng;*

d) *Thời điểm lập hóa đơn;*

đ) *Mã của cơ quan thuế hoặc dữ liệu điện tử để người mua có thể truy xuất, kê khai thông tin hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền.*

Người bán gửi hoá đơn điện tử cho người mua bằng hình thức điện tử (tin nhắn, thư điện tử và các hình thức khác) hoặc cung cấp đường dẫn hoặc mã QR để người mua tra cứu, tải hoá đơn điện tử.”

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 12 như sau:

“3. Tổng cục Thuế xây dựng thành phần chứa dữ liệu nghiệp vụ hóa đơn điện tử và phương thức truyền nhận với cơ quan thuế. Riêng với hóa đơn giá trị gia tăng kiêm tờ khai hoàn thuế, Tổng cục Hải quan xây dựng thành phần chứa dữ liệu nghiệp vụ đối với các nội dung trên hoá đơn dành cho cơ quan hải quan và ngân hàng thương mại là đại lý hoàn thuế. Tổng cục Thuế và công bố thành phần chứa dữ liệu nghiệp vụ hóa đơn điện tử, thành phần chứa dữ liệu chữ ký số và phương thức truyền nhận với cơ quan quản lý thuế để áp dụng thống nhất, cung cấp công cụ hiển thị các nội dung của hóa đơn điện tử theo quy định tại Nghị định này.”

Chữ in thường là quy định hiện hành;

Chữ *đậm, nghiêng* là bổ sung.

Chữ gạch giữa là xóa bỏ

9. Sửa đổi bổ sung khoản 2, 3 Điều 13 như sau:

“2. Quy định về cấp và kê khai xác định nghĩa vụ thuế khi cơ quan thuế cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh như sau:

a) Loại hóa đơn cấp theo từng lần phát sinh

a.1) Cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh là hóa đơn bán hàng trong các trường hợp:

- Hộ ***kinh doanh***, cá nhân kinh doanh theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 không đáp ứng điều kiện phải sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế ~~nhưng cần có hóa đơn để giao cho khách hàng;~~

- Tổ chức không kinh doanh nhưng có phát sinh giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ;

- Doanh nghiệp sau khi đã giải thể, phá sản, đã chấm dứt hiệu lực mã số thuế có phát sinh thanh lý tài sản cần có hóa đơn để giao cho người mua;

- Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, hộ ***kinh doanh***, cá nhân kinh doanh thuộc diện nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp thuộc các trường hợp sau:

+ Ngừng hoạt động kinh doanh nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế có phát sinh thanh lý tài sản, ***hàng hóa*** cần có hóa đơn để giao cho người mua;

+ Tạm ngừng hoạt động kinh doanh cần có hóa đơn giao cho khách hàng để thực hiện các hợp đồng đã ký trước ngày cơ quan thuế thông báo tạm ngừng kinh doanh;

+ Bị cơ quan thuế cưỡng chế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn;

+ ***Doanh nghiệp đang làm thủ tục phá sản nhưng vẫn có hoạt động kinh doanh dưới sự giám sát của Tòa án;***

+ ***Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh quy định tại điểm d khoản 2 Điều 16 Nghị định này trong thời gian giải trình hoặc bổ sung tài liệu;***

- ***Cấp hóa đơn cho bên mua trong trường hợp bên mua bất động sản mà trong hợp đồng chuyển nhượng bất động sản có thỏa thuận bên mua chịu trách nhiệm khai thay, nộp thay như người nộp thuế theo quy định tại điểm g khoản 5 Điều 7 Nghị định 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Quản lý thuế và bên bán không còn tồn tại.***

a.2) Cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh là hóa đơn giá trị gia tăng trong các trường hợp:

- Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác thuộc diện nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuộc các trường hợp sau:

Chữ in thường là quy định hiện hành;

Chữ ***đậm, nghiêng*** là bổ sung.

Chữ ~~gạch~~ giữa là xóa bỏ

+ Ngừng hoạt động kinh doanh nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế có phát sinh thanh lý tài sản, ***hàng hóa cần có hóa đơn để giao cho người mua;***

+ Tạm ngừng hoạt động kinh doanh cần có hóa đơn giao cho khách hàng để thực hiện các hợp đồng đã ký trước ngày cơ quan ***nhà nước có thẩm quyền*** thuế thông báo tạm ngừng kinh doanh;

+ Bị cơ quan thuế cưỡng chế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn.

+ Doanh nghiệp đang làm thủ tục phá sản nhưng vẫn có hoạt động kinh doanh dưới sự giám sát của Tòa án.

+ Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác quy định tại điểm d khoản 2 Điều 16 Nghị định này trong thời gian giải trình hoặc bổ sung tài liệu.

- Tổ chức, cơ quan nhà nước không thuộc đối tượng nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ có bán đầu giá tài sản (***trừ trường hợp bán tài sản công nêu tại khoản 3 Điều 8 Nghị định 123/2020/NĐ-CP***), trường hợp giá trúng đấu giá là giá bán đã có thuế giá trị gia tăng được công bố rõ trong hồ sơ bán đấu giá do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thì được cấp hóa đơn giá trị gia tăng để giao cho người mua.

b) Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ ***kinh doanh***, cá nhân kinh doanh thuộc trường hợp được cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh gửi đơn đề nghị cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo Mẫu số 06/ĐN-PSĐT Phụ lục IA kèm theo Nghị định này đến cơ quan thuế và truy cập vào ~~hệ thống lập hóa đơn~~ ***Cổng thông tin*** điện tử của cơ quan thuế để lập hóa đơn điện tử.

Sau khi doanh nghiệp, tổ chức ***kinh tế, tổ chức khác, hộ kinh doanh***, cá nhân ***kinh doanh*** đã khai, nộp thuế đầy đủ theo quy định của pháp luật thuế giá trị gia tăng, thu nhập cá nhân, thu nhập doanh nghiệp và các loại thuế, phí khác (nếu có), ngay trong ngày làm việc ***hoặc chậm nhất là ngày làm việc tiếp theo***, cơ quan thuế cấp mã của cơ quan thuế trên hóa đơn điện tử ~~do doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân lập.~~ ***Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh khai hồ sơ khai thuế theo quy định pháp luật về quản lý thuế.***

Người nộp thuế thuộc trường hợp được cấp hóa đơn bán hàng theo từng lần phát sinh tại điểm a.1 khoản 2 Điều này thì phải nộp đầy đủ số thuế phát sinh trên hóa đơn đề nghị cấp theo quy định của pháp luật thuế giá trị gia tăng, thu nhập cá nhân, thu nhập doanh nghiệp, hoặc số phát sinh phải nộp theo pháp luật quản lý thuế và các loại thuế, phí khác (nếu có) trước khi được cấp hóa đơn.

Người nộp thuế thuộc trường hợp được cấp hóa đơn giá trị gia tăng theo từng lần phát sinh tại điểm a.2 khoản 2 Điều này thì phải nộp số thuế giá trị gia tăng trên hóa đơn giá trị gia tăng theo từng lần phát sinh hoặc số phát sinh phải nộp theo pháp luật quản lý thuế trước khi được cấp hóa đơn.

Chữ in thường là quy định hiện hành;

Chữ ***đậm, nghiêng*** là bổ sung.

Chữ ***gạch*** giữa là xóa bỏ

Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ ***kinh doanh***, cá nhân kinh doanh tự chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin trên hóa đơn điện tử theo từng lần phát sinh được cơ quan thuế cấp mã. ***Trường hợp hóa đơn điện tử theo từng lần phát sinh cần phải lập hóa đơn điều chỉnh hoặc thay thế, doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh gửi đơn đề nghị cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo Mẫu số 06/ĐN-PSĐT Phụ lục IA kèm theo Nghị định này đến cơ quan thuế để được cấp hóa đơn điện tử điều chỉnh hoặc thay thế cho hóa đơn đã lập. Việc lập hóa đơn điều chỉnh hoặc thay thế thực hiện theo quy định tại Điều 19 Nghị định này và việc nộp thuế, các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước tính trên doanh thu chênh lệch tăng trên hóa đơn thực hiện theo quy định của pháp luật quản lý thuế.***

c) Xác định cơ quan thuế cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh.

c.1) Đối với tổ chức, doanh nghiệp: Cơ quan thuế quản lý địa bàn nơi tổ chức, doanh nghiệp đăng ký thuế, đăng ký kinh doanh hoặc nơi tổ chức đóng trụ sở hoặc nơi được ghi trong quyết định thành lập hoặc nơi phát sinh việc bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.

c.2) Đối với hộ ***kinh doanh***, cá nhân kinh doanh:

- Đối với hộ ***kinh doanh***, cá nhân kinh doanh có địa điểm kinh doanh cố định: Hộ ***kinh doanh***, cá nhân kinh doanh nộp hồ sơ đề nghị cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh tại Chi cục Thuế quản lý nơi hộ ***kinh doanh***, cá nhân kinh doanh tiến hành hoạt động kinh doanh.

- Đối với hộ ***kinh doanh***, cá nhân kinh doanh không có địa điểm kinh doanh cố định: Hộ ***kinh doanh***, cá nhân kinh doanh nộp hồ sơ đề nghị cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh tại Chi cục Thuế nơi cá nhân cư trú hoặc nơi hộ ***kinh doanh***, cá nhân đăng ký kinh doanh.

3. Quy định về áp dụng hóa đơn điện tử, phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ, phiếu xuất kho hàng gửi bán đại lý đối với một số trường hợp cụ thể theo yêu cầu quản lý như sau:

a) Trường hợp nhận nhập khẩu hàng hóa ủy thác, nếu cơ sở kinh doanh nhận nhập khẩu ủy thác đã nộp thuế giá trị gia tăng ở khâu nhập khẩu thì sử dụng hóa đơn điện tử khi trả hàng cho cơ sở kinh doanh ủy thác nhập khẩu. Nếu chưa nộp thuế giá trị gia tăng ở khâu nhập khẩu, khi xuất trả hàng nhập khẩu ủy thác, cơ sở nhận ủy thác lập phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ theo quy định làm chứng từ lưu thông hàng hóa trên thị trường.

b) Trường hợp ủy thác xuất khẩu hàng hóa:

- Khi xuất hàng giao cho cơ sở nhận ủy thác, cơ sở có hàng hóa ủy thác xuất khẩu sử dụng Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ.

- Khi hàng hóa đã thực xuất khẩu có xác nhận của cơ quan hải quan, căn cứ vào các chứng từ đối chiếu, xác nhận về số lượng, giá trị hàng hóa thực tế xuất khẩu của cơ sở nhận ủy thác xuất khẩu, cơ sở có hàng hóa ủy thác xuất khẩu lập hóa đơn điện tử giá trị gia tăng để kê khai nộp thuế, hoàn thuế giá trị gia tăng hoặc hóa đơn điện tử bán hàng. Cơ sở nhận ủy thác xuất khẩu sử dụng hóa đơn điện tử giá trị gia tăng hoặc hóa đơn điện tử bán hàng để xuất cho khách hàng nước ngoài.

c) Cơ sở kinh doanh ~~kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ~~ có hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu (kể cả cơ sở gia công hàng hóa xuất khẩu) khi xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ sử dụng hóa đơn ~~giá trị gia tăng điện tử~~.

Khi xuất hàng hóa để vận chuyển đến cửa khẩu hay đến nơi làm thủ tục xuất khẩu, cơ sở sử dụng Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ **hoặc hóa đơn thương mại** theo quy định làm chứng từ lưu thông hàng hóa trên thị trường. ~~Sau khi làm xong thủ tục cho hàng hóa xuất khẩu, cơ sở lập hóa đơn giá trị gia tăng cho hàng hóa xuất khẩu.~~

Thời điểm lập hóa đơn thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định này.

d) Tổ chức kinh doanh kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ xuất điều chuyển hàng hóa cho các cơ sở hạch toán phụ thuộc như các chi nhánh, cửa hàng ở khác địa phương (tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) để bán hoặc xuất điều chuyển giữa các chi nhánh, đơn vị phụ thuộc với nhau; xuất hàng hóa cho cơ sở nhận làm đại lý bán đúng giá, hướng hoa hồng, căn cứ vào phương thức tổ chức kinh doanh và hạch toán kế toán, cơ sở có thể lựa chọn một trong hai cách sử dụng hóa đơn, chứng từ như sau:

- Sử dụng hóa đơn điện tử giá trị gia tăng để làm căn cứ thanh toán và kê khai nộp thuế giá trị gia tăng ở từng đơn vị và từng khâu độc lập với nhau;

- Sử dụng Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ; sử dụng Phiếu xuất kho hàng gửi bán đại lý theo quy định đối với hàng hóa xuất cho cơ sở làm đại lý.

Cơ sở hạch toán phụ thuộc, chi nhánh, cửa hàng, cơ sở nhận làm đại lý bán hàng khi bán hàng phải lập hóa đơn theo quy định giao cho người mua, đồng thời lập Bảng kê hàng hóa bán ra gửi về cơ sở có hàng hóa điều chuyển hoặc cơ sở có hàng hóa gửi bán (gọi chung là cơ sở giao hàng) để cơ sở giao hàng lập hóa đơn giá trị gia tăng cho hàng hóa thực tế tiêu thụ giao cho cơ sở hạch toán phụ thuộc, chi nhánh, cửa hàng, cơ sở nhận làm đại lý bán hàng.

Trường hợp cơ sở có số lượng và doanh số hàng hóa bán ra lớn, Bảng kê có thể lập cho 05 ngày hay 10 ngày một lần. Trường hợp hàng hóa bán ra có thuế suất thuế giá trị gia tăng khác nhau phải lập bảng kê riêng cho hàng hóa bán ra theo từng nhóm thuế suất.

Cơ sở hạch toán phụ thuộc, chi nhánh, cửa hàng, cơ sở nhận làm đại lý bán hàng thực hiện kê khai nộp thuế giá trị gia tăng đối với số hàng xuất bán cho người mua và được kê khai, khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào theo hóa đơn giá trị gia tăng của cơ sở giao hàng xuất cho.

Chữ in thường là quy định hiện hành;

Chữ ***đậm, nghiêng*** là bổ sung.

Chữ gạch giữa là xóa bỏ

Trường hợp các đơn vị phụ thuộc của cơ sở kinh doanh nông, lâm, thủy sản đã đăng ký, thực hiện kê khai nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ, có thu mua hàng hóa là nông, lâm, thủy sản để điều chuyển, xuất bán về trụ sở chính của cơ sở kinh doanh thì khi điều chuyển, xuất bán, đơn vị phụ thuộc sử dụng Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ, không sử dụng hóa đơn điện tử giá trị gia tăng.

đ) Tổ chức, cá nhân xuất hàng hóa bán lưu động sử dụng Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ theo quy định, khi bán hàng lập hóa đơn điện tử theo quy định.

e) Trường hợp góp vốn bằng tài sản của tổ chức, cá nhân kinh doanh tại Việt Nam để thành lập doanh nghiệp thì không phải lập hóa đơn mà sử dụng các chứng từ biên bản chứng nhận góp vốn, biên bản giao nhận tài sản, biên bản định giá tài sản kèm theo bộ hồ sơ về nguồn gốc tài sản.

g) Trường hợp điều chuyển tài sản *từ công ty mẹ đến các đơn vị hạch toán phụ thuộc và ngược lại*, giữa các thành viên hạch toán phụ thuộc trong tổ chức; tài sản điều chuyển khi chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thì tổ chức có tài sản điều chuyển phải có lệnh điều chuyển tài sản, kèm theo bộ hồ sơ nguồn gốc tài sản và không phải lập hóa đơn.

h) Trường hợp tài sản điều chuyển giữa các đơn vị hạch toán độc lập hoặc giữa các đơn vị thành viên có tư cách pháp nhân đầy đủ trong cùng một tổ chức, thì tổ chức có tài sản điều chuyển phải lập hóa đơn điện tử như bán hàng hóa.

10. Sửa đổi, bổ sung Điều 15 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

1. Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ *kinh doanh*, cá nhân kinh doanh không thuộc đối tượng ngừng sử dụng hóa đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định này đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử (bao gồm cả đăng ký hóa đơn điện tử bán tài sản công, hóa đơn điện tử bán hàng dự trữ quốc gia) thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử.

Đối với đơn vị phụ thuộc doanh nghiệp, tổ chức kinh tế: Nếu đơn vị phụ thuộc đáp ứng quy định khai thuế giá trị gia tăng riêng theo quy định pháp luật của quản lý thuế thì đơn vị phụ thuộc được đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử.

Trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế không phải trả tiền dịch vụ, *cơ quan thuế hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức, xử lý tài sản công theo quy định pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công* thì có thể đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử thông qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử được Tổng cục Thuế ủy thác cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế không phải trả tiền dịch vụ.

Trường hợp doanh nghiệp là tổ chức kết nối chuyên dữ liệu hóa đơn điện tử theo hình thức gửi trực tiếp đến cơ quan thuế thì đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử thông qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

Nội dung thông tin đăng ký theo Mẫu số 01/ĐKTD-HĐĐT Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định này.

Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông báo điện tử về việc tiếp nhận đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử đối với trường hợp doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ ***kinh doanh***, cá nhân kinh doanh đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử.

Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông báo điện tử trực tiếp theo Mẫu số 01/TB-TNĐT Phụ lục IB ***Nghị định này*** về việc tiếp nhận đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử cho doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ ***kinh doanh***, cá nhân kinh doanh qua địa chỉ thư điện tử đã đăng ký với cơ quan thuế đối với trường hợp doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ ***kinh doanh***, cá nhân kinh doanh đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử trực tiếp tại Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

b) Bổ sung khoản 1a như sau:

1a. Trường hợp doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử:

a) Trong thời gian 01 ngày kể từ ngày tiếp nhận đăng ký, Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế tự động đối chiếu thông tin (bao gồm thông tin sinh trắc học theo quy định về định danh và xác thực điện tử của Chính phủ và lộ trình của cơ quan thuế) của người đại diện theo pháp luật, đại diện hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh, chủ doanh nghiệp tư nhân đăng ký sử dụng hóa đơn giữa dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký thuế với dữ liệu tại Hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc theo dữ liệu tại Hệ thống Định danh và xác thực điện tử. Trường hợp thông tin không khớp đúng, Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế tự động gửi Thông báo không chấp nhận hồ sơ đăng ký hóa đơn điện tử cho người nộp thuế ngay trong ngày làm việc hoặc chậm nhất ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp thông tin khớp đúng, Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế tự động gửi yêu cầu đề nghị người nộp thuế xác nhận qua địa chỉ thư điện tử, số điện thoại của chủ doanh nghiệp tư nhân hoặc người đại diện pháp luật, đại diện hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh theo thông tin trong hồ sơ đăng ký thuế, đăng ký doanh nghiệp. Người nộp thuế có trách nhiệm trả lời xác nhận ngay trong ngày làm việc hoặc chậm nhất ngày làm việc tiếp theo; trường hợp quá thời hạn mà người nộp thuế chưa xác nhận hoặc xác nhận không thành công, Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế tự động gửi Thông báo không chấp nhận hồ sơ đăng ký hóa đơn điện tử cho người nộp thuế ngay trong ngày làm việc hoặc chậm nhất ngày làm việc tiếp theo. Cơ quan thuế áp dụng công nghệ sinh trắc học trong việc đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử phù hợp quy định pháp luật.

Chữ in thường là quy định hiện hành;

Chữ ***đậm***, ***ngiêng*** là bổ sung.

Chữ gạch giữa là xóa bỏ

b) Trường hợp người nộp thuế đã xác nhận đúng thời hạn trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan thuế và người nộp thuế không thuộc trường hợp: người đại diện theo pháp luật, đại diện hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh chủ doanh nghiệp tư nhân đã từng hoặc đang là người đại diện theo pháp luật đại diện hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh hoặc chủ doanh nghiệp tư nhân khác mà người nộp thuế đó có trạng thái mã số thuế không hoạt động tại địa chỉ đăng ký kinh doanh, người nộp thuế ngừng hoạt động chưa đóng mã số thuế, người nộp thuế tạm ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành nghĩa vụ thuế; người nộp thuế có hành vi vi phạm về thuế, hóa đơn, chứng từ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính thì trong thời hạn chậm nhất ngày làm việc tiếp theo, cơ quan thuế ban hành Thông báo chấp nhận đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử theo quy định tại khoản 2 Điều này.

c) Trường hợp kết quả đối chiếu thông tin khớp đúng, người nộp thuế xác nhận trên Cổng thông tin điện tử của Cơ quan thuế đúng thời hạn nhưng người nộp thuế thuộc trường hợp người đại diện theo pháp luật, đại diện hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh hoặc chủ doanh nghiệp tư nhân đã từng hoặc đang là người đại diện theo pháp luật đại diện hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh hoặc chủ doanh nghiệp tư nhân khác mà người nộp thuế đó có trạng thái mã số thuế không hoạt động tại địa chỉ đăng ký kinh doanh, người nộp thuế ngừng hoạt động chưa đóng mã số thuế, người nộp thuế tạm ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành nghĩa vụ thuế; người nộp thuế có hành vi vi phạm về thuế, hóa đơn, chứng từ; người nộp thuế rủi ro về thuế cao theo hướng dẫn của Bộ Tài chính thì trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử của người nộp thuế, cơ quan thuế ban hành thông báo yêu cầu giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP gửi cho người nộp thuế hoặc cơ quan thuế quản lý trực tiếp thực hiện xác minh hoạt động thực tế tại địa chỉ đã đăng ký của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Người nộp thuế thực hiện giải trình bổ sung thông tin tài liệu trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày nhận được thông báo yêu cầu giải trình, bổ sung của cơ quan thuế.

d) Trường hợp cơ quan thuế chấp nhận thông tin giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu của người nộp thuế hoặc trường hợp kết quả xác minh người nộp thuế có hoạt động tại địa chỉ đăng ký thì cơ quan thuế quản lý trực tiếp ban hành Thông báo chấp nhận đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử của người nộp thuế. Trường hợp người nộp thuế không giải trình hoặc quá thời hạn quy định mà không giải trình được thông tin hoặc kết quả xác minh người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đăng ký thì chậm nhất ngày làm việc tiếp theo cơ quan thuế ban hành Thông báo không chấp nhận đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử của người nộp thuế và ghi rõ lý do theo quy định tại khoản 2 Điều này.

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

2. Trong thời gian 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử, Cơ quan thuế có trách nhiệm gửi thông báo điện tử theo Mẫu số 01/TB-ĐKĐT Phụ lục IB ban hành kèm theo Nghị định này qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử hoặc gửi thông báo trực tiếp đến doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ *kinh doanh*, cá nhân kinh doanh về việc chấp nhận hoặc không chấp nhận đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử.

Đối với trường hợp doanh nghiệp, tổ chức kinh tế đăng ký chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử theo hình thức gửi trực tiếp đến cơ quan thuế theo quy định tại **điểm b khoản 3 Điều 22** của Nghị định này được cơ quan thuế ra thông báo chấp nhận đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử theo Mẫu số 01/TB-ĐKĐT Phụ lục IB **Nghị định này** nhưng chưa phối hợp với Tổng cục Thuế về cấu hình hạ tầng kỹ thuật, kiểm thử kết nối, truyền nhận dữ liệu thì chậm nhất trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế gửi thông báo theo Mẫu số 01/TB-ĐKĐT Phụ lục IB, tổ chức cần chuẩn bị đủ điều kiện về hạ tầng kỹ thuật và thông báo cho Tổng cục Thuế để phối hợp kết nối. Thời gian thực hiện trong 10 ngày làm việc kể từ ngày Tổng cục Thuế nhận được đề nghị của doanh nghiệp, tổ chức. Trường hợp kết quả kiểm thử kết nối, truyền nhận dữ liệu thành công thì doanh nghiệp, tổ chức thực hiện gửi dữ liệu hóa đơn điện tử theo hình thức gửi trực tiếp đến cơ quan thuế theo quy định tại Điều 22 Nghị định này. Trường hợp sau 05 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế gửi thông báo theo Mẫu 01/TB-ĐKĐT Phụ lục IB **Nghị định này**, doanh nghiệp, tổ chức không thông báo cho Tổng cục Thuế để phối hợp kết nối hoặc kết quả kiểm thử kết nối, truyền nhận dữ liệu không thành công, doanh nghiệp, tổ chức thay đổi đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử theo Mẫu số 01/ĐKĐT-HĐĐT Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định này và thực hiện chuyển dữ liệu qua Tổ chức kết nối, nhận, truyền lưu trữ dữ liệu hóa đơn điện tử với cơ quan thuế.

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

4. Trường hợp có thay đổi thông tin đã đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử tại khoản 1 Điều này, doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ *kinh doanh*, cá nhân kinh doanh thực hiện thay đổi thông tin **như sau:**

a) Trường hợp người nộp thuế thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử do thay đổi thông tin về người đại diện theo pháp luật; đại diện hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh, thành viên góp vốn, chủ sở hữu thì trình tự thủ tục thực hiện theo quy định tại khoản 1a Điều này.

b) Trường hợp người nộp thuế thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử không thuộc quy định tại điểm a khoản này, Công thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi yêu cầu đề nghị người nộp thuế xác nhận qua địa chỉ thư điện tử hoặc điện thoại của chủ doanh nghiệp hoặc người đại diện theo pháp luật theo thông tin trong hồ sơ đăng ký thuế.

Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh sau khi thay đổi thông tin thì và gửi lại cơ quan thuế **thông tin đã thay đổi** theo Mẫu số 01/ĐKTD- HĐĐT Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định này qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế hoặc qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử, trừ trường hợp ngừng sử dụng hóa đơn điện tử theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định này. Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế tiếp nhận mẫu đăng ký thay đổi thông tin và Cơ quan Thuế thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này.

11. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 16 như sau:

“Điều 16. Ngừng sử dụng hóa đơn điện tử

1. Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ **kinh doanh**, cá nhân kinh doanh thuộc các trường hợp sau ngừng sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế, ngừng sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế **ngừng sử dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền:**

a) Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ **kinh doanh**, cá nhân kinh doanh chấm dứt hiệu lực mã số thuế;

b) Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ **kinh doanh**, cá nhân kinh doanh thuộc trường hợp cơ quan thuế xác minh và thông báo không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký;

c) Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ **kinh doanh**, cá nhân kinh doanh ~~thông báo với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền tạm ngừng kinh doanh; tạm ngừng sử dụng hóa đơn điện tử theo văn bản gửi cơ quan thuế (Mẫu 01/ĐKTD-HĐĐT ban hành kèm Nghị định này); hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh chuyển đổi phương pháp từ kê khai sang phương pháp khoán hoặc nộp thuế theo từng lần phát sinh theo thông báo của cơ quan thuế;~~

d) Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ **kinh doanh**, cá nhân kinh doanh có thông báo của cơ quan thuế về việc ngừng sử dụng hóa đơn điện tử để thực hiện cưỡng chế nợ thuế;

đ) Trường hợp có hành vi sử dụng hóa đơn điện tử để bán hàng nhập lậu, hàng cấm, hàng giả, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, bị cơ quan chức năng phát hiện và thông báo cho cơ quan thuế;

e) Trường hợp có hành vi lập hóa đơn điện tử phục vụ mục đích bán khống hàng hóa, cung cấp dịch vụ để chiếm đoạt tiền của tổ chức, cá nhân bị cơ quan chức năng phát hiện, **khởi tố** và thông báo cho cơ quan thuế; **cơ quan công an, viện kiểm sát, tòa án có văn bản đề nghị cơ quan thuế ngừng sử dụng hóa đơn điện tử của tổ chức, cá nhân nêu trên;**

g) Trường hợp cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện khi phát hiện doanh nghiệp không có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật **hoặc trường hợp cơ quan chức năng phát hiện và thông**

Chữ in thường là quy định hiện hành;

Chữ **đậm, nghiêng** là bổ sung.

Chữ gạch giữa là xóa bỏ

báo cho cơ quan thuế người nộp thuế có hành vi vi phạm pháp luật về thuế và hóa đơn;

h) Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đang áp dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền có thay đổi ngành nghề kinh doanh dẫn đến không đáp ứng điều kiện sử dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định này thì cơ quan thuế ra thông báo người nộp thuế ngừng sử dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền;

i) Căn cứ kết quả Trong quá trình thanh tra, kiểm tra, nếu cơ quan thuế xác định doanh nghiệp **có hành vi trốn thuế, doanh nghiệp** được thành lập để thực hiện mua bán, sử dụng hóa đơn điện tử không hợp pháp hoặc sử dụng không hợp pháp hóa đơn điện tử để trốn thuế theo quy định thì cơ quan thuế ban hành quyết định **thông báo** ngừng sử dụng hóa đơn điện tử; doanh nghiệp bị xử lý theo quy định của pháp luật **theo trình tự quy định tại điểm c khoản 2 Điều này. Trường hợp người nộp thuế thuộc diện rủi ro cao theo kết quả phân tích cơ sở dữ liệu thì cơ quan thuế thực hiện ngừng sử dụng hóa đơn điện tử theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều này.**

Trường hợp đặc biệt khác ngoài các trường hợp nêu trên giao Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định giao Thủ trưởng cơ quan thuế quản lý trực tiếp ban hành thông báo điện tử về việc ngừng sử dụng hóa đơn điện tử đến người nộp thuế theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều này.

2. Trình tự thực hiện ngừng sử dụng hóa đơn điện tử như sau:

a) Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế ngừng tiếp nhận hóa đơn điện tử và không gửi thông báo ngừng sử dụng hóa đơn điện tử đối với người nộp thuế thuộc trường hợp quy định tại điểm a, b, d và hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh chuyển đổi phương pháp tính thuế tại điểm c khoản 1 Điều này kể từ ngày tổ chức, cá nhân chấm dứt hiệu lực mã số thuế hoặc kể từ ngày cơ quan thuế ban hành thông báo người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký hoặc quyết định cưỡng chế nợ thuế.

b) Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông báo điện tử về việc ngừng sử dụng hóa đơn điện tử, ngừng sử dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền (theo mẫu số 01/TB-NSDHD ban hành kèm theo Nghị định này) và ngừng tiếp nhận hóa đơn điện tử, ngừng tiếp nhận hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền đối với người nộp thuế này thuộc trường hợp quy định tại điểm c, h khoản 1 Điều này khi nhận được thông báo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc tạm ngừng kinh doanh hoặc văn bản của người nộp thuế về việc tạm ngừng kinh doanh hoặc tạm ngừng sử dụng hóa đơn.

c) Thủ trưởng cơ quan thuế quản lý trực tiếp ban hành thông báo điện tử về việc ngừng sử dụng hóa đơn điện tử đến người nộp thuế thuộc trường hợp quy định tại điểm e khoản 1 Điều này (theo mẫu số 01/TB-NSDHD ban

hành kèm theo Nghị định này) kể từ ngày cơ quan thuế nhận được thông báo của cơ quan chức năng.

d) Thủ trưởng Cơ quan thuế quản lý trực tiếp gửi thông báo **điện tử** đến người nộp thuế thuộc trường hợp ***quy định*** tại điểm d, e, g khoản 1 Điều này để ***nghe yêu cầu*** người nộp thuế giải trình hoặc bổ sung thông tin, tài liệu liên quan đến việc sử dụng hóa đơn điện tử.

b d.1) Người nộp thuế giải trình hoặc bổ sung thông tin, tài liệu không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế ra thông báo. Người nộp thuế có thể đến cơ quan thuế giải trình trực tiếp hoặc bổ sung thông tin, tài liệu hoặc bằng văn bản.

e d.2) Người nộp thuế tiếp tục sử dụng hóa đơn điện tử hoặc giải trình bổ sung, cụ thể:

e d.2.1) Trường hợp người nộp thuế đã giải trình hoặc bổ sung thông tin, tài liệu đầy đủ và chứng minh được việc sử dụng hóa đơn điện tử theo đúng quy định pháp luật thì người nộp thuế tiếp tục sử dụng hóa đơn điện tử.

e d.2.2) Trường hợp người nộp thuế đã giải trình hoặc bổ sung thông tin, tài liệu mà không chứng minh được việc sử dụng hóa đơn điện tử theo đúng quy định pháp luật thì cơ quan thuế tiếp tục thông báo yêu cầu người nộp thuế bổ sung thông tin, tài liệu. Thời hạn bổ sung là 02 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế ***ra thông báo***.

đ d.3) Hết thời hạn theo thông báo mà người nộp thuế không giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu thì cơ quan thuế ***ra ban hành*** thông báo đề nghị người nộp thuế ngừng sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế hoặc ngừng sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế ***theo mẫu số 01/TB-NSDHD ban hành kèm theo Nghị định này*** và xử lý theo quy định.”

12. Sửa đổi, bổ sung Điều 19 như sau:

“Điều 19. Xử lý *Thay thế, điều chỉnh* hóa đơn điện tử có sai sót

~~“1. Trường hợp người bán phát hiện hóa đơn điện tử đã được cấp mã của cơ quan thuế chưa gửi cho người mua có sai sót thì người bán thực hiện thông báo với cơ quan thuế theo Mẫu số 04/SS-HĐĐT Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định này về việc hủy hóa đơn điện tử có mã đã lập có sai sót và lập hóa đơn điện tử mới, ký số gửi cơ quan thuế để cấp mã hóa đơn mới thay thế hóa đơn đã lập để gửi cho người mua. Cơ quan thuế thực hiện hủy hóa đơn điện tử đã được cấp mã có sai sót lưu trên hệ thống của cơ quan thuế.~~

~~2. Trường hợp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế hoặc hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế đã gửi cho người mua mà người mua hoặc người bán phát hiện có sai sót thì xử lý như sau:~~

1. Trường hợp phát hiện hóa đơn điện tử đã lập sai (bao gồm hóa đơn điện tử đã được cấp mã của cơ quan thuế, hóa đơn điện tử không có mã của cơ

Chữ in thường là quy định hiện hành;

Chữ ***đậm, nghiêng*** là bổ sung.

Chữ gạch giữa là xóa bỏ

quan thuế đã gửi dữ liệu đến cơ quan thuế) thì người bán thực hiện xử lý như sau:

a) Trường hợp có sai sót về tên, địa chỉ của người mua nhưng không sai mã số thuế, các nội dung khác không sai sót thì người bán thông báo cho người mua về việc hóa đơn có sai sót và không phải lập lại hóa đơn. Người bán thực hiện thông báo với cơ quan thuế về hóa đơn điện tử có sai sót theo Mẫu số 04/SS-HDDT Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định này, ~~trừ trường hợp hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế có sai sót nêu trên chưa gửi dữ liệu hóa đơn cho cơ quan thuế.~~

b) Trường hợp có sai: mã số thuế; sai sót về số tiền ghi trên hóa đơn, sai về thuế suất, tiền thuế hoặc hàng hóa ghi trên hóa đơn không đúng quy cách, chất lượng thì có thể lựa chọn một trong hai cách sử dụng **điều chỉnh hoặc thay thế** hóa đơn điện tử như sau:

b.1) Người bán lập hóa đơn điện tử điều chỉnh hóa đơn đã lập có sai sót. ~~Trường hợp người bán và người mua có thỏa thuận về việc lập văn bản thỏa thuận trước khi lập hóa đơn điều chỉnh cho hóa đơn đã lập có sai sót thì người bán và người mua lập văn bản thỏa thuận ghi rõ sai sót, sau đó người bán lập hóa đơn điện tử điều chỉnh hóa đơn đã lập có sai sót.~~

Hóa đơn điện tử điều chỉnh hóa đơn điện tử đã lập có sai sót phải có dòng chữ “Điều chỉnh cho hóa đơn Mẫu số... ký hiệu... số... ngày... tháng... năm”.

b.2) Người bán lập hóa đơn điện tử mới thay thế cho hóa đơn điện tử có **lập** sai sót ~~trừ trường hợp người bán và người mua có thỏa thuận về việc lập văn bản thỏa thuận trước khi lập hóa đơn thay thế cho hóa đơn đã có sai sót thì người bán và người mua lập văn bản thỏa thuận ghi rõ sai sót, sau đó người bán lập hóa đơn điện tử thay thế hóa đơn đã lập có sai sót.~~

Hóa đơn điện tử mới thay thế hóa đơn điện tử đã lập có sai sót phải có dòng chữ “Thay thế cho hóa đơn Mẫu số... ký hiệu... số... ngày... tháng... năm”.

Người bán ký số trên hóa đơn điện tử mới điều chỉnh hoặc thay thế cho hóa đơn điện tử đã lập có sai sót sau đó người bán gửi cho người mua (đối với trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế) hoặc gửi cơ quan thuế để cơ quan thuế cấp mã cho hóa đơn điện tử mới để gửi cho người mua (đối với trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế).

Trường hợp trong tháng người bán đã lập sai cùng thông tin về người mua, tên hàng, đơn giá, thuế suất trên nhiều hóa đơn của cùng một người mua trong cùng tháng thì người bán được lập một hóa đơn điều chỉnh hoặc thay thế cho nhiều hóa đơn điện tử đã lập sai trong cùng tháng và đính kèm bảng kê các hóa đơn điện tử đã lập sai theo Mẫu số 01/BK-ĐCTT.

Trước khi điều chỉnh, thay thế hóa đơn điện tử đã lập sai theo quy định tại điểm b khoản này, đối với trường hợp người mua là doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thì người bán và người mua phải lập văn bản thỏa thuận ghi rõ nội dung sai; trường hợp người

Chữ in thường là quy định hiện hành;

Chữ **đậm**, **ngiêng** là bổ sung.

Chữ ~~gạch~~ giữa là xóa bỏ

mua là cá nhân thì người bán phải thông báo cho người mua hoặc thông báo trên website của người bán (nếu có). Người bán thực hiện lưu giữ văn bản thỏa thuận tại đơn vị và xuất trình khi có yêu cầu.

c) Đối với ngành hàng không thì hóa đơn đổi, hoàn chứng từ vận chuyển hàng không được coi là hóa đơn điều chỉnh mà không cần có thông tin “Điều chỉnh tăng/giảm cho hóa đơn Mẫu số... ký hiệu... ngày... tháng... năm”. Doanh nghiệp vận chuyển hàng không được phép xuất hóa đơn của mình cho các trường hợp hoàn, đổi chứng từ vận chuyển do đại lý xuất.

3. 2. Trường hợp cơ quan thuế phát hiện hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế hoặc hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế đã lập có sai sót thì cơ quan thuế thông báo cho người bán theo Mẫu số 01/TB-RSĐT Phụ lục IB ban hành kèm theo Nghị định này để người bán kiểm tra nội dung sai sót.

Người bán có trách nhiệm rà soát theo thông báo của cơ quan thuế và thực hiện điều chỉnh, thay thế hóa đơn theo quy định tại khoản 1 Điều này.

~~Theo thời hạn thông báo ghi trên Mẫu số 01/TB-RSĐT Phụ lục IB, người bán thực hiện thông báo với cơ quan thuế theo Mẫu số 04/SS-HĐĐT tại Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định này về việc kiểm tra hóa đơn điện tử đã lập có sai sót.~~

~~Hết thời hạn thông báo ghi trên Mẫu số 01/TB-RSĐT Phụ lục IB mà người bán không thông báo với cơ quan thuế thì cơ quan thuế tiếp tục thông báo lần 2 cho người bán theo Mẫu số 01/TB-RSĐT Phụ lục IB. Trường hợp quá thời hạn thông báo lần 2 ghi trên Mẫu số 01/TB-RSĐT Phụ lục IB mà người bán không có thông báo thì cơ quan thuế xem xét chuyển sang trường hợp kiểm tra về sử dụng hóa đơn điện tử.~~

~~4. Trong thời hạn 01 ngày làm việc, cơ quan thuế thông báo về việc tiếp nhận và kết quả xử lý theo Mẫu số 01/TB-HĐSS Phụ lục IB ban hành kèm theo Nghị định này. Hóa đơn điện tử đã hủy không có giá trị sử dụng nhưng vẫn được lưu trữ để phục vụ tra cứu.~~

3. Trường hợp người bán thực hiện thông báo với cơ quan thuế theo Mẫu số 04/SS-HĐĐT quy định tại điểm a khoản 1, Điều này thì Công thông tin điện tử của cơ quan thuế tự động thông báo về việc tiếp nhận theo Mẫu số 01/TB-HĐSS Phụ lục IB ban hành kèm theo Nghị định này.

4. Hóa đơn để điều chỉnh hóa đơn điện tử đã lập trong số trường hợp như sau:

a) Đối với các hóa đơn điện tử đã lập khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ không bị sai nhưng khi thanh toán thực tế hoặc khi quyết toán có sự thay đổi về giá trị, khối lượng trên cơ sở kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật có liên quan thì người bán thực hiện lập hóa đơn điện tử mới đối với số chênh lệch qua quyết toán phản ánh theo đúng nghiệp vụ kinh tế phát sinh (ghi âm (-) hoặc dương (+) phù hợp với thực tế).

Chữ in thường là quy định hiện hành;

Chữ ***đậm***, ***ngiêng*** là bổ sung.

Chữ ***gạch*** giữa là xóa bỏ

b) Trường hợp việc chiết khấu thương mại căn cứ vào số lượng, doanh số hàng hóa, dịch vụ thì số tiền chiết khấu của hàng hóa, dịch vụ đã bán được tính điều chỉnh trên hóa đơn bán hàng hóa, dịch vụ của lần mua cuối cùng hoặc kỳ tiếp sau đảm bảo số tiền chiết khấu không vượt quá giá trị hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn của lần mua cuối cùng hoặc kỳ tiếp sau hoặc được lập hóa đơn điều chỉnh kèm theo bảng kê các số hóa đơn cần điều chỉnh, số tiền, tiền thuế điều chỉnh. Bảng kê được lưu tại đơn vị và xuất trình khi cơ quan thuế hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu. Căn cứ vào hóa đơn điều chỉnh, bên bán và bên mua kê khai điều chỉnh doanh thu mua, bán, thuế đầu ra, đầu vào tại kỳ lập hóa đơn điều chỉnh.

c) Xử lý hóa đơn điện tử trong trường hợp trả lại hàng hoá, dịch vụ:

c.1) Trường hợp trả lại hàng hóa: Trường hợp người mua trả lại toàn bộ hoặc một phần hàng hóa thì người bán lập hóa đơn điều chỉnh, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận về việc người mua lập hóa đơn khi trả lại hàng phù hợp với pháp luật có liên quan thì người mua lập hóa đơn giao cho người bán.

c.2) Trường hợp hàng hoá là tài sản thuộc diện phải đăng ký quyền sử dụng, quyền sở hữu theo quy định của pháp luật và tài sản đã được đăng ký theo tên người mua thì khi trả lại hàng hoá đảm bảo phù hợp với pháp luật liên quan, nếu người mua là đối tượng sử dụng hoá đơn điện tử thì người mua thực hiện lập hoá đơn trả lại hàng cho người bán.

c.3) Đối với trường hợp hoàn phí, giảm phí, giảm hoa hồng môi giới bảo hiểm và các khoản chi để giảm thu khác theo quy định của pháp luật kinh doanh bảo hiểm: Căn cứ vào hóa đơn đã lập và biên bản hoặc thỏa thuận bằng văn bản ghi rõ số tiền phí bảo hiểm được hoàn, giảm (không bao gồm thuế giá trị gia tăng), số tiền thuế giá trị gia tăng theo hóa đơn thu phí bảo hiểm mà doanh nghiệp bảo hiểm đã thu (số ký hiệu, ngày, tháng của hóa đơn), lý do hoàn, giảm phí bảo hiểm thì người bán lập hóa đơn điều chỉnh giao cho khách hàng tham gia bảo hiểm, không phân biệt đã chi tiền hay chưa chi tiền. Trên hóa đơn ghi rõ số tiền phí bảo hiểm hoàn, giảm, lý do hoàn, giảm. Biên bản này được lưu giữ cùng với hóa đơn thu phí bảo hiểm tại doanh nghiệp và xuất trình khi có yêu cầu.

Đối với các trường hợp quy định tại điểm c.1, c.2, c.3, người bán, người mua phải có đầy đủ hồ sơ, chứng từ liên quan đến việc trả lại hàng hoá, dịch vụ và phải xuất trình khi được yêu cầu.

c.4) Trường hợp người bán đã lập hóa đơn khi thu tiền trước khi cung cấp dịch vụ, hoặc lập hóa đơn thu tiền đối với hoạt động kinh doanh bất động sản, xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng nhà để bán, nhà chuyển nhượng sau đó phát sinh việc huỷ hoặc chấm dứt giao dịch và huỷ một phần việc cung cấp dịch vụ thì người bán thực hiện điều chỉnh hóa đơn điện tử đã lập theo quy định tại điểm b.1 khoản 1 Điều này.

d) Trường hợp tổ chức tín dụng, tổ chức cung cấp dịch vụ thanh toán đã lập hóa đơn thu phí dịch vụ thanh toán thẻ sau đó phát sinh giao dịch hoàn phí dịch vụ thanh toán thẻ cho đơn vị chấp nhận thẻ thì tổ chức tín dụng, tổ chức cung cấp dịch vụ thanh toán thực hiện lập hóa đơn đơn điều chỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều này, trên hóa đơn điều chỉnh không cần có thông tin “Điều chỉnh cho hóa đơn Mẫu số...ký hiệu....ngày...tháng...năm.”

đ) Đối với trường hợp cung cấp dịch vụ viễn thông mà khách hàng sử dụng thẻ trả trước dịch vụ viễn thông di động để thanh toán cho cước dịch vụ trả sau, nhằm tín ủng hộ từ thiện, các dịch vụ viễn thông khác được chấp nhận thanh toán bằng thẻ trả trước dịch vụ viễn thông di động theo quy định của pháp luật và khi bán thẻ cào, hoàn thành cung cấp dịch vụ doanh nghiệp viễn thông đã thực hiện lập hóa đơn GTGT theo quy định, doanh nghiệp viễn thông căn cứ vào dữ liệu trên bảng kê hoặc biên bản làm việc với đối tác, khách hàng để thực hiện lập hóa đơn điều chỉnh.

5. Áp dụng hóa đơn điều chỉnh, thay thế:

a) Trường hợp hóa đơn điện tử đã lập sai và người bán đã xử lý theo hình thức điều chỉnh hoặc thay thế theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, sau đó lại phát hiện hóa đơn sai thì các lần xử lý tiếp theo người bán sẽ thực hiện theo hình thức đã áp dụng khi xử lý lần đầu;

b) Trường hợp theo quy định hóa đơn điện tử được lập không có ký hiệu mẫu số hóa đơn, ký hiệu hóa đơn, số hóa đơn đã lập sai thì người bán chỉ thực hiện lập hóa đơn điều chỉnh;

c) Đối với nội dung về giá trị trên hóa đơn điều chỉnh thì: điều chỉnh tăng (ghi dấu dương), điều chỉnh giảm (ghi dấu âm) đúng với thực tế điều chỉnh.

d) Hóa đơn điều chỉnh, hóa đơn thay thế đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 thì người bán, người mua khai bổ sung vào kỳ phát sinh hóa đơn bị điều chỉnh, bị thay thế.

đ) Hóa đơn điều chỉnh đối với trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều này thì người bán kê khai vào kỳ phát sinh hóa đơn điều chỉnh, người mua kê khai vào kỳ nhận được hóa đơn điều chỉnh.

13. Sửa đổi, bổ sung Điều 22 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung Điều 22 như sau:

“Điều 22. Trách nhiệm của người bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế

1. Quản lý tên và mật khẩu của các tài khoản đã được cơ quan thuế cấp.

2. Tạo lập hóa đơn điện tử về bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ để gửi đến người mua, cơ quan thuế, tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác của hóa đơn điện tử đã lập.

3. Chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế đã lập đến cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế (chuyển trực tiếp hoặc gửi qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử).

a) Phương thức và thời điểm chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử

a.1) Phương thức chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử theo Bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử theo Mẫu số 01/TH-HĐĐT Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định này ~~cùng thời hạn nộp hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với các trường hợp sau:~~

- Cung cấp dịch vụ thuộc lĩnh vực: bưu chính viễn thông, bảo hiểm, tài chính ngân hàng, vận tải hàng không, chứng khoán.

- Bán hàng hóa là điện, nước sạch nếu có thông tin về mã khách hàng hoặc mã số thuế của khách hàng.

Người bán lập Bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử hàng hóa, cung cấp dịch vụ phát sinh trong tháng hoặc quý (tính từ ngày đầu của tháng, quý đến ngày cuối cùng của tháng hoặc quý) theo Mẫu số 01/TH-HĐĐT Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định này để gửi cơ quan thuế **chậm nhất là cùng với thời hạn** ~~gửi~~ gửi Tờ khai thuế giá trị gia tăng theo quy định của Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Trường hợp phát sinh số lượng hóa đơn lớn thì bảng tổng hợp sẽ được tách theo định dạng chuẩn dữ liệu của cơ quan thuế nhằm đảm bảo yêu cầu gửi nhận dữ liệu trên đường truyền.

Đối với hóa đơn gửi theo bảng tổng hợp thì người bán gửi thông tin hủy, điều chỉnh trực tiếp trên bảng tổng hợp của các kỳ tiếp theo mà không gửi thông báo hóa đơn điện tử có sai sót theo Mẫu số 04/SS-HĐĐT Phụ lục IA Nghị định này đến cơ quan thuế.

Các hóa đơn được lập cho tổng doanh thu của người mua là cá nhân không kinh doanh phát sinh trong ngày hoặc tháng theo bảng kê chi tiết thì người bán chỉ gửi dữ liệu hóa đơn điện tử (không kèm bảng kê chi tiết) đến cơ quan thuế.

Riêng đối với trường hợp bán xăng dầu cho khách hàng thì người bán tổng hợp dữ liệu tất cả các hóa đơn bán xăng dầu trong ngày theo từng mặt hàng để thể hiện trên bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử và chuyển bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử **theo mẫu số 01/TH-HĐĐT** này ngay trong ngày.

a.2) Xử lý bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử đã gửi cơ quan thuế:

Trường hợp dữ liệu hóa đơn điện tử tại bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử đã gửi cơ quan thuế thiếu hoặc sai thì người bán gửi bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử bổ sung;

Việc điều chỉnh dữ liệu hóa đơn trên bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn phải điền đủ các thông tin: ký hiệu mẫu số hóa đơn, ký hiệu hóa đơn, số hóa đơn vào cột 14 “thông tin hóa đơn liên quan” tại Mẫu 01/TH-HĐĐT ban hành kèm

Chữ in thường là quy định hiện hành;

Chữ **đậm, nghiêng** là bổ sung.

Chữ gạch giữa là xóa bỏ

theo này (trừ trường hợp hóa đơn điện tử không nhất thiết phải có đầy đủ các thông tin ký hiệu mẫu số hóa đơn, ký hiệu hóa đơn, số hóa đơn theo quy định tại khoản 14 Điều 10 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP và được sửa đổi, bổ sung tại điểm đ khoản 6 Điều 1 Nghị định này).

a.2 3) Phương thức chuyển đầy đủ nội dung hóa đơn áp dụng đối với trường hợp bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ không thuộc quy định tại điểm a1 khoản này.

Người bán sau khi lập đầy đủ các nội dung trên hóa đơn *theo quy định* gửi hóa đơn cho người mua (*khi người mua có yêu cầu*) và đồng thời gửi hóa đơn cho cơ quan thuế *chậm nhất là ngày làm việc tiếp theo kể từ thời điểm lập hóa đơn*.

b) Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế thực hiện chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử đến cơ quan thuế theo định dạng dữ liệu theo quy định tại Điều 12 Nghị định này và hướng dẫn của Tổng cục Thuế bằng hình thức gửi trực tiếp (đối với trường hợp đáp ứng yêu cầu về chuẩn kết nối dữ liệu) hoặc gửi thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử.

b.1) Hình thức gửi trực tiếp

Trường hợp người bán là doanh nghiệp, tổ chức kinh tế đáp ứng điều kiện dưới đây thì người bán thực hiện chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử đến cơ quan thuế theo định dạng dữ liệu theo quy định tại Điều 12 Nghị định này và hướng dẫn của Tổng cục Thuế bằng hình thức gửi trực tiếp:

b.1.1) Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế sử dụng hóa đơn số lượng lớn bình quân từ 1.000.000 hóa đơn một tháng trở lên, có hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu về định dạng chuẩn dữ liệu và quy định tại khoản 4 Điều 12 Nghị định này 123/2020/NĐ-CP, có nhu cầu chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử theo hình thức gửi trực tiếp đến cơ quan thuế gửi văn bản kèm theo tài liệu chứng minh điều kiện đáp ứng đến Tổng cục Thuế.

b.1.2) Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế có tổ chức mô hình Công ty mẹ - con, có xây dựng hệ thống quản lý dữ liệu hóa đơn tập trung tại Công ty mẹ và có nhu cầu Công ty mẹ chuyển toàn bộ dữ liệu hóa đơn điện tử bao gồm cả dữ liệu của các công ty con đến cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế thì gửi kèm theo danh sách công ty con đến Tổng cục Thuế để thực hiện kết nối kỹ thuật.

b.2) Hình thức gửi thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử

Các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế không thuộc trường hợp nêu tại điểm a khoản này thực hiện ký hợp đồng với tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử để tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử làm dịch vụ chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử đến cơ quan thuế. ~~Căn cứ hợp đồng được ký kết, doanh nghiệp, tổ chức kinh tế có trách nhiệm chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử cho tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử để tổ chức này gửi tiếp đến cơ quan thuế.~~

4. Lưu trữ và bảo đảm tính toàn vẹn của toàn bộ hóa đơn điện tử; thực hiện các quy định pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh hệ thống dữ liệu điện tử.

5. Chấp hành sự thanh tra, kiểm tra, đối chiếu của cơ quan thuế và các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

6. Truy cập hệ thống hóa đơn điện tử do cơ quan thuế xây dựng theo định dạng chuẩn dữ liệu theo quy định tại Điều 12 Nghị định này để lập hoá đơn kiêm tờ khai hoàn thuế GTGT đối với cơ sở kinh doanh bán hàng hoá hoàn thuế GTGT.

b) Bổ sung Điều 22a như sau:

“Điều 22a. Nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ hoá đơn điện tử

1. Nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử cho người bán và người mua:

a) Nghĩa vụ:

a.1) Cung cấp giải pháp trong việc khởi tạo, truyền, nhận, lưu trữ, xử lý dữ liệu hóa đơn điện tử, hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế khởi tạo từ máy tính tiền, chứng từ điện tử; truyền dữ liệu hóa đơn điện tử đến cơ quan thuế. Trường hợp tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử chưa phải là tổ chức kết nối nhận, truyền, lưu trữ dữ liệu hoá đơn điện tử với cơ quan thuế thì thực hiện truyền dữ liệu hóa đơn điện tử đến cơ quan thuế thông qua việc sử dụng dịch vụ của tổ chức kết nối nhận, truyền, lưu trữ dữ liệu hoá đơn điện tử với cơ quan thuế.

a.2) Thực hiện truyền, nhận đúng hạn, toàn vẹn hóa đơn điện tử và lưu trữ kết quả truyền nhận giữa các bên tham gia giao dịch.

b) Trách nhiệm:

b.1) Công khai thông báo phương thức hoạt động, chất lượng dịch vụ trên Website giới thiệu dịch vụ của tổ chức.

b.2) Bảo mật thông tin hóa đơn điện tử.

b.3) Thông báo cho người mua dịch vụ kế hoạch ngừng hoặc tạm ngừng cung cấp dịch vụ và biện pháp xử lý trước 30 ngày để bảo đảm quyền lợi của người sử dụng dịch vụ.

b.4) Thực hiện trách nhiệm khác theo thỏa thuận với người sử dụng dịch vụ.

2. Nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức kết nối nhận, truyền, lưu trữ dữ liệu hóa đơn điện tử với cơ quan thuế:

a) Nghĩa vụ:

a.1) Cung cấp dịch vụ nhận, truyền, lưu trữ dữ liệu hóa đơn với Tổng cục Thuế sau khi nhận được từ người sử dụng dịch vụ (bao gồm cả tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử chưa thực hiện kết nối với Tổng cục Thuế).

a.2) Thực hiện cấp mã của cơ quan thuế trong trường hợp cơ quan thuế thông báo ủy quyền; thực hiện cung cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế không phải trả tiền dịch vụ cho các đối tượng được cơ quan thuế ủy thác.

b) Trách nhiệm:

b.1) Thiết lập kênh kết nối chuyển dữ liệu đến Tổng cục Thuế đảm bảo liên tục, an ninh, an toàn.

b.2) Công khai, thông báo phương thức hoạt động, chất lượng dịch vụ trên Website giới thiệu dịch vụ của tổ chức.

b.3) Bảo mật thông tin hóa đơn điện tử.

b.4) Thông báo kịp thời cho Tổng cục Thuế về các vấn đề ảnh hưởng đến việc cung cấp dịch vụ truyền nhận dữ liệu hóa đơn điện tử với cơ quan thuế; phối hợp với Tổng cục Thuế xử lý vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

b.5) Thông báo cho Tổng cục Thuế và người sử dụng dịch vụ kế hoạch ngừng hoặc tạm ngừng cung cấp dịch vụ và biện pháp xử lý trước 30 ngày để phối hợp thực hiện và đảm bảo quyền lợi của người sử dụng dịch vụ.

b.6) Thực hiện trách nhiệm khác theo thỏa thuận với Tổng cục Thuế và người sử dụng dịch vụ.”

14. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 30 vào như sau:

“1. Chứng từ trong lĩnh vực quản lý thuế, phí, lệ phí của cơ quan quản lý thuế bao gồm:

a) Chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân;

b) Biên lai gồm:

b.1) Biên lai thu thuế, phí, lệ phí không in sẵn mệnh giá;

b.2) Biên lai thu thuế, phí, lệ phí in sẵn mệnh giá;

b.3) Biên lai thu thuế, phí, lệ phí.”

15. Sửa đổi, bổ sung Điều 31 như sau:

“1. Tại thời điểm khấu trừ thuế thu nhập cá nhân, thời điểm thu thuế, phí, lệ phí, tổ chức khấu trừ thuế thu nhập cá nhân, tổ chức thu thuế, phí, lệ phí, phải lập chứng từ, biên lai giao cho người có thu nhập bị khấu trừ thuế, người nộp các khoản thuế, phí, lệ phí.

2. Thời điểm ký số trên chứng từ là thời điểm tổ chức, cá nhân khấu trừ thuế thu nhập cá nhân, tổ chức thu thuế, phí, lệ phí điện tử sử dụng chữ ký số

đề ký trên chứng từ điện tử được hiển thị theo định dạng ngày, tháng, năm của năm dương lịch.”

16. Sửa đổi, bổ sung Điều 32 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 32 như sau:

“1. Đối với chứng từ khấu trừ thuế *thu nhập cá nhân* có các nội dung sau:

a) Tên chứng từ khấu trừ thuế; ký hiệu mẫu chứng từ khấu trừ thuế, ký hiệu chứng từ khấu trừ thuế, số thứ tự chứng từ khấu trừ thuế;

b) Tên, địa chỉ, mã số thuế của người nộp *tổ chức, cá nhân chi trả thu nhập*;

c) Tên, địa chỉ, *số điện thoại*, mã số thuế của người nộp thuế *cá nhân nhận thu nhập* (nếu người nộp thuế *cá nhân* đã có mã số thuế) *hoặc số định danh cá nhân*;

d) Quốc tịch (nếu người nộp thuế không thuộc quốc tịch Việt Nam);

đ) Khoản thu nhập, thời điểm trả thu nhập, tổng thu nhập chịu thuế, *khoản đóng bảo hiểm bắt buộc; khoản từ thiện, nhân đạo, khuyến học*; số thuế đã khấu trừ; số thu nhập còn được nhận;

e) Ngày, tháng, năm lập chứng từ khấu trừ thuế;

g) Họ tên, chữ ký của người trả thu nhập.

Trường hợp sử dụng chứng từ khấu trừ thuế *thu nhập cá nhân* điện tử thì chữ ký trên chứng từ điện tử là chữ ký số.”

b) Sửa đổi, bổ sung điểm k khoản 2 Điều 32 như sau:

“k) Biên lai được thể hiện là tiếng Việt. Trường hợp cần ghi thêm tiếng nước ngoài thì phần ghi thêm bằng tiếng nước ngoài được đặt bên phải trong ngoặc đơn “()” hoặc đặt ngay dưới dòng nội dung ghi bằng tiếng Việt với cỡ chữ nhỏ hơn chữ tiếng Việt.

Chữ số ghi trên biên lai là các chữ số tự nhiên 0, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9.

Đồng tiền ghi trên biên lai là đồng Việt Nam. Trường hợp các khoản phải thu khác thuộc ngân sách nhà nước được pháp luật quy định có mức thu bằng ngoại tệ thì được thu bằng ngoại tệ hoặc thu bằng đồng Việt Nam trên cơ sở quy đổi từ ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí.

Trường hợp khi thu phí, lệ phí, nếu danh mục phí, lệ phí nhiều hơn số dòng của một biên lai thì được lập bảng kê kèm theo biên lai. Bảng kê do tổ chức thu phí, lệ phí tự thiết kế phù hợp với đặc điểm của từng loại phí, lệ phí. Bảng kê phải ghi rõ “kèm theo biên lai số... ngày... tháng.... năm”.

Đối với tổ chức thu phí, lệ phí sử dụng biên lai điện tử trong trường hợp cần điều chỉnh một số tiêu thức nội dung trên biên lai điện tử cho phù hợp với

Chữ in thường là quy định hiện hành;

Chữ *đậm, nghiêng* là bổ sung.

Chữ *gạch* giữa là xóa bỏ

thực tế, tổ chức thu phí, lệ phí có văn bản trao đổi với Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế, *Tổng cục Hải quan*) xem xét và có hướng dẫn trước khi thực hiện.

Ngoài các thông tin bắt buộc theo quy định tại khoản này, tổ chức thu phí, lệ phí có thể tạo thêm các thông tin khác, kể cả tạo lo-go, hình ảnh trang trí hoặc quảng cáo phù hợp với quy định của pháp luật và không che khuất, làm mờ các nội dung bắt buộc thể hiện trên biên lai. Cỡ chữ của các thông tin tạo thêm không được lớn hơn cỡ chữ của các nội dung bắt buộc thể hiện trên biên lai.”

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 32 như sau:

“3. Ký hiệu mẫu, ký hiệu chứng từ thực hiện theo hướng dẫn Bộ Tài chính. Mẫu hiện thị chứng từ điện tử theo hướng dẫn tại khoản 10 Điều 4 Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.”

d) Chuyển quy định từ Điều 37 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP lên thành bổ sung Điều 32a tại dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định số 123/2020/NĐ-CP

“Điều 32a.37 Quy định về lập và ủy nhiệm lập biên lai

1. Lập biên lai

Nội dung trên biên lai phải đúng với nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh; biên lai phải được lập theo thứ tự liên tục từ số nhỏ đến số lớn.

Nội dung lập trên biên lai phải được thống nhất trên các liên có cùng một số biên lai, nếu ghi sai, hỏng thì người thu tiền không được xé khỏi cuống hoặc nếu đã xé thì phải kèm theo tờ biên lai đã ghi sai, hỏng; tổ chức thu phí, lệ phí khi lập biên lai phải đóng dấu của tổ chức thu phí, lệ phí vào góc trên, bên trái liên 2 của biên lai (liên giao cho người nộp các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước).

2. Biên lai được lập theo đúng hướng dẫn khoản 1 Điều này là chứng từ hợp pháp để thanh toán, hạch toán và quyết toán tài chính.

Trường hợp không đáp ứng các hướng dẫn tại khoản 1 Điều này thì không có giá trị thanh toán và không được hạch toán, quyết toán tài chính.

3. Ủy nhiệm lập biên lai

a) Tổ chức thu phí, lệ phí ủy nhiệm cho bên thứ ba lập biên lai. Việc ủy nhiệm giữa bên ủy nhiệm và bên nhận ủy nhiệm phải theo hình thức văn bản, đồng thời phải gửi thông báo cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp bên ủy nhiệm và bên nhận ủy nhiệm theo Mẫu số 02/UN-BLG Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định này, chậm nhất là 03 ngày trước khi bên nhận ủy nhiệm lập biên lai; ***trường hợp sử dụng biên lai điện tử thì bên ủy nhiệm và bên nhận ủy nhiệm phải thông báo cho cơ quan thuế khi đăng ký sử dụng biên lai điện tử theo Mẫu số 01/ĐKTD-CTĐT.***

b) Nội dung văn bản ủy nhiệm phải ghi đầy đủ các thông tin về biên lai ủy nhiệm (hình thức, loại, ký hiệu, số lượng biên lai (từ số... đến số...); mục đích ủy nhiệm; thời hạn ủy nhiệm; phương thức giao nhận hoặc phương thức cài đặt biên lai ủy nhiệm (nếu là biên lai tự in **hoặc điện tử**); phương thức thanh toán biên lai ủy nhiệm;

c) Bên ủy nhiệm phải lập thông báo ủy nhiệm có ghi đầy đủ các thông tin về biên lai ủy nhiệm, mục đích ủy nhiệm, thời hạn ủy nhiệm dựa trên văn bản ủy nhiệm đã ký kết, có tên, chữ ký, dấu (nếu có) của đại diện bên ủy nhiệm cho bên nhận ủy nhiệm và gửi thông báo phát hành tới cơ quan thuế; đồng thời phải được niêm yết tại nơi tổ chức thu tiền lệ phí, tổ chức nhận ủy nhiệm;

d) Biên lai ủy nhiệm được lập vẫn phải ghi tên của tổ chức thu phí, lệ phí (bên ủy nhiệm) và đóng dấu bên ủy nhiệm phía trên bên trái của mỗi tờ biên lai (trường hợp biên lai được in từ thiết bị in của bên nhận ủy nhiệm **hoặc biên lai điện tử** thì không phải đóng dấu, **không phải có chữ ký số** của bên ủy nhiệm);

đ) Trường hợp tổ chức thu phí, lệ phí có nhiều đơn vị trực thuộc trực tiếp thu phí hoặc nhiều cơ sở nhận ủy nhiệm thu cùng sử dụng hình thức biên lai đặt in có cùng ký hiệu theo phương thức phân chia cho từng cơ sở trong toàn hệ thống thì tổ chức thu phí, lệ phí phải có sổ theo dõi phân bổ số lượng biên lai cho từng đơn vị trực thuộc, từng cơ sở nhận ủy nhiệm. Các đơn vị trực thuộc, cơ sở nhận ủy nhiệm phải sử dụng biên lai theo thứ tự từ số nhỏ đến số lớn trong phạm vi số biên lai được phân chia;

e) Bên ủy nhiệm và bên nhận ủy nhiệm phải tổng hợp báo cáo định kỳ việc sử dụng các biên lai ủy nhiệm. Bên ủy nhiệm phải thực hiện báo cáo sử dụng biên lai với cơ quan thuế trực tiếp quản lý theo hướng dẫn tại Nghị định này (bao gồm cả số biên lai của bên nhận ủy nhiệm sử dụng). Bên nhận ủy nhiệm không phải thực hiện thông báo phát hành biên lai và báo cáo tình hình sử dụng biên lai với cơ quan thuế;

g) Khi hết thời hạn ủy nhiệm hoặc chấm dứt trước hạn ủy nhiệm, hai bên phải xác định bằng văn bản, đồng thời thông báo cho cơ quan thuế và niêm yết tại nơi thu phí, lệ phí."

17. Sửa đổi, bổ sung Điều 33 như sau:

~~1. Định dạng biên lai điện tử~~

1. Các loại biên lai chứng từ quy định tại ~~điểm b~~ khoản 1 Điều 30 Nghị định này phải thực hiện theo định dạng sau:

a) Định dạng ~~biên lai chứng từ~~ điện tử sử dụng ngôn ngữ định dạng văn bản XML (XML là chữ viết tắt của cụm từ tiếng Anh "eXtensible Markup Language" được tạo ra với mục đích chia sẻ dữ liệu điện tử giữa các hệ thống công nghệ thông tin);

b) Định dạng ~~biên lai chứng từ~~ điện tử gồm hai thành phần: thành phần chứa dữ liệu nghiệp vụ ~~biên lai chứng từ~~ điện tử và thành phần chứa dữ liệu chữ

Chữ in thường là quy định hiện hành;

Chữ **đậm, nghiêng** là bổ sung.

Chữ ~~gạch~~ giữa là xóa bỏ

ký số;

c) Tổng cục Thuế, *Tổng cục Hải quan* xây dựng và công bố thành phần chứa dữ liệu nghiệp vụ ~~biên lai chứng từ~~ điện tử, thành phần chứa dữ liệu chữ ký số và cung cấp công cụ hiển thị các nội dung của ~~biên lai chứng từ~~ điện tử theo quy định tại Nghị định này.

~~2. Định dạng chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân~~

~~Tổ chức khấu trừ thuế thu nhập cá nhân khi sử dụng chứng từ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 30 Nghị định này theo hình thức điện tử tự xây dựng hệ thống phần mềm để sử dụng chứng từ điện tử đảm bảo các nội dung bắt buộc theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị định này.~~

3-2. Chứng từ điện tử, ~~biên lai điện tử~~ phải được hiển thị đầy đủ, chính xác các nội dung của chứng từ đảm bảo không dẫn tới cách hiểu sai lệch để người sử dụng có thể đọc được bằng phương tiện điện tử.”

18. Sửa đổi, bổ sung Điều 34 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung Điều 34 như sau:

“Điều 34. Đăng ký sử dụng chứng từ biên lai điện tử

1. *Tổ chức, cá nhân khấu trừ thuế thu nhập cá nhân*, Tổ chức thu các khoản *thuế*, phí, lệ phí trước khi sử dụng ~~biên lai chứng từ~~ điện tử theo ~~điểm b~~ khoản 1 Điều 30 *Nghị định số 123/2020/NĐ-CP* thì thực hiện đăng ký sử dụng qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, *Tổng cục Hải quan hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử*.

Trường hợp tổ chức, cá nhân trả thu nhập không thuộc đối tượng áp dụng hóa đơn điện tử; tổ chức, cá nhân trả thu nhập sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế không phải trả tiền dịch vụ theo quy định tại khoản 10 Điều 1 Nghị định này thì được lựa chọn đăng ký sử dụng chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân điện tử thông qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử được Tổng cục Thuế ủy thác cung cấp dịch vụ chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân điện tử không phải trả tiền dịch vụ.

Nội dung thông tin đăng ký theo Mẫu số ~~01/ĐK-BL~~ *01/ĐKTD-CTĐT* Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định này.

Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, *Tổng cục Hải quan* tiếp nhận đăng ký sử dụng ~~biên lai điện tử~~ của tổ chức thu các khoản *phí, lệ phí, tổ chức, cá nhân khấu trừ thuế* và gửi thông báo theo Mẫu số ~~01/TB-TNĐK~~ *01/TB-TNĐT* Phụ lục IB ban hành kèm theo Nghị định này sau khi nhận được đăng ký sử dụng ~~biên lai điện tử để xác nhận việc nộp hồ sơ đăng ký sử dụng biên lai điện tử về việc tiếp nhận đăng ký sử dụng chứng từ điện tử qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử đối với trường hợp đăng ký sử dụng chứng từ điện tử thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử.~~

Chữ in thường là quy định hiện hành;

Chữ *đậm, nghiêng* là bổ sung.

Chữ gạch giữa là xóa bỏ

Công thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan gửi thông báo điện tử theo Mẫu số 01/TB-TNĐT Phụ lục IB về việc tiếp nhận đăng ký sử dụng chứng từ điện tử cho tổ chức, cá nhân khấu trừ thuế, tổ chức thu các khoản phí, lệ phí, qua địa chỉ thư điện tử đã đăng ký với cơ quan thuế đối với trường hợp đăng ký sử dụng chứng từ điện tử trực tiếp tại Công thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan.

2. Trong thời gian 1 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đăng ký sử dụng biên lai **chứng từ** điện tử, Cơ quan **quản lý** thuế có trách nhiệm gửi Thông báo điện tử theo Mẫu số 01/TB-ĐKĐT Phụ lục IB ban hành kèm theo Nghị định này ~~tới các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử và gửi thông báo điện tử trực tiếp đến tổ chức, cá nhân khấu trừ thuế; tổ chức thu các khoản phí, lệ phí về việc chấp nhận trong trường hợp đăng ký sử dụng biên lai điện tử hợp lệ, không có sai sót hoặc không chấp nhận đăng ký sử dụng biên lai điện tử không đủ điều kiện để chấp nhận hoặc có sai sót về việc chấp nhận hoặc không chấp nhận đăng ký sử dụng chứng từ điện tử.~~

3. Kể từ thời điểm **cơ quan quản lý thuế chấp nhận đăng ký sử dụng biên lai chứng từ** điện tử theo quy định tại Nghị định này, tổ chức nêu tại khoản 1 Điều này phải ~~thực hiện ngừng sử dụng chứng từ điện tử đã thực hiện theo các quy định trước đây, tiêu hủy những biên lai, chứng từ giấy còn tồn chưa sử dụng (nếu có) theo quy định.~~

4. Trường hợp có thay đổi thông tin đã đăng ký sử dụng biên lai **chứng từ** điện tử tại khoản 1 Điều này, **tổ chức, cá nhân khấu trừ thuế, tổ chức thu thuế, phí, lệ phí** thuộc ngân sách nhà nước thực hiện thay đổi thông tin và gửi lại cơ quan quản lý thuế theo Mẫu số ~~01/ĐK-BL~~ **01/ĐKTD-CTĐT** Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định này qua Công thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, **Tổng cục Hải quan hoặc qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử. Công thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan tiếp nhận mẫu đăng ký thay đổi thông tin và Cơ quan quản lý thuế thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này.**

b) Bổ sung Điều 34a như sau:

“Điều 34a. Xử lý chứng từ điện tử đã lập

Trường hợp chứng từ điện tử đã lập sai thì tổ chức thực hiện xử lý chứng từ điện tử đã lập theo nguyên tắc xử lý hóa đơn điện tử đã lập quy định tại Điều 19 Nghị định này. Mẫu thông báo chứng từ có sai sót theo mẫu số 04/SS-CTĐT quy định tại Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định này.”

c) Bổ sung Điều 34b như sau:

“Điều 34b. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khấu trừ thuế thu nhập cá nhân, tổ chức thu thuế, phí, lệ phí khi sử dụng chứng từ điện tử

1. Quản lý tên và mật khẩu của các tài khoản đã được cơ quan quản lý thuế cấp.

Chữ in thường là quy định hiện hành;

Chữ ***dậm***, ***nghiêng*** là bổ sung.

Chữ gạch giữa là xóa bỏ

2. Tạo lập chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân điện tử, biên lai thu thuế, phí, lệ phí điện tử để gửi đến người bị khấu trừ thuế thu nhập cá nhân, người nộp các khoản thuế, phí, lệ phí và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác của chứng từ điện tử đã lập.

3. Chuyển dữ liệu chứng từ điện tử đến cơ quan quản lý thuế

a) Chuyển dữ liệu chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân điện tử

Tổ chức, cá nhân khấu trừ thuế sau khi lập đầy đủ các nội dung trên chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân điện tử gửi cho người bị khấu trừ thuế và đồng thời gửi cho cơ quan thuế ngay trong ngày lập chứng từ.

Tổ chức, cá nhân khấu trừ thuế thực hiện chuyển dữ liệu chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân điện tử đến cơ quan thuế theo định dạng dữ liệu theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử; tổ chức khấu trừ thuế thu nhập cá nhân là tổ chức kết nối chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử theo hình thức gửi trực tiếp đến cơ quan thuế thì chuyển dữ liệu chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân qua cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế; tổ chức, cá nhân trả thu nhập không thuộc đối tượng áp dụng hóa đơn điện tử và tổ chức, cá nhân trả thu nhập sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế không phải trả tiền dịch vụ theo quy định tại Khoản 10 Điều 1 Nghị định này thì được lựa chọn chuyển dữ liệu chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân điện tử thông qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử được Tổng cục Thuế ủy thác cung cấp dịch vụ chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân điện tử.

b) Tổ chức thu thuế, phí, lệ phí gửi Báo cáo tình hình sử dụng biên lai theo Mẫu số BC26/BLĐT Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định này để gửi cơ quan quản lý thuế cùng với thời gian gửi Tờ khai phí, lệ phí theo quy định của Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

4. Lưu trữ và bảo đảm tính toàn vẹn của toàn bộ chứng từ điện tử; thực hiện các quy định pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh hệ thống dữ liệu điện tử.

5. Chấp hành sự thanh tra, kiểm tra, đối chiếu của cơ quan quản lý thuế và các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.”

19. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 35 như sau:

“1. Cục Thuế, Cơ quan quản lý thuế tạo biên lai theo hình thức đặt in (loại không in sẵn mệnh giá) được bán cho các tổ chức thu phí, lệ phí theo giá đảm bảo bù đắp chi phí in ấn, phát hành.”

20. Sửa đổi, bổ sung Điều 36 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Tổ chức thu phí, lệ phí trước khi sử dụng biên lai đặt in, tự in phải lập Thông báo phát hành biên lai và gửi đến cơ quan **quản lý thuế** quản lý trực tiếp **hoặc cơ quan quản lý thuế nơi người nộp thuế đóng trụ sở**. Thông báo phát hành biên lai gửi cơ quan **quản lý thuế** theo phương thức điện tử.”

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Phát hành biên lai của cơ quan **quản lý Thuế**

Biên lai do ~~Cục Thuế~~ **cơ quan quản lý thuế** đặt in trước khi bán hoặc cấp lần đầu phải lập thông báo phát hành biên lai. Thông báo phát hành biên lai phải được gửi đến tất cả các Cục Thuế **hoặc Cục Hải quan** trong cả nước trong thời hạn 10 ngày làm việc,...

Trường hợp Cục Thuế **hoặc Cục Hải quan** đã đưa nội dung Thông báo phát hành biên lai lên trang thông tin điện tử của Tổng cục Thuế **hoặc Tổng cục Hải quan** thì không phải gửi thông báo phát hành biên lai đến Cục Thuế, **Cục Hải quan** khác.

Trường hợp có sự thay đổi về nội dung đã thông báo phát hành, ~~Cục Thuế~~ **cơ quan quản lý thuế** phải thực hiện thủ tục thông báo phát hành mới theo hướng dẫn nêu trên.

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 sửa đổi, bổ sung như sau:

4. Trình tự, thủ tục phát hành biên lai:

a) Thông báo phát hành biên lai và biên lai mẫu phải được gửi đến cơ quan **quản lý thuế** ~~quản lý trực tiếp~~ chậm nhất 05 ngày trước khi tổ chức kinh doanh bắt đầu sử dụng biên lai. Thông báo phát hành biên lai gồm cả biên lai mẫu phải được niêm yết rõ ràng tại tổ chức thu phí, lệ phí và tổ chức được ủy quyền hoặc ủy nhiệm thu phí, lệ phí trong suốt thời gian sử dụng biên lai;

b) Trường hợp khi nhận được Thông báo phát hành biên lai do tổ chức thu **thuế**, phí, lệ phí gửi đến, cơ quan **quản lý thuế** phát hiện Thông báo phát hành không đảm bảo đủ nội dung theo đúng quy định thì trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Thông báo, cơ quan **quản lý thuế** phải có văn bản thông báo cho tổ chức thu **thuế**, phí, lệ phí biết. Tổ chức thu **thuế**, phí, lệ phí có trách nhiệm điều chỉnh để thông báo phát hành mới đúng quy định;

c) Trường hợp tổ chức thu **thuế**, phí, lệ phí khi phát hành biên lai từ lần thứ hai trở đi, nếu không có sự thay đổi về nội dung và hình thức biên lai đã thông báo phát hành với cơ quan thuế thì không phải gửi kèm biên lai mẫu;

d) Đối với các số biên lai đã thực hiện thông báo phát hành nhưng chưa sử dụng hết có in sẵn tên, địa chỉ, khi có sự thay đổi tên, địa chỉ nhưng không thay đổi mã số thuế và cơ quan thuế quản lý trực tiếp, nếu tổ chức thu phí, lệ phí vẫn có nhu cầu sử dụng biên lai đã đặt in thì thực hiện đóng dấu tên, địa chỉ mới vào

Chữ in thường là quy định hiện hành;

Chữ **đậm, nghiêng** là bổ sung.

Chữ gạch giữa là xóa bỏ

bên cạnh tiêu thức tên, địa chỉ đã in sẵn để tiếp tục sử dụng và gửi thông báo điều chỉnh thông tin tại thông báo phát hành biên lai đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp theo Mẫu số 02/ĐCPh-BLG Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định này.

Trường hợp có sự thay đổi địa chỉ kinh doanh dẫn đến thay đổi cơ quan **quản lý** thuế quản lý trực tiếp, nếu tổ chức thu phí, lệ phí có nhu cầu tiếp tục sử dụng số biên lai đã phát hành chưa sử dụng hết thì phải nộp báo cáo tình hình sử dụng biên lai với cơ quan **quản lý** thuế nơi chuyển đi và đóng dấu địa chỉ mới lên biên lai, gửi bảng kê biên lai chưa sử dụng theo Mẫu số 02/BK-BLG Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định này và thông báo điều chỉnh thông tin tại thông báo phát hành biên lai đến cơ quan thuế nơi chuyển đến (trong đó nêu rõ số biên lai đã phát hành chưa sử dụng, sẽ tiếp tục sử dụng). Nếu tổ chức không có nhu cầu sử dụng số biên lai đã phát hành nhưng chưa sử dụng hết thì thực hiện hủy các số biên lai chưa sử dụng và thông báo kết quả hủy biên lai với cơ quan **quản lý** thuế nơi chuyển đi và thực hiện thông báo phát hành biên lai mới với cơ quan **quản lý** thuế nơi chuyển đến.”

21. Bãi bỏ Điều 37 Nghị định 123/2020/NĐ-CP

~~“Điều 37. Quy định về lập và ủy nhiệm lập biên lai~~

~~1. Lập biên lai~~

~~Nội dung trên biên lai phải đúng với nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh; biên lai phải được lập theo thứ tự liên tục từ số nhỏ đến số lớn.~~

~~Nội dung lập trên biên lai phải được thống nhất trên các liên có cùng một số biên lai, nếu ghi sai, hỏng thì người thu tiền không được xé khỏi cuống hoặc nếu đã xé thì phải kèm theo tờ biên lai đã ghi sai, hỏng; tổ chức thu phí, lệ phí khi lập biên lai phải đóng dấu của tổ chức thu phí, lệ phí vào góc trên, bên trái liên 2 của biên lai (liên giao cho người nộp các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước).~~

~~2. Biên lai được lập theo đúng hướng dẫn khoản 1 Điều này là chứng từ hợp pháp để thanh toán, hạch toán và quyết toán tài chính.~~

~~Trường hợp không đáp ứng các hướng dẫn tại khoản 1 Điều này thì không có giá trị thanh toán và không được hạch toán, quyết toán tài chính.~~

~~3. Ủy nhiệm lập biên lai~~

~~a) Tổ chức thu phí, lệ phí ủy nhiệm cho bên thứ ba lập biên lai. Việc ủy nhiệm giữa bên ủy nhiệm và bên nhận ủy nhiệm phải theo hình thức văn bản, đồng thời phải gửi thông báo cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp bên ủy nhiệm và bên nhận ủy nhiệm theo Mẫu số 02/UN-BLG Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định này, chậm nhất là 03 ngày trước khi bên nhận ủy nhiệm lập biên lai;~~

~~b) Nội dung văn bản ủy nhiệm phải ghi đầy đủ các thông tin về biên lai ủy nhiệm (hình thức, loại, ký hiệu, số lượng biên lai (từ số... đến số...); mục đích ủy nhiệm; thời hạn ủy nhiệm; phương thức giao nhận hoặc phương thức cài đặt biên lai ủy nhiệm (nếu là biên lai tự in); phương thức thanh toán biên lai ủy nhiệm;~~

~~Chữ in thường là quy định hiện hành;~~

~~Chữ **đậm**, **nghiêng** là bổ sung.~~

~~Chữ **gạch** giữa là xóa bỏ~~

c) Bên ủy nhiệm phải lập thông báo ủy nhiệm có ghi đầy đủ các thông tin về biên lai ủy nhiệm, mục đích ủy nhiệm, thời hạn ủy nhiệm dựa trên văn bản ủy nhiệm đã ký kết, có tên, chữ ký, dấu (nếu có) của đại diện bên ủy nhiệm cho bên nhận ủy nhiệm và gửi thông báo phát hành tới cơ quan thuế; đồng thời phải được niêm yết tại nơi tổ chức thu tiền phí lệ phí, tổ chức nhận ủy nhiệm;

d) Biên lai ủy nhiệm được lập vẫn phải ghi tên của tổ chức thu phí, lệ phí (bên ủy nhiệm) và đóng dấu bên ủy nhiệm phía trên bên trái của mỗi tờ biên lai (trường hợp biên lai được in từ thiết bị in của bên nhận ủy nhiệm thì không phải đóng dấu của bên ủy nhiệm);

đ) Trường hợp tổ chức thu phí, lệ phí có nhiều đơn vị trực thuộc trực tiếp thu phí hoặc nhiều cơ sở nhận ủy nhiệm thu cùng sử dụng hình thức biên lai đặt in có cùng ký hiệu theo phương thức phân chia cho từng cơ sở trong toàn hệ thống thì tổ chức thu phí, lệ phí phải có sổ theo dõi phân bổ số lượng biên lai cho từng đơn vị trực thuộc, từng cơ sở nhận ủy nhiệm. Các đơn vị trực thuộc, cơ sở nhận ủy nhiệm phải sử dụng biên lai theo thứ tự từ số nhỏ đến số lớn trong phạm vi số biên lai được phân chia;

e) Bên ủy nhiệm và bên nhận ủy nhiệm phải tổng hợp báo cáo định kỳ việc sử dụng các biên lai ủy nhiệm. Bên ủy nhiệm phải thực hiện báo cáo sử dụng biên lai với cơ quan thuế trực tiếp quản lý theo hướng dẫn tại Nghị định này (bao gồm cả số biên lai của bên nhận ủy nhiệm sử dụng). Bên nhận ủy nhiệm không phải thực hiện thông báo phát hành biên lai và báo cáo tình hình sử dụng biên lai với cơ quan thuế;

g) Khi hết thời hạn ủy nhiệm hoặc chấm dứt trước hạn ủy nhiệm, hai bên phải xác định bằng văn bản, đồng thời thông báo cho cơ quan thuế và niêm yết tại nơi thu phí, lệ phí.”

22. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 38 (được sửa đổi thành Điều 37) như sau:

2. Báo cáo tình hình sử dụng biên lai gồm các nội dung sau: Tên đơn vị, mã số thuế (nếu có), địa chỉ; tên loại biên lai; ký hiệu mẫu biên lai, ký hiệu biên lai; số tồn đầu kỳ, mua phát hành trong kỳ; số sử dụng, xóa bỏ, mất, hủy trong kỳ; tồn cuối kỳ gửi cho cơ quan **quản lý** thuế ~~quản lý trực tiếp~~. Trường hợp trong kỳ không sử dụng biên lai, tại Báo cáo sử dụng biên lai ghi số lượng biên lai sử dụng bằng không (=0). Trường hợp kỳ trước đã sử dụng hết biên lai, đã báo cáo tình hình sử dụng biên lai kỳ trước với số tồn bằng không (0), trong kỳ không thông báo phát hành biên lai thu tiền **thuế**, phí, lệ phí, không sử dụng biên lai thì tổ chức thu **thuế**, phí, lệ phí không phải nộp báo cáo tình hình sử dụng biên lai.

Trường hợp tổ chức thu **thuế**, phí, lệ phí ủy nhiệm cho bên thứ ba lập biên lai thì tổ chức thu **thuế**, phí, lệ phí vẫn phải báo cáo tình hình sử dụng biên lai.

Báo cáo tình hình sử dụng biên lai theo Mẫu số BC26/BLĐT hoặc Mẫu số BC26/BLG Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định này.

Chữ in thường là quy định hiện hành;

Chữ **đậm**, **nghiêng** là bổ sung.

Chữ **gạch** giữa là xóa bỏ

23. Bổ sung điểm g khoản 3 Điều 39 (được sửa đổi thành Điều 38) như sau:

g) Trình tự, tiêu hủy biên lai đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh thực hiện theo quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e khoản này với Cục Hải quan.”

24. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 40 (được sửa đổi thành Điều 39) như sau:

“1. Tổ chức thu các khoản *thuế*, phí lệ phí nếu phát hiện mất, cháy, hỏng biên lai đã lập hoặc chưa lập phải lập báo cáo về việc mất, cháy, hỏng và thông báo với cơ quan *quản lý* thuế quản lý trực tiếp với nội dung như sau: tên tổ chức, cá nhân làm mất, cháy, hỏng biên lai; mã số thuế, địa chỉ; căn cứ biên bản mất, cháy, hỏng; tên loại biên lai; ký hiệu mẫu biên lai; ký hiệu biên lai; từ số; đến số; số lượng; liên biên lai chậm nhất không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày xảy ra việc mất, cháy, hỏng biên lai. Trường hợp ngày cuối cùng (ngày thứ 05) trùng với ngày nghỉ theo quy định của pháp luật thì ngày cuối cùng của thời hạn được tính là ngày tiếp theo của ngày nghỉ đó.

Báo cáo về việc mất, cháy, hỏng biên lai thực hiện theo Mẫu số BC21/BLG Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định này.”

25. Sửa đổi, bổ sung Điều 46 (được sửa đổi, bổ sung thành Điều 45) như sau:

“1. Tổng cục Thuế là đơn vị cung cấp thông tin hóa đơn điện tử đối với đề nghị của các cơ quan, tổ chức quản lý nhà nước cấp Trung ương. Cục Thuế, Chi cục Thuế cung cấp thông tin đối với đề nghị của cơ quan, tổ chức quản lý đồng cấp.

2. Các bên sử dụng thông tin hóa đơn điện tử bao gồm:

a) Các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, hộ *kinh doanh*, cá nhân kinh doanh là người bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; các tổ chức, cá nhân là người mua hàng hóa, dịch vụ;

b) Các cơ quan quản lý nhà nước sử dụng thông tin hóa đơn điện tử để: thực hiện các thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật; kiểm tra tính hợp pháp của hàng hóa lưu thông trên thị trường; *phục vụ hoạt động tổ tụng, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán;*

c) Các tổ chức tín dụng sử dụng thông tin hóa đơn điện tử để thực hiện các thủ tục về thuế, thủ tục thanh toán qua ngân hàng;

d) Các tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử;

đ) Các tổ chức sử dụng thông tin chứng từ điện tử để khấu trừ thuế thu nhập cá nhân;

e) Cơ quan quản lý thuế nước ngoài phù hợp với điều ước quốc tế về thuế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.”

Chữ in thường là quy định hiện hành;

Chữ *đậm, nghiêng* là bổ sung.

Chữ gạch giữa là xóa bỏ

26. Sửa đổi, bổ sung Điều 47 (được sửa đổi, bổ sung thành Điều 46) như sau:

“1. Bên sử dụng thông tin là các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, hộ *kinh doanh*, cá nhân kinh doanh là người bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; các tổ chức, cá nhân là người mua hàng hóa, dịch vụ ~~truy cập khai thác thông tin từ hóa đơn điện tử theo các nội dung thông tin vào từ~~ Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế ~~để tra cứu thông tin hóa đơn điện tử theo các nội dung thông tin hóa đơn điện tử. Trường hợp công ty mẹ cần khai thác dữ liệu của các chi nhánh, đơn vị phụ thuộc thì đăng ký theo Mẫu số 01/ĐKTD-HĐĐT.~~

2. Bên sử dụng thông tin là các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức tín dụng, tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử ~~đã ký quy chế trao đổi thông tin hoặc ký hợp đồng phải đăng ký và được cấp quyền truy cập, kết nối, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử từ Tổng cục Thuế như sau: tra cứu, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử theo phạm vi, thời gian, trách nhiệm và quyền truy cập Cổng thông tin điện tử về hóa đơn điện tử được quy định cụ thể tại văn bản thống nhất giữa hai bên.~~

- ~~a) Áp dụng chữ ký số có hiệu lực theo quy định của pháp luật;~~
- ~~b) Thực hiện việc mã hóa đường truyền;~~
- ~~c) Đảm bảo an toàn thông tin theo quy định của pháp luật;~~
- ~~d) Tuân thủ các yêu cầu kỹ thuật do Tổng cục Thuế công bố, gồm: Chi tiêu thông tin, định dạng dữ liệu, phương thức kết nối, tần suất trao đổi thông tin.~~

Bên sử dụng thông tin nêu tại khoản 2 Điều này có trách nhiệm phân công đầu mối đăng ký sử dụng thông tin hóa đơn điện tử (sau đây gọi tắt là đầu mối đăng ký) và thông báo cho Tổng cục Thuế bằng văn bản.

3. Tổng cục Thuế, Cục Thuế thực hiện cấp tối đa hai (02) tài khoản khai thác sử dụng thông tin hóa đơn điện tử cho người sử dụng của cơ quan, tổ chức quản lý đồng cấp theo văn bản giữa các bên.”

27. Sửa đổi, bổ sung Điều 48 (được sửa đổi, bổ sung thành Điều 47) như sau:

“Điều 48. Công bố, Cung cấp, tra cứu thông tin hóa đơn điện tử

1. Nội dung thông tin hóa đơn điện tử được cung cấp trên Cổng thông tin điện tử là các nội dung của hóa đơn điện tử theo quy định tại Điều 10 Nghị định này và tình trạng hóa đơn điện tử.

2. Thông tin hóa đơn điện tử ~~được cơ quan thuế~~ cung cấp dưới dạng văn bản điện tử và ~~hoặc~~ dữ liệu điện tử. ~~được ký bằng chữ ký số của Tổng cục Thuế hoặc dưới dạng tin nhắn do Tổng cục Thuế cung cấp cho bên sử dụng thông tin là cơ quan quản lý nhà nước thông qua số điện thoại được công bố chính thức tại văn bản gửi Tổng cục Thuế.~~

Chữ in thường là quy định hiện hành;

Chữ *đậm, nghiêng* là bổ sung.

Chữ gạch giữa là xóa bỏ

3. Việc hiển thị thông tin hóa đơn điện tử trên hệ thống của doanh nghiệp phải theo thứ tự các nội dung hóa đơn điện tử theo quy định tại Điều 10 Nghị định này.”

28. Sửa đổi, bổ sung Điều 49 (được sửa đổi, bổ sung thành Điều 48) như sau:

“Điều 49. Đăng ký mới, bổ sung thông tin đăng ký, thu hồi tài khoản truy cập Cổng thông tin điện tử để khai thác sử dụng thông tin hóa đơn điện tử. ~~, chấm dứt sử dụng thông tin hóa đơn điện tử~~

1. ~~Đăng ký mới, bổ sung nội dung cung cấp thông tin hóa đơn điện tử~~

a) ~~Đầu mỗi đăng ký của bên sử dụng thông tin gửi 01 bản chính văn bản đến Tổng cục Thuế đề nghị đăng ký mới hoặc bổ sung nội dung cung cấp thông tin hóa đơn điện tử theo Mẫu số 01/CCTT-ĐK Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.~~

b) ~~Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản đề nghị, Tổng cục Thuế thực hiện việc đăng ký mới hoặc bổ sung nội dung cung cấp thông tin hóa đơn điện tử và thông báo kết quả theo Mẫu số 01/CCTT-NT Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này cho đầu mỗi đăng ký của bên sử dụng thông tin bằng văn bản. Trường hợp có các nội dung thông tin không được chấp nhận đăng ký mới hoặc bổ sung thì phải nêu rõ lý do.~~

2. Thủ tục đăng ký mới, bổ sung thời hạn sử dụng, thu hồi tài khoản truy cập Cổng thông tin điện tử để sử dụng thông tin hóa đơn điện tử (sau đây gọi là tài khoản):

a) 1. Đầu mỗi đăng ký của bên sử dụng thông tin gửi 01 bản chính văn bản đến Tổng cục Thuế, **Cục Thuế** đề nghị đăng ký mới hoặc bổ sung **thông tin** ~~thời hạn sử dụng~~ hoặc thu hồi tài khoản theo Mẫu số 01/CCTT-ĐK Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này;

b) 2. Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản đề nghị, Tổng cục Thuế, **Cục Thuế** thực hiện việc cấp tài khoản mới hoặc bổ sung **thông tin** ~~thời hạn sử dụng~~ của tài khoản hoặc thu hồi tài khoản và thông báo cho bên sử dụng thông tin bằng văn bản. Trường hợp không chấp nhận đăng ký tài khoản hoặc không bổ sung thời hạn sử dụng của tài khoản phải nêu rõ lý do.

Các tài khoản đăng ký mới cấp cho từng cá nhân được thông báo bằng hình thức gửi thư điện tử ~~hoặc gửi tin nhắn từ các địa chỉ, số điện thoại do Tổng cục Thuế, công bố chính thức;~~

e) 3. Thời hạn sử dụng tài khoản truy cập Cổng thông tin điện tử đối với cả trường hợp đăng ký mới và bổ sung **thông tin** ~~thời hạn sử dụng~~ là 24 12 tháng hoặc do bên sử dụng thông tin đề nghị nhưng không quá 24 12 tháng tính từ ngày Tổng cục Thuế, **Cục Thuế** gửi văn bản thông báo kết quả đăng ký mới hoặc bổ sung thời hạn sử dụng cho đầu mỗi đăng ký của bên sử dụng thông tin.

~~Trước thời điểm hết thời hạn sử dụng 30 ngày, Tổng cục Thuế có trách nhiệm thông báo cho cho đầu mỗi đăng ký của bên sử dụng thông tin bằng văn bản về việc chuẩn bị hết thời hạn sử dụng. Việc thông báo được thực hiện dưới hình thức thư điện tử hoặc tin nhắn từ các địa chỉ, số điện thoại do Tổng cục Thuế, công bố chính thức.~~

~~3. Đăng ký mới, bổ sung thời hạn sử dụng, thu hồi hiệu lực sử dụng hình thức nhắn tin của số điện thoại di động:~~

~~a) Đầu mỗi đăng ký của cơ quan kiểm tra gửi 01 bản chính văn bản đến Tổng cục Thuế, đề nghị đăng ký mới hoặc bổ sung thời hạn sử dụng hoặc thu hồi hiệu lực sử dụng hình thức nhắn tin của số điện thoại di động theo Mẫu số 01/CCTT-NT Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này;~~

~~b) Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản đề nghị, Tổng cục Thuế, thực hiện việc đăng ký mới hoặc bổ sung thời hạn sử dụng hoặc thu hồi hiệu lực sử dụng hình thức nhắn tin của số điện thoại di động và thông báo kết quả cho đầu mỗi đăng ký của cơ quan kiểm tra bằng văn bản. Trường hợp không chấp nhận đăng ký sử dụng hoặc bổ sung thời hạn sử dụng phải nêu rõ lý do;~~

~~c) Thời hạn sử dụng hình thức nhắn tin của số điện thoại di động đối với cả trường hợp đăng ký mới và bổ sung thời hạn sử dụng là 24 tháng hoặc do bên sử dụng thông tin đề nghị nhưng không quá 24 tháng tính từ ngày Tổng cục Thuế gửi văn bản thông báo kết quả đăng ký mới hoặc bổ sung thời hạn sử dụng cho đầu mỗi đăng ký của bên sử dụng thông tin.~~

~~Trước thời điểm hết thời hạn sử dụng 30 ngày, Tổng cục Thuế có trách nhiệm thông báo cho đầu mỗi đăng ký của bên sử dụng thông tin bằng văn bản về việc chuẩn bị hết thời hạn sử dụng. Việc thông báo được thực hiện dưới hình thức thư điện tử hoặc tin nhắn từ các địa chỉ, số điện thoại do Tổng cục Thuế công bố chính thức.~~

~~4. Đăng ký kết nối, dùng kết nối hệ thống của bên sử dụng thông tin với Cổng thông tin điện tử để sử dụng thông tin hóa đơn điện tử.~~

~~a) Đầu mỗi đăng ký của bên sử dụng thông tin gửi 01 bản chính văn bản đến Tổng cục Thuế đề nghị kết nối hoặc dùng kết nối với Cổng thông tin điện tử theo Mẫu số 01/CCTT-KN Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này;~~

~~b) Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản đề nghị, Tổng cục Thuế thông báo cho đầu mỗi đăng ký của bên sử dụng thông tin bằng văn bản về việc chấp nhận hoặc không chấp nhận đề nghị của bên sử dụng thông tin, trường hợp không chấp nhận đề nghị phải nêu rõ lý do;~~

~~c) Đối với trường hợp chấp nhận kết nối hệ thống: Trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày gửi thông báo, Tổng cục Thuế cử đoàn khảo sát đến địa điểm, cơ sở vật chất triển khai hệ thống thông tin của bên sử dụng thông tin để kiểm tra việc đáp ứng các yêu cầu.~~

Chữ in thường là quy định hiện hành;

Chữ *đậm, nghiêng* là bổ sung.

Chữ gạch giữa là xóa bỏ

~~Trường hợp biên bản kết luận của đoàn khảo sát xác nhận hệ thống thông tin của bên sử dụng thông tin đáp ứng các yêu cầu thì trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc, Tổng cục Thuế thông báo bằng văn bản với bên sử dụng thông tin về việc đủ điều kiện kết nối và phối hợp tiến hành kết nối các hệ thống để cung cấp thông tin hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử;~~

~~Trường hợp biên bản kết luận của đoàn khảo sát xác nhận hệ thống thông tin của bên sử dụng thông tin không đáp ứng các yêu cầu thì trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc, Tổng cục Thuế, thông báo bằng văn bản với bên sử dụng thông tin về việc không đủ điều kiện kết nối với Cổng thông tin điện tử.~~

~~d) Đối với trường hợp chấp nhận dừng kết nối hệ thống: kể từ ngày gửi thông báo, Tổng cục Thuế phối hợp với bên sử dụng thông tin tiến hành dừng kết nối các hệ thống.”~~

29. Sửa đổi, bổ sung Điều 50 (được sửa đổi, bổ sung thành Điều 49) như sau:

“1. Tổng cục Thuế, *Cục Thuế* thực hiện việc thu hồi tài khoản truy cập Cổng thông tin điện tử hoặc thu hồi hiệu lực sử dụng hình thức nhận tin của số điện thoại di động trong các trường hợp sau:

- a) Khi có đề nghị từ đầu mỗi đăng ký của bên sử dụng thông tin;
- b) Thời hạn sử dụng đã hết;
- c) Tài khoản truy cập Cổng thông tin điện tử hoặc số điện thoại di động không thực hiện việc tra cứu thông tin trong thời gian 06 tháng liên tục;
- d) Phát hiện trường hợp sử dụng thông tin hóa đơn điện tử không đúng mục đích, phục vụ cho hoạt động nghiệp vụ theo chức năng, nhiệm vụ của bên sử dụng thông tin, không đúng quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

~~2. Tổng cục Thuế thực hiện việc dừng kết nối hệ thống của bên sử dụng thông tin với Cổng thông tin điện tử trong các trường hợp sau:~~

- ~~a) Khi có đề nghị từ đầu mỗi đăng ký của bên sử dụng thông tin;~~
- ~~b) Phát hiện trường hợp sử dụng thông tin hóa đơn điện tử không đúng mục đích, phục vụ cho hoạt động nghiệp vụ theo chức năng, nhiệm vụ của bên sử dụng thông tin, không đúng quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.~~

3. 2. Chậm nhất là 05 ngày làm việc trước thời điểm chính thức chấm dứt sử dụng các hình thức cung cấp, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử của bên sử dụng thông tin (trừ trường hợp đầu mỗi đăng ký của bên sử dụng thông tin có đề nghị bằng văn bản), Tổng cục Thuế, *Cục Thuế* thông báo **bằng hình thức điện tử bằng văn bản** cho đầu mỗi đăng ký của bên sử dụng thông tin về việc chấm dứt sử dụng các hình thức cung cấp, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử, nêu rõ lý do của việc chấm dứt sử dụng.”

30. Bãi bỏ Điều 51 Nghị định 123/2020/NĐ-CP:

Điều 51. Thời hạn cung cấp thông tin hóa đơn điện tử

Chữ in thường là quy định hiện hành;

Chữ *đậm, nghiêng* là bổ sung.

Chữ gạch giữa là xóa bỏ

~~Trong thời gian không quá 05 phút kể từ khi nhận được yêu cầu, Cổng thông tin điện tử phản hồi cho bên sử dụng thông tin:~~

~~1. Thông tin hóa đơn điện tử~~

~~Thông báo lý do trong trường hợp hệ thống gặp sự cố hoặc không có thông tin hóa đơn điện tử.~~

~~2. Trường hợp yêu cầu cung cấp thông tin với số liệu lớn thì thời hạn cung cấp thông tin hóa đơn điện tử do Tổng cục Thuế thông báo.~~

31. Sửa đổi, bổ sung Điều 52 (được sửa đổi, bổ sung thành Điều 50) như sau:

“1. Xây dựng, triển khai, quản lý vận hành Cổng thông tin điện tử, cụ thể:

a) Bảo đảm cho tổ chức, cá nhân truy cập thuận tiện; có công cụ tìm kiếm thông tin, dữ liệu dễ sử dụng và cho kết quả đúng nội dung cần tìm kiếm;

b) Bảo đảm khuôn dạng thông tin, dữ liệu theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quy định dễ dàng tải xuống, hiển thị nhanh chóng và in ấn bằng các phương tiện điện tử phổ biến;

c) Đảm bảo hệ thống hoạt động liên tục, ổn định, đảm bảo an toàn thông tin;

d) Chủ trì thực hiện việc hướng dẫn sử dụng, hỗ trợ vận hành hệ thống.

2. Quản lý việc đăng ký sử dụng thông tin hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử của bên sử dụng thông tin.

~~3. Triển khai, công bố địa chỉ thư điện tử và số điện thoại phục vụ việc cung cấp thông tin hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử.~~

~~4. Xây dựng, công bố các yêu cầu kỹ thuật để kết nối với Cổng thông tin hóa đơn điện tử.~~

5. Trường hợp tạm ngừng cung cấp thông tin hóa đơn điện tử, Tổng cục Thuế thực hiện thông báo ***trên Cổng thông tin về hóa đơn điện tử*** với các bên sử dụng thông tin. Nội dung thông báo phải nêu rõ khoảng thời gian dự kiến phục hồi các hoạt động cung cấp thông tin.”

32. Sửa đổi, bổ sung Điều 53 (được sửa đổi, bổ sung thành Điều 51) như sau:

“1. Sử dụng thông tin hóa đơn điện tử đúng mục đích, phục vụ cho hoạt động nghiệp vụ theo chức năng, nhiệm vụ của bên sử dụng thông tin, đúng quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước. ***Các thông tin thu thập từ cơ quan thuế, bên sử dụng thông tin không cung cấp thông tin cho bên thứ ba khi chưa có sự đồng ý của cơ quan thuế cung cấp thông tin hoặc tài khoản.***

2. Trang bị đầy đủ phương tiện, trang thiết bị kỹ thuật để bảo đảm thực hiện việc tra cứu, kết nối, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử.

Chữ in thường là quy định hiện hành;

Chữ ***đậm, nghiêng*** là bổ sung.

Chữ ~~gạch~~ giữa là xóa bỏ

3. Thực hiện đăng ký để được cấp quyền truy cập, khai thác, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử.

4. Quản lý, bảo mật thông tin tài khoản truy cập Cổng thông tin điện tử, số điện thoại nhận tin nhắn tra cứu thông tin hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử do Tổng cục Thuế cấp.

5. ~~Đảm bảo việc xây dựng, triển khai, vận hành hệ thống tiếp nhận thông tin hóa đơn điện tử.~~

33. Sửa đổi, bổ sung Điều 54 (được sửa đổi, bổ sung thành Điều 52) như sau:

“Kinh phí thực hiện việc tra cứu, cung cấp, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử của các cơ quan quản lý nhà nước theo quy định tại Quy chế *Nghị định* này được cấp từ ngân sách nhà nước trên cơ sở dự toán kinh phí hàng năm được phê duyệt cho các cơ quan, đơn vị theo quy định của pháp luật.”

34. Sửa đổi, bổ sung Điều 56 (được sửa đổi, bổ sung thành Điều 54) như sau:

“Điều 56. Quyền và Trách nhiệm của người mua hàng hóa, dịch vụ

1. Người mua hàng hóa, dịch vụ có quyền:

a) Yêu cầu người bán lập và giao hóa đơn khi mua hàng hóa, dịch vụ.

2.b) Cung cấp chính xác thông tin cần thiết để người bán lập hóa đơn.

3. c) Ký các liên hóa đơn đã ghi đầy đủ nội dung trong trường hợp các bên có thỏa thuận về việc người mua ký trên hóa đơn.

d) Tra cứu, nhận file gốc hóa đơn điện tử của người bán

d) Sử dụng hóa đơn hợp pháp theo quy định pháp luật cho các hoạt động kinh doanh; để chứng minh quyền sử dụng, quyền sở hữu hàng hóa, dịch vụ; xỏ sổ hoặc được bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật; được dùng để hạch toán kế toán hoạt động mua hàng hóa, dịch vụ theo quy định của pháp luật về kế toán; kê khai các loại thuế; đăng ký quyền sử dụng, quyền sở hữu và để kê khai thanh toán vốn ngân sách nhà nước theo các quy định của pháp luật. Hóa đơn dùng cho mục đích này phải là hóa đơn có thông tin xác định được người mua.

2. Người mua hàng hóa, dịch vụ có trách nhiệm:

4. a) Sử dụng hóa đơn đúng mục đích.

5. b) Cung cấp thông tin trên hóa đơn cho các cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu, trường hợp sử dụng hóa đơn do cơ quan thuế đặt in thì phải cung cấp hóa đơn bản gốc, trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử thì thực hiện quy định về việc tra cứu, cung cấp, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử.”

35. Bổ sung Điều 55a như sau:

“Điều 55a. Trách nhiệm của cơ quan hải quan trong quản lý chứng từ điện tử

1. Tổng cục Hải quan có trách nhiệm:

a) Xây dựng cơ sở dữ liệu về chứng từ điện tử để phục vụ công tác quản lý thuế, phục vụ công tác quản lý nhà nước của các cơ quan khác của nhà nước,

b) Thông báo các loại chứng từ đã được phát hành, được bảo mật, không còn giá trị sử dụng.

2. Cục Hải quan có trách nhiệm:

a) Quản lý hoạt động tạo, phát hành chứng từ của các tổ chức đã đăng ký tạo, phát hành chứng từ với cơ quan hải quan trên địa bàn quản lý;

b) Thanh tra, kiểm tra hoạt động tạo, phát hành và sử dụng chứng từ trên địa bàn;

c) Theo dõi, kiểm tra hoạt động hủy chứng từ theo quy định của Bộ Tài chính trên địa bàn.”

36. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 58 (được sửa đổi, bổ sung thành Điều 56) như sau:

“3. Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu những sản phẩm chịu thuế tiêu thụ đặc biệt thuộc đối tượng sử dụng tem theo quy định của pháp luật thực hiện quét mã QR cho sản phẩm sản xuất tại Việt Nam trước khi tiêu thụ trong nước hoặc sản phẩm sản xuất ở nước ngoài khi nhập khẩu để đảm bảo kết nối thông tin về in và sử dụng tem, tem điện tử giữa tổ chức sản xuất, nhập khẩu với cơ quan quản lý thuế. Thông tin về in, sử dụng tem điện tử là cơ sở để lập, quản lý và xây dựng cơ sở dữ liệu hóa đơn điện tử. Các đối tượng sử dụng tem có trách nhiệm chi trả chi phí in và sử dụng tem theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.”

37. Bổ sung khoản 2a Điều 60 (được sửa đổi, bổ sung thành Điều 58) như sau:

“2a. Trường hợp tổ chức, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thuộc diện áp dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền theo quy định tại Nghị định này nhưng chưa có máy tính tiền do chưa đáp ứng điều kiện về hạ tầng công nghệ thông tin, giải pháp xuất hóa đơn điện tử từ máy tính tiền thì cơ quan thuế có kế hoạch, giải pháp hỗ trợ và thông báo đến người nộp thuế về việc chuyển đổi áp dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền. Trường hợp người nộp thuế đã được cơ quan thuế hỗ trợ và thông báo về việc chuyển đổi áp dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền nhưng không chuyển đổi thì được xác định là hành vi vi phạm quy định về sử dụng hóa đơn, cơ quan thuế phối hợp với cơ quan chức năng để xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.”

Chữ in thường là quy định hiện hành;

Chữ **đậm, nghiêng** là bổ sung.

Chữ gạch giữa là xóa bỏ

38. Sửa đổi, bổ sung Điều 61 (được sửa đổi, bổ sung thành Điều 59) như sau:

~~“1. Bộ trưởng Bộ Tài chính có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các tỉnh thành phố thực hiện triển khai việc kết nối thông tin từ máy tính tiền để quản lý doanh thu bán lẻ của các hộ, cá nhân kinh doanh theo quy định tại Nghị định này.~~

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm triển khai thực hiện Nghị định này.

2. Bộ Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức triển khai giải pháp hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền;

3. Bộ Công Thương có trách nhiệm triển khai các giải pháp để quản lý toàn bộ hoạt động kinh doanh thương mại điện tử và các mô hình kinh doanh trên nền tảng công nghệ số và phối hợp với Bộ Tài chính triển khai các giải pháp hóa đơn điện tử theo quy định tại Nghị định này.

3.4. Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn các tổ chức tín dụng trong việc kết nối, cung cấp thông tin với cơ quan quản lý thuế liên quan đến giao dịch qua ngân hàng của tổ chức, cá nhân áp dụng hóa đơn điện tử trong đó có hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền.

4.5. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trên địa bàn phối hợp để triển khai thực hiện Nghị định này. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm chỉ đạo Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm phối hợp với cơ quan thuế để rà soát, phân loại và có giải pháp thúc đẩy người nộp thuế chuyển đổi áp dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền. Trường hợp người nộp thuế thuộc diện triển khai hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền nhưng chưa thực hiện chuyển đổi do chưa đáp ứng điều kiện về hạ tầng công nghệ thông tin thì cơ quan thuế báo cáo Ủy ban nhân dân để có giải pháp hỗ trợ kịp thời về hạ tầng công nghệ thông tin; trường hợp người nộp thuế thuộc diện triển khai hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền nhưng không thực hiện chuyển đổi thì cơ quan thuế báo cáo Ủy ban nhân dân để chỉ đạo các cơ quan ban ngành địa phương phối hợp để xử lý vi phạm về hành vi không xuất hóa đơn khi bán hàng hóa, dịch vụ theo quy định, xử lý về đăng ký kinh doanh do vi phạm pháp luật thuế và hóa đơn. Cơ quan thuế tham mưu Ủy ban nhân dân phối hợp với Hội bảo vệ người tiêu dùng Việt Nam để phát động và triển khai các phong trào người tiêu dùng văn minh thực hiện lấy hóa đơn khi mua hàng hóa, dịch vụ nhằm lan tỏa chủ trương chính sách của Nhà nước.

39. Sửa đổi, bổ sung số thứ tự các Điều như sau:

Điều 41 thành Điều 40, Điều 42 thành Điều 41, Điều 43 thành Điều 42, Điều 44 thành Điều 43, Điều 45 thành Điều 44, Điều 55 thành Điều 53, Điều 57 thành Điều 55, Điều 59 thành Điều 57.

40. Sửa đổi, bổ sung các cụm từ “*hộ, cá nhân kinh doanh*” tại Điều 2, khoản 4 Điều 4, Điều 14, Điều 17, Điều 23, Điều 25, Điều 27, Điều 29 thành “*hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh*”.

41. Sửa đổi, bổ sung các Biểu mẫu: Mẫu 01/ĐKTĐ-HĐĐT, Mẫu 01/TH-HĐĐT, Mẫu 01/TB-TNĐT, Mẫu 01/TB-ĐKĐT, Mẫu 01/ĐKTĐ-BL, Mẫu 06/ĐN-PSĐT, Mẫu 01/TB-KTT, Mẫu 04/SS-HĐĐT, Mẫu 01/TB-NSDHD, Mẫu 04/SS-CTĐT, Mẫu 01/BK-ĐCCT, Mẫu 01/TH-DT và Mẫu BC26/BLĐT ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 2. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực từ ngày tháng năm 2024.

2. Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định này.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTT (2b).

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

CÁC NỘI DUNG SỬ ĐỔI, BỔ SUNG MẪU

1. Đối với phần hóa đơn điện tử

a. Điều 10 Nghị định sửa đổi, bổ sung Phiếu tổng hợp doanh thu đối với hoạt động casino, trò chơi điện tử có thưởng nên bổ sung Mẫu 01/TH-DT.

b. Do Điều 15, Điều 16 Nghị định sửa đổi bổ sung các thông tin về đại diện theo pháp luật, tên Hộ, cá nhân kinh doanh); Cơ quan thuế hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức, xử lý tài sản công lập hóa đơn trên Cổng thông tin điện tử của CQT; bổ sung thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ, thông tin đơn vị truyền nhận và trường hợp NNT tự tạm ngừng sử dụng HĐĐT nên Sửa đổi Mẫu 01/ĐKTĐ-HĐĐT, Bổ sung Mẫu số 01/TB-NSDHD;

c. Do Điều 13 sửa đổi, bổ sung việc hóa đơn theo từng lần phát sinh được điều chỉnh, bổ sung và sửa đổi về mã định danh, mã số QHVNS nên Sửa đổi Mẫu 06/ĐN-PSĐT đề nghị cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh: Bổ sung thông tin về mã định danh, mã QHVNS của người đại diện pháp luật cho phù hợp với pháp luật về định danh; mã hồ sơ giúp cơ quan thuế dễ dàng tra cứu. Hóa đơn điện tử theo từng lần phát sinh được điều chỉnh, thay thế do đó, bổ sung các thông tin về các hóa đơn đã được cấp và thông tin cần sửa đổi;

d. Do Điều 19 cho phép 1 hóa đơn thay thế/điều chỉnh cho nhiều hóa đơn có sai sót nên Bổ sung Mẫu 01/BK-ĐCTT: bảng kê hóa đơn điều chỉnh, thay thế trong trường hợp người bán đã lập sai nhiều hóa đơn điện tử cho cùng một người mua;

e. Ngoài ra sửa đổi mẫu 04/SS-HĐĐT giải thích rõ các trường hợp phải nộp mẫu 04/SS-HĐĐT theo quy định tại Điều 19 (Thông báo hoặc giải trình với CQT); Mẫu số 01/TH-HĐĐT: gộp chung sửa đổi, bổ sung không tách riêng thành 02 trường sửa đổi, hoặc bổ sung do quy định không quy định rõ trường hợp nào là sửa đổi, trường hợp nào là bổ sung, bổ sung thêm các trường tỷ giá, tổng tiền giảm giá, các tổng tiền phí, lệ phí (nếu có).

2. Đối với phần chứng từ điện tử

Dự thảo sửa đổi chứng từ bao gồm chứng từ khấu trừ thuế TNCN điện tử và biên lai thuế, phí, lệ phí điện tử nên:

a. Bỏ Mẫu số 01/ĐKTĐ-BL và thay thế bằng mẫu 01/ĐKTĐ-CTĐT;

b. Do chứng từ điện tử được quản lý tương tự như hóa đơn nên bổ sung các Mẫu 04/SS-CTĐT;

c. Sửa đổi báo cáo tình hình sử dụng biên lai điện tử BC26/BLĐT bổ sung thêm tổng tiền thuế, phí, lệ phí.

3. Sửa đổi bổ sung các thông báo của CQT về việc tiếp nhận

Do các thay đổi ở trên mà các thông báo của CQT có sự thay đổi tương ứng cụ thể:

a. Mẫu 01/TB-TNĐT về việc tiếp nhận/không tiếp nhận tờ khai;

b. Mẫu 01/TB-ĐKĐT thông báo về việc chấp nhận/không chấp nhận đăng ký/thay đổi thông tin;

CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MẪU

c. Mẫu 01/TB-KTT thông báo hết thời gian sử dụng hóa đơn điện tử không thu tiền cho phù hợp với các nội dung sửa đổi tại dự thảo Nghị định.

d. Mẫu số 01/TB-NSDHD, Mẫu số 01/TB-NSDHD: Thông báo NNT ngừng sử dụng hóa đơn điện tử, ngừng sử dụng hóa đơn khởi tạo từ máy tính tiền.

Phụ lục I A
Danh sách các biểu, mẫu sửa đổi
(Kèm theo Nghị định số /2024/NĐ-CP
ngày tháng năm 2024 của Chính phủ)

Mẫu số	Tên hồ sơ, mẫu biểu	Tình trạng
1. Hóa đơn điện tử		
01/ĐKTĐ-HĐĐT	Tờ khai đăng ký/thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử	Sửa đổi, bổ sung mẫu 01/ĐKTĐ/HĐĐT Nghị định số 123/2020/NĐ-CP
04/SS-HĐĐT	Thông báo HĐĐT đã lập sai	Sửa đổi, bổ sung mẫu 04/SS-HĐĐT
06/ĐN-PSĐT	Đơn đề nghị cấp hóa đơn điện tử có mã của CQT theo từng lần phát sinh	Sửa đổi, bổ sung mẫu 06/ĐN-PSĐT
01/TH-HĐĐT	Bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử	Sửa đổi, bổ sung mẫu 01/TH-HĐĐT
01/BK-ĐCTT	Bảng kê hóa đơn điện tử điều chỉnh, thay thế	Bổ sung
01/TH-DT	Phiếu tổng hợp doanh thu đối với hoạt động kinh doanh casino, trò chơi điện tử có thưởng	Bổ sung
3. Chứng từ điện tử		
01/ĐKTĐ-CTĐT	Tờ khai đăng ký/thay đổi thông tin sử dụng chứng từ điện tử	Thay thế 01/ĐKTĐ-BL
04/SS-CTĐT	Thông báo chứng từ điện tử đã lập sai	Bổ sung
BC26/BLĐT	Báo cáo tình hình sử dụng biên lai điện tử	Sửa đổi

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI
Đăng ký/thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử

- ☐ Đăng ký mới
☐ Thay đổi thông tin

Tên người nộp thuế:		
Mã số thuế:		
Cơ quan thuế quản lý:		
Người liên hệ: (Đại diện theo pháp luật/ Hộ, cá nhân kinh doanh)		Điện thoại liên hệ:..... (Đại diện theo pháp luật/ Hộ, cá nhân kinh doanh)
Số CCCD/CMT/Hộ chiếu/CCCD/...		Ngày tháng năm sinh:
Địa chỉ liên hệ: của NNT		Thư điện tử:..... của NNT
Theo Nghị định số/2024/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2024 của Chính phủ, chúng tôi/tôi thuộc đối tượng sử dụng hóa đơn điện tử. Chúng tôi/tôi đăng ký/thay đổi thông tin đã đăng ký với cơ quan thuế về việc sử dụng hóa đơn điện tử như sau:		
1. Hình thức hóa đơn:		
☐ Có mã của cơ quan thuế ☐ Hóa đơn khởi tạo từ Máy tính tiền ☐ Không có mã của cơ quan thuế		
2. Hình thức gửi dữ liệu hóa đơn điện tử:		
a. ☐ Trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử có mã không phải trả tiền dịch vụ theo khoản 1 Điều 14 của Nghị định: trên Công thông tin điện tử của Tổng cục Thuế hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử được Tổng cục Thuế ủy thác		
☐ Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ, cá nhân kinh doanh tại địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn (điểm a khoản 1 Điều 14 của Nghị định 123/2020/NĐ-CP) ☐ Doanh nghiệp nhỏ và vừa khác theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương gửi Bộ Tài chính trừ doanh nghiệp hoạt động tại các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu công nghệ cao. (điểm b khoản 1 Điều 14 của Nghị định 123/2020/NĐ-CP) ☐ Cơ quan thuế hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức, xử lý tài sản công theo quy định pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công (khoản 1 Điều 15 Nghị định /2024/NĐ-CP)		
b. ☐ Trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử Không có mã của cơ quan thuế:		

☐ Chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử <u>Gửi</u> trực tiếp đến cơ quan thuế (điểm b1, khoản 3, Điều 22 của Nghị định). ☐ <u>Gửi đến cơ quan thuế</u> thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử (điểm b2, khoản 3, Điều 22 của Nghị định).							
3. Phương thức chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử:							
☐ Chuyển đầy đủ nội dung từng hóa đơn. ☐ Chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử theo Bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử <u>theo Mẫu số 01/TH-HDDT</u> (điểm a1, khoản 3, Điều 22 của Nghị định).							
4. Loại hóa đơn sử dụng:							
☐ Hóa đơn GTGT ☐ Hóa đơn GTGT tích hợp biên lai thu thuế, phí, lệ phí ☐ Hóa đơn bán hàng ☐ Hóa đơn bán hàng tích hợp biên lai thu thuế, phí, lệ phí ☐ <u>Hóa đơn thương mại</u> ☐ Hóa đơn bán tải sản công ☐ Hóa đơn bán hàng dự trữ quốc gia ☐ Các loại hóa đơn khác ☐ Các chứng từ được in, phát hành, sử dụng và quản lý như hóa đơn.							
5. Danh sách chứng thư số sử dụng:							
STT	Tên tổ chức cơ quan chứng thực/cấp/công nhận chữ ký số, chữ ký điện tử	Số sê-ri chứng thư	Thời hạn sử dụng chứng thư số		Hình thức đăng ký (Thêm mới, gia hạn, ngừng sử dụng)		
			Từ ngày	Đến ngày			
6. Đăng ký ủy nhiệm lập hóa đơn							
STT	Tên loại hóa đơn ủy nhiệm	Ký hiệu mẫu hóa đơn	Ký hiệu hóa đơn ủy nhiệm	Tên tổ chức được ủy nhiệm	Mục đích ủy nhiệm	Thời hạn ủy nhiệm	Phương thức thanh toán hóa đơn ủy nhiệm
1	2	3	4	5	6	7	8
7. Tổ chức cung cấp dịch vụ							
STT	Tên tổ chức cung cấp dịch vụ	Mã số thuế	Thời gian	Ghi chú			

			<u>Từ</u> <u>ngày</u>	<u>Đến</u> <u>ngày</u>	
1					
2					
....					

8. Thông tin đơn vị truyền nhận

STT	<u>Tên đơn vị truyền nhận</u>	<u>Mã số thuế</u>	<u>Thời gian</u>		<u>Ghi chú</u>
			<u>Từ</u> <u>ngày</u>	<u>Đến</u> <u>ngày</u>	

9. Đề nghị tạm ngừng sử dụng hóa đơn điện tử

Trong quá trình sử dụng hóa đơn điện tử, chúng tôi xin phép tạm ngừng sử dụng hóa đơn điện tử cụ thể như sau:

STT	<u>Thời gian tạm ngừng sử dụng</u> <u>hóa đơn điện tử</u>		<u>Tổ chức cung</u> <u>cấp dịch vụ</u>	<u>Số sê-</u> <u>ri</u> <u>chứng</u> <u>thư</u>	<u>Ghi chú</u>
	<u>Từ ngày</u>	<u>Đến ngày</u>			

Chúng tôi cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung nêu trên và thực hiện theo đúng quy định của pháp luật./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký số người nộp thuế)

Mẫu số: 04/SS-HĐĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ ĐÃ LẬP CÓ SAI SÓT

Kính gửi: (Cơ quan thuế)

Tên người nộp thuế:

Mã số thuế:.....

Người nộp thuế thông báo về việc hóa đơn điện tử đã lập có sai sót như sau:

STT	Mã CQT cấp	Ký hiệu mẫu hóa đơn	Ký hiệu hóa đơn	Số hóa đơn điện tử	Ngày lập hóa đơn	Loại áp dụng hóa đơn điện tử	Hủy/Điều chỉnh/Thay thế/ Thông báo/ Giải trình	Lý do/Thông báo của CQT
1	2	3	4	5	6	7	8	9

Ghi chú: (2): Mã CQT cấp đối với hóa đơn có mã của CQT, hóa đơn không có mã của CQT để trống.
(8) Trường hợp HĐĐT đã lập sai và người bán thực hiện Thông báo
Trường hợp CQT thông báo NNT Giải trình

NGƯỜI MUA
(Chữ ký số của
người mua nếu có)

....., ngày..... tháng..... năm.....
NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký số của người nộp thuế)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ NGHỊ CẤP HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ CÓ MÃ CỦA CƠ QUAN THUẾ
(Theo từng lần phát sinh)
[0] Cấp mới [] [02] Điều chỉnh/Thay thế []

Kính gửi:.....

I. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP HÓA ĐƠN THEO TỪNG LẦN PHÁT SINH

1. Tên tổ chức, cá nhân:.....
2. Địa chỉ liên hệ:
Địa chỉ thư điện tử:..... Điện thoại liên hệ:.....
3. Số Quyết định thành lập tổ chức (nếu có):
Cấp ngày: Cơ quan cấp:.....
4. Mã số thuế (nếu có):.....
5. Tên người nhận hóa đơn đại diện theo pháp luật hoặc Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh:.....
6. Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/Mã số QHVN/Mã định danh của người đi nhận hóa đơn đại diện theo pháp luật:.....
- Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....
- 7. Mã hồ sơ (nếu có):**

II. DOANH THU PHÁT SINH TỪ HOẠT ĐỘNG BÁN HÀNG HÓA, CUNG ỨNG DỊCH VỤ

STT	Tên người mua	Địa chỉ người mua	MST/ <u>Mã số QHVN</u>	Số, ngày hợp đồng mua bán hàng hóa, dịch vụ	Tên hàng hóa, dịch vụ	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Tổng số								

1. Tên hàng hóa, dịch vụ:
2. Tên người mua hàng hóa, dịch vụ:
3. Địa chỉ người mua hàng hóa, dịch vụ:
4. Mã số thuế người mua hàng hóa, dịch vụ:
5. Số, ngày hợp đồng mua bán hàng hóa, dịch vụ (nếu có):
6. Doanh thu phát sinh:

III. THÔNG TIN HÓA ĐƠN ĐIỀU CHỈNH/THAY THẾ

1. Thông tin hóa đơn bị điều chỉnh/thay thế:

STT	Mã hồ sơ	Ký hiệu hóa đơn, ký hiệu mẫu số hóa đơn	Số hóa đơn	Tên người mua	MST/ Mã số QHVN/	Số, ngày hợp đồng mua bán hàng hóa, dịch vụ	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế suất thuế GTGT
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)

2. Nội dung cần điều chỉnh/thay thế

Chỉ tiêu cần điều chỉnh/thay thế	Thông tin điều chỉnh/thay thế
Tên hàng hóa, dịch vụ	
Đơn vị tính	
Số lượng	
Đơn giá	
Thuế suất thuế GTGT	
Thành tiền chưa có thuế GTGT	
Tiền thuế GTGT	
Tổng tiền có thuế GTGT	
Chỉ tiêu khác	
.....	

3. Thông tin số thuế:

STT	Mã hồ sơ	Ký hiệu hóa đơn, ký hiệu mẫu số hóa đơn	Số hóa đơn	Số thuế đã nộp (*)				Số thuế điều chỉnh			
				Thuế GTGT	Thuế TNDN	Thuế TNCN	Thuế khác (nếu có)	Thuế GTGT	Thuế TNDN	Thuế TNCN	Thuế khác (nếu có)

Chúng tôi xin cam kết:

- Các kê khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu khai sai hoặc không đầy đủ thì cơ quan thuế có quyền từ chối cấp hóa đơn.
- Quản lý hóa đơn đúng quy định của Nhà nước. Nếu vi phạm chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./

....., ngàytháng.....năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký số, chữ ký điện tử của người nộp thuế)

BẢNG TỔNG HỢP DỮ LIỆU HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ GỬI CƠ QUAN THUẾ

[01] Kỳ dữ liệu: Thángnăm..... hoặc quý.....năm.....

[02] Lần đầu [] [03] Sửa đổi, Bổ sung lần thứ []

[05] Tên người nộp thuế:.....

[06] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

Số:..... Đồng tiền: Loại ngoại tệ

STT	Ký hiệu mẫu số hóa đơn, ký hiệu hóa đơn	Số hóa đơn	Ngày tháng năm lập hóa đơn	Tên người mua	Mã số thuế người mua/mã khách hàng	Mặt hàng	Số lượng	Tổng giá trị hàng hoá, dịch vụ bán ra chưa có thuế GTGT	Thuế suất thuế GTGT	Tổng tiền phí, lệ phí (nếu có)	Tổng tiền giảm trừ (nếu có)	Tổng số thuế GTGT	Tổng tiền thanh toán	Tỷ giá	Trạng thái	Kỳ điều chỉnh dữ liệu	Thông tin hóa đơn liên quan	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
	X	1	1/1/2020	Nguyễn A									100		Mới			
	W	1	1/1/2020	Nguyễn D									10		Mới			
	Z	1	1/1/2020	Nguyễn C									30		Sửa thông tin trên bảng kê (Không phải hủy hóa đơn hoặc sai sót do tổng hợp dữ liệu từ hóa đơn lên bảng tổng hợp bị sai)		Z1	
	A	1	1/1/2020	Nguyễn B									20		Hóa đơn thay thế, điều chỉnh		Thông tin ký hiệu, mẫu số hóa đơn, ký hiệu hóa đơn, số hóa đơn	

																		thay thế, điều chỉnh	
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------------------	--

Tôi cam đoan tài liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những tài liệu đã khai./.

Ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký số của người nộp thuế)

Ghi chú:

- Trường hợp hóa đơn không nhất thiết có đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 14 Điều 10 Nghị định thì bỏ trống các chỉ tiêu không có trên hóa đơn.
- [03] Sửa đổi Bổ sung Mẫu bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn trường hợp dữ liệu tổng hợp thiếu cần bổ sung.
- [04] Sửa đổi lần thứ [...] trường hợp mẫu bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn đã gửi có sai sót.
- Chỉ tiêu (6): người bán điền mã số thuế đối với người mua là tổ chức kinh doanh, cá nhân kinh doanh có mã số thuế/số định danh, trường hợp là cá nhân tiêu dùng cuối cùng không cung cấp thông tin thì để trống;; mã khách hàng đối với trường hợp bán điện, nước cho khách hàng không có mã số thuế.

BẢNG KÊ CÁC HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ ĐIỀU CHỈNH/THAY THẾ

Điều chỉnh ☐ Thay thế ☐

Mẫu 01/BK-ĐCTT

Ngày.....tháng.....năm

Chúng tôi gồm:

Công ty:

Mã số thuế:

 -

Địa chỉ:

Và Công ty:

Mã số thuế:

 -

Địa chỉ:

Hai bên cùng nhau xác nhận điều chỉnh/thay thế các hóa đơn sau:

STT	Thông tin trước điều chỉnh/thay thế											Ghi chú	Thông tin sau điều chỉnh/thay thế										Chênh lệch (*)			
	Ký hiệu mẫu số hóa đơn	Ký hiệu hóa đơn	Số hóa đơn	Tên hàng hóa dịch vụ	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế suất	Thuế GT GT	Tổng tiền	Khác		Ký hiệu mẫu số hóa đơn	Ký hiệu hóa đơn	Số hóa đơn	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế suất	Thuế GT GT	Tổng tiền	Khác	Tổng tiền trước thuế	Thuế GT GT	Tổng tiền thanh toán	Kiểm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)				
	I	C22 TA	1	A	2	100		8%				Thay dòng hàng hóa A bằng dòng hàng hóa X														
				X									3				500	1500	8%	120	1620					
	I	C22 TA	1	B	1	200		8%				Tăng số lượng hàng hóa từ 1 lên 3	3				200	600	8%	48	648					
	I	C22 TA	1	C	4	150	600	10%	60	660		Tăng số lượng hàng hóa từ 4 ->	5				250	1250	8%	100	1350					

[illegible]

(*) Chênh lệch: Với hóa đơn thay thế thì điền số chênh lệch giữa hóa đơn thay thế và hóa đơn bị thay thế

....., ngày..... tháng..... năm.....
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT BÊN MUA
(Chữ ký số, chữ ký điện tử)

Mẫu số 01/TH-DT

PHIẾU TỔNG HỢP DOANH THU

Ngày ... tháng ... năm ...

Số:

Ký hiệu:

Tên doanh nghiệp:

MST:

Điểm kinh doanh casino/trò chơi điện tử có thưởng:

Đơn vị tính:

STT	Quầy/số bàn/số máy	Số tiền thu được	Số tiền đã trả cho khách	Doanh thu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (3)-(4)	(6)
(7) Tổng cộng					
(8) Tổng doanh thu thu được					

Ghi chú:

(3) Số tiền thu được: Doanh nghiệp kinh doanh casino, trò chơi điện tử có thưởng tự xác định và ghi cụ thể vào cột Ghi chú số tiền thu được đã bao gồm hoặc chưa bao gồm thuế GTGT.

(4) Số tiền đã trả cho khách bao gồm số tiền đã đổi trả lại và số tiền đã trả thưởng cho khách;

(8) Tổng doanh thu thu được là căn cứ để doanh nghiệp casino, trò chơi điện tử có thưởng lập hóa đơn.

Mẫu số: 01/ĐKTD-CTĐTBL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI

Đăng ký/thay đổi thông tin sử dụng *chứng từ điện tử biên lai*

☐ Đăng ký mới

☐ Thay đổi thông tin

Tên người nộp thuế:.....
Mã số thuế:.....
Cơ quan thuế quản lý:.....
Người liên hệ:.....Điện thoại liên hệ:.....
Địa chỉ liên hệ:.....Thư điện tử:.....
Theo Nghị định số...../2024/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2024 của Chính phủ, chúng tôi/tôi thuộc đối tượng sử dụng biên lai chứng từ điện tử. Chúng tôi/tôi đăng ký/thay đổi thông tin đã đăng ký với cơ quan thuế về việc sử dụng <i>biên lai chứng từ điện tử</i> như sau:
1. Đối tượng phát hành Hình thức biên lai:
☐ Tổ chức, cá nhân phát hành ☐ Đe e Cơ quan thuế phát hành
2. Loại hình sử dụng
☐ <i>Chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân điện tử</i> ☐ <i>Biên lai điện tử</i> ○ <i>Biên lai thu thuế, phí, lệ phí không in sẵn mệnh giá</i> ○ <i>Biên lai thu thuế, phí, lệ phí in sẵn mệnh giá</i> ○ <i>Biên lai thu thuế, phí, lệ phí</i> ☐ <i>Biên lai đặt in</i> ☐ <i>Biên lai tự in</i> ☐ <i>Biên lai hóa đơn điện tử</i> (Ghi chú: Nêu cụ thể từng loại, mỗi loại có mấy liên, chức năng sử dụng của từng liên, số lượng từng loại Biên lai, ký hiệu từ số... đến số....)

– Đối với Biên lai đặt in ghi rõ: Số biên lai này được đặt in tại ... (ghi rõ tên nhà in) và đăng ký sử dụng tại địa phương..... từ ngày.....

– Đối với biên lai tự in ghi rõ: Số biên lai này đăng ký sử dụng tại địa phương....., từ ngày.....;

– Tên hệ thống thiết bị (máy tính, máy in, phần mềm ứng dụng) dùng để in biên lai; bộ phận kỹ thuật hoặc tên nhà cung cấp dịch vụ kỹ thuật tự in biên lai thu tiền phí, lệ phí.

– Đối với biên lai điện tử ghi rõ: Tên phần mềm hoặc giải pháp tạo biên lai điện tử; tên nhà cung cấp giải pháp biên lai thu tiền phí, lệ phí điện tử.)

3. Hình thức gửi dữ liệu biên lai điện tử:

a. ☐ Trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan thuế

b. ☐ Trên Cổng dịch vụ công quốc gia

c. ☐ Trên hệ thống ứng dụng thanh toán điện tử của ngân hàng

d. ☐ Thông qua tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán

b. ☐ Thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử

c. ☐ Thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử được Tổng cục

Thuế ủy thác

4. Tên biên lai sử dụng:

☐ Biên lai thu phạt vi phạm hành chính không in sẵn mệnh giá

☐ Biên lai thu phạt vi phạm hành chính in sẵn mệnh giá

☐ Biên lai thu phí, lệ phí không in sẵn mệnh giá

☐ Biên lai thu phí, lệ phí in sẵn mệnh giá

☐ Biên lai thu phí, lệ phí và thu phạt vi phạm hành chính

4.5. Danh sách chứng thư số sử dụng:

STT	Tên tổ chức cơ quan chứng thực/cấp/công nhận chữ ký số, chữ ký điện tử	Số sê-ri chứng thư	Thời hạn sử dụng chứng thư số		Hình thức đăng ký (Thêm mới, gia hạn, ngừng sử dụng)
			Từ ngày	Đến ngày	

5. Đăng ký ủy nhiệm lập biên lai

<u>STT</u>	<u>Tên loại biên lai ủy nhiệm</u>	<u>Ký hiệu mẫu biên lai ủy nhiệm</u>	<u>Ký hiệu biên lai ủy nhiệm</u>	<u>Tên tổ chức được ủy nhiệm/tổ chức ủy nhiệm</u>	<u>Mục đích ủy nhiệm</u>	<u>Thời hạn ủy nhiệm</u>	<u>Phương thức thanh toán biên lai ủy nhiệm</u>
<u>1</u>	<u>2</u>	<u>3</u>	<u>4</u>	<u>5</u>	<u>6</u>	<u>7</u>	<u>8</u>

Chúng tôi cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung nêu trên và thực hiện theo đúng quy định của pháp luật./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký số của người nộp thuế)

Mẫu số: 04/SS-CTĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO CHỨNG TỪ ĐIỆN TỬ ĐÃ LẬP SAI

Kính gửi: (Cơ quan thuế)

Tên người lập chứng từ:.....

Mã số thuế:.....

Người nộp thuế thông báo về việc chứng từ điện tử đã lập sai như sau:

STT	Ký hiệu mẫu chứng từ	ký hiệu chứng từ	Số chứng từ điện tử	Ngày lập chứng từ	Loại chứng từ điện tử	Thông báo/Giải trình	Lý do
1		2	3	4	5	6	7

...., ngày...tháng...năm...

NGƯỜI LẬP CHỨNG TỪ

(Chữ ký số người lập chứng từ)

Mẫu số: BC26/BLĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG BIÊN LAI THU THUẾ PHÍ, LỆ PHÍ

Kỳ tính thuế: Quý..... năm.....

1. Tên đơn vị:.....

2. Mã số thuế (nếu có):.....

3. Địa chỉ:.....

Đơn vị tính: số

STT	Tên loại biên lai	Ký hiệu mẫu biên lai	Ký hiệu biên lai	Số biên lai sử dụng trong kỳ			Tổng tiền thuế, phí, lệ phí trong kỳ
				Tổng số sử dụng	Hủy		
					Tổng số	Từ số	
1	2	3	4	5	6	7	

Cam kết báo cáo tình hình sử dụng biên lai trên đây là đúng sự thật, nếu sai, đơn vị chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

TỔ CHỨC THU THUẾ, PHÍ, LỆ PHÍ

(Chữ ký số của người nộp thuế)

Phụ lục IB
DANH MỤC THÔNG BÁO CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ THUẾ
(Kèm theo Nghị định số /2024/NĐ-CP
ngày tháng năm 2024 của Chính phủ)

Mẫu số	Tên hồ sơ, mẫu biểu	Điều, Chương có liên quan
Hóa đơn, chứng từ điện tử		
01/TB-TNĐT	Về việc tiếp nhận/không tiếp nhận <tờ khai đăng ký/thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử/biên lai điện tử>	Sửa đổi mẫu số 01/TB-TNĐT
01/TB-ĐKĐT	Thông báo về việc chấp nhận/không chấp nhận đăng ký/thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử/biên lai điện tử	Sửa đổi mẫu 01/TB-ĐKĐT
01/TB-KTT	Thông báo về việc hết thời gian sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế không thu tiền và chuyển sang thông qua Cổng thông tin điện tử Tổng cục Thuế/quia ủy thác tổ chức cung cấp dịch vụ về hóa đơn điện tử; không thuộc trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế	Sửa đổi mẫu số 01/TB-KTT
01/TB-NSDHD	Thông báo NNT ngừng sử dụng hóa đơn điện tử	Bổ sung
01/TB-NSDHDMTT	Thông báo NNT ngừng sử dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền	Bổ sung

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC THUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TB-HĐCTĐT

....., ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO

Về việc tiếp nhận/không tiếp nhận <tờ khai đăng ký/thay đổi thông tin
sử dụng hóa đơn điện tử/~~biên lai chứng từ~~ điện tử>

Kính gửi:

<Tên người nộp thuế: ...>

<Mã số thuế của NNT:.....>

<Trường hợp 1: Trường hợp tiếp nhận Tờ khai đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử/~~biên lai điện tử/chứng từ~~ khấu trừ thuế TNCN điện tử >

Căn cứ <Tờ khai đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử/~~biên lai điện tử/chứng từ~~ khấu trừ thuế TNCN điện tử - Mẫu số 01- Ban hành kèm theo Nghị định số...
NĐ-CP> của người nộp thuế (NNT) gửi tới cơ quan thuế lúc... giờ... phút ngày...
tháng... năm..., cơ quan thuế tiếp nhận <Tờ khai Mẫu số 01 đăng ký sử dụng hóa
đơn điện tử/~~biên lai điện tử/chứng từ~~ khấu trừ thuế TNCN điện tử> của NNT,
cụ thể như sau:

- Tên tờ khai:.....

- Mã giao dịch điện tử:.....

Tờ khai đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử/~~biên lai điện tử/chứng từ~~ khấu trừ
thuế TNCN điện tử của người nộp thuế đã được cơ quan thuế tiếp nhận vào lúc...
giờ... phút ngày... tháng... năm... Tờ khai đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử/~~biên
lai điện tử/chứng từ~~ khấu trừ thuế TNCN điện tử của người nộp thuế sẽ được
cơ quan thuế tiếp tục kiểm tra.

Tròng thời gian 01 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế tiếp nhận Tờ khai
ghi trên thông báo này, cơ quan thuế sẽ trả Thông báo Mẫu 02 ban hành kèm theo

Nghị định số.... về việc chấp nhận hoặc không chấp nhận đăng ký của NNT, trường hợp không chấp nhận, cơ quan thuế nêu rõ lý do không chấp nhận.

<Trường hợp 2: Trường hợp không tiếp nhận Tờ khai đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử/biên lai điện tử/chứng từ khấu trừ thuế TNCN điện tử >

Căn cứ <Tờ khai đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử/biên lai điện tử/chứng từ khấu trừ thuế TNCN điện tử - Mẫu số 01- Ban hành kèm theo Nghị định số .../NĐ-CP> của người nộp thuế (NNT) gửi tới cơ quan thuế lúc... giờ... phút ngày... tháng... năm...., cơ quan thuế không tiếp nhận <Tờ khai Mẫu số 01 đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử/biên lai điện tử/chứng từ khấu trừ thuế TNCN điện tử> của NNT, cụ thể như sau:

- Tên tờ khai:.....

- Mã giao dịch điện tử:.....

- Lý do không tiếp nhận:.....

<Trường hợp 3: Trường hợp tiếp nhận Tờ khai đăng ký thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử/biên lai điện tử/chứng từ khấu trừ thuế TNCN điện tử >

Căn cứ <Tờ khai đăng ký thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử/biên lai điện tử/chứng từ khấu trừ thuế TNCN điện tử - Mẫu số 01- Ban hành kèm theo Nghị định số .../NĐ-CP> của người nộp thuế (NNT) gửi tới cơ quan thuế lúc... giờ... phút ngày... tháng... năm...., cơ quan thuế tiếp nhận <Tờ khai Mẫu số 01 đăng ký thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử/biên lai điện tử/chứng từ khấu trừ thuế TNCN điện tử> của NNT, cụ thể như sau:

- Tên tờ khai:.....

- Mã giao dịch điện tử:.....

Tờ khai đăng ký thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử/biên lai điện tử/chứng từ khấu trừ thuế TNCN điện tử của người nộp thuế đã được cơ quan thuế tiếp nhận vào lúc... giờ... phút ngày... tháng... năm... Tờ khai đăng ký thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử/biên lai điện tử/chứng từ khấu trừ thuế TNCN điện tử của người nộp thuế sẽ được cơ quan thuế tiếp tục kiểm tra.

~~Trong thời gian 01 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế tiếp nhận Tờ khai ghi trên thông báo này, Cơ quan thuế sẽ trả Thông báo Mẫu 02 ban hành kèm theo Nghị định số 119/2018/NĐ-CP 01/TB-SSĐTĐKĐT ban hành kèm theo Nghị định số ... về việc chấp nhận hoặc không chấp nhận đăng ký của NNT, trường hợp không chấp nhận, cơ quan thuế nêu rõ lý do không chấp nhận.~~

<Trường hợp 4: Trường hợp không tiếp nhận Tờ khai đăng ký thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử/biên lai điện tử/chứng từ khấu trừ thuế TNCN điện tử >

Căn cứ <Tờ khai đăng ký thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử/biên lai điện tử/chứng từ khấu trừ thuế TNCN điện tử - Mẫu số 01- Ban hành kèm theo Nghị định số.../ND-CP> của người nộp thuế (NNT) gửi tới cơ quan thuế lúc... giờ... phút ngày... tháng... năm..., cơ quan thuế không tiếp nhận <Tờ khai Mẫu số 01 đăng ký thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử/biên lai điện tử/chứng từ khấu trừ thuế TNCN điện tử> của NNT, cụ thể như sau:

- Tên tờ khai:.....
- Mã giao dịch điện tử:.....
- Lý do không chấp nhận:.....

Trường hợp NNT/Quý đơn vị cần biết thêm thông tin chi tiết, xin vui lòng truy cập theo đường dẫn <<http://www.xxx.gdt.gov.vn>> hoặc liên hệ với <tên cơ quan thuế giải quyết hồ sơ> để được hỗ trợ.

Cơ quan thuế thông báo để người nộp thuế biết và thực hiện./.

<Chữ ký số của Tổng cục Thuế>

Ghi chú:

Chữ in nghiêng trong dấu ◇ nhằm mục đích giải thích rõ.

NNT chọn trường hợp thông báo tương ứng.

TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH VĂN BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TB-.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO

Về việc chấp nhận/không chấp nhận đăng ký/
thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử/biên lai chứng từ điện tử

Kính gửi: (Họ tên người nộp thuế:....)
(Mã số thuế của NNT:....)

Sau khi xem xét tờ khai đăng ký/thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử/biên lai điện tử/chứng từ khấu trừ thuế TNCN điện tử ngày.../.../20...

Cơ quan thuế thông báo (chấp nhận/không chấp nhận) đề nghị đăng ký/thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử/biên lai điện tử/chứng từ khấu trừ thuế TNCN điện tử của đơn vị.

(Trong trường hợp chấp nhận người nộp thuế đăng ký/thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử/biên lai điện tử/chứng từ khấu trừ thuế TNCN điện tử thì ghi: Tài khoản đã được gửi đến hộp thư điện tử của người nộp thuế/điện thoại liên hệ, đề nghị người nộp thuế thực hiện khai báo các thông tin liên quan theo nội dung hướng dẫn của cơ quan thuế tại thư điện tử này).

(Trong trường hợp không chấp nhận doanh nghiệp đăng ký/thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử/biên lai điện tử/chứng từ khấu trừ thuế TNCN điện tử thì ghi: Cơ quan thuế không chấp nhận người nộp thuế đăng ký/thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử/biên lai điện tử/chứng từ khấu trừ thuế TNCN điện tử).
Lý do: (Lý do không chấp nhận).

(Trong trường hợp ủy thác qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử thì cơ quan thuế thông báo người nộp thuế đăng ký giao dịch sử dụng hóa đơn điện tử miễn phí qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử). (Tên, địa chỉ đăng ký).

Cơ quan thuế thông báo để người nộp thuế biết, thực hiện./.

CƠ QUAN THUẾ/ THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ
(Chữ ký số)

- Trường hợp Công thông tin điện tử của Tổng cục Thuế tự động ra Thông báo thì "Chữ ký số" là chữ ký số của cơ quan thuế.

- Trường hợp CQT ra Thông báo thì "Chữ ký số" là chữ ký số của Thủ trưởng cơ quan thuế.

TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH VĂN BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../TB-.....

....., ngày.....tháng.....năm.....

THÔNG BÁO

Về việc hết thời gian sử dụng hóa đơn điện tử
có mã của cơ quan thuế không phải trả thu tiền dịch vụ và chuyển sang thông qua
Cổng thông tin điện tử Tổng cục Thuế/hoặc qua ủy thác tổ chức cung cấp
dịch vụ về hóa đơn điện tử được Tổng cục Thuế ủy thác; không thuộc trường hợp sử
dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế/ không đáp ứng điều kiện sử dụng
hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế khởi tạo từ máy tính tiền

Kính gửi: (Người nộp thuế:....)

(Mã số thuế:....)

Sau khi rà soát điều kiện thực hiện, cơ quan thuế thông báo người nộp thuế.....
(MST:.....) kể từ ngày.... tháng.... năm.... (hết thời gian sử dụng hóa đơn điện tử có
mã của cơ quan thuế không phải trả thu tiền dịch vụ thông qua Cổng thông tin điện tử của Tổng
cục Thuế/ hoặc qua ủy thác tổ chức cung cấp dịch vụ về hóa đơn điện tử được Tổng cục Thuế
ủy thác/ không thuộc trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế)/(không
đáp ứng điều kiện sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế khởi tạo từ máy tính tiền),
đề nghị người nộp thuế sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế thông qua tổ chức cung
cấp dịch vụ về hóa đơn điện tử.

Cơ quan thuế thông báo để người nộp thuế biết, thực hiện./.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ RA THÔNG BÁO
(Chữ ký số của Thủ trưởng cơ quan thuế)

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH VĂN BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB-...

....., ngày tháng năm

THÔNG BÁO
Về việc ngừng sử dụng hóa đơn

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Điều Nghị định số/2024/NĐ-CP ngày của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP quy định về hóa đơn, chứng từ;

Căn cứ Thông báo số..... ngày..... của (Cơ quan chức năng gửi thông báo tới cơ quan Thuế/ hoặc thông báo của cơ quan thuế) thuộc trường hợp tại điểm c,d,e,g,i khoản 1 Điều 16 Nghị định/2024/NĐ-CP....) thông báo doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh (lý do: ghi rõ lý do theo từng trường hợp cụ thể), Cơ quan Thuế thông báo:

(Tên cơ quan ban hành văn bản)... thông báo về việc..... với (Tên người nộp thuế)...

Mã số thuế:

Địa chỉ trụ sở kinh doanh:

Lý do thông báo ngừng sử dụng hóa đơn điện tử: ... (ghi rõ lý do các trường hợp tại điểm Khoản 1 Điều 16 Nghị định số/2024/NĐ-CP ngày của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP quy định về hóa đơn, chứng từ)

Thông báo ngừng sử dụng hóa đơn có hiệu lực kể từ ... giờ ... phút ... giây ngày .../.../....

Người nộp thuế sử dụng hóa đơn kể từ thời điểm thông báo ngừng sử dụng hóa đơn có hiệu lực thì hành thi được coi là sử dụng hóa đơn không hợp pháp theo quy định tại điểm Điều 4 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có)

CƠ QUAN THUẾ/THỦ TRƯỞNG CƠ
QUAN THUẾ
(Chữ ký số)

Trường hợp ngừng sử dụng hóa đơn điện tử theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 16 Nghị định số .../2024/NĐ-CP, Công thông tin điện tử của Tổng cục Thuế tự động ra Thông báo thì “Chữ ký số” là chữ ký số của cơ quan thuế

Trường hợp ngừng sử dụng hóa đơn điện tử theo quy định tại điểm d,e,g,i CQT ra Thông báo thì “Chữ ký số” là chữ ký số của Thủ trưởng cơ quan thuế.

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH VĂN BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB-...

....., ngày tháng năm

THÔNG BÁO

Về việc ngừng sử dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Điều Nghị định số/2024/NĐ-CP ngày của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP quy định về hóa đơn, chứng từ;

Căn cứ Thông báo số..... ngày..... của (Cơ quan chức năng gửi thông báo tới cơ quan Thuế/ hoặc thông báo của cơ quan thuế) thuộc trường hợp tại điểm h khoản 1 Điều 16 Nghị định/2024/NĐ-CP....) thông báo doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh (lý do: ghi rõ lý do theo từng trường hợp cụ thể), Cơ quan Thuế thông báo:

(Tên cơ quan ban hành văn bản)... thông báo về việc..... với (Tên người nộp thuế)...

Mã số thuế:

Địa chỉ trụ sở kinh doanh:

Lý do thông báo ngừng sử dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền: ... (ghi rõ lý do các trường hợp tại điểm h Khoản 1 Điều 16 Nghị định số/2024/NĐ-CP ngày của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP quy định về hóa đơn, chứng từ)

Thông báo ngừng sử dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền có hiệu lực kể từ ... giờ ... phút ... giây ngày .../.../... .

Người nộp thuế sử dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền kể từ thời điểm thông báo ngừng sử dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền có hiệu lực thì hành thi được coi là sử dụng hóa đơn không hợp pháp theo quy định tại điểm Điều 4 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có)

CƠ QUAN THUẾ/THỦ TRƯỞNG CƠ
QUAN THUẾ
(Chữ ký số)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BÁO CÁO TỔNG HỢP GIẢI TRÌNH TIẾP THU Ý KIẾN CÁC BỘ, CƠ QUAN NGANG BỘ,
CƠ QUAN THUỘC CHÍNH PHỦ VỀ DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA
NGHỊ ĐỊNH SỐ 123/2020/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ VỀ HÓA ĐƠN, CHỨNG TỪ**

(Gửi kèm Tờ trình số 128 /TTr-BTC ngày 7 tháng 6 năm 2024)

1. Các ý kiến thống nhất dự thảo Nghị định, không có ý kiến bổ sung hoặc không có ý kiến tham gia:

STT	Đơn vị	Ý kiến tham gia
1	Bộ Xây dựng (công văn số 4050/BXD-KHTC ngày 11/9/2023)	Nhất trí dự thảo
2	Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn (công văn số 6733/BNN-TC ngày 19/9/2023)	Nhất trí dự thảo
3	Bộ Giáo dục và đào tạo (công văn số 5137/BGDĐT-KHTC ngày 21/9/2023)	Nhất trí dự thảo
4	Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (công văn số 4163/LĐTBXH-PC ngày 04/10/2023)	Nhất trí dự thảo
5	Bộ Ngoại giao (công văn số 4739/BNG-QTTV ngày 21/9/2023)	Nhất trí dự thảo
6	Ban Quản lý Lăng chủ tịch Hồ Chí Minh (công văn số 1577/BQLL-VP ngày 11/9/2023)	Nhất trí dự thảo
7	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam (công văn số 2105/VHL-KHTC ngày 11/9/2023)	Không có ý kiến tham gia bổ sung
8	Ủy ban dân tộc (công văn số 1616/UBDT-KHTC ngày 14/9/2023)	Nhất trí dự thảo

2. Các ý kiến tham gia của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ được Bộ Tài chính giải trình, tiếp thu

Điều	Nội dung tại dự thảo lấy ý kiến rộng rãi	Ý kiến các đơn vị	Giải trình/tiếp thu
Điều 3: Giải thích từ ngữ	Sửa đổi, bổ sung khoản 4 4. Chứng từ là tài liệu dùng để ghi nhận thông tin về các khoản thuế khấu trừ, các khoản thu thuế, phí và lệ phí thuộc ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật quản lý thuế; <i>ghi nhận thông tin giao dịch liên quan đến tiền, đồng tiền quy ước trong hoạt động kinh doanh casino, trò chơi điện tử có thưởng, kinh doanh giải trí có đặt cược</i>. Chứng từ theo quy định tại Nghị định này bao gồm chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân, biên lai thuế, phí, lệ phí được thể hiện theo hình thức điện tử hoặc đặt in, tự in, <i>chứng từ theo dõi, quản lý giao dịch liên quan đến tiền, đồng tiền quy ước trong hoạt động kinh doanh casino, trò chơi điện tử có thưởng, kinh doanh giải trí có đặt cược</i>.	- Bộ Thông tin và Truyền thông: Bổ sung nội dung “<i>chứng từ theo dõi, quản lý giao dịch liên quan đến tiền trong hoạt động hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số và các dịch vụ khác của nhà cung cấp ở nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam</i>”. Trên thực tế hiện nay một số nhà cung cấp dịch vụ, kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số (ví dụ như quảng cáo trên các nền tảng xã hội như: Google, Facebook...) đã thực hiện đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế tại Việt Nam theo quy định tại Điều 76, Điều 77, Điều 78, Điều 79 Thông tư 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ Tài chính phát hành chứng từ điện tử cho các doanh nghiệp Việt Nam và trong đó nêu rõ giá trước thuế, tiền thuế GTGT và tổng tiền thanh toán. Tuy nhiên các doanh nghiệp Việt Nam không được khấu trừ thuế GTGT theo các chứng từ trên.	Liên quan đến nhà cung cấp nước ngoài cần bổ sung tại Điều 2 về “Đối tượng áp dụng” và xem xét phương pháp tính thuế GTGT. Đồng thời sửa đổi điều kiện khấu trừ thuế tại Luật Thuế GTGT (nội dung này chưa lấy ý kiến, chưa đánh giá tác động). -> Tiếp thu ý kiến Bộ Thông tin và Truyền thông khi sửa pháp luật thuế GTGT.

Điều	Nội dung tại dự thảo lấy ý kiến rộng rãi	Ý kiến các đơn vị	Giải trình/tiếp thu
	đầy đủ các nội dung theo quy định tại Điều 32 Nghị định này. Trường hợp sử dụng biên lai <i>chứng từ</i> điện tử thì phải theo định dạng chuẩn dữ liệu của cơ quan thuế. Trường hợp cá nhân ủy quyền quyết toán thuế thì không cấp chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân. Đối với cá nhân không ký hợp đồng lao động hoặc ký hợp đồng lao động dưới 03 tháng thì tổ chức, cá nhân trả thu nhập được lựa chọn cấp chứng từ khấu trừ thuế cho mỗi lần khấu trừ thuế hoặc cấp một chứng từ khấu trừ cho nhiều lần khấu trừ thuế trong một kỳ tính thuế. Đối với cá nhân ký hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên, tổ chức, cá nhân trả thu nhập chỉ cấp cho cá nhân một chứng từ khấu trừ thuế trong một kỳ tính thuế.	<i>từ khấu trừ thuế, biên lai thu thuế, phí, lệ phí giao cho người có thu nhập bị khấu trừ thuế, người nộp thuế, nộp phí, lệ phí và phải ghi đầy đủ các nội dung theo quy định tại Điều 32 Nghị định này. Trường hợp sử dụng chứng từ điện tử thì phải theo định dạng chuẩn dữ liệu của cơ quan thuế, trừ các trường hợp đặc thù thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính (Tổng Cục thuế). Trường hợp cá nhân ủy quyền quyết toán thuế thì không cấp chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân.</i> - UBND Bà Rịa – Vũng Tàu: Đề xuất thêm nội dung: <i>“...Tổ chức chi trả thu nhập chịu trách nhiệm lập và cấp chứng từ “Biên lai thu thuế thu nhập cá nhân” cho cá nhân đã ủy quyền cho tổ chức chi trả thu nhập quyết toán thay.”</i> - UBND Hà Nam: đề xuất sửa đổi quy định “trường hợp cá nhân ủy quyền quyết toán thuế thì không cấp chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân” do quy định này chưa phù hợp với thực tế vì nhiều trường hợp khi đến cuối năm mới xác định được cá nhân có ủy quyền	Không tiếp thu ý kiến UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu vì việc quy định tổ chức chi trả thu nhập cấp biên lai thu thuế TNCN cho cá nhân ủy quyền quyết toán là không cần thiết và sẽ làm tăng thủ tục hành chính và tăng chi phí cho tổ chức trả thu nhập. Quy định cá nhân ủy quyền quyết toán thuế TNCN thì không cấp chứng từ khấu trừ, cá nhân không ủy quyền quyết toán tổ chức trả thu nhập phải cấp chứng từ khấu trừ thuế TNCN cho cá nhân để thực hiện quyết toán thuế theo quy định. Việc không cấp chứng

Điều	Nội dung tại dự thảo lấy ý kiến rộng rãi	Ý kiến các đơn vị	Giải trình/tiếp thu
		quyết toán thuế cho công ty hay không (do cá nhân có thể thay đổi nhiều nơi làm việc trong năm, hoặc có nhiều nguồn thu nhập mà cơ quan chi trả không biết). - Cục Thuế Bình Thuận (tham gia theo công văn số 4518/VP-TH ngày 12/9/2023 của UBND tỉnh Bình Thuận) : Đề xuất bổ sung: Trường hợp cá nhân ủy quyền quyết toán và tổ chức chi trả thu nhập đã thực hiện quyết toán. Sau đó phát hiện cá nhân thuộc trường hợp phải tự quyết toán cơ quan thuế thì tổ chức chi trả thu nhập cấp chứng từ khấu trừ thuế cho cá nhân đồng thời ghi ở góc dưới bên trái chứng từ khấu trừ thuế nội dung: <i>"Công ty...đã quyết toán thuế TNCN thay cho ông/ bà...(theo ủy quyền) tại dòng (số thứ tự)... của Phụ lục Bảng kê 05-1/BK-TNCN để cá nhân trực tiếp quyết toán thuế với cơ quan thuế"</i> Trường hợp tổ chức, cá nhân trả thu nhập sử dụng chứng từ khấu trừ thuế TNCN điện tử thì in chuyển đổi chứng từ khấu trừ thuế TNCN điện tử gốc và	từ khấu trừ cho cá nhân ủy quyền quyết toán nhằm cải cách thủ tục hành chính, giảm chi phí cho tổ chức trả thu nhập trong việc sử dụng chứng từ khấu trừ. Do đó, không tiếp thu ý kiến của UBND tỉnh Hà Nam. Nội dung tham gia của Cục Thuế tỉnh Bình Thuận liên quan đến quy định về kê khai quyết toán thuế TNCN. In chuyển đổi chứng từ khấu trừ thuế TNCN điện tử theo quy định tại Luật Giao dịch điện tử và Nghị định số 165/2018/NĐ-CP ngày 24/12/2018 của Chính phủ và Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính, do đó không cần quy định tại Nghị định này.

Điều	Nội dung tại dự thảo lấy ý kiến rộng rãi	Ý kiến các đơn vị	Giải trình/tiếp thu
	9. Trường hợp tổ chức thu phí, lệ phí và người cung cấp dịch vụ cùng thực hiện thu phí, lệ phí và tiền cung cấp dịch vụ của một khách hàng thì được tích hợp biên lai thu phí và hóa đơn trên cùng một định dạng điện tử để giao cho người mua. Chứng từ điện tử tích hợp phải đảm bảo có đủ nội dung của hóa đơn điện tử, biên lai điện tử và theo đúng định dạng do cơ quan thuế quy định. Tổ chức thu phí, lệ phí và người cung cấp dịch vụ có trách nhiệm thỏa thuận về đơn vị chịu trách nhiệm xuất chứng từ điện tử tích hợp cho khách hàng và phải thông báo đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp. Việc kê khai phí, lệ phí và kê khai doanh thu của tổ chức thu phí, lệ phí và người cung cấp dịch vụ thực hiện theo quy định của pháp luật quản lý thuế.	ghi nội dung nêu trên vào bảng in chuyển đổi để cung cấp cho NNT. - Bộ GTVT: Đề xuất sửa: <i>“Trường hợp tổ chức thu phí, lệ phí và người cung cấp dịch vụ cùng thực hiện thu phí, lệ phí và tiền cung cấp dịch vụ của một khách hàng thì được tích hợp biên lai thu phí và hóa đơn trên cùng một định dạng điện tử để giao cho người mua. Chứng từ điện tử tích hợp phải đảm bảo có đủ nội dung của hóa đơn điện tử, biên lai điện tử và theo đúng định dạng do cơ quan thuế quy định trừ những trường hợp đặc thù thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính (Tổng Cục thuế). Tổ chức thu phí, lệ phí và đơn vị cung cấp dịch vụ có trách nhiệm thỏa thuận về đơn vị chịu trách nhiệm xuất chứng từ điện tử tích hợp cho khách hàng và phải thông báo đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp. Việc kê khai phí, lệ phí và kê khai doanh thu của tổ chức thu phí, lệ phí; người cung cấp dịch vụ thực hiện theo quy định của pháp luật quản lý thuế”</i> Lý do: Để xử lý những trường hợp cần quy định mẫu biên lai cho phù hợp đặc thù lĩnh vực quản lý (như đối với lĩnh	Về nguyên tắc, hóa đơn, chứng từ phải theo chuẩn định dạng để vào hệ thống

Điều	Nội dung tại dự thảo lấy ý kiến rộng rãi	Ý kiến các đơn vị	Giải trình/tiếp thu
		vực hàng hải các thông tin trên Biên lai thu phí, lệ phí hàng hải bao gồm đủ các thông tin phục vụ việc tính thu (theo biểu phí, lệ phí hàng hải quốc tế/nội địa); đồng tiền thu phí (USD/Đồng); cảng đến, cảng rời, cảng đến tiếp theo của tàu thuyền...). - UBND Lạng Sơn: Đề nghị xem xét bổ sung quy định về phương thức thông báo đến cơ quan thuế (bằng phương thức điện tử hay trực tiếp) và mẫu thông báo. - UBND Đà Nẵng: Đề nghị quy định việc tích hợp biên lai thu phí và hóa đơn trên cùng một định dạng điện tử chỉ áp dụng đối với đối tượng vừa tổ chức thu phí, lệ phí và vừa là người cung cấp dịch vụ vì khoản phí, lệ phí là khoản thu vào NSNN.	
	11. Hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế khởi tạo từ máy tính tiền có đầy đủ thông tin định danh người mua thì được tham gia dự thưởng chương trình “Hóa đơn may mắn” do ngành Thuế tổ chức thực hiện từ nguồn ngân sách cấp cho cơ quan quản lý thuế. Giao Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể về thể lệ, cơ cấu giải thưởng, chi, mức chi quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán nguồn kinh phí Chương trình hóa đơn may	- Bộ Tư pháp: Luật QLT không có nội dung về dự thưởng chương trình nói chung hay chương trình “Hóa đơn may mắn” nói riêng. Vì vậy, việc Chính phủ quy định này là chưa phù hợp với quy định của Luật QLT.	Căn cứ pháp lý để đưa nội dung về “Hóa đơn may mắn” vào dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 123 bao gồm: (1) Tại khoản 6 Điều 4 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 quy định: “Điều 4. Nội dung quản lý thuế ...

Điều	Nội dung tại dự thảo lấy ý kiến rộng rãi	Ý kiến các đơn vị	Giải trình/tiếp thu
	<i>mẫu và công tác tổ chức thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.</i>		6. Kiểm tra thuế, thanh tra thuế và thực hiện biện pháp phòng, chống, ngăn chặn vi phạm pháp luật về thuế.” (2) khoản 4 Điều 5 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 quy định: “Điều 5. Nguyên tắc quản lý thuế 4. Thực hiện cải cách thủ tục hành chính và ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại trong quản lý thuế; <u>áp dụng các nguyên tắc quản lý thuế theo thông lệ quốc tế</u>, trong đó có nguyên tắc bản chất hoạt động, giao dịch quyết định nghĩa vụ thuế, nguyên tắc quản lý rủi ro trong quản lý thuế và các nguyên tắc khác phù hợp với điều kiện của Việt Nam.” (3) Tại khoản 1, khoản 2 Điều 90 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 quy định: “Điều 90. Nguyên tắc lập, quản lý, sử dụng hóa đơn điện tử 1. Khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, <u>người bán phải lập hóa đơn điện tử để giao cho người mua theo định dạng chuẩn dữ liệu và phải ghi đầy đủ nội dung theo quy định của pháp luật về thuế, pháp luật về kế toán, không phân</u>

Điều	Nội dung tại dự thảo lấy ý kiến rộng rãi	Ý kiến các đơn vị	Giải trình/tiếp thu
			biệt giá trị từng lần bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ. 2. Trường hợp người bán có sử dụng máy tính tiền thì người bán đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử được khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế.” (4) Tại khoản 1 Điều 93 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 quy định: “Điều 93. Cơ sở dữ liệu về hóa đơn điện tử 1. <u>Cơ sở dữ liệu về hóa đơn điện tử được sử dụng để phục vụ công tác quản lý thuế và cung cấp thông tin hóa đơn điện tử cho tổ chức, cá nhân có liên quan.</u>” Căn cứ các quy định nêu trên, để thực hiện nhiệm vụ quản lý thuế, chống thất thu thuế, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực bán lẻ, cơ quan thuế có trách nhiệm phải thực hiện các biện pháp phòng, chống, ngăn chặn vi phạm pháp luật thuế thông qua một số các biện pháp trực tiếp như việc thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm, quản lý rủi ro. Ngoài các biện pháp quản lý thuế trực tiếp thì biện pháp gián tiếp cũng được ngành thuế áp dụng như: phối với

Điều	Nội dung tại dự thảo lấy ý kiến rộng rãi	Ý kiến các đơn vị	Giải trình/tiếp thu
			chính quyền địa phương và các bộ ngành (công an, quản lý thị trường, y tế, văn hóa, giáo dục...); công khai thông tin để tiếp nhận ý kiến phản hồi từ sự giám sát của người dân, doanh nghiệp và các tổ chức, cơ quan có liên quan đến NNT. Đối với lĩnh vực bán lẻ ngoài việc ngành thuế đã sử dụng các biện pháp quản lý thuế trực tiếp, gián tiếp như nêu trên thì giải pháp quản lý thuế gián tiếp thông qua sự giám sát của người tiêu dùng cũng là giải pháp sẽ mang lại hiệu quả cao tại Việt Nam như một số nước đã áp dụng thành công trong thời gian qua. Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn đặt ra thì cần thiết phải khuyến khích người tiêu dùng lấy hóa đơn khi mua hàng hóa, dịch vụ thông qua chương trình “hóa đơn may mắn” nhằm quản lý, khai thác và sử dụng có hiệu quả cơ sở dữ liệu hóa đơn điện tử phục vụ cho công tác quản lý thuế, chống thất thu thuế, đồng thời bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Tổng cục Thuế đã tham khảo kinh nghiệm triển khai hóa đơn may mắn tại một số nước như: Đài Loan, Hàn Quốc, Bồ Đào Nha, thực hiện thí điểm triển khai

Điều	Nội dung tại dự thảo lấy ý kiến rộng rãi	Ý kiến các đơn vị	Giải trình/tiếp thu
			chương trình HĐMM trong thời gian vừa qua. Do đó, việc đưa nội dung về “Hóa đơn may mắn” vào dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 123 là phù hợp với quy định về trách nhiệm của cơ quan quản lý thuế theo Luật Quản lý thuế.
Điều 5: Hành vi bị cấm trong lĩnh vực hóa đơn, chứng từ	d) Không chuyển dữ liệu điện tử về cơ quan thuế theo quy định.	- NHNN VN: Đề nghị cân nhắc sửa điểm d thành: <i>“d. Không chuyển dữ liệu điện tử về cơ quan thuế theo quy định tại Nghị định này”</i> để Dự thảo rõ ràng hơn.	Tiếp thu ý kiến NHNN VN
Điều 9: Thời điểm lập hóa đơn	1. Thời điểm lập hóa đơn đối với bán hàng hóa (bao gồm cả bán tài sản nhà nước, tài sản tịch thu, sung quỹ nhà nước và bán hàng dự trữ quốc gia) là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hàng hóa cho người mua, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền. Đối với trường hợp xuất khẩu hàng hóa (bao gồm cả gia công xuất khẩu), thời điểm lập hóa đơn không quá 24h kể từ thời điểm cơ quan hải quan xác nhận hoàn tất thủ tục hải quan trên tờ khai hải quan.	- UBND TP Hà Nội: Đề xuất chuyển nội dung: <i>“Đối với trường hợp xuất khẩu hàng hóa (bao gồm cả gia công xuất khẩu), thời điểm lập hóa đơn không quá 24h kể từ thời điểm cơ quan hải quan xác nhận hoàn tất thủ tục hải quan trên tờ khai hải quan.”</i> sang khoản 4 Điều 9 quy định thời điểm lập hóa đơn đối với một số trường hợp cụ thể. Lý do: vì khoản 1 Điều 9 quy định về nguyên tắc, không quy định về các trường hợp cụ thể.	Thời điểm lập hóa đơn đối với xuất khẩu hàng hóa sửa đổi, bổ sung như sau: <i>Trường hợp người bán đáp ứng điều kiện chuyển dữ liệu hóa đơn thương mại bằng phương thức điện tử đến cơ quan thuế (người bán đăng ký sử dụng hóa đơn thương mại điện tử, hóa đơn thương mại điện tử đáp ứng quy định về nội dung theo quy định tại Điều 10 Nghị định này và đáp ứng quy định về định dạng chuẩn dữ liệu của cơ quan thuế theo quy định tại Điều 12 Nghị định) thì thời điểm lập</i>

Điều	Nội dung tại dự thảo lấy ý kiến rộng rãi	Ý kiến các đơn vị	Giải trình/tiếp thu
		- UBND Thừa Thiên Huế: Điều 8 Thông tư số 219/2013/TT-BTC và Điều 79 Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp đang có sự khác biệt trong quy định về thời điểm ghi nhận doanh thu tính thuế, cụ thể: + Theo Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP thì thời điểm ghi nhận doanh thu và lập hóa đơn GTGT cho hàng hóa xuất khẩu là không quá 24h kể từ khi hoàn tất thủ tục hải quan. + Theo Luật thuế GTGT thì thời điểm ghi nhận doanh thu tính thuế GTGT là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng hàng hóa. Khi đó đơn vị phải lập hóa đơn GTGT. + Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC, hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp thì việc doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro, lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa và không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa là một trong những điều kiện đủ để ghi nhận doanh thu bán hàng.	<i>hóa đơn thương mại điện tử do người bán tự xác định nhưng chậm nhất không quá ngày làm việc tiếp theo kể từ ngày hàng hóa được thông quan theo quy định pháp luật về hải quan và chuyển dữ liệu hóa đơn thương mại điện tử đến cơ quan thuế.</i>

Điều	Nội dung tại dự thảo lấy ý kiến rộng rãi	Ý kiến các đơn vị	Giải trình/tiếp thu
		Thực tế nhận thấy có một số trường hợp mặc dù chưa hoàn tất thủ tục hải quan nhưng bên bán đã chuyển giao quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho bên mua và không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa. Đối với trường hợp này thì quy định về thời điểm ghi nhận doanh thu giữa các văn bản quy phạm pháp luật là không đồng nhất với nhau. Điều này dẫn đến việc xác định thời điểm ghi nhận doanh thu xuất khẩu có thể bị khác nhau do sự không đồng nhất của các quy định trên. Do đó, việc sửa đổi, bổ sung các quy định nêu trên cần được thực hiện đồng thời, phù hợp tình hình thực tế và đảm bảo tính thống nhất giữa các văn bản quy phạm pháp luật đã ban hành. - UBND Hà Nam, Đà Nẵng: + Đề xuất sửa đổi cách tính thời gian “....thời điểm lập hóa đơn không quá 24h..” thành “....thời điểm lập hóa đơn không quá hai ngày...” + Đề xuất bổ sung hướng dẫn cụ thể “thời điểm cơ quan hải quan xác nhận hoàn tất thủ tục hải quan trên tờ khai hải quan” là chỉ tiêu nào trên tờ khai	

Điều	Nội dung tại dự thảo lấy ý kiến rộng rãi	Ý kiến các đơn vị	Giải trình/tiếp thu
		hải quan. Trong nhiều trường hợp dù tờ khai hải quan ở trạng thái thông quan tuy nhiên hàng hóa chưa thực xuất. - Cục Thuế tỉnh Quảng Ninh (tham gia theo công văn số 5691/VP.UBND-KTTC ngày 30/8/2023 của UBND tỉnh Quảng Ninh): Đề nghị sửa như sau: “Thời điểm lập hóa đơn đối với bán hàng hóa ... không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền. Đối với trường hợp xuất khẩu hàng hóa (bao gồm cả gia công xuất khẩu), thời điểm lập hóa đơn không quá 24 giờ kể từ thời điểm cơ quan hải quan xác nhận hoàn thành thủ tục hải quan trên tờ khai hải quan” Lý do: Để phù hợp với quy định tại khoản 21 Điều 4 và khoản 1 Điều 37 Luật Hải Quan năm 2014. - Cục Thuế tỉnh Quảng Ngãi (tham gia theo công văn số 4276/UBND-KTTH ngày 31/8/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi): đề nghị sửa đổi như sau “1. Thời điểm lập hóa đơn đối với hàng hóa.....Đối với trường hợp xuất khẩu hàng hóa (bao gồm cả gia công xuất khẩu), thời điểm lập hóa đơn là chậm	

Điều	Nội dung tại dự thảo lấy ý kiến rộng rãi	Ý kiến các đơn vị	Giải trình/tiếp thu
		<i>nhất ngay trong ngày cơ quan hải quan xác nhận hoàn tất thủ tục hải quan trên tờ khai hải quan.</i>" Lý do: Theo quy định của Khoản 7 Điều 3 Thông tư 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014 của Bộ Tài chính. - Cục Thuế tỉnh Long An (tham gia theo công văn số 8020/UBND-KTTC ngày 31/8/2023 của UBND tỉnh Long An): Đề xuất sửa: <i>"1. Đối với trường hợp xuất khẩu hàng hóa (bao gồm cả gia công xuất khẩu), thời điểm lập hóa đơn không quá 24h trừ ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định kể từ thời điểm cơ quan hải quan xác nhận hoàn tất thủ tục hải quan trên tờ khai hải quan."</i> Đồng thời đề nghị cần xác định rõ thời điểm cơ quan hải quan xác nhận hoàn tất thủ tục hải quan trên tờ khai hải quan là ngày thông quan hay ngày qua khu vực giám sát.	
	Khoản 4	- Đài THVN: Bổ sung điểm s: <i>"s) Đối với các dịch vụ quảng cáo trên nền tảng số và cung cấp/phân phối nội dung trên nền tảng số gọi chung là dịch vụ trên các nền tảng số."</i>	Không tiếp thu do đối tượng rộng, liên quan đến nhà cung cấp nước ngoài đã đăng ký, nộp thuế trực tiếp trên công.

Điều	Nội dung tại dự thảo lấy ý kiến rộng rãi	Ý kiến các đơn vị	Giải trình/tiếp thu
		<i>Thời điểm lập hóa đơn là thời điểm hoàn thành việc đối soát dữ liệu giữa các bên nhưng chậm nhất không quá 25 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ quy ước."</i> Lý do: Dịch vụ quảng cáo trên nền tảng số là dịch vụ công nghệ mới, xu hướng của xã hội hiện nay Việc sản xuất và phân phối chương trình trên hạ tầng số (bao gồm các nền tảng số của đối tác trong nước hoặc nước ngoài như Facebook, Youtube,...) có sự tham gia của nhiều đơn vị cùng vận hành để cung cấp dịch vụ (nhãn hàng, đại lý, nền tảng bên mua, nền tảng bên bán, đại lý giao dịch, chủ sở hữu nền tảng, bên đo lường khán giả, bên đo lường quảng cáo,...). Khâu đối soát nhiều bên tham gia, từ các SSP (nền tảng bên bán), DSP (nền tảng bên mua), Publiser (đơn vị phát hành, chủ sở hữu nền tảng) nên tốn nhiều thời gian hơn việc chỉ đối soát hai bên. Số liệu doanh thu trên các nền tảng mạng xã hội như Facebook, Youtube thường thông báo doanh thu sau ngày 20 của tháng N +1	

Điều	Nội dung tại dự thảo lấy ý kiến rộng rãi	Ý kiến các đơn vị	Giải trình/tiếp thu
	a) Đối với các trường hợp cung cấp <i>hàng hóa</i>, dịch vụ với số lượng lớn, phát sinh thường xuyên, cần có thời gian đối soát số liệu giữa doanh nghiệp <i>bán hàng hóa</i>, cung cấp dịch vụ và khách hàng, đối tác như trường hợp cung cấp dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không, cung ứng nhiên liệu hàng không cho các hãng hàng không, hoạt động cung cấp điện (trừ đối tượng quy định tại điểm h khoản này), nước, dịch vụ truyền hình, dịch vụ bưu chính chuyên phát (bao gồm cả dịch vụ đại lý, dịch vụ thu hộ, chi hộ), dịch vụ viễn thông (bao gồm cả dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng), dịch vụ logistic, dịch vụ công nghệ thông tin (trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này), <i>chứng khoán, bảo hiểm, xổ số điện toán và các trường hợp khác theo hướng dẫn của Bộ Tài chính</i> được bán theo kỳ nhất định, thời điểm lập hóa đơn là thời điểm hoàn thành việc đối soát dữ liệu giữa các bên nhưng chậm nhất không quá ngày 07 của tháng sau tháng phát sinh việc cung cấp dịch vụ hoặc không quá 07 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ quy ước. Kỳ quy ước để làm căn cứ tính lượng hàng hóa, dịch vụ cung cấp căn cứ thỏa thuận giữa đơn vị bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ với người mua.	- Đài THVN: Đề xuất bổ sung dịch vụ quảng cáo truyền hình. Lý do: Đài THVN cung cấp dịch vụ quảng cáo truyền hình thuộc đối tượng cung cấp hàng hóa, dịch vụ với số lượng lớn, phát sinh thường xuyên, cần có thời gian đối soát giữa Đài và khách hàng, đối tác. Tại Công văn số 2826/TCT-CS ngày 04/8/2022, Tổng cục Thuế đã đồng ý Đài THVN áp dụng điểm a khoản 4 Điều 9 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP. - Bộ KH&CN: Bổ sung thêm “<i>dịch vụ vận chuyển trọn gói theo tháng</i>”. - UBND TP Hà Nội: Đề xuất bỏ quy định về thời điểm lập hóa đơn đối với “<i>dịch vụ viễn thông (bao gồm cả dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng)</i>” Lý do: Hiện tại, tiết a, b khoản 4 Điều 9 đều có quy định về thời điểm lập hóa đơn đối với dịch vụ viễn thông (bao gồm cả dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng) nên sẽ gây khó hiểu cho NNT khi áp dụng. Vì vậy, đề xuất hướng dẫn theo tiết b khoản 4 Điều 9 để phù hợp, thống nhất với khoản 2 Điều 8 Thông	Tiếp thu ý kiến Đài THVN, dự thảo bổ sung trường hợp “<i>dịch vụ quảng cáo truyền hình</i>” vào điểm a khoản 4 Điều 9. Không tiếp thu ý kiến Bộ KH&CN do chưa rõ thực tế thực hiện có vướng mắc gì. Dịch vụ viễn thông tại điểm a áp dụng đối với doanh nghiệp thực hiện dịch vụ viễn thông; trong khi điểm b áp dụng đối với các doanh nghiệp trung gian là 02 đối tượng khác nhau do đó, không tiếp thu ý kiến của UBND TP Hà Nội.

Điều	Nội dung tại dự thảo lấy ý kiến rộng rãi	Ý kiến các đơn vị	Giải trình/tiếp thu
		tư 219/2013/TT-BTC quy định về thời điểm xác định thuế GTGT. - UBND Bà Rịa – Vũng Tàu: Đề xuất bổ sung “xổ số kiến thiết” Lý do: Đối với loại hình kinh doanh của Công ty Xổ số kiến thiết cũng “cung cấp dịch vụ với số lượng lớn, phát sinh thường xuyên, cần có thời gian đối soát số liệu giữa doanh nghiệp cung cấp dịch vụ và khách hàng, đối tác” (là các đại lý vé số), vé số được bán theo kỳ nhất định (định kỳ quay số mở thưởng hàng tuần), nhưng hoạt động xổ số kiến thiết không được liệt kê vào đối tượng được áp dụng “thời điểm lập hóa đơn là thời điểm hoàn thành việc đối soát dữ liệu giữa các bên nhưng chậm nhất không quá ngày 07 kể từ ngày kết thúc kỳ quy ước” (quy định tại điểm a khoản 4 Điều 9 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP). Do đó, thời điểm lập hóa đơn đối với bán hàng hóa của Công ty xổ số kiến thiết là thời điểm chuyển giao vé số cho Đại lý, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền. (theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP).	Đã có quy định về thời điểm lập hóa đơn đối với vé xổ số tại điểm p khoản 4 Điều 9.

Điều	Nội dung tại dự thảo lấy ý kiến rộng rãi	Ý kiến các đơn vị	Giải trình/tiếp thu
		- UBND TP Hải Phòng: đề xuất bổ sung <i>dịch vụ giáo dục</i> vì doanh thu của cơ sở giáo dục phát sinh theo từng kỳ, đối tượng sử dụng dịch vụ giáo dục là học sinh, sinh viên có số lượng phát sinh lớn. - Cục Thuế tỉnh Hà Giang (<i>tham gia theo công văn số 2754/UBND-KTTH ngày 30/8/2023 của UBND tỉnh Hà Giang</i>): Đề xuất sửa: <i>"Đối với các trường hợp cung cấp hàng hóa, dịch vụ với số lượng lớn, phát sinh thường xuyên, cần có thời gian đối soát số liệu giữa doanh nghiệp đơn vị.."</i> - Cục Thuế tỉnh Bình Thuận (<i>tham gia theo công văn số 4518/VP-TH ngày 12/9/2023 của UBND tỉnh Bình Thuận</i>): đề xuất bổ sung: <i>"a) Đối với các trường hợp cung cấp hàng hóa, dịch vụ với số lượng lớn, phát sinh thường xuyên, cần có thời gian đối soát số liệu giữa doanh nghiệp bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ và khách hàng, đối tác như trường hợp cung cấp dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không, cung ứng nhiên liệu hàng không cho các hãng hàng"</i>	Không tiếp thu ý kiến UBND TP Hải Phòng do chưa rõ vướng mắc. Không tiếp thu do đây là các dịch vụ do các doanh nghiệp thực hiện. Không tiếp thu do đã quy định là trường hợp <i>cung cấp hàng hóa, dịch vụ với số lượng lớn, phát sinh thường xuyên, cần có thời gian đối soát số liệu</i>, điện mái nhà chỉ bán cho khách hàng duy nhất là Công ty Điện lực nên không thuộc phạm vi điều chỉnh tại điểm này. Do đó, không cần thiết phải loại trừ.

Điều	Nội dung tại dự thảo lấy ý kiến rộng rãi	Ý kiến các đơn vị	Giải trình/tiếp thu
		<i>không, hoạt động cung cấp điện (trừ đối tượng quy định tại điểm h khoản này và trừ điện một trời trên mái nhà, điện gắn với thuê mặt bằng, văn phòng,..). ..”</i> Lý do: vì điện mái nhà chỉ bán cho khách hàng duy nhất là Công ty Điện lực hay gắn với người thuê mặt bằng (tương tự cấp nước) nên cung cấp điện, nước trong trường hợp này không thuộc hàng hóa đặc thù.	
	c) Đối với hoạt động xây dựng, lắp đặt, thời điểm lập hóa đơn là thời điểm nghiệm thu, bàn giao công trình, hạng mục công trình, khối lượng xây dựng, lắp đặt hoàn thành, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.	- Bộ GTVT: Việc quy định này là chưa phù hợp với thực tiễn, do các thời điểm nêu trên mới chỉ xác định được khối lượng công việc thi công hoàn thành (tại một thời điểm), cần một thời gian nhất định để các bên xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành, do đó, đề nghị điều chỉnh như sau: <i>“Đối với hoạt động xây dựng, lắp đặt, thời điểm lập hóa đơn là thời điểm các bên ký Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành để nghị thanh toán, giá trị quyết toán dự án hoàn thành (quyết toán A-B), không</i>	Không tiếp thu do thời điểm các bên nghiệm thu là đã có cơ sở để lập hóa đơn.

Điều	Nội dung tại dự thảo lấy ý kiến rộng rãi	Ý kiến các đơn vị	Giải trình/tiếp thu
		<i>phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền”.</i>	
	m) Đối với kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi có sử dụng phần mềm tính tiền theo quy định của pháp luật: - Tại thời điểm kết thúc chuyến đi, doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi có sử dụng phần mềm tính tiền thực hiện <i>lập hóa đơn điện tử theo quy định và gửi dữ liệu về cơ quan thuế</i>. gửi các thông tin của chuyến đi cho khách hàng và gửi về cơ quan thuế theo định dạng dữ liệu của cơ quan thuế. Các thông tin <i>trên hóa đơn</i> gồm: tên đơn vị kinh doanh vận tải, biển kiểm soát xe, cự ly chuyến đi (tính theo km) và tổng số tiền hành khách phải trả. - Trường hợp khách hàng lấy hóa đơn điện tử thì khách hàng cập nhật hoặc gửi các thông tin đầy đủ (tên, địa chỉ, mã số thuế) vào phần mềm hoặc đơn vị cung cấp dịch vụ. Căn cứ thông tin khách hàng gửi hoặc cập nhật, doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi có sử dụng phần mềm tính tiền thực hiện gửi hóa đơn của chuyến đi cho khách hàng, đồng thời chuyển dữ liệu hóa đơn đến cơ quan thuế theo quy định tại Điều 22 Nghị định này.	- Bộ Công an: Cần nhắc về việc sửa đổi theo hướng bỏ các quy định lập hóa đơn của cơ sở kinh doanh thương mại bán lẻ, ăn uống (điểm g), vận tải taxi (điểm m) để đảm bảo theo dõi đầy đủ và có cơ sở để xem xét, đối soát giao dịch phát sinh của cơ sở kinh doanh với nội dung tổng hợp của doanh nghiệp có các cơ sở kinh doanh này.	Dự thảo lấy ý kiến đã bỏ quy định về thời điểm lập hóa đơn đối với cơ sở thương mại bán lẻ, ăn uống do đây là đối tượng áp dụng HĐĐT khởi tạo từ máy tính tiền quy định tại Điều 11 sự thảo Nghị định. Đối với vận tải taxi, dự thảo Nghị định đã hoàn thiện câu chữ theo các ý kiến tham gia.
	n) Đối với cơ sở y tế kinh doanh dịch vụ khám chữa bệnh có sử dụng phần mềm quản lý khám chữa bệnh và quản lý viện phí, từng giao dịch khám, chữa bệnh và thực hiện các dịch vụ chụp, chiếu, xét nghiệm có in phiếu thu tiền (thu viện phí hoặc tiền khám, xét nghiệm) và có lưu trên	- Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa (tham gia theo công văn số 12834/UBND-KTTC ngày 31/8/2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa): Đề xuất sửa: “Đối với cơ sở y tế kinh doanh dịch vụ khám	Thời điểm lập hóa đơn đối với kinh doanh khám chữa bệnh được sửa đổi, bổ sung như sau: <i>Cơ sở y tế kinh doanh khám chữa bệnh lập hóa đơn khám chữa bệnh</i>

Điều	Nội dung tại dự thảo lấy ý kiến rộng rãi	Ý kiến các đơn vị	Giải trình/tiếp thu
	hệ thống công nghệ thông tin, nếu khách hàng (người đến khám, chữa bệnh) không có nhu cầu lấy hóa đơn thì cuối ngày cơ sở y tế căn cứ thông tin khám, chữa bệnh và thông tin từ phiếu thu tiền để tổng hợp lập hóa đơn điện tử cho các dịch vụ y tế thực hiện trong ngày, trường hợp khách hàng yêu cầu lập hóa đơn điện tử thì cơ sở y tế lập hóa đơn điện tử giao cho khách hàng. Đối với cơ sở y tế kinh doanh dịch vụ khám chữa bệnh để thanh toán kinh phí khám chữa bệnh từ Bảo hiểm xã hội thì thời điểm lập hóa đơn là thời điểm quyết toán kinh phí khám chữa bệnh theo tháng.	<i>chữa bệnh để thanh toán kinh phí khám chữa bệnh từ Bảo hiểm xã hội thì thời điểm lập hóa đơn là thời điểm quyết toán kinh phí khám chữa bệnh theo tháng quý."</i>	<i>vào thời điểm hoàn thành cung cấp dịch vụ với cơ quan bảo hiểm xã hội (thời điểm được cơ quan bảo hiểm xã hội thanh, quyết toán chi phí khám chữa bệnh cho người có thẻ bảo hiểm y tế).</i>
	p) Đối với hoạt động cấp tín dụng, thời điểm lập hóa là thời điểm thực thu tiền lãi từ khách hàng. Đối với hoạt động đại lý đối ngoại tệ, hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế của tổ chức tín dụng, thời điểm lập hóa đơn là thời điểm đối ngoại tệ, thời điểm hoàn thành dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ. Trường hợp cung cấp dịch vụ ngân hàng ngày lập hóa đơn thực hiện định kỳ theo hợp đồng giữa hai bên kèm bảng kê hoặc chứng từ khác có xác nhận của hai bên, nhưng chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng phát sinh hoạt động cung cấp dịch vụ.	- NHNN VN: Đề nghị xem xét bỏ nội dung "kèm bảng kê hoặc chứng từ khác có xác nhận của hai bên" tại đoạn 2. Vì mỗi biến động trên tài khoản của khách hàng đều được thông báo theo nhiều kênh khác nhau (SMS, email, mobile app,...). - Cục Thuế Bắc Giang (tham gia theo công văn số 4992/UBND-KTTH ngày 31/8/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang): Đề nghị sửa: "Đối với hoạt động cấp tín dụng, thời điểm lập hóa đơn là thời điểm thực thu từ khách hàng".	- Tiếp thu đã sửa đổi - Tiếp thu ý kiến Cục Thuế tỉnh Bắc Giang

Điều	Nội dung tại dự thảo lấy ý kiến rộng rãi	Ý kiến các đơn vị	Giải trình/tiếp thu
	q) Phương án 1: Đối với hoạt động kinh doanh vé xổ số truyền thống, xổ số biết kết quả ngay (vé xổ số) theo hình thức bán vé số in sẵn đủ mệnh giá cho khách hàng thì hàng ngày sau khi thu hồi vé xổ số không tiêu thụ hết và chậm nhất là trước khi mở thưởng, doanh nghiệp kinh doanh xổ số kiến thiết lập một (01) hóa đơn GTGT điện tử có mã của cơ quan thuế (hóa đơn không ghi tên khách hàng) cho vé xổ số được bán trong ngày gửi cơ quan thuế cấp mã cho hóa đơn. Phương án 2: không bổ sung điểm này (Doanh nghiệp xổ số lập hóa đơn khi giao xổ số cho các doanh nghiệp, hộ kinh doanh là đại lý. Trường hợp có số lượng vé xổ số thu hồi cuối ngày thì lập hóa đơn điều chỉnh theo quy định).	1. Lựa chọn phương án 1 gồm: - Bộ Quốc phòng, Bộ TN&MT, Bộ Công an, UBND tỉnh Hòa Bình: Lý do: + Bộ Quốc phòng: phản ánh đúng thời điểm ghi nhận doanh thu theo quy định, đơn giản hóa thủ tục về hóa đơn, chứng từ. - UBND Lạng Sơn, Hòa Bình, TP Hà Nội, Khánh Hòa, Điện Biên, Sóc Trăng, TP Hải Phòng, TP Đà Nẵng. - Sở Tài chính Phú Thọ, Trà Vinh, Hậu Giang, Yên Bái - Cục Thuế tỉnh Hà Giang, Tuyên Quang, Quảng Ninh, Vĩnh Phúc, Vĩnh Long, Đồng Tháp, Ninh Bình, Kiên Giang, Quảng Trị, Phú Yên, Lào Cai. - Lựa chọn phương án 2 gồm: - UBND Thừa Thiên Huế, Kon Tum, Bà Rịa – Vũng Tàu - Sở Tài chính Thái Nguyên, Hưng Yên - Cục Thuế Bắc Ninh, Quảng Ngãi, Lâm Đồng, Thanh Hóa, Tiền Giang, Cà Mau, Cần Thơ, Long An, Bình Thuận.	Đã hoàn thiện theo phương án 1 trên cơ sở các ý kiến tham gia và phù hợp thực tế

Điều	Nội dung tại dự thảo lấy ý kiến rộng rãi	Ý kiến các đơn vị	Giải trình/tiếp thu
		- Bộ Nội vụ: đề nghị đánh giá về việc lựa chọn phương án và ý kiến của cơ quan soạn thảo tại Tờ trình và Báo cáo đánh giá tác động nhằm bảo đảm sự phù hợp, hiệu quả trong hoạt động quản lý hóa đơn, chứng từ.	
	<i>r) Đối với hoạt động kinh doanh casino và trò chơi điện tử có thưởng, kinh doanh giải trí có đặt cược, thời điểm lập hóa đơn là thời điểm cuối ngày, trường hợp trong ngày số tiền thu được từ đổi đồng tiền quy ước nhỏ hơn số tiền đổi trả lại người chơi thì:</i> <i>Phương án 1: Không xuất hóa đơn, chênh lệch giữa số tiền thu được và số tiền đổi trả lại người chơi được bù trừ cho việc xác định doanh thu tính thuế và xuất hóa đơn cho các ngày tiếp theo.</i> <i>Phương án 2: Xuất hóa đơn âm số chênh lệch giữa số tiền thu được và số tiền đổi trả lại người chơi."</i>	1. Lựa chọn phương án 1 gồm: - UBND Lạng Sơn, TP Hà Nội, TP Hải Phòng, Sóc Trăng. - Sở Tài chính Hưng Yên - Cục Thuế Bắc Ninh, Tiên Giang, Cà Mau, Kiên Giang. 2. Lựa chọn phương án 2 gồm: - Bộ TT&TT, Bộ Công an, UBND tỉnh Kon Tum + <i>Bộ Công an:</i> phương án 2 để đảm bảo có hóa đơn ghi nhận tất cả các giao dịch phát sinh từng ngày và có cơ sở để tổng hợp đầy đủ thông tin bán hàng, dịch vụ trong tháng. - UBND Thừa Thiên Huế, Kon Tum, Bà Rịa – Vũng Tàu, Đà Nẵng, Khánh Hòa, Điện Biên - Sở Tài chính Thái Nguyên, Phú Thọ, Trà Vinh, Hậu Giang, Yên Bái	Sau khi lấy ý kiến các doanh nghiệp casino, kinh doanh trò chơi có thưởng đã sửa đổi, bổ sung quy định xuất hóa đơn hoạt động kinh doanh casino, trò chơi điện tử có thưởng như sau: Sửa tại Điều 4 Nguyên tắc lập hóa đơn: 10. Doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh casino, trò chơi điện tử có thưởng phải lập chứng từ điện tử và chuyển dữ liệu đến cơ quan thuế theo Mẫu số 01/TH-DT quy định tại Nghị định này để ghi nhận số tiền thu được do đổi đồng tiền quy ước cho người chơi tại quầy, tại bàn chơi và số tiền thu tại máy trò chơi điện tử có thưởng trừ đi số tiền đổi trả cho người chơi do người chơi trúng thưởng hoặc người chơi không sử dụng hết trong ngày xác định doanh thu

Điều	Nội dung tại dự thảo lấy ý kiến rộng rãi	Ý kiến các đơn vị	Giải trình/tiếp thu
		- Cục Thuế Ninh Bình, Hà Giang, Tuyên Quang, Quảng Ninh, Vĩnh Long, Cần Thơ, Đồng Tháp, Long An, Bình Thuận, Vĩnh Phúc, Lâm Đồng, Thanh Hóa. 3. Ý kiến khác - Bộ Nội vụ: đề nghị đánh giá về việc lựa chọn phương án và ý kiến của cơ quan soạn thảo tại Tờ trình và Báo cáo đánh giá tác động nhằm bảo đảm sự phù hợp, hiệu quả trong hoạt động quản lý hóa đơn, chứng từ. - UBND tỉnh Hòa Bình: Đề nghị sửa thành: “r) Đối với hoạt động kinh doanh casino và trò chơi điện tử có thưởng, kinh doanh giải trí có đặt cược, thời điểm lập hóa đơn là thời điểm chuyển giao đồng tiền quy ước,...”	<i>cùng thời điểm chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử. Ngày xác định doanh thu là khoảng thời gian từ 0 giờ 00 phút đến 23 giờ 59 phút cùng ngày.”</i> Và Điều 9 về thời điểm như sau: <i>“g) Đối với hoạt động kinh doanh casino và trò chơi điện tử có thưởng, doanh nghiệp kinh doanh casino, trò chơi điện tử có thưởng căn cứ vào tổng doanh thu thu được trên Mẫu số 01/TH-DT để lập hóa đơn chậm nhất là một (01) ngày kể từ thời điểm kết thúc ngày xác định doanh thu đồng thời chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử đến cơ quan thuế trong ngày lập hóa đơn.”</i> Thuế GTGT, thuế TTĐB là thuế gián thu, thuế GTGT, TTĐB của hoạt động casino là loại thuế khai theo tháng. Giá tính thuế GTGT, TTĐB là số tiền thu được từ hoạt động này trừ số tiền đã trả thưởng cho khách, do đó trường hợp số tiền trả thưởng cao hơn số tiền của khách thì khi xác định giá tính thuế GTGT và thuế TTĐB, cơ sở kinh doanh casino chỉ được trừ tối đa bằng

Điều	Nội dung tại dự thảo lấy ý kiến rộng rãi	Ý kiến các đơn vị	Giải trình/tiếp thu
			số tiền thu được của khách và không phải nộp thuế TTĐB.
Điều 10: Nội dung hóa đơn	5. Tên, địa chỉ, mã số thuế, mã số định danh của người mua ... b) Trường hợp người mua không có mã số thuế thì trên hóa đơn không phải thể hiện mã số thuế người mua; trường hợp người mua được cấp mã số định danh theo quy định pháp luật về định danh và xác thực điện tử thì thể hiện mã số định danh của người mua. Một số trường hợp bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ đặc thù cho người tiêu dùng là cá nhân quy định tại khoản 14 Điều này thì trên hóa đơn không phải thể hiện tên, địa chỉ người mua. Trường hợp bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng nước ngoài đến Việt Nam thì thông tin về địa chỉ người mua có thể được thay bằng thông tin về số hộ chiếu hoặc giấy tờ xuất nhập cảnh và quốc tịch của khách hàng nước ngoài.	- Bộ KH&CN: Trường hợp người mua được cấp mã số định danh theo quy định pháp luật về định danh và xác thực điện tử thì thể hiện mã số định danh của người mua => thể hiện tại mục nào trên hóa đơn? - Cục Thuế thành phố Cần Thơ (tham gia theo công văn số 3403/VPUB-KT ngày 11/9/2023 của UBND TP Cần Thơ): Đề xuất sửa: “b) Trường hợp người mua không có mã số thuế thì trên hóa đơn không phải thể hiện mã số thuế người mua; trường hợp người mua được cấp mã số định danh theo quy định pháp luật về định danh và xác thực điện tử thì thể hiện mã số định danh của người mua; trường hợp người mua là khách lẻ không có nhu cầu lấy hóa đơn thì trên hóa đơn không phải thể hiện Tên, địa chỉ, mã số thuế, mã số định danh của người mua...” Vì hiện nay nhiều người mua không có nhu cầu lấy hóa đơn nên người bán sẽ	Đã tiếp thu hoàn thiện tại dự thảo Nghị định. Mã số định danh được hướng dẫn thể hiện tại trường “Mã số thuế” trên hóa đơn. Tiếp thu ý kiến Cục Thuế thành phố Cần Thơ sửa đổi khoản 6 Điều 10 như sau: “b) Trường hợp người mua không có mã số thuế thì trên hóa đơn không phải thể hiện mã số thuế người mua. Một số trường hợp bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ đặc thù cho người tiêu dùng là cá nhân quy định tại khoản 14 Điều này thì trên hóa đơn không phải thể hiện tên, địa chỉ người mua. Trường hợp bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng nước ngoài đến Việt Nam thì thông tin về địa chỉ người mua có thể được thay bằng thông tin về số hộ chiếu hoặc giấy tờ xuất nhập cảnh và quốc tịch của khách hàng nước

Điều	Nội dung tại dự thảo lấy ý kiến rộng rãi	Ý kiến các đơn vị	Giải trình/tiếp thu
		không có được các thông tin của người mua để điền vào hóa đơn	ngoài. <i>Trường hợp người mua cung cấp mã số thuế, số định danh cá nhân thì trên hóa đơn phải thể hiện mã số thuế, số định danh cá nhân.</i>
	Khoản 6		
	a) Tên, đơn vị tính, số lượng, đơn giá hàng hóa, dịch vụ - Tên hàng hóa, dịch vụ: Trên hóa đơn phải thể hiện tên hàng hóa, dịch vụ bằng tiếng Việt. Trường hợp bán hàng hóa có nhiều chủng loại khác nhau thì tên hàng hóa thể hiện chi tiết đến từng chủng loại (ví dụ: điện thoại Samsung, điện thoại Nokia...). Trường hợp hàng hóa phải đăng ký quyền sử dụng, quyền sở hữu thì trên hóa đơn phải thể hiện các số hiệu, ký hiệu đặc trưng của hàng hóa mà khi đăng ký pháp luật có yêu cầu. Ví dụ: Số khung, số máy của ô tô, mô tô, địa chỉ, cấp nhà, chiều dài, chiều rộng, số tầng của một ngôi nhà... <i>Trường hợp kinh doanh vận tải thì trên hoá đơn phải thể hiện biển kiểm soát phương tiện vận tải, hành trình (điểm đi - điểm đến), cự li chuyển đi tính theo km.</i>	- Cục Thuế tỉnh Quảng Ninh (tham gia theo công văn số 5691/VP.UBND-KTTC ngày 30/8/2023 của UBND tỉnh Quảng Ninh), Sở Tài chính Hưng Yên (tham gia theo công văn số 2368/UBND-TH ngày 30/8/2023 của UBND tỉnh Hưng Yên) : Đề xuất bỏ đoạn "Trường hợp kinh doanh vận tải thì trên hóa đơn phải thể hiện biển kiểm soát phương tiện vận tải, hành trình (điểm đi - điểm đến), cự ly chuyển đi tính theo km." do không phù hợp thực tiễn kinh doanh dẫn đến khó cho cả NNT và cả cơ quan quản lý. Thực tế trong kinh doanh vận tải, biển kiểm soát phương tiện, cự ly có thể thay đổi và khó tính chính xác (do hỏng xe phải đổi xe khác, do tắc đường phải thay đổi cung đường hoặc rẽ hướng để nghỉ, dừng, đỗ giữa đường...).	Tiếp thu ý kiến bỏ nội dung "cự ly chuyển đi tính theo km" và sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 10 như sau: <i>Trường hợp kinh doanh dịch vụ vận tải thì trên hoá đơn phải thể hiện biển kiểm soát phương tiện vận tải, hành trình (điểm đi - điểm đến). Đối với doanh nghiệp kinh doanh vận tải cung cấp dịch vụ vận tải hàng hóa trên nền tảng số, hoạt động thương mại điện tử thì phải thể hiện tên hàng hóa vận chuyển, thông tin tên, địa chỉ, mã số thuế hoặc số định danh người gửi hàng.</i>
	- Đơn vị tính: Người bán căn cứ vào tính chất, đặc điểm của hàng hóa để xác định tên của hàng hóa thể hiện trên	- Bộ KH&CN : Trong trường hợp người bán cung cấp dịch vụ và đã đề	Không tiếp thu do thực tế không có vướng mắc trong quá trình thực hiện.

Điều	Nội dung tại dự thảo lấy ý kiến rộng rãi	Ý kiến các đơn vị	Giải trình/tiếp thu
	hóa đơn theo đơn vị tính là đơn vị đo lường (ví dụ như: tấn, tạ,...) Đối với dịch vụ thì trên hóa đơn không nhất thiết phải có tiêu thức “đơn vị tính” mà đơn vị tính xác định theo từng lần cung cấp dịch vụ và nội dung dịch vụ cung cấp.	trồng tiêu thức “đơn vị tính” thì được quyền để trống thêm tiêu thức “số lượng”. Đề nghị quy định rõ hoặc bổ sung vào điểm này cho phù hợp	
	- Số lượng hàng hóa, dịch vụ: Người bán ghi số lượng bằng chữ số A-rập căn cứ theo đơn vị tính nêu trên. <i>Trường hợp cung cấp các loại hàng hóa, dịch vụ đặc thù như điện, nước, dịch vụ viễn thông, dịch vụ công nghệ thông tin, dịch vụ truyền hình, dịch vụ bưu chính chuyển phát, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm được lập theo kỳ nhất định và các dịch vụ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính được lập hóa đơn sau khi đối soát dữ liệu thì người bán được sử dụng bảng kê để liệt kê các loại hàng hóa, dịch vụ đã bán kèm theo hóa đơn; bảng kê được lưu giữ cùng hóa đơn để phục vụ việc kiểm tra, đối chiếu của các cơ quan có thẩm quyền.</i>	- Bộ KH&CN: Theo quy định: Đối với dịch vụ thì trên hóa đơn không nhất thiết phải có tiêu thức “đơn vị tính” mà đơn vị tính xác định theo từng lần cung cấp dịch vụ và nội dung dịch vụ cung cấp. Đề nghị quy định rõ hơn. - Cục Thuế tỉnh Bình Thuận (tham gia theo công văn số 4518/VP-TH ngày 12/9/2023 của UBND tỉnh Bình Thuận), Cục Thuế thành phố Cần Thơ (tham gia theo công văn số 3403/VPUB-KT ngày 11/9/2023 của UBND TP Cần Thơ): Bổ sung “ngành nghề y tế” được sử dụng bảng kê để phù hợp với thực tế. Lý do: + Cục Thuế tỉnh Bình Thuận: Lý do khi điều trị bệnh trong nhiều ngày tại cơ sở y tế (trường hợp không được chế độ BHXH) thì khi xuất viện mới thanh quyết /toán (tiền tạm ứng – chi phí thực tế) cho đợt điều trị. Đồng thời, tại công	- Quy định này kế thừa Thông tư 39/2014/TT-BTC và thực tế đang không phát sinh vướng mắc trong quá trình thực hiện. - Tiếp thu ý kiến Cục Thuế tỉnh Bình Thuận và Cục Thuế TP Cần Thơ sửa đổi: <i>“- Số lượng hàng hóa, dịch vụ: Người bán ghi số lượng bằng chữ số A-rập căn cứ theo đơn vị tính nêu trên. Trường hợp cung cấp các loại hàng hóa, dịch vụ đặc thù như điện, nước, dịch vụ viễn thông, dịch vụ công nghệ thông tin, dịch vụ truyền hình, dịch vụ bưu chính và chuyển phát, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, được lập theo kỳ nhất định quy ước, dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, và các trường hợp khác theo hướng dẫn của Bộ Tài chính được lập hóa đơn sau khi đối soát dữ liệu thì người bán được sử</i>

Điều	Nội dung tại dự thảo lấy ý kiến rộng rãi	Ý kiến các đơn vị	Giải trình/tiếp thu
		văn số 587/TCT-CS ngày 02/3/2022 của TCT có hướng dẫn trường hợp lập hóa đơn điện tử căn cứ vào bảng kê chi phí khám bệnh, chữa bệnh, do đó, đề nghị đưa nội dung hướng dẫn cụ thể vào văn bản QPPL. + Cục Thuế thành phố Cần Thơ: Theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 10 Nghị định 123, chỉ có những ngành đặc thù như điện, nước, dịch vụ viễn thông, dịch vụ công nghệ thông tin, dịch vụ truyền hình, dịch vụ bưu chính chuyển phát, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm được bán theo kỳ nhất định và đối với các dịch vụ xuất theo kỳ phát sinh, được sử dụng bảng kê để liệt kê các loại hàng hóa, dịch vụ đã bán kèm theo hóa đơn. Tuy nhiên đối với dịch vụ y tế trong cùng một dịch vụ cho một bệnh nhân đến khám thì có trên hai cơ quan bảo hiểm cùng chi trả là bảo hiểm y tế và các cơ quan bảo hiểm khác, như vậy bệnh viện phải xuất nhiều hóa đơn giao cho 01 (một) bệnh nhân để thực hiện thanh toán với các cơ quan bảo hiểm. - Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa (tham gia theo công văn số 12834/UBND-	<i>dụng bảng kê để liệt kê các loại hàng hóa, dịch vụ đã bán kèm theo hóa đơn; bảng kê được lưu giữ cùng hóa đơn để phục vụ việc kiểm tra, đối chiếu của các cơ quan có thẩm quyền."</i>

Điều	Nội dung tại dự thảo lấy ý kiến rộng rãi	Ý kiến các đơn vị	Giải trình/tiếp thu
		KTTC ngày 31/8/2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa): Đề xuất sửa: <i>“Số lượng hàng hóa, dịch vụ: Người bán ghi số lượng bằng chữ số Ả-rập căn cứ theo đơn vị tính nêu trên. Trường hợp cung cấp các loại hàng hóa, dịch vụ đặc thù như gồm cung cấp dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không, cung ứng nhiên liệu hàng không cho các hãng hàng không, điện, nước...”</i>	Không tiếp thu, do các dịch vụ như nhiên liệu cần ghi rõ số lượng, đơn vị tính.
	đ. Trường hợp cơ sở kinh doanh áp dụng hình thức chiết khấu thương mại dành cho khách hàng hoặc khuyến mại theo quy định của pháp luật thì phải thể hiện rõ khoản chiết khấu thương mại, khuyến mại trên hóa đơn. <i>Trường hợp việc chiết khấu thương mại căn cứ vào số lượng, doanh số hàng hóa, dịch vụ thì số tiền chiết khấu của hàng hóa, dịch vụ đã bán được tính điều chỉnh trên hóa đơn bán hàng hóa, dịch vụ của lần mua cuối cùng hoặc kỳ tiếp sau đảm bảo số tiền chiết khấu không vượt quá giá trị hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn của lần mua cuối cùng hoặc kỳ tiếp sau. Trường hợp số tiền chiết khấu được lập khi kết thúc chương trình (kỳ) chiết khấu hàng bán thì được lập hóa đơn điều chỉnh cho các hóa đơn đã lập. Căn cứ vào hóa đơn điều chỉnh, bên bán và bên mua kê khai điều chỉnh doanh thu mua, bán, thuế đầu ra, đầu vào. Việc xác định giá tính thuế GTGT (thành tiền chưa có thuế GTGT) trong trường hợp</i>	- Đài THVN: Đề xuất sửa: <i>“...Trường hợp việc chiết khấu thương mại căn cứ vào số lượng, doanh số hàng hóa, dịch vụ thì số tiền chiết khấu của hàng hóa, dịch vụ đã bán được tính điều chỉnh trên hóa đơn bán hàng hóa, dịch vụ của lần mua cuối cùng hoặc kỳ tiếp sau hoặc khi kết thúc chương trình đảm bảo số tiền chiết khấu không vượt quá giá trị hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn của lần mua cuối cùng hoặc kỳ tiếp sau. Trường hợp số tiền chiết khấu thương mại lớn hơn giá trị hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn của lần mua cuối cùng hoặc kỳ tiếp sau hoặc số tiền chiết khấu được lập khi kết thúc chương trình (kỳ) thì số</i>	Tiếp thu ý kiến <i>“hóa đơn chiết khấu thương mại không phải hóa đơn sai sót”</i> Quy định về lập hóa đơn chiết khấu thương mại được quy định tại khoản 4 Điều 19 dự thảo Nghị định quy định về lập hóa đơn điều chỉnh trong một số trường hợp (không phải do lập sai). Sửa đổi theo hướng: <i>“được lập hóa đơn điều chỉnh kèm theo bảng kê các số hóa đơn cần điều chỉnh.”</i> Về cơ bản tiếp thu các ý kiến, bổ sung quy định tại khoản 4 và khoản 5 cụ thể như sau:

Điều	Nội dung tại dự thảo lấy ý kiến rộng rãi	Ý kiến các đơn vị	Giải trình/tiếp thu
	áp dụng chiết khấu thương mại dành cho khách hàng hoặc khuyến mại thực hiện theo quy định của pháp luật thuế GTGT.	<i>tiền chiết khấu của hàng hóa, dịch vụ được lập một hóa đơn riêng.</i> Lý do: Đề nghị bổ sung trường hợp số tiền chiết khấu thương mại lớn hơn giá trị hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn của lần mua cuối cùng hoặc kỳ tiếp sau Trường hợp số tiền chiết khấu được lập khi kết thúc chương trình (kỳ) cũng phải được xuất hóa đơn như trường hợp xuất ở lần mua cuối cùng hoặc kỳ tiếp sau, vì đây vẫn là hóa đơn chiết khấu thương mại chứ không phải sai sót, do đó không phải xuất hóa đơn điều chỉnh và kê khai điều chỉnh. - UBND Hà Nam: đề nghị sửa “trường hợp số tiền chiết khấu được lập khi kết thúc chương trình (kỳ) chiết khấu hàng bán thì được lập hóa đơn điều chỉnh cho các hóa đơn đã lập” thành “trường hợp số tiền chiết khấu được lập khi kết thúc chương trình (kỳ) chiết khấu hàng bán thì được lập 01 hóa đơn điều chỉnh cho các hóa đơn đã lập” hoặc xem xét cách lập hóa đơn liên quan đến chiết khấu khác tạo thuận lợi cho người nộp thuế, do các phần mềm hóa đơn điện tử thực tế người nộp thuế sử dụng	Khoản 4 sửa đổi, bổ sung như sau: <i>b) Trường hợp việc chiết khấu thương mại căn cứ vào số lượng, doanh số hàng hóa, dịch vụ thì số tiền chiết khấu của hàng hóa, dịch vụ đã bán được tính điều chỉnh trên hóa đơn bán hàng hóa, dịch vụ của lần mua cuối cùng hoặc kỳ tiếp sau đảm bảo số tiền chiết khấu không vượt quá giá trị hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn của lần mua cuối cùng hoặc kỳ tiếp sau hoặc được lập hóa đơn điều chỉnh kèm theo bảng kê các số hóa đơn cần điều chỉnh, số tiền, tiền thuế điều chỉnh. Bảng kê được lưu tại đơn vị và xuất trình khi cơ quan thuế hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu. Căn cứ vào hóa đơn điều chỉnh, bên bán và bên mua kê khai điều chỉnh doanh thu mua, bán, thuế đầu ra, đầu vào tại kỳ lập hóa đơn điều chỉnh.</i> Khoản 5 sửa đổi, bổ sung: <i>d) Hóa đơn điều chỉnh đối với trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều này thì người bán kê khai vào kỳ phát sinh hóa đơn điều chỉnh, người mua kê</i>

Điều	Nội dung tại dự thảo lấy ý kiến rộng rãi	Ý kiến các đơn vị	Giải trình/tiếp thu
		chưa có chức năng lập 01 hóa đơn điều chỉnh cho nhiều hóa đơn. - UBND TP Đà Nẵng: Đề xuất có quy định cụ thể đối với trường hợp: + Đề nghị làm rõ hơn trường hợp số tiền chiết khấu vượt quá giá trị hàng hóa dịch vụ của lần mua cuối cùng thì xử lý thế nào. - UBND Khánh Hòa, TP Đà Nẵng, TP Hải Phòng; Cục Thuế Cần Thơ, Quảng Ninh, Vĩnh Phúc : Trường hợp số tiền chiết khấu được lập khi kết thúc chương trình (kỳ) chiết khấu hàng bán thì được lập hóa đơn điều chỉnh cho các hóa đơn đã lập thì thực hiện kê khai đối với hóa đơn điều chỉnh tại kỳ nào? Có quy định giống với kê khai hóa đơn sai sót hay không?. Đề xuất: (1) Trường hợp chiết khấu thương mại được lập khi kết thúc chương trình (kỳ) khuyến mại, kiến nghị nên quy định theo hướng bên bán có thể lập một hóa đơn điều chỉnh ghi rõ là giảm doanh thu (hóa đơn âm) của tất cả các hóa đơn đã xuất của chương trình khuyến mại cho khách hàng tại thời điểm kết thúc; người mua và người bán điều chỉnh từ	<i>khai vào kỳ nhận được hóa đơn điều chỉnh.</i>

Điều	Nội dung tại dự thảo lấy ý kiến rộng rãi	Ý kiến các đơn vị	Giải trình/tiếp thu
		khai thuế tại kỳ xuất hóa đơn điều chỉnh để giảm bớt thủ tục kê khai bổ sung cho cả bên mua và bên bán. (2) Căn cứ vào hóa đơn điều chỉnh, bên bán kê khai điều chỉnh doanh thu, thuế đầu ra tại kỳ lập hóa đơn điều chỉnh và bên mua kê khai, điều chỉnh giá trị hàng hóa, dịch vụ, thuế đầu vào tại thời điểm hóa đơn đảm bảo đúng, đầy đủ về hình thức và nội dung theo quy định tại Điều 10 Nghị định này. (3) Căn cứ vào hóa đơn điều chỉnh, bên bán và bên mua kê khai điều chỉnh doanh thu mua, bán, thuế đầu ra, đầu vào tại kỳ lập hóa đơn điều chỉnh. - Cục Thuế TP. HCM (tham gia theo công văn số 9578/VP-KT 06/9/2023 của UBND TP HCM) : Bổ sung quy định rõ về số tiền chiết khấu thương mại thì người nộp thuế khi lập hóa đơn chọn định dạng theo quy định về thành phần chứa dữ liệu nghiệp vụ HĐĐT và ghi số tiền (ghi dương), Hệ thống HĐĐT của cơ quan thuế sẽ tự động ghi nhận giảm số tiền chiết khấu tương ứng với doanh thu bán hàng. - Lý do:	

Điều	Nội dung tại dự thảo lấy ý kiến rộng rãi	Ý kiến các đơn vị	Giải trình/tiếp thu
		Hiện nay, người bán lo lắng về việc CQT hướng dẫn lập HĐ CKTM chọn giá trị số 3 theo quy định về thành phần chứa dữ liệu nghiệp vụ HĐĐT và ghi số tiền (ghi dương) thì có được giảm trừ doanh thu, còn người mua khi nhận HĐĐT với định dạng file XML trên hóa đơn có ghi giá trị âm phần chiết khấu thương mại sẽ thắc mắc với dữ liệu theo quy định tại thành phần chứa dữ liệu ghi dương (theo Quyết định 1450/QĐ-TCT 07/10/2021).	
	9. Thời điểm ký số trên hóa đơn điện tử là thời điểm người bán, người mua sử dụng chữ ký số để ký trên hóa đơn điện tử được hiển thị theo định dạng <i>giờ</i>, ngày, tháng, năm của năm dương lịch. Trường hợp hóa đơn điện tử đã lập có thời điểm ký số trên hóa đơn khác thời điểm lập hóa đơn thì <i>thời điểm lập hóa đơn và thời điểm ký số cách nhau tối đa không quá 24h và thời điểm để khai thuế đối với người bán là thời điểm lập hóa đơn, thời điểm khai thuế đối với người mua là thời điểm hóa đơn đảm bảo đúng, đầy đủ về hình thức và nội dung theo quy định tại Điều 10 Nghị định này.</i>	- Bộ Thông tin & Truyền thông: đề xuất thống nhất thời điểm ký số cho cả người bán và người mua để dễ quản lý. Ví dụ có thể phát sinh trường hợp thời điểm lập hóa đơn ngày 31/3 nhưng ký số ngày 01/4, mặc dù có thể không quá 24 giờ nhưng sẽ kê khai lệch tháng, khó khăn trong công tác quản lý. - Cục Thuế tỉnh Ninh Bình (tham gia ý kiến theo công văn số 669/UBND-VP5 ngày 05/9/2023 của UBND tỉnh Ninh Bình): Quy định rõ “<i>thời điểm hóa đơn đảm bảo đúng, đầy đủ về hình thức và nội dung</i>” là thời điểm cụ thể và được thể hiện trên hóa đơn như thế nào theo định dạng ngày/tháng/năm.	Cơ bản tiếp thu ý kiến của các đơn vị sửa đổi Dự thảo Nghị định theo hướng bổ sung về thời điểm ký số trên hóa đơn điện tử như sau: <i>“9. Thời điểm ký số trên hóa đơn điện tử là thời điểm người bán, người mua sử dụng chữ ký số để ký trên hóa đơn điện tử được hiển thị theo định dạng ngày, tháng, năm của năm dương lịch. Trường hợp hóa đơn điện tử đã lập có thời điểm ký số trên hóa đơn khác thời điểm lập hóa đơn thì thời điểm khai thuế là thời điểm lập hóa đơn thời điểm ký số và thời điểm gửi cơ quan thuế cấp mã đối với hóa đơn có mã của cơ quan thuế hoặc thời điểm chuyển dữ</i>

Điều	Nội dung tại dự thảo lấy ý kiến rộng rãi	Ý kiến các đơn vị	Giải trình/tiếp thu
		Lý do: Theo quy định tại Nghị định số 123/2020/NĐ-CP thì trên hóa đơn chỉ quy định bắt buộc thể hiện 2 thời điểm là “thời điểm ký số” và “thời điểm lập hóa đơn”, không có quy định về “thời điểm hóa đơn đảm bảo đúng, đầy đủ về hình thức và nội dung”. Vì vậy, người mua sẽ khó khăn trong việc xác định được thời điểm kê khai thuế. - UBND TP Hải Phòng; Cục Thuế tỉnh Quảng Nam (<i>tham gia theo công văn số 5885/UBND-KTTH ngày 31/8/2023 của UBND tỉnh Quảng Nam</i>): Trường hợp NNT ký số trên hóa đơn sau 24h kể từ thời điểm ký thì hóa đơn có hợp lệ không? Trường hợp hóa đơn vẫn được coi là hợp lệ thì NNT có bị xử phạt VPHC về hành vi ký số chậm quá thời hạn quy định không? Hiện nay Nghị định 125/2020/NĐ-CP chưa quy định xử phạt đối với hành vi này. Đề xuất: Trường hợp hóa đơn điện tử có ngày lập và ngày ký số trên hóa đơn nếu lớn hơn 24h thì cơ quan thuế từ chối không cấp mã hóa đơn. - Cục Thuế tỉnh Quảng Ngãi (<i>tham gia theo công văn số 4276/UBND-</i>	<i>liệu hóa đơn điện tử đến cơ quan thuế đối với hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế chậm nhất là ngày làm việc tiếp theo kể từ thời điểm lập hóa đơn (trừ trường hợp gửi dữ liệu theo bảng tổng hợp quy định tại điểm a.1 khoản 3 Điều 22 Nghị định 123/2020/NĐ-CP). Người bán khai thuế theo thời điểm lập hóa đơn; thời điểm khai thuế đối với người mua là thời điểm nhận hóa đơn đảm bảo đúng, đầy đủ về hình thức và nội dung theo quy định tại Điều 10 Nghị định này.”</i>

Điều	Nội dung tại dự thảo lấy ý kiến rộng rãi	Ý kiến các đơn vị	Giải trình/tiếp thu
		KTTH ngày 31/8/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi) : đề nghị sửa đổi như sau <i>"9. Thời điểm ký số trên hóa đơn điện tử là thời điểm người bán....Trường hợp hóa đơn điện tử đã lập có thời điểm ký số trên hóa đơn khác thời điểm lập hóa đơn thì thời điểm lập hóa đơn và thời điểm ký số cách nhau tối đa không quá 24h và thời điểm để khai thuế đối với người bán là thời điểm lập hóa đơn, thời điểm khai thuế đối với người mua là thời điểm hóa đơn đảm bảo đúng, đầy đủ về hình thức và nội dung theo quy định tại Điều 10 Nghị định này."</i> Lý do: quy định về kê khai thuế đối với hàng hóa dịch vụ mua vào đã được quy định tại Luật quản lý thuế số 38/2019/QH19 của Quốc Hội và các văn bản hướng dẫn thi hành đã ban hành kèm theo.	
	Khoản 13		
	c) Đồng tiền ghi trên hóa đơn là Đồng Việt Nam, ký hiệu quốc gia là "đ". - Trường hợp nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh bằng ngoại tệ theo quy định của pháp luật về ngoại hối thì đơn	- Cục Thuế tỉnh Quảng Ninh (<i>tham gia theo công văn số 5691/VP.UBND-KTTC ngày 30/8/2023 của UBND tỉnh Quảng Ninh</i>): Đề nghị sửa lại như sau: <i>"- Trường hợp nghiệp vụ kinh tế,</i>	Sau khi rà soát, thì việc tỷ giá được quy định tại pháp luật quản lý thuế và các pháp luật khác. Do đó, bỏ nội dung sửa đổi tại khoản này.

Điều	Nội dung tại dự thảo lấy ý kiến rộng rãi	Ý kiến các đơn vị	Giải trình/tiếp thu
	giá, thành tiền, tổng số tiền thuế giá trị gia tăng theo từng loại thuế suất, tổng cộng tiền thuế giá trị gia tăng, tổng số tiền thanh toán được ghi bằng ngoại tệ, đơn vị tiền tệ ghi tên ngoại tệ. Người bán đồng thời thể hiện trên hóa đơn tỷ giá ngoại tệ với đồng Việt Nam theo tỷ giá theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành là tỷ giá mua của Ngân hàng Thương mại nơi người bán mở tài khoản, riêng trường hợp dầu thô và khí thiên nhiên bán tại thị trường Việt Nam được xác định giá ghi trên hợp đồng mua bán bằng đồng ngoại tệ tự do chuyển đổi phù hợp với thông lệ quốc tế và hợp đồng dầu khí thì chỉ tiêu đơn giá, thành tiền, tổng số tiền thuế giá trị gia tăng theo từng loại thuế suất, tổng cộng tiền thuế giá trị gia tăng, tổng số tiền thanh toán được ghi bằng ngoại tệ, đơn vị tiền tệ ghi tên ngoại tệ. Người bán đồng thời ghi trên hóa đơn tỷ giá quy đổi ngoại tệ với đồng Việt Nam là tỷ giá mua của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam. - Mã ký hiệu ngoại tệ theo tiêu chuẩn quốc tế (ví dụ: 13.800,25 USD - Mười ba nghìn tám trăm đô la Mỹ và hai mươi năm xu, ví dụ: 5.000,50 EUR- Năm nghìn ơ-rô và năm mươi xu). - Trường hợp bán hàng hóa phát sinh bằng ngoại tệ theo quy định của pháp luật về ngoại hối và được nộp thuế bằng ngoại tệ thì tổng số tiền thanh toán thể hiện trên hóa đơn theo ngoại tệ, không phải quy đổi ra đồng Việt Nam. "	<i>tài chính phát sinh bằng ngoại tệ theo quy định của pháp luật về ngoại hối...ngoại tệ. Người bán đồng thời thể hiện trên hóa đơn tỷ giá ngoại tệ với đồng Việt Nam là tỉ giá mua của ngân hàng thương mại nơi người bán mở tài khoản và nhận tiền hàng từ người mua⁽¹⁾, riêng trường hợp dầu thô và khí thiên nhiên....Ngân hàng thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam. Đối với hàng xuất khẩu, tỷ giá ghi theo tỷ giá tính thuế trên tờ khai hải quan. ⁽²⁾</i> - Mã ký hiệu ngoại tệ theo tiêu chuẩn quốc tế (ví dụ: 13.800,25 USD - Mười ba nghìn tám trăm đô la Mỹ và hai mươi năm xu, ví dụ: 5.000,50 EUR- Năm nghìn ơ-rô và năm mươi xu). " Lý do: (1) Quy định rõ ngân hàng nơi xác định tỷ giá ngoại tệ với đồng Việt Nam, tránh việc hiểu khác nhau trong xác định ngân hàng để xác định tỷ giá ngoại tệ. (2) Để thống nhất với pháp luật hải quan, thuận lợi cho hoạt động của doanh nghiệp và quản lý của cơ quan thuế. - Cục Thuế tỉnh Bình Định (tham gia theo công văn số 6358/UBND-TH	

Điều	Nội dung tại dự thảo lấy ý kiến rộng rãi	Ý kiến các đơn vị	Giải trình/tiếp thu
		<i>ngày 31/8/2023 của UBND tỉnh Bình Định</i>): đề nghị rà soát lại vì chưa có nội dung “quy đổi ra đồng Việt Nam” đối với trường hợp bán hàng hóa phát sinh bằng ngoại tệ, nhưng không thuộc trường hợp nộp thuế bằng ngoại tệ.	
	Khoản 14		
	c) Đối với hóa đơn điện tử bán hàng tại siêu thị, trung tâm thương mại mà người mua là cá nhân không kinh doanh thì trên hóa đơn không nhất thiết phải có tên, địa chỉ, mã số thuế người mua. Đối với hóa đơn điện tử bán xăng dầu cho khách hàng là cá nhân không kinh doanh thì không nhất thiết phải có các chỉ tiêu tên hóa đơn, ký hiệu mẫu số hóa đơn, ký hiệu hóa đơn, số hóa đơn; tên, địa chỉ, mã số thuế của người mua, chữ ký điện tử của người mua; chữ ký số, chữ ký điện tử của người bán, thuế suất thuế giá trị gia tăng.	- UBND Lạng Sơn: Đề nghị xem xét bỏ nội dung: “<i>tên hóa đơn, ký hiệu mẫu số hóa đơn, ký hiệu hóa đơn, số hóa đơn</i>”. Lý do: việc không yêu cầu những chỉ tiêu trên gây khó khăn trong việc kiểm soát, kiểm tra, quản lý số lượng hóa đơn, nội dung của hóa đơn khi phát sinh sai sót, cũng như kê khai nộp thuế của người nộp thuế theo quy định. - UBND TP Hải Phòng: đề xuất bỏ nội dung này vì HĐĐT như trên không đáp ứng quy định tại khoản 7 Điều 3 của Nghị định quy định về HĐĐT hợp pháp và không thể phục vụ được việc tra cứu của CQT khi cần thiết theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 9 của NĐ do hóa đơn không có số, không có ký hiệu,... sẽ không thể tra cứu được trên hệ thống HĐĐT.	Không tiếp thu: do tại dự thảo Nghị định đã sửa đổi theo hướng đối với doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu xuất hóa đơn theo từng giao dịch và gửi hóa đơn đến cơ quan thuế. Với cá nhân không kinh doanh thì có thể không nhất thiết phải có tên hóa đơn, ký hiệu mẫu số hóa đơn, ký hiệu hóa đơn, số hóa đơn.

Điều	Nội dung tại dự thảo lấy ý kiến rộng rãi	Ý kiến các đơn vị	Giải trình/tiếp thu
Điều 11: Hóa đơn được khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối chuyển dữ liệu với cơ quan thuế	1. Doanh nghiệp, hộ, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp kê khai có hoạt động cung cấp hàng hóa, dịch vụ trực tiếp đến người tiêu dùng (trung tâm thương mại; siêu thị; bán lẻ hàng tiêu dùng; ăn uống; nhà hàng; khách sạn; bán lẻ thuốc tân dược, bán lẻ gas; kinh doanh vàng bạc, dịch vụ vui chơi, giải trí, dịch vụ trông giữ xe, dịch vụ vận tải hành khách - theo mã ngành nghề: G45, G47, H49, H52, H53, I, N77, N79, R, S95, S96 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam) sử dụng hóa đơn điện tử được khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế. Đối với các hoạt động kinh doanh đã đăng ký sử dụng tem, vé, thẻ theo hình thức hóa đơn giá trị gia tăng điện tử, hóa đơn bán hàng điện tử được chuyển đổi sang áp dụng hóa đơn điện tử được khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế.	- Cục Thuế Quảng Ninh (tham gia theo công văn số 5691/VP.UBND-KTTC ngày 30/8/2023 của UBND tỉnh Quảng Ninh), Cục Thuế tỉnh Kiên Giang (tham gia theo công văn số 7708/VP-KT ngày 21/9/2023 của UBND tỉnh Kiên Giang): Đề xuất sửa: “1. Doanh nghiệp, hộ, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp kê khai có hoạt động cung cấp hàng hóa, dịch vụ trực tiếp đến người tiêu dùng (trung tâm thương mại; ... ban hành kèm theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam) phải sử dụng hóa đơn điện tử được khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế. Đối với các hoạt động kinh doanh đã đăng ký sử dụng tem, vé, thẻ theo hình thức hóa đơn GTGT điện tử, hóa đơn bán hàng điện tử phải chuyển đổi sang áp dụng hóa đơn điện tử được khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế. Tất cả các doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh ngành nghề trên phải chuyển sang áp dụng hóa đơn điện tử	Tiếp thu ý kiến của Cục Thuế Quảng Ninh, Kiên Giang, Cục Thuế HCM, dự thảo đã bổ sung quy định bắt buộc phải sử dụng hoá đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền. Đối với các cơ sở kinh doanh đáp ứng điều kiện áp dụng theo quy định; Các ngành nghề thuộc diện triển khai sẽ được lấy theo ngành nghề kinh doanh bán lẻ trực tiếp đến người tiêu dùng trên hệ thống phân ngành kinh tế thống kê Việt Nam theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều	Nội dung tại dự thảo lấy ý kiến rộng rãi	Ý kiến các đơn vị	Giải trình/tiếp thu
		<i>được khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành</i> <i>Đối với các doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hoạt động kinh doanh ngành nghề khác với các ngành nghề nêu trên, nếu có đủ điều kiện theo quy định và có nhu cầu thì đăng ký với cơ quan thuế để chuyển đổi sang áp dụng hóa đơn điện tử được khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế"</i> Lý do: Bổ sung rõ quy định bắt buộc sử dụng HĐĐT từ MTT đối với các hoạt động này. - UBND TP Hải Phòng: Đề nghị bổ sung đối tượng "tổ chức" trong quy định: "1. Doanh nghiệp, tổ chức, hộ, cá nhân kinh doanh" do vẫn có đối tượng là tổ chức có phát sinh hoạt động cung cấp hàng hóa dịch vụ trực tiếp đến người tiêu dùng. Ví dụ: Bệnh viện cũng có hoạt động cung cấp các suất ăn, bán lẻ thuốc tân dược, bán lẻ hàng tiêu dùng... - Cục Thuế TP HCM (tham gia theo công văn số 9578/VP-KT 06/9/2023	Về ý kiến của UBND TP Hải Phòng không tiếp thu về việc bổ sung đối tượng "tổ chức" trong quy định: để giữ nguyên các đối tượng sử dụng hóa đơn MTT để thống nhất các chủ thể tại Nghị định này. Về nội dung sử dụng đồng thời nhiều hình thức HĐĐT của Cục thuế TP

Điều	Nội dung tại dự thảo lấy ý kiến rộng rãi	Ý kiến các đơn vị	Giải trình/tiếp thu
		của UBND TP HCM): + Đề xuất bổ sung quy định về một số ngành nghề ở mã ngành H49 có thể chi tiết đến mã ngành cấp 3, cấp 4 cho đúng đối tượng. Cần có quy định bắt buộc phải sử dụng HĐT khởi tạo từ máy tính tiền, vì hiện nay nếu không có quy định bắt buộc thì việc triển khai áp dụng rất khó khăn.	HCM: Tại công văn số 4694/TCT-DNNCN ngày 24/10/2023 của Tổng cục Thuế có nội dung hướng dẫn: <i>"Người nộp thuế có kinh doanh nhiều ngành nghề, nhiều mô hình kinh doanh có thể sử dụng nhiều hình thức hóa đơn điện tử nếu đáp ứng điều kiện về đăng ký sử dụng hóa đơn theo quy định."</i>
	3. Hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế được khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế có các nội dung sau đây: a) Tên, địa chỉ, mã số thuế người bán; b) Thông tin người mua nếu người mua yêu cầu (mã số định danh cá nhân hoặc mã số thuế); c) Tên hàng hóa, dịch vụ, đơn giá, số lượng, giá thanh toán. Trường hợp tổ chức, doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp khấu trừ phải ghi rõ giá bán chưa thuế GTGT, thuế suất thuế GTGT, tiền thuế GTGT, tổng tiền thanh toán có thuế GTGT; d) Thời điểm lập hóa đơn; đ) Mã của cơ quan thuế hoặc mã vạch 2 chiều (QR code) để người mua có thể truy xuất thông tin về hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền theo quy định.	- UBND TP Hải Phòng : Đề xuất sửa: <i>"b) Thông tin người mua nếu người mua yêu cầu gồm: (mã số định danh cá nhân, mã số thuế (nếu có))"</i> Để khuyến khích người mua lấy hóa đơn để có cơ hội nhận thưởng hóa đơn may mắn của CQT và khi người bán phát hiện HĐT khởi tạo từ MTT đã lập sai thì người bán có thông tin để thông báo cho người mua biết và thực hiện thông báo với CQT. - Cục Thuế tỉnh Quảng Ninh (tham gia theo công văn số 5691/VP.UBND-	Giải trình ý kiến UBND TP Hải phòng đề xuất bỏ nội dung <i>"nếu người mua yêu cầu"</i>, để bắt buộc có thông tin người mua trên HĐT khởi tạo từ MTT: - Đây là hình thức hoá đơn tối giản đảm bảo thuận tiện, nhanh chóng cho cả người bán, người mua. Việc xuất hoá đơn sẽ thực hiện theo từng giao dịch phát sinh, nhiều người mua không lấy hoá đơn nhưng người bán hàng vẫn phải có nghĩa vụ xuất hoá đơn đó. Thực hiện tuyên truyền để người mua hàng chủ động kê khai thông tin để tham gia Chương trình "Hóa đơn may mắn" Tiếp thu ý kiến Cục Thuế tỉnh Quảng Ninh.

Điều	Nội dung tại dự thảo lấy ý kiến rộng rãi	Ý kiến các đơn vị	Giải trình/tiếp thu
		KTTC ngày 30/8/2023 của UBND tỉnh Quảng Ninh): Đề xuất sửa: <i>“..b) Thông tin người mua nếu người mua yêu cầu (mã số định danh cá nhân, mã số thuế, địa chỉ)”</i> Lý do: Tổng cục Thuế đã có công văn số 3315/TCT-CNTT V/v đính chính quy định về thành phần chứa dữ liệu nghiệp vụ hóa đơn điện tử và phương thức truyền nhận với cơ quan thuế ban hành theo Quyết định 1510/QĐ-TCT.	
	4. Trường hợp phát hiện hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền đã lập sai thì người bán thông báo cho người mua và thực hiện thông báo với cơ quan thuế theo Mẫu số 04/SS-HĐĐT Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định này về việc hủy hóa đơn điện tử đã lập sai. Người bán lập hóa đơn điện tử mới để gửi cho người mua. Cơ quan thuế thực hiện hủy hóa đơn điện tử đã lập sai trên hệ thống của cơ quan thuế.	- Bộ Công an: đề nghị chỉnh lý quy định trong trường hợp phát hiện hóa đơn điện tử đã lập sai cho phù hợp, thống nhất với quy định về xử lý HĐĐT đã lập quy định tại khoản 13, sửa đổi bổ sung Điều 19 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP. - UBND TP Hải Phòng: đề nghị bỏ quy định riêng về xử lý hóa đơn điện tử từ máy tính tiền đã lập sai. Lý do: Tại khoản 1, 2 Điều 19 Nghị định 123/2020/NĐ-CP quy định về việc xử lý HĐĐT đã lập khi có sai sót. HĐĐT từ MTT chỉ là một loại HĐĐT, được xử lý như HĐĐT có mã của CQT và HĐĐT không có mã của CQT. Vì	Tiếp thu “<i>quy định thống nhất xử lý HĐĐT đã lập</i>” (bao gồm cả HĐĐT khởi tạo từ MTT).

Điều	Nội dung tại dự thảo lấy ý kiến rộng rãi	Ý kiến các đơn vị	Giải trình/tiếp thu
	5. Bộ Tài chính hướng dẫn các nội dung trong quá trình triển khai áp dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế đảm bảo đúng quy định tại Nghị định này và phù hợp thực tế phát sinh.	vậy, không cần thiết phải quy định riêng việc xử lý HĐĐT từ MTT có sai sót có cùng nội dung. - Bộ Tư pháp: Điều 89 Luật QLT giao Chính phủ quy định chi tiết điều này (Hóa đơn điện tử). Vì vậy, việc giao BTC là ủy quyền tiếp là chưa phù hợp khoản 2 Điều 19 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (cơ quan được giao ban hành VE quy định chi tiết không được ủy quyền tiếp). Đồng thời, việc quy định giao thẩm quyền chung chung như trên có khả năng dẫn đến việc trong các quy định tại cấp Thông tư sẽ phát sinh thủ tục hành chính, không phù hợp với quy định tại cấp Thông tư sẽ phát sinh thủ tục hành chính, không phù hợp với quy định của Luật Ban hành VBQPPL. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, chỉnh lý cho phù hợp, đảm bảo tính thống nhất giữa dự thảo Nghị định với các Nghị định/ dự thảo Nghị định liên quan về vấn đề này (như dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 83/2014/NĐ-CP và Nghị định số 95/2021/NĐ-CP của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu).	Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp, tại dự thảo đã bỏ nội dung này, đồng thời bổ sung thêm một số nội dung về hóa đơn khởi tạo từ máy tính tiền đã hướng dẫn tại Thông tư số 78/2021/TT-BTC tại dự thảo sửa đổi, bổ sung Nghị định sửa Nghị định 123/2020/NĐ-CP.

Điều	Nội dung tại dự thảo lấy ý kiến rộng rãi	Ý kiến các đơn vị	Giải trình/tiếp thu
Điều 13. Áp dụng hóa đơn điện tử thực hiện theo quy định tại Điều 91 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14, riêng trường hợp rủi ro cao về thuế thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	Đối với doanh nghiệp có nhiều hoạt động kinh doanh trong đó có ngành nghề quy định tại Khoản 2 Điều 91 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14, các hoạt động kinh doanh khác không thuộc nhóm ngành nghề nêu trên và doanh nghiệp không thuộc trường hợp rủi ro cao về thuế thì doanh nghiệp đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế cho toàn bộ hoạt động kinh doanh.	- Cục Thuế Vĩnh Phúc: Trường hợp doanh nghiệp đăng ký nhiều hoạt động kinh doanh, trong đó lĩnh vực kinh doanh thuộc trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế phát sinh doanh thu rất thấp hoặc không phát sinh doanh thu mà sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế sẽ dẫn đến rủi ro trong việc quản lý hóa đơn của cơ quan Thuế. Do vậy, đề nghị quy định tỷ lệ doanh thu đối với lĩnh vực kinh doanh thuộc trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử không có mã trên tổng doanh thu năm trước để áp dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế. - Cục Thuế TP HCM (tham gia theo công văn số 9578/VP-KT 06/9/2023 của UBND TP HCM): Tại Khoản 2 Điều 91 Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019 có quy định các ngành nghề: "...kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh siêu thị, thương mại, vận tải hàng không, đường bộ, đường sắt, đường biển, đường thủy..." thực hiện áp dụng HĐĐT không có mã của cơ quan thuế, như vậy có mâu thuẫn với khoản 1 Điều 11 dự thảo hay không?	Qua rà soát, nội dung sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 13 đã được bỏ tại dự thảo Nghị định.

Điều	Nội dung tại dự thảo lấy ý kiến rộng rãi	Ý kiến các đơn vị	Giải trình/tiếp thu
		Đề xuất bổ sung quy định cụ thể: “... <i>trừ các hoạt động phải áp dụng HĐĐT có mã của cơ quan thuế khởi tạo từ máy tính tiền.</i>”	
	Sửa đổi, bổ sung khoản 2	- UBND TP Hà Nội: Đề xuất: + Bổ sung quy định về cấp và kê khai xác định nghĩa vụ thuế khi CQT cấp hóa đơn có mã theo từng lần phát sinh cho tổ chức không phải DN, hộ, cá nhân không kinh doanh bán hàng, dịch vụ thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT hoặc thuộc trường hợp không phải kê khai, nộp thuế GTGT, hoặc hộ, cá nhân kinh doanh chưa đến mức phải nộp thuế.	Đã tiếp thu sửa đổi bổ sung Điều 13 như sau: Sau khi doanh nghiệp, tổ chức <i>kinh tế, tổ chức khác, hộ kinh doanh</i>, cá nhân <i>kinh doanh</i> đã khai, nộp thuế đầy đủ theo quy định của pháp luật thuế giá trị gia tăng, thu nhập cá nhân, thu nhập doanh nghiệp và các loại thuế, phí khác (nếu có), ngay trong ngày làm việc <i>hoặc chậm nhất là ngày làm việc tiếp theo</i>, cơ quan thuế cấp mã của cơ quan thuế trên hóa đơn điện tử do doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân lập. <i>Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh khai hồ sơ khai thuế theo quy định pháp luật về quản lý thuế.</i> <i>Người nộp thuế thuộc trường hợp được cấp hóa đơn bán hàng theo từng lần phát sinh tại điểm a.1 khoản 2 Điều này thì phải nộp đầy đủ số thuế phát sinh trên hóa đơn đề nghị cấp theo quy định của pháp luật thuế giá trị gia tăng, thu nhập cá nhân, thu</i>

Điều	Nội dung tại dự thảo lấy ý kiến rộng rãi	Ý kiến các đơn vị	Giải trình/tiếp thu
			<i>nhập doanh nghiệp, hoặc sổ phát sinh phải nộp theo pháp luật quản lý thuế và các loại thuế, phí khác (nếu có) trước khi được cấp hóa đơn.</i> <i>Người nộp thuế thuộc trường hợp được cấp hóa đơn giá trị gia tăng theo từng lần phát sinh tại điểm a.2 khoản 2 Điều này thì phải nộp số thuế giá trị gia tăng trên hóa đơn giá trị gia tăng theo từng lần phát sinh hoặc sổ phát sinh phải nộp theo pháp luật quản lý thuế trước khi được cấp hóa đơn.</i>
	2. Quy định về cấp và kê khai xác định nghĩa vụ thuế khi cơ quan thuế cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh như sau: a) Loại hóa đơn cấp theo từng lần phát sinh a.1) Cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh là hóa đơn bán hàng trong các trường hợp: - Hộ, cá nhân kinh doanh theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 không đáp ứng điều kiện phải sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế nhưng cần có hóa đơn để giao cho khách hàng; - Tổ chức không kinh doanh nhưng có phát sinh giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ;	- Cục Thuế TP HCM (tham gia theo công văn số 9578/VP-KT 06/9/2023 của UBND TP HCM): Đề xuất bổ sung trường hợp cấp hóa đơn điện tử theo từng lần phát sinh (loại hóa đơn bán hàng) cho bên nhận chuyển nhượng kê khai, nộp thuế thay bên chuyển nhượng theo quy định tại Khoản 5 Điều 7 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP (doanh nghiệp đang có trạng thái mã số thuế 06 – “Người nộp thuế không còn hoạt động tại địa chỉ đăng ký kinh doanh”). - Cục Thuế thành phố Cần Thơ (tham gia theo công văn số 3403/VPUB-KT ngày 11/9/2023 của UBND TP Cần Thơ): Bổ sung quy	Về cơ bản các nội dung này đã được tiếp thu tại sửa đổi, bổ sung tại Điều 16.

Điều	Nội dung tại dự thảo lấy ý kiến rộng rãi	Ý kiến các đơn vị	Giải trình/tiếp thu
	- Doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau khi đã giải thể, phá sản, đã chấm dứt hiệu lực mã số thuế có phát sinh thanh lý tài sản cần có hóa đơn để giao cho người mua; - Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, hộ, cá nhân kinh doanh thuộc diện nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp thuộc các trường hợp sau: + Ngừng hoạt động kinh doanh nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế có phát sinh thanh lý tài sản cần có hóa đơn để giao cho người mua; + Tạm ngừng hoạt động kinh doanh cần có hóa đơn giao cho khách hàng để thực hiện các hợp đồng đã ký trước ngày cơ quan thuế thông báo tạm ngừng kinh doanh; + Bị cơ quan thuế cưỡng chế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn. + Doanh nghiệp đang làm thủ tục phá sản nhưng vẫn có hoạt động kinh doanh dưới sự giám sát của Tòa án.	định: “Trường hợp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có doanh thu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh trong năm dương lịch từ 100 triệu đồng trở xuống, thuộc trường hợp không phải nộp thuế GTGT và không phải nộp thuế TNCN theo quy định pháp luật về thuế GTGT và thuế TNCN thì cơ quan thuế không cấp hóa đơn.” - Hoặc bổ sung quy định cấp hóa đơn từng lần phát sinh là hóa đơn bán hàng đối với trường hợp: Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có doanh thu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh trong năm dương lịch từ 100 triệu đồng trở xuống cần có hóa đơn để giao cho khách hàng. - UBND Bà Rịa – Vũng Tàu: Tại điểm a1, đề xuất thêm trường hợp: <i>“Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh quy định tại điểm b khoản 2 Điều 16 Nghị định này trong thời gian giải trình hoặc bổ sung tài liệu”</i> - Cục Thuế tỉnh Kiên Giang (tham gia ý kiến theo công văn số 7708/VP-KT ngày 21/9/2023 của UBND tỉnh Kiên Giang), Cục Thuế tỉnh Bến Tre:	

Điều	Nội dung tại dự thảo lấy ý kiến rộng rãi	Ý kiến các đơn vị	Giải trình/tiếp thu
		tại điểm a1, đề xuất bổ sung trường hợp: <i>“- Doanh nghiệp đã bị chấm dứt hiệu lực mã số thuế nhưng có phát sinh bán tài sản hoặc hàng hóa và cấp hóa đơn cho người mua;</i> <i>- Các cá nhân không kinh doanh khi có tài sản, hàng hóa bán và cần có hóa đơn để xuất cho người mua”</i> Lý do: Thực tế thời gian qua có nhiều trường hợp Doanh nghiệp chấm dứt hiệu lực mã số thuế khi bán hàng hóa, tài sản và cần có hóa đơn để xuất cho khách hàng để lập các thủ tục theo quy định thì bị vướng. Hoặc các cá nhân khi bán tài sản thuộc diện phải đăng ký chủ quyền thì một số cơ quan có liên quan yêu cầu phải có hóa đơn từ đó gây khó khăn cho người mua các tài sản này. <i>- Cục Thuế tỉnh Bình Thuận (tham gia theo công văn số 4518/VP-TH ngày 12/9/2023 của UBND tỉnh Bình Thuận): tại điểm a1:</i> <i>“- Tổ chức không kinh doanh nhưng có phát sinh giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ;”</i>	

Điều	Nội dung tại dự thảo lấy ý kiến rộng rãi	Ý kiến các đơn vị	Giải trình/tiếp thu
		Đề nghị bổ sung chi tiết và làm rõ “<i>Tổ chức không kinh doanh</i>” cụ thể những tổ chức/ đối tượng nào để thuận tiện trong quá trình thực thi nhiệm vụ.	
	a.2) Cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh là hóa đơn giá trị gia tăng trong các trường hợp: - Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác thuộc diện nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuộc các trường hợp sau: + Ngừng hoạt động kinh doanh nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế có phát sinh thanh lý tài sản cần có hóa đơn để giao cho người mua; + Tạm ngừng hoạt động kinh doanh cần có hóa đơn giao cho khách hàng để thực hiện các hợp đồng đã ký trước ngày cơ quan thuế thông báo tạm ngừng kinh doanh; + Bị cơ quan thuế cưỡng chế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn. + <i>Doanh nghiệp đang làm thủ tục phá sản nhưng vẫn có hoạt động kinh doanh dưới sự giám sát của Tòa án.</i> + <i>Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh quy định tại điểm b khoản 2 Điều 16 Nghị định này trong thời gian giải trình hoặc bổ sung tài liệu.</i> - Tổ chức, cơ quan nhà nước không thuộc đối tượng nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ có bán	- UBND Bà Rịa – Vũng Tàu, Cục Thuế tỉnh Bình Định (<i>tham gia theo công văn số 6358/UBND-TH ngày 31/8/2023 của UBND tỉnh Bình Định</i>): Tại điểm a2, “Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh quy định tại điểm b khoản 2 Điều 16 Nghị định này trong thời gian giải trình hoặc bổ sung tài liệu” - Cục Thuế tỉnh Kiên Giang (<i>tham gia ý kiến theo công văn số 7708/VP-KT ngày 21/9/2023 của UBND tỉnh Kiên Giang</i>): Tại điểm a2, đề xuất sửa: “- Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác thuộc diện nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuộc các trường hợp sau: + Ngừng hoạt động kinh doanh nhưng chưa làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế có phát sinh thanh lý tài sản hoặc bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	- Tiếp thu ý kiến - Tiếp thu ý kiến bổ sung trường hợp “<i>thanh lý hàng hóa</i>” Về cơ bản các ý kiến này đã được tiếp thu tại sửa đổi, bổ sung tại Điều 16.

Điều	Nội dung tại dự thảo lấy ý kiến rộng rãi	Ý kiến các đơn vị	Giải trình/tiếp thu
	dầu giá tài sản, trường hợp giá trúng đấu giá là giá bán đã có thuế giá trị gia tăng được công bố rõ trong hồ sơ bán đấu giá do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thì được cấp hóa đơn giá trị gia tăng để giao cho người mua. <i>- Doanh nghiệp chế xuất bán, thanh lý vào thị trường nội địa tài sản đã qua sử dụng đối với trường hợp doanh nghiệp chế xuất lựa chọn hình thức chuyển đổi mục đích sử dụng theo quy định của pháp luật về hải quan.</i>	<i>cần có hóa đơn để giao cho người mua..."</i> Lý do: Thực tế thời gian qua có nhiều trường hợp Doanh nghiệp ngừng hoạt động kinh doanh nhưng chưa làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế có phát sinh bán hàng hóa tồn kho hoặc tiếp tục cung cấp các dịch vụ còn đang dang dở cần có hóa đơn để giao cho người mua thì do Nghị định chưa quy định nên không thể cấp hóa đơn cho doanh nghiệp trong các trường hợp từ đó gây khó khăn cho doanh nghiệp và người mua. * Về hoạt động của DNCX: - UBND Đà Nẵng: Đề xuất sửa: <i>"Doanh nghiệp chỉ thực hiện hoạt động chế xuất bán, thanh lý vào thị trường nội địa tài sản đã qua sử dụng đối với trường hợp doanh nghiệp chế xuất lựa chọn hình thức chuyển đổi mục đích sử dụng theo quy định của pháp luật về hải quan."</i> Lý do: Đối với tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan có hoạt động khác ngoài ngoài hoạt động chế xuất đã đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử thì khi bán, thanh lý tài sản đã qua sử dụng phải sử	Đối với DNCX, đã bổ sung việc sử dụng hóa đơn của DNCX tại khoản 2 Điều 8 dự thảo Nghị định.

Điều	Nội dung tại dự thảo lấy ý kiến rộng rãi	Ý kiến các đơn vị	Giải trình/tiếp thu
		dụng hóa đơn đã đăng ký với CQT. Đối với DNCX chỉ thực hiện hoạt động chế xuất phát sinh hoạt động bán, thanh lý vào thị trường nội địa tài sản đã qua sử dụng mà lựa chọn hình thức chuyển đổi mục đích sử dụng thì thuộc đối tượng cấp hóa đơn có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh. - Cục Thuế tỉnh Bắc Giang (<i>tham gia theo công văn số 4992/UBND-KTTH ngày 31/8/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang</i>): Tại điểm a2, đề xuất bổ sung: “Doanh nghiệp chế xuất bán, thanh lý vào thị trường nội địa tài sản đã qua sử dụng đối với trường hợp doanh nghiệp chế xuất lựa chọn hình thức chuyển đổi mục đích sử dụng theo quy định của pháp luật về hải quan. <i>Trừ trường hợp tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan có hoạt động kinh doanh khác ngoài hoạt động chế xuất, đang sử dụng hóa đơn giá trị gia tăng theo quy định tại khoản 1 hoặc điểm a khoản 2 Điều này thì được sử dụng hóa đơn đang sử dụng.</i>” - Cục Thuế tỉnh Bắc Ninh (<i>tham gia ý kiến theo công văn số 3039/UBND-KTTH ngày 05/09/2023 của UBND tỉnh Bắc Ninh</i>): Tại điểm a2, đề xuất	

Điều	Nội dung tại dự thảo lấy ý kiến rộng rãi	Ý kiến các đơn vị	Giải trình/tiếp thu
		sửa đổi, bổ sung: “Doanh nghiệp chế xuất bán, thanh lý vào thị trường nội địa tài sản đã qua sử dụng đối với trường hợp doanh nghiệp chế xuất lựa chọn hình thức chuyển đổi mục đích sử dụng theo quy định của pháp luật về hải quan hoặc hàng hóa, tài sản chưa qua sử dụng phải thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng theo quy định của pháp luật về hải quan hoặc hàng hóa, tài sản đã qua sử dụng nhưng không phải thực hiện thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng như: quyền sử dụng đất, quyền thuê đất và tài sản gắn liền với đất, ô tô...” Lý do: Trên thực tế các doanh nghiệp chế xuất phát sinh việc nguyên vật liệu, vật tư mua dư thừa hoặc không sử dụng hết; hoặc chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền thuê đất và tài sản gắn liền với đất, ô tô... không biết sử dụng hóa đơn loại nào, theo đó bổ sung thêm vào đối tượng được cấp hóa đơn lẻ theo từng lần phát sinh.	
	b) Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh thuộc trường hợp được cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh gửi.	- Cục Thuế tỉnh Bình Thuận (tham gia theo công văn số 4518/VP-TH ngày 12/9/2023 của UBND tỉnh Bình	

Điều	Nội dung tại dự thảo lấy ý kiến rộng rãi	Ý kiến các đơn vị	Giải trình/tiếp thu
	đơn đề nghị cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo Mẫu số 06/ĐN-PSĐT Phụ lục IA kèm theo Nghị định này đến cơ quan thuế và truy cập vào hệ thống lập hóa đơn điện tử của cơ quan thuế để lập hóa đơn điện tử. Sau khi doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đã khai, nộp thuế đầy đủ theo quy định của pháp luật thuế giá trị gia tăng, thu nhập cá nhân, thu nhập doanh nghiệp và các loại thuế, phí khác (nếu có), ngay trong ngày làm việc <i>hoặc không quá 24 giờ kể từ khi doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân nộp thuế đầy đủ</i> cơ quan thuế cấp mã của cơ quan thuế trên hóa đơn điện tử do doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân lập. Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh tự chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin trên hóa đơn điện tử theo từng lần phát sinh được cơ quan thuế cấp mã. <i>Trường hợp hóa đơn điện tử theo từng lần phát sinh có sai sót, doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh gửi đơn đề nghị cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo Mẫu số 06/ĐN-PSĐT Phụ lục IA kèm theo Nghị định này đến cơ quan thuế để được cấp hóa đơn điện tử điều chỉnh hoặc thay thế cho hóa đơn đã lập. Việc lập hóa đơn điều chỉnh hoặc thay thế thực hiện theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP và nội dung sửa đổi, bổ sung tại Nghị định này.</i> <i>Trường hợp doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, hộ, cá nhân kinh doanh bị cơ quan thuế cưỡng chế bằng biện pháp</i>	Thuận) : Đối với Đơn đề nghị cấp hóa đơn từng lần phát sinh thì: + Tại Điều 13 Thông tư 40 quy định về quản lý Hộ kinh doanh có quy định cấp hóa đơn đối với hàng hóa, dịch vụ theo ngành nghề đã đăng ký tại giấy húng nhận kinh doanh. + Trường hợp cấp hóa đơn từng lần phát sinh đối với tổ chức thì không có quy định. + Ngoài ra, theo quy định hiện nay, hồ sơ thủ tục gửi kèm theo Đơn đề nghị cấp hóa đơn từng lần phát sinh gồm: Hợp đồng, thanh lý hợp đồng, biên bản nghiệm thu, <u>giấy tờ liên quan đến hàng hóa, dịch vụ có điều kiện...</u>và chứng từ nộp thuế ít nhất 18% doanh thu trên hóa đơn. Đề nghị bổ sung thêm “giấy tờ liên quan đến hàng hóa, dịch vụ có điều kiện...” vì đối với dịch vụ lưu trú thì có sổ đăng ký lưu trú, cung cấp điện thì Giấy phép điện lực. Trong thực tế phát sinh, có những hàng hóa, dịch vụ giá trị nhỏ (dịch vụ ăn uống...) hay đối tượng chủ yếu Hộ kinh doanh (khoán) nên không lập Hợp đồng khi giao dịch mua bán. - Sở Tài chính Trà Vinh: Tại đoạn 2, đề xuất sửa: <i>hoặc không quá 24 giờ kể</i>	

Điều	Nội dung tại dự thảo lấy ý kiến rộng rãi	Ý kiến các đơn vị	Giải trình/tiếp thu
	ngừng sử dụng hóa đơn có nhu cầu cấp hóa đơn điện tử điều chỉnh hoặc thay thế cho hóa đơn đã lập thì phải nộp ngày ít nhất 18% doanh thu chênh lệch tăng trên hóa đơn được sử dụng vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 34 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ và gửi đơn đề nghị cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo Mẫu 06/ĐN-PSĐT Phụ lục LA kèm theo Nghị định này đến cơ quan thuế để được cấp hóa đơn điện tử điều chỉnh hoặc thay thế cho hóa đơn đã lập	từ khi doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân nộp thuế đầy đủ và các hồ sơ liên quan Lý do: NNT đã gửi đề nghị cấp hóa đơn từng lần phát sinh qua hệ thống HĐĐT, đã gửi tờ khai thuế qua hệ thống quản lý NNT; sau đó nộp thuế đầy đủ theo quy định nhưng chưa gửi các hồ sơ liên quan như: Hợp đồng mua bán, Biên bản nghiệm thu, biên bản thanh lý, giấy nộp tiền hoặc các hồ sơ liên quan khác thì CQT chưa phê duyệt để cấp mã hồ sơ theo quy định, do đó NNT cũng chưa lập được hóa đơn gửi đến Công TTĐT để cấp mã CQT trên HĐĐT. - Cục Thuế Bình Thuận (tham gia theo công văn số 4518/VP-TH ngày 12/9/2023 của UBND tỉnh Bình Thuận): Tại đoạn 2, kiến nghị: Cụ thể trường hợp nào phải kê khai trước khi CQT cấp mã (vì đối với DN bị cưỡng chế sử dụng hóa đơn do nợ thuế chưa thực hiện kê khai thuế GTGT vì chưa đến kỳ tháng/quý) và bổ sung về thời hạn kê khai thuế GTGT đối với DN bị cưỡng chế sử dụng hóa đơn do nợ thuế có phát sinh đề nghị cấp hóa đơn.	Sửa đổi, bổ sung theo hướng: "Sau khi doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đã khai, nộp thuế đầy đủ theo quy định của pháp luật thuế giá trị gia tăng, thu nhập cá nhân, thu nhập doanh nghiệp và các loại thuế, phí khác (nếu có), ngay trong ngày làm việc hoặc chậm nhất là ngày làm việc tiếp theo, cơ quan thuế cấp mã của cơ quan thuế trên hóa đơn điện tử do doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân lập..." - Nội dung liên quan đến khai thuế cần được quy định theo quy định pháp luật quản lý thuế.

Điều	Nội dung tại dự thảo lấy ý kiến rộng rãi	Ý kiến các đơn vị	Giải trình/tiếp thu
	<i>i) Tổ chức cho thuê tài chính cho thuê tài sản thuộc đối tượng chịu thuế GTGT phải lập hoá đơn theo quy định.</i> <i>Tổ chức cho thuê tài chính cho thuê tài sản thuộc đối tượng chịu thuế GTGT phải có hoá đơn GTGT (đối với tài sản mua trong nước) hoặc chứng từ nộp thuế GTGT ở khâu nhập khẩu (đối với tài sản nhập khẩu); tổng số tiền thuế GTGT ghi trên hoá đơn GTGT phải khớp với số tiền thuế GTGT ghi trên hoá đơn GTGT (hoặc chứng từ nộp thuế GTGT khâu nhập khẩu).</i> <i>Các trường hợp tài sản mua để cho thuê không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, không có hoá đơn GTGT hoặc chứng từ nộp thuế GTGT ở khâu nhập khẩu thì không được ghi thuế GTGT trên hoá đơn.</i> <i>Việc lập hóa đơn như sau:</i> <i>- Trường hợp tổ chức cho thuê tài chính chuyển giao toàn bộ số thuế GTGT ghi trên hóa đơn tài sản mua cho thuê tài chính cho bên đi thuê tài chính được kê khai khấu trừ một lần thuế GTGT đầu vào của tài sản cho thuê tài chính, tổ chức cho thuê tài chính lập hóa đơn cho bên đi thuê để làm căn cứ khấu trừ thuế GTGT đầu vào như sau:</i> <i>Trên hóa đơn GTGT thu tiền lần đầu của dịch vụ cho thuê tài chính, tổ chức cho thuê tài chính ghi rõ: thanh,</i>	tài liệu. Do đó, đề nghị Tổng cục Thuế quy định cụ thể hơn. - Cục Thuế tỉnh Tiền Giang (tham gia ý kiến theo công văn số 5987/UBND-KT ngày 05/9/2023 của UBND tỉnh Tiền Giang): Chưa rõ nghĩa nội dung về: số tiền thuế GTGT ghi trên hóa đơn GTGT phải khớp với số tiền thuế GTGT ghi trên hóa đơn GTGT.	Dự thảo Nghị định đã bỏ quy định về lập hóa đơn đối với tổ chức cho thuê tài chính. Do việc lập hóa đơn đối với hoạt động cho thuê tài chính thực hiện theo đúng bản chất kinh tế.

Điều	Nội dung tại dự thảo lấy ý kiến rộng rãi	Ý kiến các đơn vị	Giải trình/tiếp thu
	<i>toán dịch vụ cho thuê tài chính và thuế GTGT đầu vào của tài sản cho thuê tài chính, dòng tiền hàng ghi giá trị dịch vụ cho thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT của tài sản), dòng thuế suất không ghi và gạch chéo, dòng tiền thuế GTGT ghi đúng số thuế GTGT đầu vào của tài sản cho thuê tài chính.</i> <i>- Xử lý lập hóa đơn khi hợp đồng chấm dứt trước thời hạn:</i> <i>+ Thu hồi tài sản cho thuê tài chính: Trường hợp tổ chức cho thuê tài chính và bên đi thuê lựa chọn khấu trừ toàn bộ số thuế GTGT của tài sản cho thuê, bên đi thuê điều chỉnh thuế GTGT đã khấu trừ tính trên giá trị còn lại chưa có thuế GTGT xác định theo biên bản thu hồi tài sản để chuyển giao cho tổ chức cho thuê tài chính. Trên hóa đơn GTGT ghi rõ: xuất trả tiền thuế GTGT của tài sản thu hồi; dòng tiền hàng, dòng thuế suất không ghi và gạch bỏ; dòng tiền thuế ghi số tiền thuế GTGT tính trên giá trị còn lại chưa có thuế GTGT xác định theo biên bản thu hồi tài sản.</i> <i>+ Bán tài sản thu hồi: Tổ chức cho thuê tài chính khi bán tài sản thu hồi phải lập hóa đơn GTGT theo quy định giao cho khách hàng</i>		
Điều 15. Đăng ký, thay đổi nội dung đăng	1. Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh không thuộc đối tượng ngừng sử dụng hóa đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định này đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử (bao gồm cả đăng ký	- UBND TP Hà Nội: Đề xuất bổ sung quy định đối với trường hợp kết quả xác thực người đại diện theo pháp luật không khớp đúng, cụ thể như sau:	- Tiếp thu ý kiến.

Điều	Nội dung tại dự thảo lấy ý kiến rộng rãi	Ý kiến các đơn vị	Giải trình/tiếp thu
ký sử dụng hóa đơn điện tử	hóa đơn điện tử bán tài sản công, hóa đơn điện tử bán hàng dự trữ quốc gia) thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử. Đối với đơn vị trực thuộc doanh nghiệp, tổ chức kinh tế: Nếu đơn vị trực thuộc đáp ứng quy định khai thuế GTGT riêng theo phương pháp khấu trừ thì đơn vị trực thuộc đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử riêng. Trường hợp tổ chức được giao quản lý hợp đồng hợp tác kinh doanh với tổ chức nhưng không thành lập pháp nhân riêng được sử dụng mã số thuế đã được cơ quan thuế cấp khi đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử. ... Cục thuế các tỉnh, thành phố sử dụng hóa đơn điện tử khi bán tem điện tử hoặc bán các chứng từ khác thì đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử và lập hóa đơn điện tử trực tiếp thông qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế. ... 1a. Chấp nhận đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử: a) Trường hợp doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đăng ký mới thông tin sử dụng hóa đơn điện tử: Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế tự động xác thực nhân thân người đại diện theo pháp luật, nhân thân của hộ, cá nhân kinh doanh theo dữ liệu tại Hệ	a) ... Trường hợp kết quả xác thực người đại diện theo pháp luật không khớp đúng thì Cơ quan thuế ban hành Thông báo không chấp nhận. Trường hợp không có thông tin hoặc thuộc diện rủi ro cao trong đăng ký thuế theo pháp luật về quản lý thuế, ..." - Cục Thuế tỉnh Quảng Ninh (tham gia theo công văn số 5691/VP.UBND-KTTC ngày 30/8/2023 của UBND tỉnh Quảng Ninh): + Đề nghị bổ sung vào điểm 1a nội dung sau: "Trường hợp doanh nghiệp có từ 02 thành viên trở lên góp vốn thành lập thì phải cung cấp thông tin nhân thân (đối với cá nhân), mã số doanh nghiệp/ tổ chức kinh tế của từng thành viên góp vốn; trường hợp thành viên góp vốn là chủ doanh nghiệp, tổ chức kinh tế đã bị cơ quan thuế thông báo không hoạt động tại địa chỉ đăng ký; bỏ trốn hoặc bị phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật về thuế đang bị xử lý mà không chấp hành thì không được chấp nhận đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử". Lý do: Để tránh các trường hợp tổ chức, cá nhân thành lập doanh nghiệp	Tiếp thu ý kiến bổ sung người nộp thuế thuộc trường hợp người đại diện theo pháp luật, đại diện hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh hoặc chủ doanh nghiệp tư nhân đã từng hoặc đang là người đại diện theo pháp luật đại diện hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh hoặc chủ doanh nghiệp tư nhân khác mà người nộp thuế đó có trạng thái mã số thuế không hoạt động tại địa chỉ đăng ký kinh doanh, người nộp thuế ngừng hoạt động chưa đóng mã số thuế, người nộp thuế tạm ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành nghĩa vụ thuế; người nộp thuế có hành vi vi phạm về thuế, hóa đơn thì CQT yêu cầu giải trình.

Điều	Nội dung tại dự thảo lấy ý kiến rộng rãi	Ý kiến các đơn vị	Giải trình/tiếp thu
	<i>thông Định danh và xác thực điện tử (VneID- đối với trường hợp đã được cấp mã định danh điện tử), hoặc xác thực qua tin nhắn theo số điện thoại đã đăng ký với cơ quan thuế, hoặc xác thực bằng các phương tiện điện tử khác theo quy định về xác thực điện tử, trừ trường hợp người đại diện theo pháp luật là cá nhân nước ngoài. Trường hợp kết quả xác thực người đại diện theo pháp luật không khớp đúng hoặc không có thông tin hoặc thuộc diện rủi ro cao trong đăng ký thuế theo pháp luật về quản lý thuế, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đăng ký sử dụng hóa đơn của người nộp thuế, Cơ quan thuế ban hành Thông báo yêu cầu giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP gửi cho người nộp thuế.</i> <i>Trường hợp người nộp thuế giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu chứng minh các thông tin về nhân thân người đại diện theo pháp luật, thông tin đăng ký thuế là đúng, cơ quan thuế thông báo chấp nhận đăng ký sử dụng hóa đơn của người nộp thuế theo quy định tại khoản 2 Điều này.</i> <i>Quá thời hạn giải trình, bổ sung theo thông báo của cơ quan thuế mà người nộp thuế không giải trình, bổ sung hoặc người nộp thuế có giải trình, bổ sung nhưng Cơ quan thuế có thông tin để xác định việc người nộp thuế kê khai không đúng thông tin đăng ký thuế, thông tin nhân thân người đại diện theo pháp luật. Cơ quan thuế</i>	vi phạm pháp luật về thuế nhưng chưa chấp hành hoặc bỏ trốn nhưng lại góp vốn để thành lập doanh nghiệp khác. + Đề nghị bổ sung quy định về việc chấp nhận đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử đối với các doanh nghiệp có dấu hiệu rủi ro về thuế như: - Doanh nghiệp không có địa chỉ cụ thể về số nhà; - Doanh nghiệp có người đại diện theo pháp luật ở tỉnh ngoài. - Cục Thuế tỉnh Long An (tham gia ý kiến theo công văn số 8020/UBND-KTTC ngày 31/8/2023 của UBND tỉnh Long An): Đề tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý hóa đơn điện tử; đề nghị quy định thêm các giải pháp về ngăn chặn, phát hiện, xử lý hành vi vi phạm pháp luật về quản lý; sử dụng hóa đơn như sau: - Xác minh tình trạng hoạt động của NNT tại địa chỉ đã đăng ký với cơ quan thuế khi chấp nhận việc sử dụng hóa đơn điện tử của doanh nghiệp như: ngành nghề kinh doanh, quy mô kinh doanh, tài sản cố định, nhà xưởng, kho hàng, lượng công nhân, địa chỉ liên hệ,	Tiếp thu ý kiến xác minh tình trạng hoạt động của NNT.

Điều	Nội dung tại dự thảo lấy ý kiến rộng rãi	Ý kiến các đơn vị	Giải trình/tiếp thu
	<i>thông báo không chấp nhận đăng ký sử dụng hóa đơn của người nộp thuế theo quy định tại khoản 2 Điều này.</i> <i>Thời gian người nộp thuế giải trình bổ sung không tính trong thời gian trả thông báo chấp nhận/không chấp nhận của Cơ quan thuế.</i> <i>b) Trường hợp doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đăng ký thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử:</i> <i>b.1) Trường hợp người nộp thuế thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử do thay đổi thông tin đăng ký thuế, cơ quan thuế thực hiện tương tự theo điểm a khoản này.</i> <i>b.2) Trường hợp người nộp thuế thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử nhưng không thay đổi thông tin đăng ký thuế, Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi yêu cầu đề nghị người nộp thuế xác nhận qua địa chỉ thư điện tử hoặc điện thoại của chủ doanh nghiệp hoặc người đại diện theo pháp luật theo thông tin trong hồ sơ đăng ký thuế</i>	số điện thoại, email liên hệ, chi nhánh, địa điểm sản xuất kinh doanh... - Tăng cường kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh thường xuyên xuất hóa đơn nhưng báo lỗ; nộp thuế thấp hơn nhiều lần so với mức trung bình ngành nghề kinh doanh; lảng đột biến về doanh thu; không có tài sản, sử dụng số lượng lớn hóa đơn,... để đưa vào danh sách người nộp thuế phải thực hiện giám sát trọng điểm - Cục Thuế tỉnh Ninh Bình (tham gia ý kiến theo công văn số 669/UBND-VP5 ngày 05/9/2023 của UBND tỉnh Ninh Bình): Đề xuất: Quy định bắt buộc xác định nhân thân theo dữ liệu tại Hệ thống định danh và xác thực điện tử (VneID). Bỏ đoạn "hoặc xác thực... điện tử". - Cục Thuế Bắc Ninh (tham gia ý kiến theo công văn số 3039/UBND-KTTH ngày 05/09/2023 của UBND tỉnh Bắc Ninh), Vĩnh Phúc, Thanh Hóa, Phú Thọ: Đề nghị bổ sung thêm về thời hạn người nộp thuế phải giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu. Đề xuất của Cục Thuế Bắc Ninh là 02 ngày	Tiếp thu ý kiến Tại dự thảo quy định <i>qua địa chỉ thư điện tử, số điện thoại của chủ doanh nghiệp tư nhân hoặc người đại diện pháp luật, đại diện hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh theo thông tin trong hồ sơ đăng ký thuế, đăng ký doanh nghiệp.</i> Về cơ bản, các nội dung đã được tiếp thu ý kiến, bổ sung nội dung vào Điều 15.

Điều	Nội dung tại dự thảo lấy ý kiến rộng rãi	Ý kiến các đơn vị	Giải trình/tiếp thu
		làm việc kể từ ngày Cơ quan Thuế có thông báo yêu cầu giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu. - UBND TP Hải Phòng: Tại điểm b1, đề xuất bổ sung trường hợp: “Người nộp thuế thay đổi thông tin đăng ký thuế do có sự thay đổi người đại diện pháp luật thì phải thay đổi thông tin đăng ký sử dụng hóa đơn”.	
	2. Trong thời gian 01-02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử <i>đối với trường hợp tại khoản 1 Điều này và kể từ khi nhận được đầy đủ thông tin giải trình, bổ sung của người nộp thuế đối với trường hợp quy định tại khoản 1a Điều này</i>, cơ quan thuế có trách nhiệm gửi thông báo điện tử theo Mẫu số 01/TB-ĐKĐT Phụ lục IB ban hành kèm theo Nghị định này qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử hoặc gửi thông báo trực tiếp đến doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh về việc chấp nhận hoặc không chấp nhận đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử. Đối với trường hợp doanh nghiệp, tổ chức kinh tế đăng ký chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử theo hình thức gửi trực tiếp đến cơ quan thuế theo quy định tại <i>điểm a.1 khoản 4 Điều 21</i> của Nghị định này được cơ quan thuế ra thông báo chấp nhận đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử theo Mẫu số 01/TB-ĐKĐT Phụ lục IB nhưng chưa phối hợp với	- Cục Thuế Bắc Ninh (tham gia ý kiến theo công văn số 3039/UBND-KTTH ngày 05/09/2023 của UBND tỉnh Bắc Ninh): Đề nghị bổ sung nội dung liên quan đến sau 02 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn thời hạn giải trình nếu người nộp thuế không giải trình, bổ sung thông tin tài liệu theo yêu cầu của cơ quan thuế thì Cơ quan Thuế gửi thông báo không chấp nhận đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử.	Tiếp thu ý kiến

Điều	Nội dung tại dự thảo lấy ý kiến rộng rãi	Ý kiến các đơn vị	Giải trình/tiếp thu
	Tổng cục Thuế về cấu hình hạ tầng kỹ thuật, kiểm thử kết nối, truyền nhận dữ liệu thì chậm nhất trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế gửi thông báo theo Mẫu số 01/TB-ĐKĐT Phụ lục IB, tổ chức cần chuẩn bị đủ điều kiện về hạ tầng kỹ thuật và thông báo cho Tổng cục Thuế để phối hợp kết nối. Thời gian thực hiện trong 10 ngày làm việc kể từ ngày Tổng cục Thuế nhận được đề nghị của doanh nghiệp, tổ chức. Trường hợp kết quả kiểm thử kết nối, truyền nhận dữ liệu thành công thì doanh nghiệp, tổ chức thực hiện gửi dữ liệu hóa đơn điện tử theo hình thức gửi trực tiếp đến cơ quan thuế theo quy định tại Điều 22 21 Nghị định này. Trường hợp sau 05 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế gửi thông báo theo Mẫu 01/TB-ĐKĐT Phụ lục IB, doanh nghiệp, tổ chức không thông báo cho Tổng cục Thuế để phối hợp kết nối hoặc kết quả kiểm thử kết nối, truyền nhận dữ liệu không thành công, doanh nghiệp, tổ chức thay đổi đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử theo Mẫu số 01/ĐKTD-HĐĐT Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định này và thực hiện chuyển dữ liệu qua Tổ chức kết nối, nhận, truyền lưu trữ dữ liệu hóa đơn điện tử với cơ quan thuế.		
Điều 16. Ngừng sử dụng hóa đơn điện tử	1. Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh thuộc các trường hợp sau ngừng sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế, ngừng sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế:	- UBND Hà Nam: Tại điểm a, đề xuất sửa đổi thành "<i>trường hợp chấm dứt hiệu lực mã số thuế (bao gồm cả trường hợp ngừng hoạt động đang làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế)</i>"	Trường hợp MST chưa chấm dứt hiệu lực thì thực hiện việc sử dụng hóa đơn theo quy định.

Điều	Nội dung tại dự thảo lấy ý kiến rộng rãi	Ý kiến các đơn vị	Giải trình/tiếp thu
	a) Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh <i>Trường</i> hợp chấm dứt hiệu lực mã số thuế; b) Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh <i>thuộc trường Trường</i> hợp cơ quan thuế xác minh và thông báo không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký; c) Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh thông báo với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền tạm ngừng kinh doanh; d) Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh có <i>Cơ quan thuế</i> thông báo của cơ quan thuế về việc ngừng sử dụng hóa đơn điện tử để thực hiện cưỡng chế nợ thuế; đ) Trường hợp có hành vi sử dụng hóa đơn điện tử để bán hàng nhập lậu, hàng cấm, hàng giả, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ bị cơ quan chức năng phát hiện và thông báo cho cơ quan thuế; e) Trường hợp có hành vi lập hóa đơn điện tử phục vụ mục đích bán khống hàng hóa, cung cấp dịch vụ để chiếm đoạt tiền của tổ chức, cá nhân bị cơ quan chức năng phát hiện và thông báo cho cơ quan thuế; <i>e) Trường hợp cơ quan chức năng phát hiện và thông báo cho cơ quan thuế dấu hiệu doanh nghiệp được thành lập để thực hiện mua bán, sử dụng hóa đơn điện tử</i>	để phù hợp với hệ thống quản lý thuế tập trung (TMS).	

Điều	Nội dung tại dự thảo lấy ý kiến rộng rãi	Ý kiến các đơn vị	Giải trình/tiếp thu
	<i>từ không hợp pháp hoặc sử dụng không hợp pháp hóa đơn điện tử.</i> <i>g) Trường hợp cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện khi phát hiện doanh nghiệp không có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật.</i> <i>h) Người nộp thuế thuộc trường hợp giám sát trọng điểm về thuế và thuộc danh sách do cơ quan thuế xác định sau khi cơ quan thuế áp dụng các biện pháp giám sát theo quy định pháp luật về quản lý thuế.</i> <i>i) Người nộp thuế có dấu hiệu bất thường khác theo tiêu chí đánh giá rủi ro về thuế của cơ quan thuế.</i> <i>k) Trường hợp cơ quan thuế chuyển hồ sơ doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh sang cơ quan công an theo tin báo tội phạm.</i> <i>l) Hộ kinh doanh nộp thuế theo phương pháp kê khai chuyển đổi sang phương pháp khoán hoặc nộp thuế theo từng lần phát sinh.</i> <i>m) Người nộp thuế có văn bản đề nghị tạm ngừng sử dụng hóa đơn điện tử theo mẫu 01/ĐKTD-HĐĐT.</i>		
	2. Trình tự thực hiện ngừng sử dụng hóa đơn điện tử như sau: <i>a) Cơ quan thuế quản lý trực tiếp gửi thông báo (Mẫu số 01/TB-NSDHD) đến người nộp thuế thuộc trường</i>	- Cục Thuế tỉnh Quảng Ngãi (tham gia ý kiến theo công văn số 4276/UBND-KTTH ngày 31/8/2023	Về cơ bản tiếp thu ý kiến của các Cục Thuế và sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 16.

Điều	Nội dung tại dự thảo lấy ý kiến rộng rãi	Ý kiến các đơn vị	Giải trình/tiếp thu
	<i>hợp tại điểm d, e, k, l khoản 1 Điều này đề nghị người nộp thuế ngừng sử dụng hóa đơn điện tử.</i> b) Cơ quan thuế quản lý trực tiếp gửi thông báo đến người nộp thuế thuộc trường hợp tại điểm d, e, g, h, i khoản 1 Điều này đề nghị người nộp thuế giải trình hoặc bổ sung thông tin, tài liệu liên quan đến việc sử dụng hóa đơn điện tử. Người nộp thuế giải trình hoặc bổ sung thông tin, tài liệu không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế ra thông báo. Người nộp thuế có thể đến cơ quan thuế giải trình trực tiếp hoặc bổ sung thông tin, tài liệu hoặc bằng văn bản. Người nộp thuế tiếp tục sử dụng hóa đơn điện tử hoặc giải trình bổ sung, cụ thể: - Trường hợp người nộp thuế đã giải trình hoặc bổ sung thông tin, tài liệu đầy đủ và chứng minh được việc sử dụng hóa đơn điện tử theo đúng quy định pháp luật thì người nộp thuế tiếp tục sử dụng hóa đơn điện tử. - Trường hợp người nộp thuế đã giải trình hoặc bổ sung thông tin, tài liệu mà không chứng minh được việc sử dụng hóa đơn điện tử theo đúng quy định pháp luật thì cơ quan thuế tiếp tục thông báo yêu cầu người nộp thuế bổ sung thông tin, tài liệu. Thời hạn bổ sung là 02 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế ra thông báo. Hết thời hạn theo thông báo mà người nộp thuế không giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu thì cơ quan thuế ra thông báo đề nghị người nộp thuế ngừng sử dụng hóa đơn	<i>của UBND tỉnh Quảng Ngãi): Tại điểm a, đề xuất sửa đổi:</i> <i>3 a) Cơ quan thuế quản lý trực tiếp gửi thông báo (Mẫu 01/TB-NSDHD) đến người nộp thuế thuộc trường hợp tại điểm d, e, k, l khoản 1 Điều này đề nghị yêu cầu người nộp thuế ngừng sử dụng hóa đơn điện tử.”</i> - UBND TP Hải Phòng: Tại điểm a, đề xuất sửa: <i>“a) Cơ quan thuế quản lý trực tiếp gửi thông báo (Mẫu 01/TB-NSDHD) đến người nộp thuế thuộc trường hợp tại điểm d, e, k, l khoản 1 Điều này thông báo về việc ngừng tiếp nhận hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế. Đồng thời thông báo đến tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử để phối hợp ngừng cung cấp dịch vụ đối với người nộp thuế.”</i> - Cục Thuế tỉnh Bình Định (tham gia theo công văn số 6358/UBND-TH ngày 31/8/2023 của UBND tỉnh Bình Định): tại điểm b, dự thảo chưa khẳng định các trước hợp ngừng sử dụng hóa đơn tại các điểm g, h, i, k dừng vĩnh viễn hay như thế nào, trong thời gian ngừng sử dụng hóa đơn theo Thông	

Điều	Nội dung tại dự thảo lấy ý kiến rộng rãi	Ý kiến các đơn vị	Giải trình/tiếp thu
	điện tử có mã của cơ quan thuế hoặc ngừng sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế và xử lý theo quy định. 4. Trường hợp doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh đang trong thời hạn tạm ngừng kinh doanh cần có hóa đơn điện tử giao cho người mua để thực hiện các hợp đồng đã ký trước ngày tạm ngừng kinh doanh thì doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh sử dụng hóa đơn điện tử cấp theo từng lần phát sinh theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 13 Nghị định này. <i>Trường hợp doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh quy định tại điểm b khoản 2 Điều này trong thời gian giải trình hoặc bổ sung tài liệu được sử dụng hóa đơn điện tử cấp theo từng lần phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định này.</i>	báo của cơ quan Thuế thì có được sử dụng hóa đơn từng lần phát sinh không. - Cục Thuế thành phố Cần Thơ (tham gia theo công văn số 3403/VPUB-KT ngày 11/9/2023 của UBND TP Cần Thơ: Đề xuất không bổ sung khoản này do nếu chỉ trong thời gian giải trình, hoặc bổ sung tài liệu mà buộc doanh nghiệp chuyển qua sử dụng hóa đơn từng lần phát sinh dẫn đến khối lượng công việc rất nhiều cho cán bộ thuế và sự bất tiện cho đơn vị trong khi lúc này các doanh nghiệp chỉ mới chỉ có nghi vấn cần được giải trình. Đề xuất chỉ khi nào cơ quan thuế ra thông báo đơn vị ngừng sử dụng hóa đơn (do hết thời gian giải trình mà người nộp thuế không cung cấp được) thì lúc này đơn vị mới là đối tượng được cấp hóa đơn từng lần phát sinh.	Trường hợp NNT đang trong quá trình giải trình, bổ sung tài liệu thì cần thiết CQT có giám sát về các hoạt động kinh doanh tránh các tình trạng tẩu tán tài sản, hoặc xuất không hóa đơn. Do đó nội dung này không được tiếp thu và được bổ sung ở khoản 2 Điều 13.
Điều 19. Xử lý hóa đơn có sai sót	1. Trường hợp người bán phát hiện hóa đơn điện tử đã được cấp mã của cơ quan thuế chưa gửi cho người mua có sai sót thì người bán thực hiện thông báo với cơ quan thuế theo Mẫu số 04/SS-HĐĐT Phụ lục LA ban hành kèm theo Nghị định này về việc hủy hóa đơn điện tử có mã đã lập có sai sót và lập hóa đơn điện tử mới, ký số gửi cơ quan thuế để cấp mã hóa đơn mới thay thế hóa đơn đã lập	- NHNN VN Đề nghị xem xét bổ sung quy định về thời điểm, tần suất lập Mẫu 04/SS-HĐĐT khi xử lý hóa đơn điện tử có sai sót (theo từng lần phát sinh sai sót hay theo kỳ kê khai thuế giá trị gia tăng.)	Chỉ có hóa đơn điện tử đã lập bị sai các thông tin không liên quan đến số tiền, số thuế mới phải gửi Mẫu 04/SS-HĐĐT và tại Điều 7 Thông tư 78/2021/TT-BTC đã quy định về thời gian gửi cho CQT.

Điều	Nội dung tại dự thảo lấy ý kiến rộng rãi	Ý kiến các đơn vị	Giải trình/tiếp thu
	để gửi cho người mua. Cơ quan thuế thực hiện hủy hóa đơn điện tử đã được cấp mã có sai sót lưu trên hệ thống của cơ quan thuế. Trường hợp phát hiện hóa đơn điện tử đã lập sai (bao gồm hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế, hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế đã gửi cho người mua và cơ quan thuế) nhưng người bán, người mua chưa kê khai thuế hoặc hóa đơn điện tử đã lập sai mã số thuế người mua thì người bán thực hiện thông báo với cơ quan thuế theo Mẫu số 04/SS-HĐĐT Phụ lục LA ban hành kèm theo Nghị định này về việc hủy hóa đơn điện tử đã lập sai và lập hóa đơn điện tử mới để gửi cho người mua. Cơ quan thuế thực hiện hủy hóa đơn điện tử đã lập sai trên hệ thống của cơ quan thuế.	- Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa (tham gia theo công văn số 12834/UBND-KTTC ngày 31/8/2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa): Đề xuất sửa đổi: "1. Trường hợp phát hiện hóa đơn điện tử đã lập sai (bao gồm hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế, hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế đã gửi cho người mua và cơ quan thuế) nhưng người bán, người mua chưa kê khai thuế hoặc hóa đơn điện tử đã lập sai mã số thuế người mua thì người bán thực hiện hủy hóa đơn đã lập sai và thông báo với cơ quan thuế theo Mẫu số 04/SS-HĐĐT..." - UBND Hà Nam: Đề xuất sửa đổi: "...người bán thực hiện thông báo tới cơ quan thuế theo mẫu số 04/SS-HĐĐT Phụ lục 1A ban hành kèm theo Nghị định này kèm theo văn bản thỏa thuận giữa người mua và người bán về việc hủy hóa đơn điện tử..." Lý do: Để tránh trường hợp người bán tự ý hủy hóa đơn không thông báo với người mua tránh rủi ro cho người mua.	Dự thảo sửa đổi, bổ sung theo hướng không cho phép hủy hóa đơn, chỉ cho phép điều chỉnh/thay thế. Dự thảo sửa đổi, bổ sung theo hướng Người bán thực hiện lưu giữ văn bản thỏa thuận tại đơn vị và xuất trình khi có yêu cầu.

Điều	Nội dung tại dự thảo lấy ý kiến rộng rãi	Ý kiến các đơn vị	Giải trình/tiếp thu
	2. Trường hợp hóa đơn điện tử đã lập sai và người bán, người mua đã kê khai thuế có mã của cơ quan thuế hoặc hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế đã gửi cho người mua mà người mua hoặc người bán phát hiện có sai sót thì xử lý như sau: a) Trường hợp có sai sót về tên, địa chỉ của người mua nhưng không sai mã số thuế hoặc sai về các nội dung không phải là các nội dung của hóa đơn theo quy định từ khoản 1 đến khoản 13 Điều 10 Nghị định này áo nội dung khác không sai sót thì người bán thông báo cho người mua về việc hóa đơn điện tử lập có sai sót và không phải lập lại hóa đơn. Người bán thực hiện thông báo với cơ quan thuế về hóa đơn điện tử lập có sai sót theo Mẫu số 04/SS-HĐĐT Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định này, trừ trường hợp hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế có sai sót nêu trên chưa gửi dữ liệu hóa đơn cho cơ quan thuế. b) Trường hợp có sai về: mã số thuế; tên hàng hóa, dịch vụ; đơn vị tính; số lượng; đơn giá; thuế suất; số tiền ghi trên hóa đơn, sai về; thành tiền chưa có thuế GTGT; tiền thuế; tổng tiền có thuế GTGT hoặc sai ghi trên hóa đơn không đúng quy cách, chất lượng thì có thể lựa chọn một trong hai cách sử dụng hóa đơn điện tử như sau: b.1) Người bán lập hóa đơn điện tử điều chỉnh hóa đơn đã lập có sai sót. Trường hợp người bán và người mua có thỏa thuận về việc lập văn bản thỏa thuận trước khi lập hóa đơn điều chỉnh cho hóa đơn đã lập có sai sót thì người	- UBND Hà Nam: Đề xuất lập hóa đơn điều chỉnh trong trường hợp hóa đơn điện tử có sai sót về thuế suất, thuế GTGT, tổng tiền có thuế... nhưng người bán và người mua đã kê khai thuế, không hướng dẫn lựa chọn giữa việc lập hóa đơn thay thế và hóa đơn điều chỉnh nhằm thống nhất cách xử lý khi có hóa đơn sai sót, thuận lợi cho việc khai thác dữ liệu ứng dụng hóa đơn điện tử phục vụ cho các công tác thuế. - UBND Đà Nẵng, Cục Thuế TP HCM (tham gia theo công văn số 9578/VP-KT 06/9/2023 của UBND TP HCM): Tại điểm a, đề xuất bổ sung quy định về xử lý hóa đơn có sai sót trường hợp sai về tên, địa chỉ của người bán. - UBND TP Hải Phòng, Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa (tham gia theo công văn số 12834/UBND-KTTC ngày 31/8/2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa): đề xuất bỏ quy định về việc người bán, người mua lập văn bản thỏa thuận trước khi lập hóa đơn điều chỉnh/thay thế.	Cơ bản tiếp thu ý kiến bổ sung quy định kê khai hóa đơn thay thế, điều chỉnh tại Điều 19 dự thảo Nghị định. Hiện nay, việc sai tên người bán khó xảy ra do hệ thống được cập nhật. Về việc sai địa chỉ nhưng không ảnh hưởng đến nghĩa vụ thuế thì doanh nghiệp gửi Mẫu 04/SS-HĐĐT đã được quy định tại Điều 19. Không tiếp thu, do có phát sinh trường hợp người bán tự ý hủy, điều chỉnh hóa đơn mà người mua không biết.

Điều	Nội dung tại dự thảo lấy ý kiến rộng rãi	Ý kiến các đơn vị	Giải trình/tiếp thu
	bán và người mua lập văn bản thỏa thuận ghi rõ sai sót, sau đó người bán lập hóa đơn điện tử điều chỉnh hóa đơn đã lập có sai sót. Hóa đơn điện tử điều chỉnh hóa đơn điện tử đã lập có sai sót phải có dòng chữ “Điều chỉnh cho hóa đơn Mẫu số... ký hiệu... số... ngày... tháng... năm”. <i>Người bán được lập một hóa đơn điều chỉnh cho nhiều hóa đơn điện tử đã lập sai.</i> b.2) Người bán lập hóa đơn điện tử mới thay thế cho hóa đơn điện tử có lập sai sót trừ trường hợp người bán và người mua có thỏa thuận về việc lập văn bản thỏa thuận trước khi lập hóa đơn thay thế cho hóa đơn đã có lập sai sót thì người bán và người mua lập văn bản thỏa thuận ghi rõ nội dung sai sót, sau đó người bán lập hóa đơn điện tử thay thế hóa đơn đã lập có sai sót. Hóa đơn điện tử mới thay thế hóa đơn điện tử đã lập có sai sót phải có dòng chữ “Thay thế cho hóa đơn Mẫu số... ký hiệu... số... ngày... tháng... năm”. Người bán ký số trên hóa đơn điện tử mới điều chỉnh hoặc thay thế cho hóa đơn điện tử đã lập có sai sót sau đó người bán gửi cho người mua (đối với trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế) hoặc gửi cơ quan thuế để cơ quan thuế cấp mã cho hóa đơn điện tử mới để gửi cho người mua (đối với trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế).	- UBND TP Đà Nẵng, TP Hải Phòng: Tại điểm b1, đề xuất sửa đổi: <i>“Người bán được lập một hóa đơn điều chỉnh cho nhiều hóa đơn điện tử đã lập sai cho cùng một người mua hàng (một mã số thuế hoặc một mã định danh)”.</i> - UBND TP Hà Nội: Ý kiến giống UBND Đà Nẵng và bổ sung thêm: <i>“trong cùng một kỳ tính thuế”.</i> - Cục Thuế tỉnh Gia Lai (tham gia ý kiến theo công văn số 2546/VP-KTTH ngày 31/8/2023 của UBND tỉnh Gia Lai): Tại điểm b2, đề xuất sửa đổi: Trường hợp người bán lập hoá đơn điện tử điều chỉnh/thay thế bổ sung thêm: <i>“Người bán thực hiện thông báo với cơ quan thuế về hoá đơn điện tử lập sai theo Mẫu số 04/SS-HĐĐT Phụ lục LA ban hành kèm theo Nghị định này”.</i>	Tiếp thu ý kiến. Tiếp thu ý kiến. Dự thảo sửa đổi, bổ sung theo hướng: Trường hợp có sai sót về tên, địa chỉ của người mua nhưng không sai mã số thuế, các nội dung khác không sai sót thì người bán thực hiện thông báo với cơ quan thuế về hóa đơn điện tử có sai sót theo Mẫu số 04/SS-HĐĐT.

Điều	Nội dung tại dự thảo lấy ý kiến rộng rãi	Ý kiến các đơn vị	Giải trình/tiếp thu
	3. Trước khi hủy, điều chỉnh, thay thế hóa đơn điện tử đã lập sai theo khoản 1, khoản 2 Điều này, người bán và người mua phải lập văn bản thỏa thuận ghi rõ nội dung sai hoặc người bán phải thông báo cho người mua, thông báo trên website của đơn vị mình (nếu có).	- Bộ Thông tin & Truyền thông: Việc quy định trước khi hủy, điều chỉnh, thay thế hoá đơn điện tử đã lập người bán và người mua phải lập văn bản thoả thuận là không phù hợp với thực tế vì có những người mua không có nhu cầu hoặc không lấy hoá đơn họ sẽ không ký văn bản thoả thuận với người bán hoặc người mua là khách lẻ (không có thông tin: tên, địa chỉ, mã số thuế). Đề nghị Ban soạn thảo bổ sung thêm trường hợp cho phép người bán được chủ động điều chỉnh, thay thế, hủy hoá đơn điện tử đã lập nhưng không có văn bản thoả thuận với người mua. Đề nghị Bộ Tài chính xem xét bỏ nội dung tại khoản 3 Điều 19 Nghị định 123/2020/NĐ-CP “<i>Trước khi hủy, điều chỉnh, thay thế hóa đơn điện tử đã lập sai theo khoản 1, khoản 2 Điều này, người bán và người mua phải lập văn bản thỏa thuận ghi rõ nội dung sai hoặc người bán phải thông báo cho người mua, thông báo trên website của đơn vị mình (nếu có)</i>”. Vì quy định này không phù hợp với tình hình thực tế. - UBND Khánh Hòa: Bỏ khoản 3 và quy định cụ thể về việc thông báo, lập	Đã hoàn thiện theo hướng người bán lập hóa đơn điều chỉnh trừ trường hợp các bên có thỏa thuận về việc người mua lập hóa đơn khi trả lại hàng thì người mua lập hóa đơn giao cho người bán. Về cơ bản tiếp thu ý kiến các đơn vị, dự thảo sửa đổi, bổ sung theo hướng: Trước khi điều chỉnh, thay thế hóa đơn điện tử đã lập sai theo quy định

Điều	Nội dung tại dự thảo lấy ý kiến rộng rãi	Ý kiến các đơn vị	Giải trình/tiếp thu
		biên bản đối với người mua theo từng trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 để đảm bảo quyền lợi của người mua, bổ sung quy định cụ thể về hình thức thông báo đến người mua (bằng văn bản hoặc email,...) - Cục Thuế tỉnh Quảng Ninh (tham gia ý kiến theo công văn số 5691/VP.UBND-KTTC ngày 30/8/2023 của UBND tỉnh Quảng Ninh): Đề nghị sửa như sau: “3. Trước khi hủy, điều chỉnh, thay thế hóa đơn điện tử đã lập sai theo khoản 1, khoản 2 Điều này, người bán và người mua phải lập văn bản thỏa thuận ghi rõ nội dung sai hoặc người bán phải thông báo cho người mua và được người mua chấp thuận bằng văn bản (trừ trường hợp không có thông tin của người mua hàng).” Lý do: Nếu chỉ quy định nội dung người bán thông báo cho người mua thì chưa đủ căn cứ là người mua có chấp thuận việc điều chỉnh, thay thế hóa đơn hay không. Như vậy, người bán vẫn có thể lợi dụng gian lận hoặc làm ảnh hưởng đến quyền lợi của người mua.	tại điểm b khoản này, đối với trường hợp người mua là doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thì người bán và người mua phải lập văn bản thỏa thuận ghi rõ nội dung sai; trường hợp người mua là cá nhân thì người bán phải thông báo cho người mua hoặc thông báo trên website của người bán (nếu có). Người bán thực hiện lưu giữ văn bản thỏa thuận tại đơn vị và xuất trình khi có yêu cầu.

Điều	Nội dung tại dự thảo lấy ý kiến rộng rãi	Ý kiến các đơn vị	Giải trình/tiếp thu
	4. 5. Trường hợp người bán thực hiện thông báo với cơ quan thuế theo Mẫu số 04/SS-HĐĐT quy định tại khoản 1 Điều này thì hệ thống hóa đơn điện tử của cơ quan thuế tự động thông báo về việc tiếp nhận và kết quả xử lý theo Mẫu số 01/TB-HĐSS Phụ lục IB ban hành kèm theo Nghị định này. Đối với trường hợp người bán thực hiện thông báo với cơ quan thuế theo Mẫu số 04/SS-HĐĐT quy định tại khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 01 ngày làm việc, cơ quan thuế thông báo về việc tiếp nhận và kết quả xử lý theo Mẫu số 01/TB-HĐSS Phụ lục IB ban hành kèm theo Nghị định này. Hóa đơn điện tử đã hủy không có giá trị sử dụng nhưng vẫn được lưu trữ để phục vụ tra cứu.	- UBND TP Hải Phòng: Đề nghị bổ sung thêm nội dung “cơ quan thuế thông báo về việc tiếp nhận và kết quả xử lý cho người mua” để tránh trường hợp người bán đơn phương hủy hóa đơn nhưng người mua không nắm được thông tin.	Đã sửa đổi, bổ sung nội dung này theo hướng hóa đơn đã được lập không được hủy chỉ được điều chỉnh/thay thế.
	Bổ sung khoản 6		
	c) Trường hợp người bán lập hóa đơn khi thu tiền trước khi cung cấp dịch vụ sau đó phát sinh việc hủy hoặc chấm dứt việc cung cấp dịch vụ thì người bán thực hiện hủy hóa đơn điện tử đã lập theo quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp thu tiền trong khi cung cấp dịch vụ sau đó phát sinh hủy một phần việc cung cấp dịch vụ thì người bán thực hiện lập hóa đơn điện tử điều chỉnh cho hóa đơn điện tử đã lập theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.	- Cục Thuế tỉnh Bắc Ninh (tham gia ý kiến theo công văn số 3039/UBND-KTTH ngày 05/09/2023 của UBND tỉnh Bắc Ninh): Bổ sung “lập hóa đơn điện tử thay thế”	Dự thảo sửa đổi, bổ sung cụ thể như sau: c.4) Trường hợp người bán đã lập hóa đơn khi thu tiền trước khi cung cấp dịch vụ, hoặc lập hóa đơn thu tiền đối với hoạt động kinh doanh bất động sản, xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng nhà để bán, nhà chuyển nhượng sau đó phát sinh việc hủy hoặc chấm dứt giao dịch và hủy một phần việc cung cấp dịch vụ thì người bán thực hiện điều chỉnh hóa đơn

Điều	Nội dung tại dự thảo lấy ý kiến rộng rãi	Ý kiến các đơn vị	Giải trình/tiếp thu
	<i>d) Xử lý hóa đơn điện tử đã lập trong trường hợp trả lại hàng hoá:</i> <i>d.1) Trường hợp người mua trả lại toàn bộ hàng hóa thì người bán thực hiện hủy hóa đơn điện tử đã lập theo quy định tại khoản 1 Điều này.</i> <i>d.2) Trường hợp người mua trả lại một phần hàng hoá thì người bán thực hiện lập hóa đơn điện tử điều chỉnh theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.</i> <i>d.3) Trường hợp hàng hoá là tài sản thuộc diện phải đăng ký quyền sử dụng, quyền sở hữu theo quy định của pháp luật và tài sản đã được đăng ký theo tên người mua thì khi trả lại hàng hoá, nếu người mua là đối tượng sử dụng hoá đơn điện tử thì người mua thực hiện lập hoá đơn trả lại hàng hoá cho người bán.</i> <i>Đối với các trường hợp quy định tại điểm d.1, d.2, d.3, người bán, người mua phải có đầy đủ hồ sơ, chứng từ liên quan đến việc trả lại hàng hoá và phải xuất trình khi được yêu cầu.</i>	- UBND TP Hải Phòng: đề nghị bổ sung hướng dẫn hóa đơn điều chỉnh đối với DN kinh doanh trong lĩnh vực bảo hiểm khi hoàn trả phí bảo hiểm cho người mua theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 9 Thông tư số 09/2011/TT-BTC. - Cục Thuế tỉnh Tiền Giang (tham gia ý kiến theo công văn số 5987/UBND-KT ngày 05/9/2023 của UBND tỉnh Tiền Giang): Hướng dẫn nguyên tắc kê khai đối với hóa đơn trả lại hàng hóa. - UBND Khánh Hòa: Tại điểm d3, đề nghị bổ sung quy định đối với trường hợp người mua không sử dụng HĐĐT. - Sở Tài chính Hạng Giang: Tại điểm d3, đề xuất bổ sung: <i>“Trường hợp chưa đăng ký Quyền sử dụng, quyền sở hữu theo tên người mua thì thực hiện theo quy định tại điểm d1 và d2 khoản này.”</i> - Cục Thuế tỉnh Cà Mau (tham gia ý kiến theo công văn số 6941/UBND-KT ngày 31/8/2023 UBND tỉnh Cà	<i>điện tử đã lập theo quy định tại điểm b.1 khoản 1 Điều này.</i> Tiếp thu ý kiến. Tiếp thu ý kiến. Dự thảo sửa đổi, bổ sung theo hướng người bán lập hóa đơn hàng bán trả lại nếu, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận về việc người mua lập hóa đơn khi trả lại hàng. Về cơ bản đã tiếp thu ý kiến sửa đổi tại Điều 19

Điều	Nội dung tại dự thảo lấy ý kiến rộng rãi	Ý kiến các đơn vị	Giải trình/tiếp thu
		<i>Mau</i>): Tại điểm d3, quy định này không phù hợp, vì khi trả lại hàng như vậy, cơ quan Nhà nước vẫn còn quản lý nhà nước đối với tài sản của người đã đăng ký. Trường hợp này không nên xem là hàng trả lại, mà nên xem là mua bán hàng hóa đã qua sử dụng; thủ tục mua bán thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành. - Cục Thuế TP HCM (tham gia theo công văn số 9578/VP-KT 06/9/2023 của UBND TP HCM): Đề xuất bổ sung quy định khi người mua chuyển trả hàng hóa thì người mua lập Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ để sử dụng cho hàng hóa lưu thông trên đường.	
Điều 20: Xử lý sự cố hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế	2. Trường hợp hệ thống cấp mã của cơ quan thuế gặp sự cố, Tổng cục Thuế thực hiện các giải pháp kỹ thuật chuyển sang hệ thống dự phòng và có trách nhiệm thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế về các sự cố nêu trên. Tổng cục Thuế lựa chọn một số tổ chức cung cấp dịch vụ về hóa đơn điện tử có đủ điều kiện để ủy quyền cấp mã hóa đơn điện tử trong trường hợp hệ thống của cơ quan thuế gặp sự cố. Trường hợp trong thời gian chưa khắc phục được sự cố của cơ quan thuế thì cơ quan thuế có giải pháp bán hóa	- UBND Khánh Hòa: Đề nghị bổ sung quy định về việc xử lý hóa đơn đặt in mua của CQT còn tồn chưa sử dụng hết sau khi chuyển sang sử dụng HĐĐT có mã của CQT (khi hệ thống cấp mã của CQT được khắc phục). Đề xuất các tổ chức, cá nhân tự thực hiện việc hủy hóa đơn đặt in mua của CQT còn tồn chưa sử dụng theo đúng quy định và báo cáo cho CQT về việc hủy hóa đơn.	Đã được quy định tại Điều 27 Nghị định 123/2020/NĐ-CP và về nguyên tắc tại khoản 3 Điều 15 đã quy định: kể từ thời điểm CQT chấp nhận thì NNT ngừng sử dụng hóa đơn điện tử và tiêu hủy hóa đơn giấy chưa sử dụng. Do đó, khi sự cố được xử lý, NNT sử dụng hóa đơn điện tử và tiêu hủy hóa đơn giấy chưa sử dụng.

Điều	Nội dung tại dự thảo lấy ý kiến rộng rãi	Ý kiến các đơn vị	Giải trình/tiếp thu
	đơn do cơ quan thuế đặt in cho một số tổ chức, cá nhân để sử dụng. Sau khi hệ thống cấp mã của cơ quan thuế được khắc phục, cơ quan thuế thông báo để các tổ chức, cá nhân tiếp tục sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế chậm nhất 02 ngày làm việc kể từ thời hạn ghi trên thông báo của cơ quan thuế, tổ chức, cá nhân gửi báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn giấy đã mua của cơ quan thuế theo Mẫu số BC26/HĐG Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định này đến cơ quan thuế đồng thời gửi dữ liệu hóa đơn giấy đã lập đến cơ quan thuế theo Mẫu số 01/TH-HDDT Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định này.”	- Sở Tài chính Trà Vinh: đề nghị bổ sung: “Tổ chức, cá nhân thực hiện tiêu hủy hóa đơn giấy đã mua chưa sử dụng chậm nhất trong vòng 10 ngày làm việc, kể từ ngày ghi trên thông báo của CQT, trình tự, thủ tục hủy thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP” Lý do: Quy định rõ để NNT thực hiện hủy, tiêu hủy và gửi thông báo kết quả hủy hóa đơn không đúng quy định thì bị xử phạt vi phạm hành chính về hóa đơn theo quy định tại điều 27,29 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP.	
Điều 21. Trách nhiệm của người bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ sử dụng hóa đơn điện tử.	4. Chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử không có mã đã lập đến cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế (chuyển trực tiếp hoặc gửi qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử) đối với trường hợp người bán sử dụng hóa đơn điện tử không có mã theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định này. a) Hình thức gửi dữ liệu a.1) Gửi trực tiếp đến cơ quan thuế: Trường hợp người bán là doanh nghiệp, tổ chức kinh tế đáp ứng điều kiện dưới đây thì người bán thực hiện	- Cục Thuế tỉnh Quảng Ngãi (tham gia ý kiến theo công văn số 4276/UBND-KTTH ngày 31/8/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi): đề nghị bổ sung giải thích từ ngữ với cụm từ “dữ liệu hóa đơn điện tử có mã”, “dữ liệu hóa đơn điện tử không có mã”, bổ sung quy định về thời gian chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử. Lý do: bổ sung các nội dung trên góp phần cho việc xác định được hành vi vi phạm của NNT khi áp dụng xử phạt	Về cơ bản đã tiếp thu sửa đổi, bổ sung tại Điều 22 dự thảo Nghị định.

Điều	Nội dung tại dự thảo lấy ý kiến rộng rãi	Ý kiến các đơn vị	Giải trình/tiếp thu
	<i>chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử đến cơ quan thuế theo định dạng dữ liệu theo quy định tại Điều 12 Nghị định này và hướng dẫn của Tổng cục Thuế bằng hình thức gửi trực tiếp:</i> <i>- Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế sử dụng bình quân từ 100.000 hóa đơn một tháng trở lên, có hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu về định dạng chuẩn dữ liệu và quy định tại khoản 4 Điều 12 Nghị định này, có nhu cầu chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử theo hình thức gửi trực tiếp đến cơ quan thuế gửi văn bản kèm theo tài liệu chứng minh điều kiện đáp ứng đến Tổng cục Thuế.</i> <i>- Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế có tổ chức mô hình Công ty mẹ - con, có xây dựng hệ thống quản lý dữ liệu hóa đơn tập trung tại Công ty mẹ và có nhu cầu Công ty mẹ chuyển toàn bộ dữ liệu hóa đơn điện tử bao gồm cả dữ liệu của các công ty con đến cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế thì gửi kèm theo danh sách công ty con đến Tổng cục Thuế để thực hiện kết nối kỹ thuật.</i> <i>a.2) Gửi đến cơ quan thuế thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử:</i> <i>Các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế không thuộc trường hợp nêu tại điểm a khoản này thực hiện ký hợp đồng với tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử để tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử làm dịch vụ chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử đến cơ quan thuế. Căn cứ hợp đồng được ký kết, doanh nghiệp, tổ chức kinh tế có</i>	theo Nghị định 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ.	

Điều	Nội dung tại dự thảo lấy ý kiến rộng rãi	Ý kiến các đơn vị	Giải trình/tiếp thu
	<i>trách nhiệm chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử cho tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử để tổ chức này gửi tiếp đến cơ quan thuế.</i> b) Phương thức và thời điểm chuyển dữ liệu: b.1) Phương thức chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử theo Bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử theo Mẫu số 01/TH-HĐĐT Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định này cùng thời hạn nộp hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với các trường hợp sau: - Cung cấp dịch vụ thuộc lĩnh vực: bưu chính viễn thông, bảo hiểm, tài chính ngân hàng, vận tải hàng không, chứng khoán. - Bán hàng hóa là điện, nước sạch nếu có thông tin về mã khách hàng hoặc mã số thuế của khách hàng. Người bán lập Bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử hàng hóa, cung cấp dịch vụ phát sinh trong tháng hoặc quý (tính từ ngày đầu của tháng, quý đến ngày cuối cùng của tháng hoặc quý) theo Mẫu số 01/TH-HĐĐT Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định này để gửi cơ quan thuế chậm nhất là thời hạn nộp Tờ khai thuế giá trị gia tăng theo quy định của Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Trường hợp phát sinh số lượng hóa đơn lớn thì bảng tổng hợp sẽ được tách theo định dạng chuẩn dữ liệu	- UBND TP Hải Phòng: Đề nghị không nên quy định việc bên chuyển dữ liệu hóa đơn cùng với kỳ nộp hồ sơ khai thuế mà điều chỉnh thành kỳ đối soát dữ liệu. - Cục Thuế tỉnh Quảng Nam (tham gia ý kiến theo công văn số 5885/UBND-KTTH ngày 31/8/2023 của UBND tỉnh Quảng Nam): Tại điểm b, đề xuất sửa: Đối với các trường hợp chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử theo Bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử (Bảng tổng hợp) quy định tại điểm a.1 khoản 3 Điều 22 thì người bán tổng hợp dữ liệu tất cả hóa đơn trong ngày và chuyển Bảng tổng hợp đến cơ quan Thuế ngay trong ngày. Lý do đề xuất sửa đổi: quy định này gây khó khăn cho người mua trong trường hợp muốn tra cứu hóa đơn ngay trong ngày. * Về chuyển dữ liệu đối với trường hợp bán xăng dầu:	Điều 22 cơ bản tiếp thu ý kiến của các đơn vị và sửa đổi, bổ sung cụ thể như sau: “Điều 22. Trách nhiệm của người bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế ... 3. Chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế đã lập đến cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế (chuyển trực tiếp hoặc gửi qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử). a) Phương thức và thời điểm chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử a.1) Phương thức chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử theo Bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử theo Mẫu số 01/TH-HĐĐT Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định này cùng thời hạn nộp hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với các trường hợp sau:

Điều	Nội dung tại dự thảo lấy ý kiến rộng rãi	Ý kiến các đơn vị	Giải trình/tiếp thu
	<i>của cơ quan thuế nhằm đảm bảo yêu cầu gửi nhận dữ liệu trên đường truyền.</i> <i>Đối với hóa đơn gửi theo bảng tổng hợp thì người bán gửi thông tin hủy, điều chỉnh trực tiếp trên bảng tổng hợp của các kỳ tiếp theo mà không gửi thông báo hóa đơn điện tử có sai sót theo Mẫu số 04/SS-HĐĐT Phụ lục IA Nghị định này đến cơ quan thuế.</i> <i>Các hóa đơn được lập cho tổng doanh thu của người mua là cá nhân không kinh doanh phát sinh trong ngày hoặc tháng theo bảng kê chi tiết thì người bán chỉ gửi dữ liệu hóa đơn điện tử (không kèm bảng kê chi tiết) đến cơ quan thuế.</i> <i>Riêng đối với trường hợp bán xăng dầu cho khách hàng thì người bán tổng hợp dữ liệu tất cả các hóa đơn bán xăng dầu trong ngày theo từng mặt hàng đã thể hiện trên bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử và chuyển bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử này ngay trong ngày.</i> <i>b.2) Xử lý bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử đã gửi cơ quan thuế:</i> <i>Sau thời hạn chuyển bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử đến cơ quan thuế, trường hợp thiếu dữ liệu hóa đơn điện tử tại bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử đã gửi cơ quan thuế thì người bán gửi bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử bổ sung;</i>	- UBND TP Hải Phòng: Đề nghị bỏ quy định về gửi dữ liệu HĐĐT trường hợp bán lẻ xăng dầu do thực tế vận hành ở các cửa hàng bán lẻ xăng dầu hiện nay rất ít doanh nghiệp đáp ứng việc trang bị cột bơm bán lẻ xăng dầu có kết nối với phần mềm hóa đơn để xuất hóa đơn và ghi nhận doanh thu từng lần bán lẻ. - Cục Thuế tỉnh Bắc Giang (tham gia ý kiến theo công văn số 4992/UBND-KTTH ngày 31/8/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang): Đề nghị bổ sung: "Riêng đối với trường hợp bán xăng dầu cho khách hàng thì người bán tổng hợp dữ liệu tất cả các hóa đơn bán xăng dầu trong ngày theo từng mặt hàng đã thể hiện trên bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử và chuyển bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử này ngay trong ngày. Trừ trường hợp, người bán đã lựa chọn phương thức chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử đến cơ quan thuế theo phương thức chuyển đầy đủ nội dung từng hóa đơn." - Cục Thuế tỉnh Quảng Ninh (tham gia theo công văn số 5691/VP.UBND-KTTC ngày 30/8/2023 của UBND tỉnh Quảng Ninh): Tại điểm b1, đề	 <i>Người bán lập Bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử hàng hóa, cung cấp dịch vụ phát sinh trong tháng hoặc quý (tính từ ngày đầu của tháng, quý đến ngày cuối cùng của tháng hoặc quý) theo Mẫu số 01/TH-HĐĐT Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định này để gửi cơ quan thuế chậm nhất là cùng với thời hạn gian gửi Tờ khai thuế giá trị gia tăng theo quy định của Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành."</i>

Điều	Nội dung tại dự thảo lấy ý kiến rộng rãi	Ý kiến các đơn vị	Giải trình/tiếp thu
	<i>Trường hợp bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử đã gửi cơ quan thuế bị lập sai thì người bán gửi thông tin điều chỉnh cho các thông tin đã kê khai trên bảng tổng hợp;</i> <i>Việc điều chỉnh hóa đơn trên bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử theo quy định tại điểm a.1 khoản 2 Điều này thì phải điền đủ các thông tin: ký hiệu mẫu số hóa đơn, ký hiệu hóa đơn, số hóa đơn vào cột 14 “thông tin hóa đơn liên quan” tại Mẫu 01/TH-HĐĐT ban hành kèm theo Nghị định số 123/2020/NĐ-CP (trừ trường hợp hóa đơn điện tử không nhất thiết phải có đầy đủ các thông tin ký hiệu mẫu số hóa đơn, ký hiệu hóa đơn, số hóa đơn theo quy định tại khoản 14 Điều 10 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP).</i>	ngợi sửa lại theo hướng: các trường hợp bán xăng dầu thì người bán tổng hợp dữ liệu đầy đủ theo từng hóa đơn đến cơ quan thuế. Lý do: để thuận tiện cho việc tra cứu hóa đơn của người mua và các cơ quan chức năng. - Cục Thuế thành phố Cần Thơ (tham gia theo công văn số 3403/VPUB-KT ngày 11/9/2023 của UBND TP Cần Thơ): Tại điểm b1, đề xuất sửa: “Riêng đối với trường hợp bán xăng dầu cho khách hàng thì người bán tổng hợp dữ liệu tất cả các hóa đơn bán xăng dầu trong ngày theo từng mặt hàng để thể hiện trên bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử và chuyển bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử này ngay trong ngày. Trường hợp bán xăng dầu cho khách hàng có phát sinh sau giờ hành chính thì người bán được chuyển bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử chậm nhất đầu giờ làm việc của ngày tiếp theo.” Vì thời gian qua Công ty xăng dầu gặp nhiều khó khăn trong quá trình thực hiện do đơn vị bán hàng trực thuộc có các cửa hàng hoạt động bán hàng theo	

Điều	Nội dung tại dự thảo lấy ý kiến rộng rãi	Ý kiến các đơn vị	Giải trình/tiếp thu
		ca sau 17h -20 giờ thì việc gửi bảng tổng hợp số liệu trong ngày (trước 24h) gặp nhiều áp lực, thường xuyên làm thêm giờ do nhân viên không đủ thời gian xử lý gửi bảng tổng hợp để gửi trước 24h. - Cục Thuế tỉnh Bình Định (<i>tham gia theo công văn số 6358/UBND-TH ngày 31/8/2023 của UBND tỉnh Bình Định</i>): Tại điểm b1, đề nghị: các doanh nghiệp bán xăng dầu cũng phải thực hiện gửi dữ liệu như các DN kinh doanh điện, nước sạch, ví: thực tế quản lý thu cho thấy (1) các DN, tổ chức, cá nhân kinh doanh khi mua xăng dầu vẫn vẫn trứu hóa đơn trên HT HDDT; (2) các DN kinh doanh xăng dầu cũng thường là các DN có rủi ro cao về thuế, rủi ro cao về hóa đơn; (3) đảm bảo tính khách quan, công bằng trong quá trình thực hiện chính sách pháp luật về thuế về hóa đơn của NNT.	
Điều 30. Loại chứng từ	Bổ sung thêm điểm c vào Khoản 1, Điều 30 như sau: <i>"c. Chứng từ theo dõi, quản lý các giao dịch liên quan đến tiền, đồng tiền quy ước trong hoạt động kinh doanh casino, trò chơi điện tử có thưởng, kinh doanh giải trí có đặt cược."</i>	- Bộ Công an: đề nghị quy định cụ thể loại chứng từ theo dõi, quản lý các giao dịch trong hoạt động kinh doanh casino, trò chơi điện tử có thưởng,.. và đảm bảo thống nhất với các quy định tại khoản 4 Điều 32.	Dự thảo Nghị định đã quy định cụ thể Mẫu chứng từ liên quan các giao dịch, chứng từ ghi nhận thông tin giao dịch liên quan đến tiền, đồng tiền quy ước trong hoạt động kinh doanh casino, trò chơi điện tử có thưởng, kinh doanh giải

Điều	Nội dung tại dự thảo lấy ý kiến rộng rãi	Ý kiến các đơn vị	Giải trình/tiếp thu
			trí có đặt cược. Ngoài ra, Điều 32 Nghị định không có khoản 4. Sửa đổi, bổ sung tại Điều 4 như sau: <i>“10. Doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh casino, trò chơi điện tử có thưởng phải lập chứng từ điện tử và chuyển dữ liệu đến cơ quan thuế theo Mẫu số 01/TH-DT quy định tại Nghị định này để ghi nhận số tiền thu được do đổi đồng tiền quy ước cho người chơi tại quầy, tại bàn chơi và số tiền thu tại máy trò chơi điện tử có thưởng trừ đi số tiền đổi trả cho người chơi do người chơi trúng thưởng hoặc người chơi không sử dụng hết trong ngày xác định doanh thu cùng thời điểm chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử. Ngày xác định doanh thu là khoảng thời gian từ 0 giờ 00 phút đến 23 giờ 59 phút cùng ngày.”</i>
Điều 31. Thời điểm lập chứng từ	Điều 31. Thời điểm lập chứng từ và thời điểm chuyển dữ liệu chứng từ đến cơ quan thuế <i>1. Tại thời điểm khấu trừ thuế thu nhập cá nhân, thời điểm thu thuế, phí, lệ phí, thời điểm đổi đồng tiền quy ước, thời điểm trả thưởng, thời điểm tổng hợp doanh thu đối với hoạt động kinh doanh casino, trò chơi điện tử có thưởng, kinh doanh giải trí có đặt cược, tổ chức khấu</i>	- Bộ Công an: đề nghị nghiên cứu, xem xét quy định thời điểm lập chứng từ điện tử ghi nhận thông tin liên quan đến giao dịch đổi tiền, trả thưởng của doanh nghiệp kinh doanh casino, trò chơi điện tử có thưởng, kinh doanh giải trí đặt cược vào cuối ngày trên cơ sở tổng hợp giao dịch phát sinh của một người	Tại điểm q khoản 4 Điều 9 Dự thảo Nghị định đã quy định căn cứ trên tổng doanh thu thu được trên Mẫu số 01/TH-DT để lập hóa đơn. <i>“q) Đối với hoạt động kinh doanh casino và trò chơi điện tử có thưởng, doanh nghiệp kinh doanh casino, trò chơi điện tử có thưởng căn cứ vào</i>

Điều	Nội dung tại dự thảo lấy ý kiến rộng rãi	Ý kiến các đơn vị	Giải trình/tiếp thu
	trừ thuế thu nhập cá nhân, tổ chức thu thuế, phí, lệ phí, doanh nghiệp kinh doanh casino, trò chơi điện tử có thưởng, kinh doanh giải trí có đặt cược phải lập chứng từ, biên lai giao cho người có thu nhập bị khấu trừ thuế, người nộp các khoản thuế, phí, lệ phí, người đối đồng tiền quy ước, người nhận thưởng.	để điều chỉnh chứng từ. Nếu bổ sung quy định đó thì tại khoản 21 Điều 1 – dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Điều 34a Nghị định 123/2020/NĐ-CP về xử lý chứng từ điện tử đã lập, đề nghị bổ sung việc xử lý trong trường hợp điều chỉnh chứng từ đã lập, phân biệt với trường hợp sai chứng từ đã lập. - Cục Thuế tỉnh Bắc Ninh (tham gia ý kiến theo công văn số 3039/UBND-KTTH ngày 05/09/2023 của UBND tỉnh Bắc Ninh): Đề nghị có hướng dẫn rõ hơn về thời điểm trả thưởng đối với hoạt động kinh doanh casino, trò chơi điện tử có thưởng, kinh doanh giải trí có đặt cược là thời điểm nào. Đề xuất của Cục Thuế theo hướng là thời điểm kết thúc cuộc chơi và giải thích rõ 1 cuộc chơi được xác định là bắt đầu từ thời điểm người chơi vào chơi và kết thúc là thời điểm người chơi ra khỏi địa điểm chơi. - Cục Thuế tỉnh Quảng Ngãi (tham gia ý kiến theo công văn số 4276/UBND-KTTH ngày 31/8/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi): đề nghị sửa đổi bổ sung như sau <i>“1. Tại thời điểm khấu trừ thuế thu nhập cá nhân, thời điểm thu thuế, phí,</i>	<i>tổng doanh thu thu được trên Mẫu số 01/TH-DT để lập hóa đơn chậm nhất là một (01) ngày kể từ thời điểm kết thúc ngày xác định doanh thu đồng thời chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử đến cơ quan thuế trong ngày lập hóa đơn.”</i> Do đó, trường hợp có sai thì doanh nghiệp cần lập hóa đơn điều chỉnh theo quy định tại Điều 19 dự thảo Nghị định và gửi lại Mẫu số 01/TH-DT. Tại dự thảo Nghị định lấy ý kiến Bộ Tư pháp đã giữ nguyên quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định 123/2020/NĐ-CP, do đó, không tiếp thu ý kiến của Cục Thuế tỉnh Quảng Ngãi.

Điều	Nội dung tại dự thảo lấy ý kiến rộng rãi	Ý kiến các đơn vị	Giải trình/tiếp thu
		<i>lệ phí.....kinh doanh giải trí có đặt cược, tổ chức, cá nhân khấu trừ thuế thu nhập cá nhân...."</i> Lý do: để phù hợp với các quy định hiện hành và các quy định khác trong nội dung dự thảo. - UBND TP Hải Phòng: Đề nghị bổ sung nội dung: <i>"Đồng thời phải chuyển dữ liệu theo chuẩn định dạng đến cơ quan thuế nếu là biên lai, chứng từ điện tử"</i> vào cuối khoản 1. Lý do: Tiêu đề của Điều 31 là Thời điểm lập chứng từ và thời điểm chuyển dữ liệu chứng từ đến CQT. Tuy nhiên, toàn bộ nội dung của Điều 31 không nhắc đến thời điểm chuyển dữ liệu chứng từ đến CQT.	Tiếp thu ý kiến của UBND thành phố Hải Phòng, tại Điều 34b đã bổ sung quy định về việc chuyển dữ liệu chứng từ điện tử đến cơ quan thuế.
	3. Tổ chức chi trả thu nhập chỉ được cấp chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân cho người nộp thuế khi đã nộp đầy đủ tiền thuế đã khấu trừ của người lao động vào ngân sách Nhà nước.	- Thông tấn xã Việt Nam Điều này chưa phù hợp do: Khi thực hiện khấu trừ tại nguồn, người nhận thu nhập đã thực hiện nộp tiền thuế thu nhập cá nhân qua cơ quan chi trả thu nhập; nên được nhận ngay chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân. Trách nhiệm nộp tiền thuế và kê khai theo chứng từ khấu trừ thuộc về cơ quan chi	Tiếp thu ý kiến của Thông tấn xã Việt Nam, UBND TP Hà Nội, UBND Đà Nẵng, Cục Thuế Bắc Ninh, Cục Thuế Quảng Ninh bỏ quy định tổ chức trả thu nhập phải nộp tiền thuế vào NSNN mới được cấp chứng từ khấu trừ cho cá nhân tại dự thảo Nghị định.

Điều	Nội dung tại dự thảo lấy ý kiến rộng rãi	Ý kiến các đơn vị	Giải trình/tiếp thu
		trả thu nhập. Điều này tránh gây bất lợi cho NNT. - UBND TP Hà Nội, UBND Đà Nẵng, Cục Thuế Bắc Ninh (<i>tham gia ý kiến theo công văn số 3039/UBND-KTTH ngày 05/09/2023 của UBND tỉnh Bắc Ninh</i>), Cục Thuế Quảng Ninh: đề xuất bỏ nội dung này. - Cục Thuế tỉnh Quảng Ngãi (<i>tham gia ý kiến theo công văn số 4276/UBND-KTTH ngày 31/8/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi</i>): Đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau: “3. Tổ chức, cá nhân chỉ trả thu nhập chỉ được cấp chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân cho người nộp thuế khi đã nộp đầy đủ tiền thuế đã khấu trừ của người lao động vào ngân sách Nhà nước.”	
Điều 32. Nội dung chứng từ	1. Chứng từ khấu trừ thuế có các nội dung sau: a) Tên chứng từ khấu trừ thuế; b) Ký hiệu mẫu chứng từ khấu trừ thuế, ký hiệu chứng từ khấu trừ thuế thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính; c) Số thứ tự chứng từ khấu trừ thuế là số thứ tự được thể hiện trên chứng từ và được bắt đầu từ số 01 vào ngày 01 tháng một hoặc ngày bắt đầu sử dụng chứng từ và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Chứng từ	- UBND TP Hải Phòng: + Tại điểm c, đề nghị bỏ nội dung: “Trường hợp số chứng từ không được lập theo nguyên tắc nêu trên thì hệ thống lập chứng từ điện tử phải đảm bảo nguyên tắc tăng theo thời gian, mỗi chứng từ đảm bảo chỉ được lập, sử dụng một lần duy nhất và tối đa 07 chữ số.” Để thuận tiện cho công chức thuế đối chiếu các khoản thu theo năm với	Tiếp thu ý kiến

Điều	Nội dung tại dự thảo lấy ý kiến rộng rãi	Ý kiến các đơn vị	Giải trình/tiếp thu
	khấu trừ thuế điện tử có số thứ tự liên tục từ nhỏ đến lớn theo dãy số tự nhiên, tối đa không quá 7 chữ số trong 01 ký hiệu (đến số 9 999 999). Trường hợp số chứng từ không được lập theo nguyên tắc nêu trên thì hệ thống lập chứng từ điện tử phải đảm bảo nguyên tắc tăng theo thời gian, mỗi chứng từ đảm bảo chỉ được lập, sử dụng một lần duy nhất và tối đa 07 chữ số. d) Tên, địa chỉ, mã số thuế của người nộp; đ) Tên, địa chỉ, mã số thuế của người nộp thuế (nếu người nộp thuế có mã số thuế); e) Quốc tịch (nếu người nộp thuế không thuộc quốc tịch Việt Nam); g) Khoản thu nhập, thời điểm trả thu nhập, tổng thu nhập chịu thuế, số thuế đã khấu trừ; số thu nhập còn được nhận; Khoản đóng bảo hiểm bắt buộc; h) Ngày, tháng, năm lập chứng từ khấu trừ thuế; i) Họ tên, chữ ký của người trả thu nhập. Trường hợp sử dụng chứng từ khấu trừ thuế điện tử thì chữ ký trên chứng từ điện tử là chữ ký số. Ngoài các nội dung nêu trên thì tổ chức, cá nhân có thể bổ sung những đặc thù, biểu tượng của mình trên chứng từ khấu trừ thuế điện tử. Chữ viết hiển thị trên chứng từ khấu trừ thuế là tiếng Việt. Trường hợp cần ghi thêm chữ nước ngoài thì chữ nước ngoài được đặt	số chứng từ phát ra theo năm tài chính và đồng nhất quy định về số thứ tự chứng từ với hóa đơn, biên lai. - Cục Thuế Thanh Hóa (tham gia theo công văn số 12834/UBND-KTTC ngày 31/8/2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa): Tại điểm d, đề xuất sửa: “Tên, địa chỉ, mã số thuế của người nộp tổ chức, cá nhân chi trả thu nhập;” : Tại điểm g bổ sung “Khoản từ thiện, nhân đạo, khuyến học;”	Tiếp thu ý kiến Tiếp thu ý kiến

Điều	Nội dung tại dự thảo lấy ý kiến rộng rãi	Ý kiến các đơn vị	Giải trình/tiếp thu
	<i>bên phải trong ngoặc đơn () hoặc đặt ngay dưới dòng tiếng Việt và có cỡ chữ nhỏ hơn chữ tiếng Việt. Trường hợp có sai khác giữa nội dung tiếng Việt và chữ nước ngoài thì ưu tiên tiếng Việt trước, tiếng nước ngoài sau.</i> <i>Mẫu hiện thị chứng từ khấu trừ thuế theo Mẫu số 03/TNCN ban hành kèm theo Nghị định này.</i>		
	Điểm h khoản 2: 2. Biên lai h) Chữ ký của người thu tiền. Trường hợp sử dụng biên lai điện tử thì chữ ký trên biên lai điện tử là chữ ký số.	- Bộ GTVT: Đề xuất sửa: <i>"h. Chữ ký của người thu tiền. Trường hợp sử dụng biên lai chứng từ điện tử thì chữ ký trên biên lai chứng từ điện tử là chữ ký số. Trường hợp chứng từ điện tử đã lập có thời điểm ký số trên chứng từ khác thời điểm lập chứng từ thì thời điểm lập chứng từ và thời điểm ký số cách nhau tối đa không quá 24h và thời điểm để kê khai thuế đối với người thu tiền là thời điểm lập chứng từ, thời điểm tính nghĩa vụ của người nộp thuế là thời điểm chứng từ đảm bảo đúng, đầy đủ về hình thức và nội dung theo quy định tại Điều 32 Nghị định này".</i> Lý do: Tại điểm d khoản 6 Điều 1 dự thảo Nghị định đã quy định về "trường hợp hóa đơn điện tử đã lập có thời điểm ký số trên hóa đơn khác thời điểm lập hóa đơn...", do đó quy định bổ sung đối với chứng từ điện tử để	Tiếp thu "quy định thống nhất với hóa đơn".

Điều	Nội dung tại dự thảo lấy ý kiến rộng rãi	Ý kiến các đơn vị	Giải trình/tiếp thu
	<i>4. Chứng từ theo dõi, quản lý các giao dịch liên quan đến tiền, đồng tiền quy ước trong hoạt động kinh doanh casino, trò chơi điện tử có thưởng, kinh doanh giải trí có đặt cược có nội dung sau:</i> <i>a) Phiếu đổi đồng tiền quy ước</i> - Tên doanh nghiệp; - Mã số thuế doanh nghiệp; - Ký hiệu; - Số; - Ngày, tháng, năm lập chứng từ; - Loại tiền thu được (đồng tiền); - Số tiền thu được; - Loại đồng tiền quy ước; - Số lượng đồng tiền quy ước; - Mệnh giá đồng tiền quy ước (quy đổi theo từng đồng tiền); - Bàn chơi/ điểm thu ngân; - Họ tên, chữ ký của người lập chứng từ. <i>b) Phiếu đổi lại đồng tiền quy ước, trả thưởng</i> - Tên doanh nghiệp;	thống nhất với nội dung quy định về hóa đơn điện tử.	Dự thảo Nghị định đã quy định chứng từ liên quan đến hoạt động kinh doanh casino, trò chơi điện tử có thưởng tại khoản 10 Điều 4.

Điều	Nội dung tại dự thảo lấy ý kiến rộng rãi	Ý kiến các đơn vị	Giải trình/tiếp thu
	- Mã số thuế doanh nghiệp; - Ký hiệu; - Số; - Ngày, tháng, năm lập chứng từ; - Loại tiền trả lại cho người chơi (đồng tiền); - Số tiền trả lại; - Loại đồng tiền quy ước nhận lại; - Số lượng đồng tiền quy ước nhận lại; - Mệnh giá đồng tiền quy ước (quy đổi theo từng đồng tiền); - Điểm thu ngân; - Họ tên, chữ ký của người lập chứng từ. <i>Trường hợp sử dụng chứng từ điện tử thì chữ ký trên chứng từ điện tử là chữ ký số.</i>		
Điều 33. Định dạng chứng từ điện tử	1. Định dạng biên lai <i>chứng từ</i> điện tử Các loại biên lai <i>chứng từ</i> quy định tại điểm b khoản 1 Điều 30 Nghị định này phải thực hiện theo định dạng sau: a) Định dạng biên lai <i>chứng từ</i> điện tử sử dụng ngôn ngữ định dạng văn bản XML (XML là chữ viết tắt của cụm từ tiếng Anh "eXtensible Markup Language" được tạo ra với mục đích chia sẻ dữ liệu điện tử giữa các hệ thống công nghệ thông tin);	- UBND TP Hải Phòng: bổ sung quy định việc sử dụng biên lai điện tử của CQT và các tổ chức thu phí, lệ phí bằng hình thức sử dụng trên cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế hay sử dụng thông qua nhà cung cấp. - Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa (<i>tham gia theo công văn số 12834/UBND-KTTC ngày 31/8/2023 của UBND</i>	Tiếp thu ý kiến, nội dung này được quy định tại Điều 34. Tiếp thu ý kiến Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa, Cục Thuế tỉnh Cà Mau đã sửa quy

Điều	Nội dung tại dự thảo lấy ý kiến rộng rãi	Ý kiến các đơn vị	Giải trình/tiếp thu
	b) Định dạng biên lai chứng từ điện tử gồm hai thành phần: thành phần chứa dữ liệu nghiệp vụ biên lai điện tử và thành phần chứa dữ liệu chữ ký số; c) Tổng cục Thuế xây dựng và công bố thành phần chứa dữ liệu nghiệp vụ biên lai chứng từ điện tử, thành phần chứa dữ liệu chữ ký số và cung cấp công cụ hiển thị các nội dung của biên lai chứng từ điện tử theo quy định tại Nghị định này. 2. Định dạng chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân d) Tổ chức khấu trừ thuế thu nhập cá nhân khi sử dụng lập chứng từ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 30 Nghị định này theo hình thức điện tử tự xây dựng từ hệ thống phần mềm để sử dụng chứng từ điện tử đảm bảo các nội dung bắt buộc theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị định này. Trường hợp tổ chức, cá nhân trả thu nhập được sử dụng hóa đơn điện tử trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế thì có thể lựa chọn việc lập chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân trên cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế. <i>Doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh casino và trò chơi điện tử có thưởng khi sử dụng chứng từ theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 30 Nghị định này theo hình thức điện tử tự xây dựng hệ thống phần mềm để sử dụng chứng từ điện tử đảm bảo các nội dung bắt buộc theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Nghị định này.</i>	tỉnh Thanh Hóa): Tại điểm b, đề xuất sửa: <i>“Định dạng chứng từ điện tử gồm hai thành phần: thành phần chứa dữ liệu nghiệp vụ biên lai chứng từ điện tử và thành phần chứa dữ liệu chữ ký số;”</i> Lý do: Để phù hợp với nội dung của dự thảo Nghị định là chứng từ. - Cục Thuế tỉnh Cà Mau (tham gia ý kiến theo công văn số 6941/UBND-KT ngày 31/8/2023 UBND tỉnh Cà Mau): Tại điểm c, đề nghị sửa “<i>biên lai</i>” thành từ “<i>chứng từ</i>” cho thống nhất.	định tại điểm 1 khoản 17 dự thảo Nghị định.

Điều	Nội dung tại dự thảo lấy ý kiến rộng rãi	Ý kiến các đơn vị	Giải trình/tiếp thu
Điều 34. Đăng ký sử dụng biên lai điện tử	3. Kể từ thời điểm sử dụng biên lai <i>chứng từ</i> điện tử theo quy định tại Nghị định này, tổ chức nêu tại khoản 1 Điều này phải thực hiện hủy những biên lai, chứng từ giấy còn tồn chưa sử dụng (nếu có) theo quy định.	- UBND TP Hà Nội: Đề xuất sửa thành: . “Kể từ thời điểm sử dụng biên lai <i>chứng từ</i> điện tử theo quy định tại Nghị định này, tổ chức nêu tại khoản 1 Điều này phải thực hiện hủy những biên lai, chứng từ giấy theo quy định tại các Nghị định trước khi dự thảo Nghị định 123 có hiệu lực còn tồn chưa sử dụng (nếu có) theo quy định.” Lý do: Ngoài chứng từ giấy thì còn có chứng từ khấu trừ điện tử theo Nghị định số 123/2020/NĐ-CP đã sử dụng mà không phải đăng ký với CQT.	Tiếp thu ý kiến và sửa nội dung điểm a khoản 18 dự thảo Nghị định như sau: “3. Kể từ thời điểm cơ quan thuế chấp nhận đăng ký sử dụng biên lai <i>chứng từ</i> điện tử theo quy định tại Nghị định này, tổ chức nêu tại khoản 1 Điều này phải thực hiện ngừng sử dụng chứng từ điện tử đã thực hiện theo các quy định trước đây, tiêu hủy những biên lai, chứng từ giấy còn tồn chưa sử dụng (nếu có) theo quy định.”
	5. Tổ chức thực hiện báo cáo việc sử dụng biên lai điện tử theo quý chậm nhất là ngày 30 của tháng đầu quý sau theo Mẫu BC26/BLĐT ban hành kèm theo Nghị định này.	- Bộ GTVT: tại dự thảo Nghị định đã bỏ Mẫu BC26/BLĐT nên đề nghị rà soát Mẫu báo cáo để quy định cho phù hợp. - UBND TP Đà Nẵng, TP Hải Phòng, Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa (tham gia ý kiến theo công văn số 12834/UBND-KTTC ngày 31/8/2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa): Đề xuất không bổ sung quy định này.	Tiếp thu ý kiến Bộ GTVT và hoàn thiện nội dung này được đưa xuống khoản 3 Điều 34b quy định trách nhiệm chuyển dữ liệu chứng từ điện tử đến cơ quan thuế của tổ chức, cá nhân khi sử dụng chứng từ điện tử.
Điều 34a. Xử lý	Điều 34a. Xử lý chứng từ điện tử đã lập	- UBND TP Hải Phòng: đề nghị bổ sung hướng dẫn nội dung xử lý sai sót	Tiếp thu ý kiến, dự thảo Nghị định quy định Trường hợp chứng từ điện tử đã

Điều	Nội dung tại dự thảo lấy ý kiến rộng rãi	Ý kiến các đơn vị	Giải trình/tiếp thu
chứng từ điện tử đã lập	<i>1. Trường hợp chứng từ lập sai nội dung thì tổ chức thực hiện hủy chứng từ điện tử, riêng trường hợp đã gửi chứng từ điện tử cho người nộp thuế thì tổ chức phải lập biên bản ghi rõ nội dung sai, số, ngày chứng từ đã lập sai có chữ ký xác nhận của người nộp thuế trước khi hủy chứng từ điện tử.</i>	đối với biên lai thuế, phí, lệ phí điện tử nếu phát sinh sai sót và cách điều chỉnh nếu biên lai đã được kê khai hạch toán vào NSNN.	<i>lập sai thì tổ chức thực hiện xử lý chứng từ điện tử đã lập theo nguyên tắc xử lý hóa đơn điện tử đã lập quy định tại Điều 19 Nghị định này.</i>
Điều 35 Nguyên tắc tạo biên lai	1. Cục Thuế tạo biên lai phí, lệ phí theo hình thức đặt in (loại không in sẵn mệnh giá) được bán cho các tổ chức thu phí, lệ phí theo giá đảm bảo bù đắp chi phí in ấn, phát hành. Đồng thời Cục Thuế tạo biên lai thu thuế theo hình thức đặt in cấp cho các Chi cục Thuế, tổ chức được ủy nhiệm thu để thực hiện thu thuế.	- Cục Thuế Bắc Giang(<i>tham gia theo công văn số 4992/UBND-KTTH ngày 31/8/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang</i>): Đề nghị sửa như sau: "1. Cục Thuế tạo biên lai theo hình thức đặt in (loại không in sẵn mệnh giá) để cấp cho các Chi cục Thuế, tổ chức ủy nhiệm thu, bán cho tổ chức thu phí, lệ phí theo giá đảm bảo bù đắp chi phí in, phát hành.	Dự thảo Nghị định không sửa đổi, bổ sung các Điều liên quan biên lai đặt in, tự in. Cơ quan thuế hướng tới sử dụng biên lai thu thuế điện tử.
Điều 47. Hình thức khai thác, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử trên Cổng thông tin điện tử	Sửa đổi, bổ sung khoản 2 2. Bên sử dụng thông tin là các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức tín dụng, tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử, tổ chức sử dụng thông tin chứng từ điện tử để khấu trừ thuế thu nhập cá nhân đã ký quy chế trao đổi thông tin hoặc ký hợp đồng phải đăng ký và được cấp quyền truy cập, kết nối, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử từ Tổng cục Thuế như sau: tra cứu, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử theo phạm vi, thời gian, trách nhiệm và quyền truy cập Cổng thông tin điện tử về hóa đơn	- Bộ Tư pháp: Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ "tổ chức sử dụng thông tin chứng từ điện tử để khấu trừ thuế thu nhập cá nhân" trong trường hợp này gồm tổ chức nào. Trên thực tế, việc khấu trừ thuế TNCN có thể phát sinh tại nhiều nơi do có nhiều loại thu nhập khác nhau, đảm bảo tính công khai, minh bạch trong việc sử dụng thông tin chứng từ điện tử để khấu trừ thuế TNCN.	Tiếp thu ý kiến Bộ Tư pháp, nội dung về "tổ chức sử dụng thông tin chứng từ điện tử để khấu trừ thuế thu nhập cá nhân" đã được bỏ tại dự thảo Nghị định.

Điều	Nội dung tại dự thảo lấy ý kiến rộng rãi	Ý kiến các đơn vị	Giải trình/tiếp thu
	<i>điện tử được quy định cụ thể tại văn bản thống nhất giữa hai bên.</i> <i>a) Áp dụng chữ ký số có hiệu lực theo quy định của pháp luật;</i> <i>b) Thực hiện việc mã hóa đường truyền;</i> <i>c) Đảm bảo an toàn thông tin theo quy định của pháp luật;</i> <i>d) Tuân thủ các yêu cầu kỹ thuật do Tổng cục Thuế công bố, gồm: Chi tiêu thông tin, định dạng dữ liệu, phương thức kết nối, tần suất trao đổi thông tin.</i> <i>Bên sử dụng thông tin nêu tại khoản 2 Điều này có trách nhiệm phân công đầu mối đăng ký sử dụng thông tin hóa đơn điện tử (sau đây gọi tắt là đầu mối đăng ký) và thông báo cho Tổng cục Thuế bằng văn bản.</i>		
Điều 49. Đăng ký mới, bổ sung thông tin đăng ký, thu hồi tài khoản truy cập Cổng thông tin điện tử để khai thác sử dụng thông tin hóa đơn	1. Đăng ký mới, bổ sung nội dung cung cấp thông tin hóa đơn điện tử a) Đầu mối đăng ký của bên sử dụng thông tin gửi 01 bản chính văn bản đến Tổng cục Thuế, đề nghị đăng ký mới hoặc bổ sung nội dung cung cấp thông tin hóa đơn điện tử theo Mẫu số 01/CCTT-ĐK Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này. b) Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản đề nghị, Tổng cục Thuế, thực hiện việc đăng ký mới hoặc bổ sung nội dung cung cấp thông tin hóa đơn điện tử và thông báo kết quả theo Mẫu số 01/CCTT-NT Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định	- Bộ GTVT: đề xuất sửa tên Điều: "Điều 49. Đăng ký mới, bổ sung thông tin đăng ký, thu hồi tài khoản truy cập Cổng thông tin điện tử để khai thác sử dụng thông tin hoá đơn, chứng từ điện tử." Lý do: Để các đơn vị nếu chỉ phát hành biên lai điện tử (không phát hành hoá đơn điện tử) cũng được cấp tài khoản truy cập cổng thông tin điện tử. Hiện nay một số cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập chỉ phát hành biên lai điện tử (không phát hành hoá đơn	Không tiếp thu ý kiến do: Tại dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 123/2020/NĐ-CP quy định các tổ chức sử dụng biên lai thu thuế, phí, lệ phí gửi báo cáo theo mẫu BC26/BLĐT cùng với thời điểm gửi tờ khai phí, lệ phí, không gửi dữ liệu biên lai điện tử đến cơ quan thuế.

Điều	Nội dung tại dự thảo lấy ý kiến rộng rãi	Ý kiến các đơn vị	Giải trình/tiếp thu
<i>điện tử, chấm dứt sử dụng thông tin hóa đơn điện tử</i>	này cho đầu mỗi đăng ký của bên sử dụng thông tin bằng văn bản. Trường hợp có các nội dung thông tin không được chấp nhận đăng ký mới hoặc bổ sung thì phải nêu rõ lý do.	điện tử) nhưng vẫn có nhu cầu cấp tài khoản để truy cập vào cổng thông tin điện tử tra cứu, sử dụng hoá đơn điện tử đầu vào nhằm đảm bảo tính hợp pháp cho các chứng từ điện tử trong công tác giải ngân.	
Điều 57. Trách nhiệm của cơ quan thuế trong quản lý hóa đơn, chứng từ điện tử	Bổ sung khoản 4 4. Cán bộ thuế được miễn trách nhiệm trong trường hợp đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ được giao, tuân thủ đúng quy định pháp luật, nguyên tắc quản lý rủi ro trong quản lý thuế và các trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật	- Bộ Tư pháp: Việc xác định hiện CBT đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ được giao, tuân thủ đúng quy định pháp luật hay chưa căn cứ vào quy định của pháp luật thuế và pháp luật có liên qua. Vì vậy, trong việc thực hiện công việc nhà nước giao, trường hợp vi phạm thì sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật. Việc quy định nội dung trên không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định về hóa đơn, chứng từ. - Bộ Tài nguyên và môi trường: Đề nghị quy định rõ trách nhiệm của cơ quan thuế, doanh nghiệp, người nộp thuế và các tổ chức liên quan. - Bộ Công an: Cần nhắc việc bổ sung khoản này là không cần thiết do tại VBPL về tổ chức cán bộ, xử lý vi phạm hành chính, hình sự đã có quy định về việc miễn trách nhiệm trong từng trường hợp, Nội quy quy định tại khoản 4 cũng chưa đầy đủ các trường hợp miễn trách nhiệm. Nghiên cứu bổ sung	Tiếp thu ý kiến Bộ Tư pháp và bỏ nội dung này tại dự thảo Nghị định.

Điều	Nội dung tại dự thảo lấy ý kiến rộng rãi	Ý kiến các đơn vị	Giải trình/tiếp thu
		CQT có cơ chế hậu kiểm các tổ chức, cá nhân sau khi thành lập doanh nghiệp, đăng ký thuế, đăng ký sử dụng HĐĐT để phát hiện các trường hợp dùng giấy tờ giả mạo để thành lập doanh nghiệp, nhân thân người không đủ năng lực đứng tên đại diện doanh nghiệp.	
Điều 58. Trách nhiệm chia sẻ, kết nối thông tin, dữ liệu hóa đơn điện tử	Sửa đổi, bổ sung Khoản 3 3. Tổ chức sản xuất, nhập khẩu những sản phẩm chịu thuế tiêu thụ đặc biệt thuộc đối tượng sử dụng tem theo quy định của pháp luật thực hiện quét mã QR cho sản phẩm sản xuất tại Việt Nam trước khi tiêu thụ trong nước hoặc sản phẩm sản xuất ở nước ngoài trước khi nhập khẩu để đảm bảo kết nối thông tin về in và sử dụng tem, tem điện tử giữa tổ chức sản xuất, nhập khẩu với cơ quan quản lý thuế. Thông tin về in, sử dụng tem điện tử là cơ sở để lập, quản lý và xây dựng cơ sở dữ liệu hóa đơn điện tử. Các đối tượng sử dụng tem có trách nhiệm chi trả chi phí in và sử dụng tem theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	- Bộ Tài nguyên và môi trường: Đề nghị quy định rõ trách nhiệm của cơ quan thuế, doanh nghiệp, người nộp thuế và các tổ chức liên quan.	Đã có quy định về trách nhiệm của cơ quan thuế, doanh nghiệp, người nộp thuế và các tổ chức liên quan.
Khoản 2 Điều 2 dự thảo	2. Bãi bỏ quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư 39/2022/TT-BTC ngày 24/06/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định 121/2021/NĐ-CP về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành.	- Bộ Tư pháp: Khoản 1 Điều 12 Luật Ban hành VBQPPL quy định: “ <i>Văn bản quy phạm pháp luật chỉ được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ bằng văn bản quy phạm pháp luật của chính cơ quan nhà nước đã ban hành văn bản đó hoặc bị đình chỉ việc thi hành hoặc</i>	Tiếp thu ý kiến Bộ Tư pháp, nội dung này đã được bỏ tại dự thảo Nghị định.

Điều	Nội dung tại dự thảo lấy ý kiến rộng rãi	Ý kiến các đơn vị	Giải trình/tiếp thu
		bãi bỏ bằng văn bản của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền". Như vậy, Thông tư của Bộ trưởng BTC cần được bãi bỏ bằng một Thông tư khác của Bộ trưởng BTC. Bên cạnh đó, VBQPPL cũng có thể bị đình chỉ việc thi hành hoặc bãi bỏ bằng VB của CQNN, người có thẩm quyền trong quá trình xử lý văn bản QPPL có dấu hiệu trái pháp luật theo quy định tại Chương XV Luật Ban hành VBQPPL. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc chính lý quy định trên, đảm bảo phù hợp với Luật ban hành VBQPPL.	
Khoản 2 Điều 3 dự thảo	3. Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định này	- Bộ Tư pháp: Đề nghị chính lý nội dung này đảm bảo thực hiện đúng khoản 1 Điều 11 Luật Ban hành VBQPPL: "Trong trường hợp văn bản có điều, khoản, điểm mà nội dung liên quan đến quy trình, quy chuẩn kỹ thuật và những nội dung khác cần quy định chi tiết thì ngay tại điều, khoản, điểm đó có thể giao cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định chi tiết. Đề nghị cơ quan soạn thảo tiếp tục rà soát, nghiên cứu thể chế hóa đầy đủ các chủ trương, chính sách của Đảng, trong đó, đề nghị lưu ý, đảm bảo không vi	Tiếp thu ý kiến Bộ Tư pháp.

Điều	Nội dung tại dự thảo lấy ý kiến rộng rãi	Ý kiến các đơn vị	Giải trình/tiếp thu
		phạm quy định số 69-QĐ/TW ngày 06/7/2022 của Bộ Chính trị về kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm (trong đó không được: “chi đạo, ban hành thể chế, cơ chế, chính sách có nội dung trái chủ trương, quy định của Đảng, pháp luật của nhà nước, cái cảm lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ” (điểm d khoản 2 Điều 9)); tuân thủ đúng Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ về một số giải pháp nâng cao chất lượng công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật nhằm ngăn ngừa tình trạng tham nhũng, lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ.	

Điều	Ý kiến các Bộ	Giải trình/tiếp thu
Các nội dung khác	- Bộ Tư pháp: đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát nội dung sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Nghị định để quy định điều khoản chuyển tiếp cho phù hợp, tránh khoảng trống pháp lý trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện và đảm bảo tính khả thi. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, xử lý các vướng mắc, bất cập trong thời gian vừa qua, đề xuất sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Nghị định. Về dự thảo Báo cáo đánh giá tác động, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo hoàn thiện Báo cáo đánh giá tác động theo mẫu số 01 phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành VBQPPL. - Bộ Nội vụ, Bộ VHTT&DL: + Đề nghị nghiên cứu, bổ sung tại Mục I dự thảo Tờ trình cơ sở chính trị, cơ sở pháp lý, trong đó làm rõ việc ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 123/2020/NĐ-CP nhằm bảo đảm đúng quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020). Cụ thể: Việc xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP đã được đưa vào Chương trình công tác năm 2023 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ (<i>Quyết định số 48/QĐ-TTg ngày 03/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ</i>), theo đó Bộ Tài chính căn cứ văn bản nguồn là Luật Quản lý Thuế năm 2019 và khoản 2 Điều 84 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 để xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP và trình Chính phủ vào tháng 10 năm 2023.	Tiếp thu ý kiến Bộ tư pháp.
	Tuy nhiên, tại dự thảo Tờ trình Chính phủ, cơ quan chủ trì soạn thảo chưa nêu rõ đã thực hiện bước lập đề nghị xây dựng nghị định trước khi soạn thảo, lấy ý kiến hay chưa. Do vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, thực hiện đúng trình tự, thủ tục xây dựng nghị định và báo cáo Chính phủ tại dự thảo Tờ trình Chính phủ. + Về nguồn lực, điều kiện bảo đảm thi hành Nghị định sau khi được ban hành phải bảo đảm không làm tăng thêm đầu mối tổ chức và biên chế (người hưởng lương từ ngân sách nhà nước) theo đúng chỉ đạo tại	Tiếp thu Tiếp thu sửa tại dự thảo Tờ trình Chính phủ bổ sung Quyết định Quyết định số 48/QĐ-TTg ngày 03/02/2023 về việc giao Bộ Tài chính xây dựng Nghị định.

Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. - Bộ Tài nguyên và Môi trường: Đề nghị xem xét quy định hóa đơn phải đảm bảo tôn trọng thực tiễn kinh doanh. - Bộ GTVT: Đề nghị rà soát các cụm từ “tổ chức thu phí, lệ phí” hay “tổ chức thu thuế, phí, lệ phí”, “biên lai điện tử” hay “chứng từ điện tử”, “hóa đơn” hay “hóa đơn điện tử” tại dự thảo Nghị định để đảm bảo thống nhất. - Bảo hiểm xã hội VN Đề nghị bổ sung quy định tại Điều 1 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP về phạm vi điều chỉnh: “<i>Đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức có nhu cầu sử dụng chứng từ điện tử ngoài các chứng từ khi thực hiện các thủ tục về thuế, thu phí, lệ phí được khuyến khích áp dụng các quy định tại Nghị định này</i>”. Lý do: - Chứng từ điện tử đã quy định tại Điều 17 Luật Kế toán, Điều 5 Nghị định số 165/2018/NĐ-CP ngày 24/12/2018 của Chính phủ quy định về giao dịch điện tử trong lĩnh vực tài chính. Tuy nhiên, chưa có quy định cụ thể về quy trình tạo lập, thông báo, sử dụng, quản lý đối với chứng từ điện tử. - Tại Nghị định số 123/2020/NĐ-CP đã quy định cụ thể về quy trình tạo lập, thông báo, sử dụng, quản lý đối với chứng từ điện tử. Tuy nhiên, theo Điều 1 và khoản 4 Điều 3 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP thì Nghị định chỉ áp dụng đối với chứng từ điện tử bao gồm chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân, biên lai thuế, phí, lệ phí được thể hiện theo hình thức điện tử hoặc đặt in, tự in. - Thực tiễn tại BHXH Việt Nam được giao nhiệm vụ thu tiền đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) của người tham gia theo quy định của Luật BHXH, Luật BHYT, Luật Việc làm và Nghị định số 89/2020/NĐ-CP ngày 04/8/2020 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của BHXH Việt Nam. Khi thu tiền đóng của người tham gia BHXH, BHYT, cơ quan BHXH có trách nhiệm cấp cho người tham gia một chứng từ xác nhận số tiền người tham gia đã đóng, là cơ sở để cơ quan BHXH hạch toán kế toán, ghi nhận quá trình tham gia BHXH và cấp thẻ BHYT cho người tham gia. Cùng với quá trình đẩy mạnh giao dịch điện tử và hiện đại hóa công nghệ thông tin trong hoạt động hành chính, việc sử dụng biên lai thu tiền đóng BHXH, BHYT dưới hình thức điện tử nhằm tiết kiệm chi phí,	Tiếp thu Đã tiếp thu và rà soát toàn bộ Nghị định Tiếp thu Không tiếp thu vì không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này, căn cứ quy định tại Luật Kế toán và pháp luật khác
---	---

thuận tiện trong tổ chức thực hiện, đáp ứng nhu cầu chuyển đổi số đang được BHXH Việt Nam quan tâm, xây dựng điều kiện hạ tầng, phần mềm để triển khai.

Do đó, để thống nhất việc quản lý, sử dụng chứng từ điện tử (ngoài các chứng từ khi thực hiện các thủ tục về thuế, thu phí, lệ phí) tại BHXH Việt Nam nói riêng và các cơ quan, đơn vị, tổ chức khác nói chung, BHXH Việt Nam đề nghị bổ sung nội dung khuyến khích các đơn vị áp dụng quy định về quản lý, sử dụng chứng từ điện tử tại Nghị định số 123/2020/NĐ-CP.

- Bộ KH&CN:

+ Khoản 1, Điều 7, Nghị định 123/2020/CP - Chuyển đổi hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử thành hóa đơn, chứng từ giấy:

"1. Hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử hợp pháp được chuyển đổi thành hóa đơn, chứng từ giấy khi có yêu cầu nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý thuế, cơ quan kiểm toán, thanh tra, kiểm tra, điều tra và theo quy định của pháp luật về thanh tra, kiểm tra và điều tra."

Đề nghị xem xét, đưa vào dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế. Vì hiện nay, một số người mua đã nhận được hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế và có đầy đủ thông tin hợp lệ tuy nhiên vẫn yêu người bán cung cấp hóa đơn chuyển đổi.

+ Nghị định bổ sung thêm quy định về xử lý Biên lai có sai sót (điều chỉnh và thay thế biên lai)

Khi đã sử dụng HĐĐT thì việc lưu trữ, bảo quản, giữ/ nhận theo phương thức điện tử không khuyến khích chuyển đổi thành hóa đơn, chứng từ giấy, như vậy không đảm bảo lợi ích của HĐĐT

BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5385 /BTP-PLDSKT

Hà Nội, ngày 07 tháng 11 năm 2023

V/v góp ý dự thảo Nghị định sửa đổi,
bổ sung Nghị định số 123/2020/NĐ-CP
quy định về hóa đơn, chứng từ

Kính gửi: Bộ Tài chính

Trả lời Công văn số 9206/BTC-TCT ngày 29/8/2023 của Bộ Tài chính đề nghị góp ý dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ (sau đây gọi chung là dự thảo Nghị định), Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

I. Về sự cần thiết ban hành văn bản

Ngày 19/10/2020, Chính phủ ban hành Nghị định số 123/2020/NĐ-CP quy định về hóa đơn, chứng từ. Theo đó, việc sử dụng hóa đơn, chứng từ điện tử đã góp phần giảm chi phí quản lý, sử dụng hóa đơn, giúp nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện phát sinh một số vướng mắc, bất cập như dự thảo Tờ trình Chính phủ kèm theo Công văn số 9206/BTC-TCT (trang 3) đã nêu, về nguyên tắc lập hóa đơn; thời điểm lập hóa đơn; giải pháp phòng ngừa, hạn chế gian lận khi doanh nghiệp đăng ký sử dụng hóa đơn; tra cứu, cung cấp sử dụng thông tin hóa đơn điện tử. Ngày 03/02/2023, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 48/QĐ-TTg Chương trình công tác năm 2023 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, trong đó giao Bộ Tài chính trình Chính phủ “*Nghị định sửa đổi Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ*”. Vì vậy, việc Bộ Tài chính xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ là cần thiết. Tuy nhiên, theo nhiệm vụ Chính phủ giao Bộ Tài chính là xây dựng Nghị định sửa đổi Nghị định số 123/2020/NĐ-CP, do đó, đề nghị Bộ Tài chính thuyết minh rõ trong Tờ trình Chính phủ lý do xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP vào thời điểm hiện nay. Đồng thời, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo đánh giá giá tổng kết quá trình thực hiện Nghị định số 123/2020/NĐ-CP, rà soát các vướng mắc, bất cập trong thời gian qua, xác định đúng và trúng các bất cập, vướng mắc (do quy định pháp luật hay do thực thi, thẩm quyền xử lý) để từ đó xác định hướng xử lý phù hợp, khả thi, đúng quy định, đúng thẩm quyền của Chính phủ. Trường hợp sửa đổi, bổ sung toàn diện, đề nghị cân nhắc phương án ban hành Nghị định thay thế.

II. Về một số nội dung của dự thảo Nghị định

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát nội dung của dự thảo Nghị định với Luật Quản lý thuế, Luật Kế toán, Luật Giao dịch điện tử, Luật Công nghệ thông tin và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan để đảm bảo tính hợp pháp, thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật; đảm bảo tính khả thi, hợp lý sau khi ban hành, trong đó cần nhắc một số nội dung sau:

1. Về nguyên tắc lập, quản lý, sử dụng hóa đơn, chứng từ

Khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị định bổ sung khoản 11 Điều 4 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP như sau: *"Hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế khởi tạo từ máy tính tiền có đầy đủ thông tin định danh người mua thì được tham gia dự thưởng chương trình: "Hóa đơn may mắn" do ngành Thuế tổ chức hiện từ nguồn ngân sách nhà nước cấp cho cơ quan quản lý thuế. Giao Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể về thể lệ, cơ cấu giải thưởng, chi, mức chi quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán nguồn kinh phí Chương trình hóa đơn may mắn và công tác tổ chức thực theo đúng quy định của pháp luật"*. Tuy nhiên, Luật Quản lý thuế không có nội dung về dự thưởng chương trình nói chung hay chương trình "Hóa đơn may mắn" nói riêng. Vì vậy, việc Chính phủ quy định này là chưa phù hợp với quy định của Luật Quản lý thuế.

2. Về hóa đơn được khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối chuyển dữ liệu với cơ quan thuế

Khoản 7 Điều 1 Nghị định bổ sung khoản 5 Điều 11 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP như sau: *"Bộ Tài chính hướng dẫn các nội dung trong quá trình triển khai áp dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế đảm bảo đúng quy định tại Nghị định này và phù hợp thực tế phát sinh"*. Tuy nhiên, Điều 89 Luật Quản lý thuế giao Chính phủ quy định chi tiết Điều này (Hóa đơn điện tử). Vì vậy, việc giao Bộ Tài chính là ủy quyền tiếp là chưa phù hợp khoản 2 Điều 19 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (cơ quan được giao ban hành văn bản quy định chi tiết không được ủy quyền tiếp). Đồng thời, việc quy định giao thẩm quyền chung chung như trên có khả năng dẫn đến việc trong các quy định tại cấp Thông tư sẽ phát sinh thủ tục hành chính, không phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, chỉnh lý cho phù hợp, đảm bảo tính thống nhất giữa dự thảo Nghị định với các Nghị định/dự thảo Nghị định liên quan về vấn đề này (như dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 83/2014/NĐ-CP và Nghị định số 95/2021/NĐ-CP của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu).

3. Về hình thức khai thác, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử trên Công thông tin điện tử

Khoản 27 Điều 1 dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 47 Luật Quản lý thuế như sau: “*Bên sử dụng thông tin là các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức tín dụng, tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử, tổ chức sử dụng thông tin chứng từ điện tử để khấu trừ thuế thu nhập cá nhân; tra cứu, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử theo phạm vi, thời gian, trách nhiệm và quyền truy cứu thông tin hóa đơn điện tử về hóa đơn điện tử được quy định cụ thể tại văn bản thống nhất giữa hai bên*”. Về vấn đề này, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ “*tổ chức sử dụng thông tin chứng từ điện tử để khấu trừ thuế thu nhập cá nhân*” trong trường hợp này gồm tổ chức nào. Trên thực tế, việc khấu trừ thuế thu nhập cá nhân có thể phát sinh tại nhiều nơi do có nhiều loại thu nhập khác nhau, đảm bảo tính công khai, minh bạch trong việc sử dụng thông tin chứng từ điện tử để khấu trừ thuế thu nhập cá nhân.

4. Về trách nhiệm của cơ thuế trong quản lý hóa đơn, chứng từ điện tử

Khoản 35 Điều 1 dự thảo Nghị định bổ sung khoản 4 Điều 57 Luật Quản lý thuế như sau: “*Cán bộ thuế được miễn trách nhiệm trong trường hợp đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ được giao, tuân thủ đúng quy định pháp luật, nguyên tắc quản lý rủi ro trong quản lý thuế và các trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật*”. Về vấn đề này, việc xác định hiện cán bộ thuế đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ được giao, tuân thủ đúng quy định pháp luật hay chưa căn cứ vào quy định của pháp luật thuế và pháp luật có liên quan. Vì vậy, trong việc thực hiện công việc nhà nước giao, cán bộ thuế có trách nhiệm thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao, trường hợp vi phạm thì sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật. Việc quy định nội dung trên không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định về hóa đơn, chứng từ.

5. Về hiệu lực và trách nhiệm thi hành

5.1. Khoản 2 Điều 2 dự thảo Nghị định quy định: “*Bãi bỏ quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 39/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 121/2021/NĐ-CP về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành*”. Tuy nhiên, khoản 1 Điều 12 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định: “*Văn bản quy phạm pháp luật chỉ được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ bằng văn bản quy phạm pháp luật của chính cơ quan nhà nước đã ban hành văn bản đó hoặc bị đình chỉ việc thi hành hoặc bãi bỏ bằng văn bản của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền*”. Như vậy, Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính cần được bãi bỏ bằng một Thông tư khác của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Bên cạnh đó, văn bản quy phạm pháp luật cũng có thể bị đình chỉ việc thi hành hoặc bãi bỏ bằng văn bản của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền trong quá trình xử lý văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái pháp luật theo quy định tại Chương XV Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn

thảo cân nhắc chỉnh lý quy định trên, đảm bảo phù hợp với Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

5.2. Khoản 3 Điều 2 dự thảo Nghị định quy định: “Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định này”. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh lý nội dung này đảm bảo thực hiện đúng khoản 1 Điều 11 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật *“Trong trường hợp văn bản có điều, khoản, điểm mà nội dung liên quan đến quy trình, quy chuẩn kỹ thuật và những nội dung khác cần quy định chi tiết thì ngay tại điều, khoản, điểm đó có thể giao cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định chi tiết”*.

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát, nghiên cứu thể chế hóa đầy đủ các chủ trương, chính sách của Đảng, trong đó, đề nghị lưu ý, đảm bảo không vi phạm quy định số 69-QĐ/TW ngày 06/7/2022 của Bộ Chính trị về kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm (trong đó không được: *“chỉ đạo, ban hành thể chế, cơ chế, chính sách có nội dung trái chủ trương, quy định của Đảng, pháp luật của nhà nước, cài cắm lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ”* (điểm d khoản 2 Điều 9)); tuân thủ đúng Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ về một số giải pháp nâng cao chất lượng công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật nhằm ngăn ngừa tình trạng tham nhũng, lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ.

6. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát nội dung sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Nghị định để quy định điều khoản chuyển tiếp cho phù hợp, tránh khoảng trống pháp lý trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện và đảm bảo tính khả thi.

7. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, xử lý các vướng mắc, bất cập trong thời gian vừa qua, đề xuất sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Nghị định.

III. Về ngôn ngữ kỹ thuật soạn thảo

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, chỉnh sửa lại nội dung dự thảo Nghị định để bảo đảm chuẩn xác về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản theo quy định tại Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2020 và Chương V (thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật) Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020). Ví dụ:

1. Khoản 6, 7 và 8 Điều 1 dự thảo Nghị định quy định nội dung theo gạch (-) và gạch (+), cần sắp xếp theo thứ tự Điều, khoản, điểm, đoạn.

2. Khoản 16 Điều 1 dự thảo Nghị định quy định loại chứng từ trong lĩnh vực quản lý thuế, phí, lệ phí của cơ quan thuế bao gồm: ... (chưa có nội dung cụ thể).

3. Nhiều nội dung tại các Điều giao đồng thời cho Tổng cục Thuế và Cục thuế thực hiện nhưng chưa quy định rõ trường hợp nào do Tổng cục Thuế thực hiện và trường hợp nào giao Cục thuế thực hiện (như khoản 29, 30 Điều 1 dự thảo Nghị định).

IV. Về trình tự, thủ tục, hồ sơ

1. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo thực hiện theo quy định tại Điều 90, Điều 91 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện thành phần hồ sơ gửi Bộ Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị định theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Do nội dung dự thảo Nghị định có nhiều quy định mang tính tài chính, kỹ thuật và các tác động lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân kinh doanh... Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo lấy ý kiến của đối tượng chịu sự tác động, các chuyên gia, các nhà khoa học, người làm thực tiễn để đảm bảo tính khả thi; từ đó hoàn thiện dự thảo Nghị định và các tài liệu kèm theo (và chịu trách nhiệm về vấn đề này).

2. Về dự thảo Báo cáo đánh giá tác động, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo hoàn thiện Báo cáo đánh giá tác động theo mẫu số 01 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Trên đây là ý kiến của Bộ Tư pháp đối với dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ, xin gửi Bộ Tài chính để tham khảo, tiếp tục hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị định theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TT. Trần Tiến Dũng (để b/c);
- PVT. Lê Đại Hải (để biết);
- Lưu: VT, Vụ PLDSKT (KTTH, Thuytt).

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ PHÁP LUẬT DÂN SỰ - KINH TẾ



*** Nguyễn Thanh Tú**

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3153/BKHCN-KHTC

V/v lấy ý kiến dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ
sung Nghị định số 123/2020/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 15 tháng 09 năm 2023

Kính gửi: Tổng cục Thuế - Bộ Tài chính

Phúc đáp Công văn số 9206/BTC-TCT ngày 29/8/2023 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ, Bộ Khoa học và Công nghệ có ý kiến với nội dung dự thảo Nghị định theo Phụ lục đính kèm Công văn.

Bộ Khoa học và Công nghệ gửi Tổng cục Thuế - Bộ Tài chính để tổng hợp *đề xuất*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, KHTC.



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

[Signature]
Lê Xuân Định

Phụ lục
NỘI DUNG GÓP Ý DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NGHỊ ĐỊNH SỐ 123/2020/NĐ-CP
(Kèm theo Công văn số 3153 /BKHCN-KHTC ngày 15 tháng 09 năm 2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

Điểm, Khoản, Điều của dự thảo Nghị định	Nội dung dự thảo Nghị định	Nội dung góp ý dự thảo Nghị định	Ghi chú
Góp ý nội dung tại dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 123/2020/NĐ-CP			
Điểm e, Khoản 2, Điều 1 - Sửa đổi, bổ sung Điều 4	“1. Người bán lập hóa đơn trong các trường hợp sau: ... e) Chấm dứt hoặc hủy việc cung cấp dịch vụ;	Nghị định nên quy định rõ trong trường hợp nào thì người bán hủy việc cung cấp dịch vụ thì phải lập hóa đơn.	
Điểm b, Khoản 5, Điều 1– Sửa đổi bổ sung Điều 9	a) Đối với các trường hợp cung cấp hàng hóa, dịch vụ với số lượng lớn, phát sinh thường xuyên, cần có thời gian đối soát dữ liệu giữa doanh nghiệp bán hàng hóa	Bổ sung thêm “dịch vụ vận chuyển trọn gói theo tháng” .	Dự thảo Nghị định chưa quy định đối với dịch vụ này
Điểm b, Khoản 6, Điều 1 – Sửa đổi, bổ sung Khoản 5	b) Trường hợp người mua không có mã số thuế thì trên hóa đơn không phải thể hiện mã số thuế người mua; trường hợp người mua được cấp mã số định danh theo quy định pháp luật về định danh và xác thực điện tử thì thể hiện	Trường hợp người mua được cấp mã số định danh theo quy định pháp luật về định danh và xác thực điện tử thì thể hiện mã số định danh của người mua => thể hiện tại mục nào trên hóa đơn?	Đề nghị trong dự thảo Nghị định có hướng dẫn cụ thể cách trình bày trên hóa đơn điện tử

	mã số định danh của người mua.		
Điểm c; Khoản 6; Điều 1- Sửa đổi, bổ sung Điều 10. – Nội dung trên hóa đơn	- Đơn vị tính: Người bán căn cứ vào tính chất, đặc điểm của hàng hóa để xác định tên của hàng hóa thể hiện trên hóa đơn theo đơn vị tính là đơn vị đo lường (ví dụ như: tấn, tạ,..) Đối với dịch vụ thì trên hóa đơn không nhất thiết phải có tiêu thức “đơn vị tính” mà đơn vị tính xác định theo từng lần cung cấp dịch vụ và nội dung dịch vụ cung cấp. - Số lượng hàng hóa, dịch vụ: Người bán ghi số lượng bằng chữ số Ả-rập căn cứ theo đơn vị tính nêu trên...	-Trong trường hợp người bán cung cấp dịch vụ và đã đề trống tiêu thức “đơn vị tính” thì được quyền đề trống thêm tiêu thức “số lượng”. Đề nghị quy định rõ hoặc bổ sung vào điểm này cho phù hợp -Theo quy định: Đối với dịch vụ thì trên hóa đơn không nhất thiết phải có tiêu thức “đơn vị tính” mà đơn vị tính xác định theo từng lần cung cấp dịch vụ và nội dung dịch vụ cung cấp. Đề nghị quy định rõ hơn	
Khoản 13, Điều 1 – Sửa đổi, bổ sung Điều 19 – Xử lý hóa đơn điện tử đã lập	2. Trường hợp hóa đơn điện tử đã lập sai và người bán, người mua đã kê khai thuế thì xử lý như sau:	Trường hợp hóa đơn điện tử đã lập sai sót và người bán hoặc người mua hoặc cả người bán và người mua đã kê khai thuế thì xử lý như sau:	Dự thảo nghị định Bổ sung/chỉnh sửa cụm từ “hoặc người mua hoặc cả người bán và người mua”

			cho phù hợp với thực tế triển khai
Điểm b, Khoản 6, Điều 1- sửa đổi, bổ sung Điều 10	Trên hoá đơn phải thể hiện mã số định danh của người mua	Đề nghị cân nhắc vì điều này chưa phù hợp với quyền tự do tiêu dùng và không bảo đảm việc bảo mật thông tin cá nhân	
Sửa đổi điểm c, d và bổ sung thêm điểm 1 khoản 14		Đối với hoá đơn điện tử bán xăng dầu cho khách hàng là cá nhân không kinh doanh thì không nhất thiết phải có các chỉ tiêu tên hoá đơn, ký hiệu mẫu số hoá đơn, ký hiệu hoá đơn, số hoá đơn và thuế suất thuế giá trị gia tăng	Lý do Người mua hàng không kiểm tra được tính hợp lệ của hoá đơn, gián tiếp tạo điều kiện doanh nghiệp xăng dầu không ghi nhận đủ doanh thu bán hàng
Điểm b, Khoản 19, Điều 1 – Sửa đổi, bổ sung Điều 33	b) Định dạng chứng từ điện tử gồm hai thành phần: thành phần chứa dữ liệu nghiệp vụ biên lai điện tử và thành phần chứa dữ liệu chữ ký số;	b) Định dạng chứng từ điện tử gồm hai thành phần: thành phần chứa dữ liệu nghiệp vụ biên-lai chứng từ điện tử và thành phần chứa dữ liệu chữ ký số;	Bỏ cụm từ “biên lai” phù hợp với quy định của Nghị định
Góp ý nội dung Nghị định số 123/2020/NĐ-CP (chưa đưa vào dự thảo sửa đổi, bổ sung)			
Khoản 1, Điều 7, Nghị định 123/2020/CP - Chuyển đổi hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử thành hóa đơn, chứng từ giấy	1.Hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử hợp pháp được chuyển đổi thành hóa đơn, chứng từ giấy khi có yêu cầu nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh	1.Hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử hợp pháp được chuyển đổi thành hóa đơn, chứng từ giấy khi có yêu cầu của cơ quan quản lý thuế, cơ quan kiểm toán, thanh tra, kiểm tra, điều tra và theo quy định	Đề nghị xem xét, đưa vào dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế.

	hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý thuế, cơ quan kiểm toán, thanh tra, kiểm tra, điều tra và theo quy định của pháp luật về thanh tra, kiểm tra và điều tra.	của pháp luật về thanh tra, kiểm tra và điều tra.	Vì hiện nay, một số người mua đã nhận được hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế và có đầy đủ thông tin hợp lệ tuy nhiên vẫn yêu người bán cung cấp hóa đơn chuyển đổi.
		Nghị định bổ sung thêm quy định về xử lý Biên lai có sai sót (điều chỉnh và thay thế biên lai)	

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 10925 /BGTVT-TC

Hà Nội, ngày 29 tháng 09 năm 2023

V/v ý kiến dự thảo Nghị định sửa
đổi, bổ sung Nghị định số
123/2020/NĐ-CP.

Kính gửi: Bộ Tài chính

Phúc đáp văn bản số 9206/BTC-TCT ngày 29/8/2023 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định về hóa đơn, chứng từ (dự thảo Nghị định). Trên cơ sở báo cáo của các cơ quan, đơn vị trực thuộc, Bộ Giao thông vận tải (Bộ GTVT) có ý kiến như sau:

- Đề nghị rà soát các cụm từ “tổ chức thu phí, lệ phí” hay “tổ chức thu thuế, phí, lệ phí”, “biên lai điện tử” hay “chứng từ điện tử”, “hóa đơn” hay “hóa đơn điện tử” tại dự thảo Nghị định để đảm bảo thống nhất.

- Điểm a Khoản 2 Điều 1 và Điểm b khoản 9 Điều 1 dự thảo Nghị định, đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau:

+ “... Khi khấu trừ thuế thu nhập cá nhân, khi thu thuế, phí, lệ phí, tổ chức, cá nhân khấu trừ thuế, tổ chức thu phí, lệ phí, tổ chức thu thuế phải lập chứng từ khấu trừ thuế, biên lai thu thuế, phí, lệ phí giao cho người có thu nhập bị khấu trừ thuế, người nộp thuế, nộp phí, lệ phí và phải ghi đầy đủ các nội dung theo quy định tại Điều 32 Nghị định này. Trường hợp sử dụng chứng từ điện tử thì phải theo định dạng chuẩn dữ liệu của cơ quan thuế, trừ các trường hợp đặc thù thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính (Tổng Cục thuế). Trường hợp cá nhân ủy quyền quyết toán thuế thì không cấp chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân”;

+ “Trường hợp tổ chức thu phí, lệ phí và người cung cấp dịch vụ cùng thực hiện thu phí, lệ phí và tiền cung cấp dịch vụ của một khách hàng thì được tích hợp biên lai thu phí và hóa đơn trên cùng một định dạng điện tử để giao cho người mua. Chứng từ điện tử tích hợp phải đảm bảo có đủ nội dung của hóa đơn điện tử, biên lai điện tử và theo đúng định dạng do cơ quan thuế quy định trừ những trường hợp đặc thù thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính (Tổng Cục thuế). Tổ chức thu phí, lệ phí và đơn vị cung cấp dịch vụ có trách nhiệm thỏa thuận về đơn vị chịu trách nhiệm xuất chứng từ điện tử tích hợp cho khách hàng và phải thông báo đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp. Việc kê khai phí, lệ phí và kê khai doanh thu của tổ

chức thu phí, lệ phí; người cung cấp dịch vụ thực hiện theo quy định của pháp luật quản lý thuế”.

Lý do: Để xử lý những trường hợp cần quy định mẫu biên lai cho phù hợp đặc thù lĩnh vực quản lý (như đối với lĩnh vực hàng hải các thông tin trên Biên lai thu phí, lệ phí hàng hải bao gồm đủ các thông tin phục vụ việc tính thu (theo biểu phí, lệ phí hàng hải quốc tế/nội địa); đồng tiền thu phí (USD/Đồng); cảng đến, cảng rời, cảng đến tiếp theo của tàu thuyền...).

- Bổ sung khoản 18 Điều 1 dự thảo Nghị định (để sửa đổi, bổ sung điểm h Khoản 2 Điều 32) như sau: “h. Chữ ký của người thu tiền. Trường hợp sử dụng biên lai chứng từ điện tử thì chữ ký trên biên lai chứng từ điện tử là chữ ký số. Trường hợp chứng từ điện tử đã lập có thời điểm ký số trên chứng từ khác thời điểm lập chứng từ thì thời điểm lập chứng từ và thời điểm ký số cách nhau tối đa không quá 24h và thời điểm để kê khai thuế đối với người thu tiền là thời điểm lập chứng từ, thời điểm tính nghĩa vụ của người nộp thuế là thời điểm chứng từ đảm bảo đúng, đầy đủ về hình thức và nội dung theo quy định tại Điều 32 Nghị định này”.

Lý do: Tại điểm d khoản 6 Điều 1 dự thảo Nghị định đã quy định về “trường hợp hóa đơn điện tử đã lập có thời điểm ký số trên hóa đơn khác thời điểm lập hóa đơn...”, do đó quy định bổ sung đối với chứng từ điện tử để thống nhất với nội dung quy định về hóa đơn điện tử.

- Khoản 20 Điều 1 dự thảo Nghị định quy định như sau: “*Tổ chức thực hiện báo cáo việc sử dụng biên lai chứng từ điện tử theo quý chậm nhất là ngày 30 của tháng đầu quý sau theo Mẫu BC26/BLĐT ban hành kèm theo Nghị định này*” nhưng tại dự thảo Nghị định đã bỏ Mẫu BC26/BLĐT nên đề nghị rà soát Mẫu báo cáo để quy định cho phù hợp.

- Tại khoản 29, Điều 1, dự thảo Nghị định, đề nghị bổ sung thêm qui định cho biên lai điện tử (chứng từ điện tử) như sau: “*Điều 49. Đăng ký mới, bổ sung thông tin đăng ký, thu hồi tài khoản truy cập Cổng thông tin điện tử để khai thác sử dụng thông tin hoá đơn, chứng từ điện tử.*”

Lý do: Để các đơn vị nếu chỉ phát hành biên lai điện tử (không phát hành hoá đơn điện tử) cũng được cấp tài khoản truy cập cổng thông tin điện tử. Hiện nay một số cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập chỉ phát hành biên lai điện tử (không phát hành hoá đơn điện tử) nhưng vẫn có nhu cầu cấp tài khoản để truy cập vào cổng thông tin điện tử tra cứu, sử dụng hoá đơn điện tử đầu vào nhằm đảm bảo tính hợp pháp cho các chứng từ điện tử trong công tác giải ngân.

- Điểm c khoản 4 Điều 9 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP quy định thời điểm lập hóa đơn “*Đối với hoạt động xây dựng, lắp đặt, thời điểm lập hóa đơn là thời điểm nghiệm thu, bàn giao công trình, hạng mục công trình, khối lượng xây dựng, lắp đặt hoàn thành, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền*”, việc quy định này là chưa phù hợp với thực tiễn, do các thời điểm nêu trên mới chỉ xác định được khối lượng công việc thi công hoàn thành (tại một thời điểm), cần một

thời gian nhất định để các bên xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành, do đó, đề nghị điều chỉnh như sau: "Đối với hoạt động xây dựng, lắp đặt, thời điểm lập hóa đơn là thời điểm các bên ký Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành để nghị thanh toán, giá trị quyết toán dự án hoàn thành (quyết toán A-B), không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền".

Trên đây là ý kiến của Bộ GTVT gửi Quý Bộ nghiên cứu, tổng hợp./. *✓*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, TC (Đúc).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Duy Lâm

Số 4711 /BT-TT-KHTC

V/v tham gia ý kiến đối với
dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung
Nghị định 123/2020/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 15 tháng 09 năm 2023

Kính gửi: Bộ Tài chính

Bộ Thông tin và Truyền thông nhận được văn bản số 9206/BTC-TCT ngày 29 tháng 8 năm 2023 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 123/2020/NĐ-CP.

Sau khi nghiên cứu Bộ Thông tin và Truyền thông có ý kiến như sau:

1. Nhất trí với việc ban hành dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020.

2. Đề nghị Bộ Tài chính xem xét sửa đổi, bổ sung một số quy định sau:

2.1. Tại Mục 1, Điều 1 của Dự thảo sửa đổi, bổ sung khoản 4, Điều 3 Nghị định 123/2020/NĐ-CP.

Bổ sung nội dung "*chứng từ theo dõi, quản lý giao dịch liên quan đến tiền trong hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số và các dịch vụ khác của nhà cung cấp ở nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam*". Trên thực tế hiện nay một số nhà cung cấp dịch vụ, kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số (ví dụ như quảng cáo trên các nền tảng xã hội như: Google, Facebook...) đã thực hiện đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế tại Việt Nam theo quy định tại Điều 76, Điều 77, Điều 78, Điều 79 Thông tư 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ Tài chính phát hành chứng từ điện tử cho các doanh nghiệp Việt Nam và trong đó nêu rõ giá trước thuế, tiền thuế GTGT và tổng tiền thanh toán. Tuy nhiên các doanh nghiệp Việt Nam không được khấu trừ thuế GTGT theo các chứng từ trên.

2.2. Tại điểm r, Mục 5, Điều 1 của Dự thảo sửa đổi, bổ sung Điều 9 Nghị định 123/2020/NĐ-CP.

Bộ Thông tin và Truyền thông đề xuất phương án 2 "*Xuất hóa đơn âm số chênh lệch giữa số tiền thu được và số tiền đổi trả lại người chơi*" đảm bảo thuận lợi cho việc quản lý.

2.3. Tại điểm d, Mục 6, Điều 1 của Dự thảo sửa đổi, bổ sung khoản 9, Điều 10 Nghị định 123/2020/NĐ-CP.

Bộ Thông tin và Truyền thông đề xuất thống nhất thời điểm ký số cho cả người bán và người mua để dễ quản lý. Ví dụ có thể phát sinh trường hợp thời điểm lập hóa đơn ngày 31/3 nhưng ký số ngày 01/4, mặc dù có thể không quá 24 giờ nhưng sẽ kê khai lệch tháng, khó khăn trong công tác quản lý.

2.4. Tại Mục 13, Điều 1 của Dự thảo sửa đổi, bổ sung mục 3, Điều 19 Nghị định 123/2020/NĐ-CP.

a) Việc quy định trước khi huỷ, điều chỉnh, thay thế hoá đơn điện tử đã lập người bán và người mua phải lập văn bản thoả thuận là không phù hợp với thực tế vì có những người mua không có nhu cầu hoặc không lấy hoá đơn họ sẽ không ký văn bản thoả thuận với người bán hoặc người mua là khách lẻ (không có thông tin: tên, địa chỉ, mã số thuế).

Đề nghị Ban soạn thảo bổ sung thêm trường hợp cho phép người bán được chủ động điều chỉnh, thay thế, huỷ hoá đơn điện tử đã lập nhưng không có văn bản thoả thuận với người mua.

b) Đề nghị Bộ Tài chính xem xét bổ nội dung tại khoản 3 Điều 19 Nghị định 123/2020/NĐ-CP “*Trước khi huỷ, điều chỉnh, thay thế hóa đơn điện tử đã lập sai theo khoản 1, khoản 2 Điều này, người bán và người mua phải lập văn bản thoả thuận ghi rõ nội dung sai hoặc người bán phải thông báo cho người mua, thông báo trên website của đơn vị mình (nếu có)*”. Vì quy định này không phù hợp với tình hình thực tế.

Trên đây là một số ý kiến của Bộ Thông tin và Truyền thông đối với dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 123/2020/NĐ-CP, kính gửi Bộ Tài chính để tham khảo, tổng hợp.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thủ trưởng Phạm Đức Long;
- Tổng cục Thuế (Bộ Tài chính);
- Lưu: VT, KHTC.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Phạm Đức Long

Số: 5171 /BNV - PC
V/v góp ý dự thảo Nghị định
sửa đổi, bổ sung Nghị định số
123/2020/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 12 tháng 9 năm 2023

Kính gửi: Bộ Tài chính

Trả lời Công văn số 9206/BTC-TCT ngày 29/8/2023 của Bộ Tài chính đề nghị góp ý dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ, Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:

1. Về cơ sở pháp lý và sự cần thiết ban hành Nghị định

Thông nhất với Bộ Tài chính về sự cần thiết ban hành Nghị định (sửa đổi). Tuy nhiên, đề nghị nghiên cứu, bổ sung tại Mục I dự thảo Tờ trình cơ sở chính trị, cơ sở pháp lý, trong đó làm rõ việc ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 123/2020/NĐ-CP nhằm bảo đảm đúng quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020).

2. Về nội dung dự thảo Nghị định

a) Về quy định bổ sung đối với hoạt động kinh doanh vé xổ số truyền thống, xổ số biết kết quả ngay... và đối với hoạt động kinh doanh casino và trò chơi điện tử có thưởng, kinh doanh giải trí có đặt cược (tại khoản 5 Điều 1 Sửa đổi, bổ sung khoản 4), đề nghị đánh giá về việc lựa chọn phương án và ý kiến của cơ quan soạn thảo tại Tờ trình và Báo cáo đánh giá tác động nhằm bảo đảm sự phù hợp, hiệu quả trong hoạt động quản lý hóa đơn, chứng từ.

b) Về nguồn lực, điều kiện bảo đảm thi hành Nghị định sau khi được ban hành phải bảo đảm không làm tăng thêm đầu mối tổ chức và biên chế (người hưởng lương từ ngân sách nhà nước) theo đúng chỉ đạo tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Trên đây là ý kiến của Bộ Nội vụ, đề nghị Bộ Tài chính tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TT. Nguyễn Duy Thắng (để b/c);
- Lưu: VT, PC.

**TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ PHÁP CHẾ**



Nguyễn Văn Thủy



Cơ quan: Bộ Quốc phòng
Thời gian ký: 14.09.2023
15:47:49 +07:00

BỘ QUỐC PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *3395* /BQP-TC

Hà Nội, ngày *14* tháng 9 năm 2023

V/v tham gia ý kiến vào dự thảo

Nghị định sửa đổi, bổ sung

Nghị định số 123/2020/NĐ-CP

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Bộ Quốc phòng nhận được Công văn số 9206/BTC-TCT ngày 29/8/2023 của Bộ Tài chính về việc tham gia ý kiến đối với dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ. Sau khi nghiên cứu, Bộ Quốc phòng cơ bản thống nhất với dự thảo Nghị định và có ý kiến như sau:

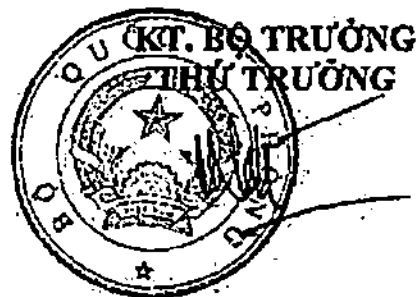
Tại tiết q điểm b khoản 5 Điều 1 của dự thảo Nghị định, đề nghị chọn phương án 1: *Đối với hoạt động kinh doanh vé xổ số truyền thống, xổ số biết kết quả ngay (vé xổ số) theo hình thức bán vé số in sẵn đủ mệnh giá cho khách hàng thì hàng ngày sau khi thu hồi vé xổ số không tiêu thụ hết và chậm nhất là trước khi mở thưởng, doanh nghiệp kinh doanh xổ số kiến thiết lập một (01) hóa đơn GTGT điện tử có mã của cơ quan thuế (hóa đơn không ghi tên khách hàng) cho vé xổ số được bán trong ngày gửi cơ quan thuế cấp mã cho hóa đơn.*

Lý do: Phản ánh đúng thời điểm ghi nhận doanh thu theo quy định, đơn giản hóa thủ tục về hóa đơn, chứng từ.

Đề nghị Bộ Tài chính tổng hợp, ban hành./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- C41;
- Lưu: VT, THBĐ.Th05b.



Thượng tướng Vũ Hải Sản

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 6733 /BNN-TC
V/v ý kiến dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ
sung Nghị định số 123/2020/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 19 tháng 9 năm 2023

Kính gửi: Bộ Tài chính

Phúc đáp đề nghị của Bộ Tài chính tại Văn bản số 9206/BTC-TCT ngày 29/8/2023 lấy ý kiến dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ, Bộ Nông nghiệp và PTNT thống nhất với nội dung của Dự thảo.

Đề nghị Bộ Tài chính tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTtr Hoàng Trung (để b/cáo);
- Lưu: TC

**TL. BỘ TRƯỞNG
VU TRƯỞNG VỤ TÀI CHÍNH**



Nguyễn Văn Hà
Nguyễn Văn Hà

Số: 7898 /BTNMT-KHTC

V/v ý kiến về dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 123/2020/NĐ-CP.

Hà Nội, ngày 18 tháng 9 năm 2023

Kính gửi: Bộ Tài chính

Phúc đáp Công văn số 9206/BTC-TCT ngày 29 tháng 8 năm 2023 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 123/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ (dự thảo Nghị định), Bộ Tài nguyên và Môi trường có ý kiến như sau:

- Khoản 35, 36 Điều 1 dự thảo Nghị định: Đề nghị quy định rõ trách nhiệm của cơ quan thuế, doanh nghiệp, người nộp thuế và các tổ chức liên quan.

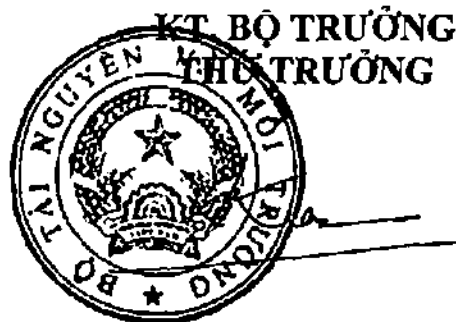
- Điểm q khoản 5 Điều 1 dự thảo Nghị định: Đề nghị lựa chọn phương án 1 cụ thể như sau "*q) Đối với doanh nghiệp kinh doanh vé xổ số truyền thống, xổ số biết kết quả ngay (vé xổ số) theo hình thức bán vé số in sẵn đủ mệnh giá cho khách hàng thì hàng ngày sau khi thu hồi vé xổ số không tiêu thu hết và chậm nhất là trước khi mở thưởng, doanh nghiệp kinh doanh xổ số kiến thiết lập một (01) hóa đơn GTGT điện tử có mã của cơ quan thuế (hóa đơn không ghi tên khách hàng) cho vé xổ số được bán trong ngày gửi cơ quan thuế cấp mã cho hóa đơn*".

- Ý kiến khác: Đề nghị xem xét quy định hóa đơn phải đảm bảo tôn trọng thực tiễn kinh doanh.

Trên đây là ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường, trân trọng kính gửi Quý Bộ để xem xét, tổng hợp theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Đặng Quốc Khánh (để báo cáo);
- Tổng cục thuế (BTC);
- Lưu VT, KHTC, NT.



Trần Quý Kiên

BỘ NGOẠI GIAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4739 /BNG-QTTV

V/v góp ý đối với dự thảo Nghị định
sửa đổi, bổ sung Nghị định
123/2020/NĐ-CP.

Hà Nội, ngày 21 tháng 9 năm 2023

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Phúc công văn số 9206/BTC-TCT ngày 29/8/2023 của Quý Bộ về việc tham gia ý kiến đối với dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ Bộ Ngoại giao nhất trí và không có ý kiến bổ sung.

Bộ Ngoại giao xin gửi đề Quý Bộ tổng hợp và trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý Bộ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: HC, QTTV.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Người ký: Lê Thị Thu
Hằng
Email:
thuhangbc@mofa.gov.vn
Cơ quan: BỘ NGOẠI
GIAO
Thời gian ký: 20.09.2023
10:27:40 +07:00

Lê Thị Thu Hằng

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3835 /BVHTTDL-PC

V/v góp ý dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung
một số điều của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 13 tháng 9 năm 2023

Kính gửi: Bộ Tài chính

Phúc đáp Công văn số 9206/BTC-TCT ngày 29/8/2023 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ (Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP), sau khi nghiên cứu, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có ý kiến như sau:

1. Về trình tự, thủ tục xây dựng Nghị định

Căn cứ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và trên cơ sở hồ sơ gửi xin ý kiến góp ý, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ quá trình xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP theo quy trình, thủ tục theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Cụ thể:

Việc xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP đã được đưa vào Chương trình công tác năm 2023 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ (*Quyết định số 48/QĐ-TTg ngày 03/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ*), theo đó Bộ Tài chính căn cứ văn bản nguồn là Luật Quản lý Thuế năm 2019 và khoản 2 Điều 84 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 để xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP và trình Chính phủ vào tháng 10 năm 2023.

Tuy nhiên, tại dự thảo Tờ trình Chính phủ, cơ quan chủ trì soạn thảo chưa nêu rõ đã thực hiện bước lập đề nghị xây dựng nghị định trước khi soạn thảo, lấy ý kiến hay chưa. Do vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, thực hiện đúng trình tự, thủ tục xây dựng nghị định và báo cáo Chính phủ tại dự thảo Tờ trình Chính phủ.

2. Về dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP

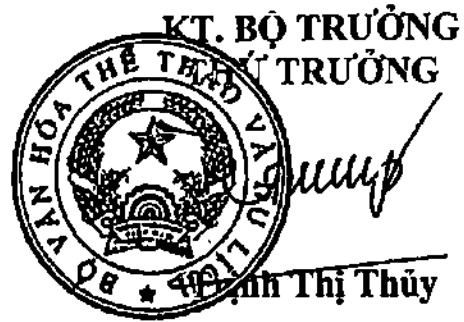
Do chưa rõ đề nghị xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP đã được Chính phủ thông qua hay chưa nên Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chưa có cơ sở góp ý đối với dự thảo Nghị định trên.

Trên đây là ý kiến đối với dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của

Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch kính gửi Bộ Tài chính nghiên cứu, tổng hợp.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng;
- Lưu: VT, PC, VN (9).



**BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **4463/LĐTBXH-PC**

Hà Nội, ngày **04** tháng 10 năm 2023

V/v lấy ý kiến dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ
sung Nghị định số 123/2020/NĐ-CP

Kính gửi: Bộ Tài chính

Trả lời Công văn số 9206/BTC-TCT ngày 29/8/2023 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ, sau khi nghiên cứu hồ sơ, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội nhất trí với dự thảo Nghị định nêu trên.

Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội gửi quý Bộ đề tổng hợp./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, PC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Lê Văn Thanh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5137 /BGDDĐT- KHTC
V/v góp ý dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ
sung Nghị định số 123/2020/NĐ-CP quy
định về hóa đơn, chứng từ

Hà Nội, ngày 21 tháng 9 năm 2023

Kính gửi: Bộ Tài chính

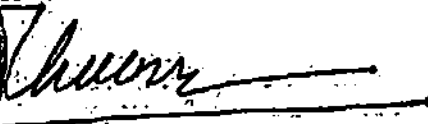
Phục đáp Công văn số 9206/BTC-TCT ngày 29/8/2023 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ, Bộ Giáo dục và Đào tạo thống nhất về sự cần thiết ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 123/2020/NĐ-CP.

Trân trọng./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, KHTC.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG


Phạm Ngọc Thường



Ký bởi: Văn phòng Bộ
Cơ quan: 28 Trần
Hưng Đạo
Thời gian ký:
20/09/2023 14:56:09

BỘ CÔNG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **3319** /BCA-ANKT

Hà Nội, ngày 19 tháng 9 năm 2023

V/v tham gia ý kiến dự thảo Nghị
định sửa đổi, bổ sung Nghị định số
123/2020/NĐ-CP của Chính phủ

Kính gửi: Bộ Tài chính

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN SỐ:	83929.....
Ngày:	20-09-2023
Chuyên:	TCT.....
Số và ký hiệu HS:	

Trả lời công văn số 9206/BTC-TCT ngày 29/8/2023 của Bộ Tài chính đề nghị tham gia ý kiến đối với dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ (Dự thảo Nghị định). Bộ Công an có một số ý kiến như sau:

1. Tại điểm b khoản 5 Điều 1 - Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 9 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP về thời điểm lập hóa đơn, đề nghị cân nhắc và lựa chọn các phương án sau:

a. Cân nhắc về việc sửa đổi theo hướng bỏ các quy định lập hóa đơn của cơ sở kinh doanh thương mại bán lẻ, ăn uống (điểm g), vận tải taxi (điểm m) để bảo đảm theo dõi đầy đủ và có cơ sở để xem xét, đối soát giao dịch phát sinh của cơ sở kinh doanh với nội dung tổng hợp của doanh nghiệp có các cơ sở kinh doanh này.

b. Về thời điểm lập hóa đơn đối với hoạt động kinh doanh vé xổ số truyền thống, xổ số kết quả biết ngay, đề nghị lựa chọn phương án 1 quy định doanh nghiệp xổ số lập hóa đơn giá trị gia tăng điện tử có mã của cơ quan thuế cho vé xổ số được bán trong ngày gửi cơ quan thuế cấp mã cho hóa đơn để không phải lập thêm hóa đơn điều chỉnh.

c. Về thời điểm lập hóa đơn đối với hoạt động kinh doanh casino và trò chơi điện tử có thưởng, trường hợp trong ngày số tiền thu được từ đổi đồng tiền quy ước nhỏ hơn số tiền đổi trả người chơi, đề nghị chọn phương án 2 quy định việc xuất hóa đơn âm số chênh lệch giữa số tiền thu được và số tiền đổi trả lại người chơi để đảm bảo có hóa đơn ghi nhận tất cả các giao dịch phát sinh từng ngày và có cơ sở để tổng hợp đầy đủ thông tin bán hàng hóa, dịch vụ trong tháng.

2. Tại khoản 7 Điều 1 - Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Điều 11 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP về hóa đơn được khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối chuyển dữ liệu với cơ quan thuế, đề nghị chỉnh lý quy định trong trường hợp phát hiện hóa đơn

điện tử đã lập sai (khoản 4) cho phù hợp, thống nhất với quy định về xử lý hóa đơn điện tử đã lập quy định tại khoản 13 sửa đổi, bổ sung Điều 19 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP.

3. Tại khoản 16 Điều 1 - Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Điều 30 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP về loại chứng từ, đề nghị quy định cụ thể loại chứng từ theo dõi, quản lý các giao dịch trong hoạt động kinh doanh casino, trò chơi điện tử có thưởng... và bảo đảm thống nhất với quy định bổ sung tại khoản 4 Điều 32.

4. Tại khoản 17 Điều 1 - Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Điều 31 về thời điểm lập chứng từ, đề nghị nghiên cứu, xem xét quy định thời điểm lập chứng từ điện tử ghi nhận thông tin liên quan đến giao dịch đổi tiền, trả thưởng của doanh nghiệp kinh doanh casino, trò chơi điện tử có thưởng, kinh doanh giải trí đặt cược *vào cuối ngày* trên cơ sở tổng hợp giao dịch phát sinh của một người để điều chỉnh chứng từ. Nếu bổ sung quy định đó thì tại khoản 21 Điều 1 - Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Điều 34a Nghị định số 123/2020/NĐ-CP về xử lý chứng từ điện tử đã lập, đề nghị bổ sung việc xử lý trong trường hợp điều chỉnh chứng từ đã lập, phân biệt với trường hợp sai chứng từ đã lập.

5. Cần nhắc việc bổ sung vào khoản 4 Điều 57 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP quy định về miễn trách nhiệm đối với cán bộ thuế tại khoản 35 Điều 1 là không cần thiết do tại văn bản pháp luật về tổ chức cán bộ, xử lý vi phạm hành chính, hình sự đã có quy định về việc miễn trách nhiệm trong từng trường hợp. Nội quy quy định tại khoản 4 nêu trên cũng chưa đầy đủ các trường hợp miễn trách nhiệm. Nghiên cứu bổ sung Cơ quan thuế có cơ chế hậu kiểm các tổ chức, cá nhân sau khi thành lập doanh nghiệp, đăng ký thuế, đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử để phát hiện các trường hợp dùng giấy tờ giả mạo để thành lập doanh nghiệp, nhân thân người không đủ năng lực đứng tên đại diện doanh nghiệp.

Bộ Công an trao đổi để Bộ Tài chính tập hợp./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Bộ trưởng Tô Lâm (để b/cáo);
- Văn phòng Bộ (để theo dõi);
- Lưu: VT, ANKT(TCĐT), TQT(05b).



Thượng tướng Lương Tam Quang



Bộ Xây dựng
11-09-2023
15:37:37 +07:00

BỘ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **4050** /BXD-KHTC

Hà Nội, ngày **11** tháng **9** năm **2023**

V/v góp ý dự thảo Nghị định sửa
đổi, bổ sung Nghị định số
123/2020/NĐ-CP.

Kính gửi: Bộ Tài chính

Bộ Xây dựng nhận được văn bản số 9206/BTC-TCT ngày 29/8/2023 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn chứng từ. Sau khi nghiên cứu, Bộ Xây dựng thống nhất với các nội dung trong dự thảo Nghị định.

Trên đây là ý kiến của Bộ Xây dựng, đề nghị Bộ Tài chính tổng hợp./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Nguyễn Thanh Nghị (để b/c);
- Lưu: VT, Vụ KHTC.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Bùi Hồng Minh

**ĐÀI TRUYỀN HÌNH
VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1423 /THVN-VP

Hà Nội, ngày 25 tháng 09 năm 2023

V/v góp ý dự thảo Nghị định sửa đổi,
bổ sung Nghị định số 123/2020/NĐ-
CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ.

Kính gửi: Tổng cục Thuế, Bộ Tài chính

Đài Truyền hình Việt Nam nhận được Công văn số 9206/BTC-TCT ngày 29/8/2023 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến góp ý dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ. Gồm: Tờ trình Chính phủ, dự thảo Nghị định, Báo cáo tổng kết thực hiện và Báo cáo đánh giá tác động Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ (gọi tắt là Dự thảo).

Căn cứ tình hình thực tế của Đài Truyền hình Việt Nam (THVN) khi áp dụng các quy định tại Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ (Nghị định số 123/2020/NĐ-CP) và sau khi nghiên cứu Dự thảo, Đài THVN báo cáo một số vướng mắc và có ý kiến góp ý Dự thảo như sau:

1. Thực trạng vướng mắc của Đài THVN khi thực hiện Nghị định số 123/2020/NĐ-CP.

Căn cứ Nghị định số 60/2022/NĐ-CP ngày 08/9/2022 (trước là Nghị định số 18/2018/NĐ-CP ngày 04/02/2008, Nghị định số 02/2018/NĐ-CP ngày 04/01/2018) của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Đài THVN; Căn cứ Thông tư số 09/2009/TT-BTC ngày 21/01/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đối với Đài THVN. Theo đó Đài THVN là cơ quan thuộc Chính phủ, thực hiện cơ chế tài chính, lao động, tiền lương, cơ chế hạch toán kinh doanh như đối với doanh nghiệp, nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành. Đài THVN có 28 đơn vị trực thuộc bao gồm khối các đơn vị tham mưu, giúp việc Tổng Giám đốc; đơn vị sản xuất chương trình; đơn vị tổ chức sản xuất chương trình; tổ chức sản xuất chương trình và cung cấp nội dung số đa nền tảng; tổ chức phát sóng chương trình; các tổ chức sự nghiệp khác; Trong đó có 25 đơn vị tại Thành phố Hà Nội và 03 đơn vị tại Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đà Nẵng, thành phố Cần Thơ.

Các hoạt động mang lại nguồn thu của Đài THVN chủ yếu từ hoạt động cung cấp sản phẩm, dịch vụ bao gồm dịch vụ quảng cáo, hợp tác, liên doanh liên kết, sản xuất nội dung chương trình để phân phối trên các nền tảng (sóng truyền hình, hạ tầng internet,...). Nguồn thu của Đài THVN tập trung tại Trung tâm Quảng cáo và Dịch vụ truyền hình, các đơn vị còn lại thu nhỏ không đủ chi, chủ yếu là chi.

Đặc điểm sản xuất các sản phẩm truyền hình, cung cấp dịch vụ quảng cáo của Đài THVN có sự kết hợp nhiều khâu từ nội dung, biên tập, kỹ thuật, mỹ thuật, kiểm duyệt nội dung, hình ảnh, kiểm soát sau phát sóng, đo lường khán giả,... nhiều chương trình có sự kết hợp với bên thứ ba hoặc giữa nhiều đơn vị khác nhau. Ngoài ra, việc phân phối trên hạ tầng số (bao gồm nền tảng của Đài THVN và các nền tảng số của đối tác trong nước hoặc nước ngoài như Facebook, Youtube,...) có sự tham gia của nhiều đơn vị trong và ngoài Đài THVN vận hành để cung cấp dịch vụ (nhãn hàng, đại lý, nền tảng bên mua, nền tảng bên bán, đại lý giao dịch, chủ sở hữu nền tảng, bên đo

lượng quảng cáo...) nên việc đối soát, nghiệm thu dịch vụ của các đơn vị trực thuộc, cần nhiều thời gian sau khi kết thúc dịch vụ nhằm đảm bảo xác định doanh thu chắc chắn, tin cậy cho khách hàng. Hiện nay, Đài THVN đang hướng tới phát triển nguồn thu trên hạ tầng số do công nghệ truyền hình có nhiều thay đổi, nguồn thu quảng cáo trên truyền hình truyền thống có xu hướng giảm sút.

Trong quá trình triển khai hoá đơn điện tử, Đài THVN gặp 02 nội dung lớn cụ thể như sau:

a) Về sử dụng mã số thuế và kê khai thuế GTGT:

Theo Thông tư số 55/2010/TT-BTC ngày 16/04/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn thuế giá trị gia tăng (GTGT) và thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) đối với Đài THVN và các Đài Truyền hình, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, thành phố. Đài THVN và các đơn vị hạch toán phụ thuộc Đài THVN tại Hà Nội thực hiện kê khai, nộp thuế, hoàn thuế GTGT tập trung tại Hà Nội; các đơn vị hạch toán phụ thuộc Đài THVN tại các tỉnh, thành phố khác kê khai, nộp thuế, hoàn thuế GTGT tại các địa phương nơi đóng trụ sở. Tất cả các đơn vị trực thuộc Đài THVN đã được cơ quan thuế cấp mã số thuế (MST) đơn vị phụ thuộc (MST 13 số) và Đài THVN đang thực hiện kê khai khấu trừ thuế GTGT tập trung tại trụ sở chính đối với các đơn vị trực thuộc tại khu vực Hà Nội theo MST 0101567589 (10 số). Các đơn vị trực thuộc được giao sử dụng tài khoản, con dấu, mã số thuế 13 số của đơn vị trong quá trình ký kết, thực hiện hợp đồng theo chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị.

Từ ngày 01/7/2022, Đài THVN chuyển đổi sử dụng hóa đơn điện tử thực hiện Nghị định số 123/2020/NĐ-CP (Thông báo số 58881/TB-CTHN-KDT ngày 30/6/2022 của Cục thuế Hà Nội). Theo đó, toàn bộ các đơn vị trực thuộc tại Hà Nội chuyển đổi sử dụng hóa đơn GTGT đầu ra với thông tin của Đài THVN và MST 10 số khi xuất bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ. Đài THVN đã thực hiện phân giải ký hiệu để quản lý hóa đơn GTGT đầu ra và tiếp tục kê khai khấu trừ thuế GTGT tập trung tại trụ sở chính của Đài THVN tại Hà Nội theo MST 10 số.

Tuy nhiên, việc các đơn vị tại khu vực Hà Nội ghi nhận thông tin hóa đơn đầu ra với tên, địa chỉ, mã số thuế của Đài THVN (MST 10 số) nhưng thực hiện ký hợp đồng với thông tin của đơn vị trực thuộc (MST 13 số) dẫn đến việc không đồng nhất thông tin giữa hợp đồng và hóa đơn. Do đó thông tin trên hóa đơn chưa phù hợp với quy định tại Điều 4 và Điều 10 của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP.

Về nội dung này, Kiểm toán Nhà nước cũng có kiến nghị: "Đài THVN phối hợp với Cục Thuế Thành phố Hà Nội xem xét tính pháp lý việc kê khai và khấu trừ thuế GTGT của các hoá đơn đầu ra và đầu vào (của các đơn vị trực thuộc khu vực Hà Nội) đang không thống nhất về việc ghi thông tin tên, địa chỉ, mã số thuế trên hoá đơn (trên hoá đơn ghi mã số thuế 10 số của Đài THVN) và ghi thông tin tên, địa chỉ, mã số thuế trong hợp đồng mua bán do các đơn vị trực thuộc ký (mã số thuế 13 số của các đơn vị trực thuộc) để xử lý theo quy định của pháp luật về thuế".

b) Về thời hạn xuất hóa đơn GTGT:

Đài THVN cung cấp dịch vụ quảng cáo truyền hình thuộc đối tượng cung cấp hàng hóa, dịch vụ với số lượng lớn, phát sinh thường xuyên, cần có thời gian đối soát giữa Đài THVN và khách hàng, đối tác. Tại Công văn số 2826/TCT-CS ngày 04/8/2022 của Tổng cục Thuế đã đồng ý Đài THVN áp dụng điểm a khoản 4 Điều 9 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP. Theo đó thời điểm lập hóa đơn là thời điểm hoàn thành việc đối soát dữ liệu giữa các bên nhưng chậm nhất không quá ngày 07 của tháng sau tháng phát sinh việc cung cấp dịch vụ hoặc không quá 07 ngày kể từ ngày

kết thúc kỳ quy ước. Kỳ quy ước để làm căn cứ tính lượng hàng hóa, dịch vụ cung cấp căn cứ thỏa thuận giữa đơn vị bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ với người mua.

Tuy nhiên qua thực tế áp dụng thì đối với các dịch vụ quảng cáo trên nền tảng số và cung cấp/phân phối nội dung trên nền tảng số, bao gồm cả trên các trang web, hạ tầng OTT, mạng xã hội,... (gọi chung là dịch vụ trên các nền tảng số) thì thời hạn Đài THVN nhận thông báo doanh thu để đối chiếu thường sau ngày 20 của tháng (N+1). Nên việc áp dụng đối soát, xuất hóa đơn sau 07 ngày như trên là chưa phù hợp thực tiễn. Đài THVN thường xuyên phải điều chỉnh xuất hóa đơn, kê khai khấu trừ thuế GTGT; hạch toán kế toán và kê khai không đồng nhất; khó khăn trong việc đối chiếu kiểm soát công nợ với khách hàng.

2. Căn cứ vào tình hình thực tế trên, tạo điều kiện thuận lợi cho đơn vị trong việc tăng thu và sử dụng nguồn tài chính để hoàn thành nhiệm vụ được giao, Đài THVN kính đề nghị Tổng cục Thuế, Bộ Tài chính xem xét bổ sung các quy định sau:

a) Về sử dụng mã số thuế và kê khai thuế GTGT:

Đối với đơn vị trực thuộc doanh nghiệp, tổ chức kinh tế: Đơn vị trực thuộc được đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử riêng và lựa chọn kê khai thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ tập trung tại trụ sở chính nếu có cùng đơn vị quản lý thuế.

b) Về thời hạn xuất hoá đơn GTGT:

- Bổ sung đối tượng “dịch vụ quảng cáo truyền hình” được áp dụng thời hạn xuất hóa đơn theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 9 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP;

- Quy định riêng thời điểm lập hóa đơn đối với các dịch vụ quảng cáo trên nền tảng số và cung cấp/phân phối nội dung trên nền tảng số là thời điểm hoàn thành việc đối soát dữ liệu giữa các bên nhưng chậm nhất không quá 25 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ quy ước.

3. Một số ý kiến góp ý của dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 123/2020/NĐ-CP (nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo).

Trên đây là ý kiến của Đài Truyền hình Việt Nam trong việc xây dựng nội dung Dự thảo, kính gửi Tổng cục Thuế, Bộ Tài chính xem xét giải quyết và tổng hợp, hoàn thiện Dự thảo.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Tài chính;
- Cục Thuế TP Hà Nội;
- Lãnh đạo Đài THVN;
- KHTC, VP (P.TKTHPC);
- Lưu: VT, VP.



Lê Ngọc Quang

Phụ lục

GÓP Ý VỀ DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NGHỊ ĐỊNH SỐ 123/2020/NĐ-CP NGÀY 19/10/2020 CỦA CHÍNH PHỦ
(Kèm theo Công văn số...../THVN-VP ngày/...../2023 của Đài Truyền hình Việt Nam)

TT	Khoản, Mục, nội dung tại dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 123/2020/NĐ-CP	Nội dung góp ý sửa đổi, bổ sung (phần chữ in đậm, nghiêng)	Ghi chú/Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung
I	Tại Điều 1		
1	Đề nghị bổ sung nội dung Dự thảo chưa quy định	<i>“Đối với đơn vị trực thuộc doanh nghiệp, tổ chức kinh tế: Đơn vị trực thuộc được đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử riêng và được lựa chọn kê khai thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ tập trung tại trụ sở chính nếu có cùng đơn vị quản lý thuế”.</i>	Các tổ chức kinh tế, doanh nghiệp có mô hình tổ chức gồm các đơn vị trực thuộc được giao nhiệm vụ theo tính chất chuyên môn hóa (chuyên thu, chuyên chi); được cấp mã số thuế đơn vị phụ thuộc. Trường hợp đơn vị khai thuế GTGT riêng theo phương pháp khấu trừ sẽ rất khó khăn cho doanh nghiệp trong việc quản lý dòng tiền, hiệu quả sử dụng vốn thấp, phát sinh nhiều thủ tục hoàn thuế. Để thống nhất thông tin trên hoá đơn GTGT đầu ra và hợp đồng mua bán do các đơn vị trực thuộc ký (MST 13 số), giảm thiểu thủ tục khi thực hiện kê khai thuế GTGT, Đài THVN đề xuất cho phép đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc được sử dụng hóa đơn điện tử có mã số thuế (MST 13 số) và kê khai thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ tập trung tại trụ sở chính nếu có cùng đơn vị quản lý thuế (MST 10 số),

TT	Khoản, Mục, nội dung tại dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 123/2020/NĐ-CP	Nội dung góp ý sửa đổi, bổ sung (phần chữ in đậm, nghiêng)	Ghi chú/Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung
2	5. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 như sau:		
2.1	b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:		
	a) Đối với các trường hợp cung cấp hàng hóa, dịch vụ với số lượng lớn, phát sinh thường xuyên, cần có thời gian đối soát số liệu giữa doanh nghiệp bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ và khách hàng, đối tác như trường hợp cung cấp dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không, cung ứng nhiên liệu hàng không cho các hãng hàng không, hoạt động cung cấp điện (trừ đối tượng quy định tại điểm h khoản này), nước, dịch vụ truyền hình, dịch vụ bưu chính chuyển phát (bao gồm cả dịch vụ đại lý, dịch vụ thu hộ, chi hộ), dịch vụ viễn thông (bao gồm cả dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng), dịch vụ logistic, dịch vụ công nghệ thông tin (trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này), chứng khoán, bảo hiểm, xổ số điện toán và các trường hợp khác theo hướng dẫn của Bộ Tài chính được bán theo kỳ nhất định, thời điểm lập hóa đơn là thời điểm hoàn thành việc đối soát dữ liệu giữa các bên nhưng chậm nhất không quá ngày 07 của tháng sau tháng phát sinh việc cung cấp dịch vụ hoặc không quá 07 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ quy ước. Kỳ quy ước để làm căn cứ tính lượng hàng hóa, dịch vụ cung cấp căn cứ thỏa thuận giữa đơn vị bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ với người mua.	a) Đối với các trường hợp cung cấp hàng hóa, dịch vụ với số lượng lớn, phát sinh thường xuyên, cần có thời gian đối soát số liệu giữa doanh nghiệp bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ và khách hàng, đối tác như trường hợp cung cấp dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không, cung ứng nhiên liệu hàng không cho các hãng hàng không, hoạt động cung cấp điện (trừ đối tượng quy định tại điểm h khoản này), nước, dịch vụ truyền hình, dịch vụ quảng cáo truyền hình , dịch vụ bưu chính chuyển phát (bao gồm cả dịch vụ đại lý, dịch vụ thu hộ, chi hộ), dịch vụ viễn thông (bao gồm cả dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng), dịch vụ logistic, dịch vụ công nghệ thông tin (trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này), chứng khoán, bảo hiểm, xổ số điện toán và các trường hợp khác theo hướng dẫn của Bộ Tài chính được bán theo kỳ nhất định, thời điểm lập hóa đơn là thời điểm hoàn thành việc đối soát dữ liệu giữa các bên nhưng chậm nhất không quá ngày 07 của tháng sau tháng phát sinh việc cung cấp dịch vụ hoặc không quá 07 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ quy ước. Kỳ quy ước để làm căn cứ tính lượng hàng hóa, dịch vụ cung cấp căn cứ thỏa thuận giữa đơn vị bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ với người mua.	Đài THVN cung cấp dịch vụ quảng cáo truyền hình thuộc đối tượng cung cấp hàng hóa, dịch vụ với số lượng lớn, phát sinh thường xuyên, cần có thời gian đối soát giữa Đài và khách hàng, đối tác. Tại Công văn số 2826/TCT-CS ngày 04/8/2022, Tổng cục Thuế đã đồng ý Đài THVN áp dụng điểm a khoản 4 Điều 9 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP.

TT	Khoản, Mục, nội dung tại dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 123/2020/NĐ-CP	Nội dung góp ý sửa đổi, bổ sung (phần chữ in đậm, nghiêng)	Ghi chú/Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung
	Đề nghị bổ sung thêm quy định điểm s vào khoản 4 Điều 9 (Dự thảo chưa quy định)	<i>s) Đối với các dịch vụ quảng cáo trên nền tảng số và cung cấp/phân phối nội dung trên nền tảng số gọi chung là dịch vụ trên các nền tảng số. Thời điểm lập hóa đơn là thời điểm hoàn thành việc đối soát dữ liệu giữa các bên nhưng chậm nhất không quá 25 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ quy ước.</i>	Dịch vụ quảng cáo trên nền tảng số là dịch vụ công nghệ mới, xu hướng của xã hội hiện nay Việc sản xuất và phân phối chương trình trên hạ tầng số (bao gồm các nền tảng số của đối tác trong nước hoặc nước ngoài như Facebook, Youtube,...) có sự tham gia của nhiều đơn vị cùng vận hành để cung cấp dịch vụ (nhãn hàng, đại lý, nền tảng bên mua, nền tảng bên bán, đại lý giao dịch, chủ sở hữu nền tảng, bên đo lường khán giả, bên đo lường quảng cáo,...). Khâu đối soát nhiều bên tham gia, từ các SSP (nền tảng bên bán), DSP (nền tảng bên mua), Publiser (đơn vị phát hành, chủ sở hữu nền tảng) nên tốn nhiều thời gian hơn việc chỉ đối soát hai bên. Số liệu doanh thu trên các nền tảng mạng xã hội như Facebook, Youtube thường thông báo doanh thu sau ngày 20 của tháng N+1.
3	6. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:		
	c. Sửa đổi điểm a, c, d, đ khoản 6 như sau:		

TT.	Khoản, Mục, nội dung tại dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 123/2020/NĐ-CP	Nội dung góp ý sửa đổi, bổ sung (phần chữ in đậm, nghiêng)	Ghi chú/Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung
	d) Trường hợp cơ sở kinh doanh áp dụng hình thức chiết khấu thương mại dành cho khách hàng hoặc khuyến mại theo quy định của pháp luật thì phải thể hiện rõ khoản chiết khấu thương mại, khuyến mại trên hóa đơn. Trường hợp việc chiết khấu thương mại căn cứ vào số lượng, doanh số hàng hóa, dịch vụ thì số tiền chiết khấu của hàng hóa, dịch vụ đã bán được tính điều chỉnh trên hóa đơn bán hàng hóa, dịch vụ của lần mua cuối cùng hoặc kỳ tiếp sau đảm bảo số tiền chiết khấu không vượt quá giá trị hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn của lần mua cuối cùng hoặc kỳ tiếp sau. Trường hợp số tiền chiết khấu được lập khi kết thúc chương trình (kỳ) chiết khấu hàng bán thì được lập hóa đơn điều chỉnh cho các hóa đơn đã lập. Căn cứ vào hóa đơn điều chỉnh, bên bán và bên mua kê khai điều chỉnh doanh thu mua, bán, thuế đầu ra, đầu vào.	d) Trường hợp cơ sở kinh doanh áp dụng hình thức chiết khấu thương mại dành cho khách hàng hoặc khuyến mại theo quy định của pháp luật thì phải thể hiện rõ khoản chiết khấu thương mại, khuyến mại trên hóa đơn. Trường hợp việc chiết khấu thương mại căn cứ vào số lượng, doanh số hàng hóa, dịch vụ thì số tiền chiết khấu của hàng hóa, dịch vụ đã bán được tính điều chỉnh trên hóa đơn bán hàng hóa, dịch vụ của lần mua cuối cùng hoặc kỳ tiếp sau hoặc <i>khi kết thúc chương trình</i> đảm bảo số tiền chiết khấu không vượt quá giá trị hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn của lần mua cuối cùng hoặc kỳ tiếp sau. <i>Trường hợp số tiền chiết khấu thương mại lớn hơn giá trị hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn của lần mua cuối cùng hoặc kỳ tiếp sau hoặc số tiền chiết khấu được lập khi kết thúc chương trình (kỳ) thì số tiền chiết khấu của hàng hóa, dịch vụ được lập một hóa đơn riêng.</i>	Đề nghị bổ sung trường hợp số tiền chiết khấu thương mại lớn hơn giá trị hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn của lần mua cuối cùng hoặc kỳ tiếp sau Trường hợp số tiền chiết khấu được lập khi kết thúc chương trình (kỳ) cũng phải được xuất hóa đơn như trường hợp xuất ở lần mua cuối cùng hoặc kỳ tiếp sau, vì đây vẫn là hóa đơn chiết khấu thương mại chứ không phải sai sót, do đó không phải xuất hóa đơn điều chỉnh và kê khai điều chỉnh.

**THÔNG TẤN XÃ
VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 1130 /TTX-KHTC

Hà Nội, ngày 12 tháng 9 năm 2023

V/v góp ý dự thảo Nghị định
sửa đổi, bổ sung Nghị định
123/2020/NĐ-CP

Kính gửi: Bộ Tài chính

Phúc đáp công văn số 9206/BTC-TCT ngày 29 tháng 8 năm 2023 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến góp ý dự thảo tờ trình và dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 123/2020/NĐ-CP. Sau khi nghiên cứu nội dung văn bản nói trên, về cơ bản Thông tấn xã Việt Nam nhất trí với các nội dung của 02 dự thảo, tuy nhiên TTXVN có một số ý kiến như sau:

1. Về dự thảo tờ trình:

- Về Hiệu lực thi hành: Nội dung Điều 2 chưa phù hợp.

2. Về Dự thảo Nghị định:

Mục 3, Điều 33: “ *Tổ chức chi trả thu nhập chỉ được cấp chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân cho người nộp thuế khi đã nộp đầy đủ tiền thuế đã khấu trừ của người lao động vào ngân sách Nhà nước.*”

Điều này chưa hợp lý do: Khi thực hiện khấu trừ tại nguồn, người nhận thu nhập đã thực hiện nộp tiền thuế thu nhập cá nhân qua cơ quan chi trả thu nhập; nên được nhận ngay chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân. Trách nhiệm nộp tiền thuế và kê khai theo chứng từ khấu trừ thuộc về cơ quan chi trả thu nhập. Điều này tránh gây bất lợi cho người nộp thuế.

Đề nghị đơn vị soạn thảo nghiên cứu và sửa nội dung này cho phù hợp.

TTXVN trân trọng báo cáo để Quý cơ quan xem xét, tổng hợp theo quy định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KHTC.

**KT, TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Tuấn Hùng

**BAN QUẢN LÝ LĂNG
CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1577/BQLL-VP
V/v ý kiến tham gia dự thảo Nghị
định sửa đổi, bổ sung Nghị định
123/2020/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 11 tháng 9 năm 2023

Kính gửi: Bộ Tài chính

Căn cứ Công văn số 9206/BTC-TCT ngày 21/8/2023 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ;

Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nghiên cứu và nhất trí với các nội dung dự thảo Tờ trình Chính phủ, dự thảo Nghị định.

Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi Bộ Tài chính tổng hợp, báo cáo theo quy định. / *[Signature]*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KHTC. Q03.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Phạm Hải Trung

Số: 7445 /NHNN-TCKT
V/v Góp ý dự thảo Nghị định sửa đổi,
bổ sung Nghị định số 123/2020/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 25 tháng 9 năm 2023

Kính gửi: Bộ Tài chính

Phúc đáp Công văn số 9206/BTC-CST ngày 29/8/2023 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 123/2020/NĐ-CP (Dự thảo), Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có ý kiến như sau:

1. Ý kiến chung:

Đề nghị Quý Bộ xem xét bổ sung quy định về xuất hóa đơn đối với nghiệp vụ mua bán ngoại tệ vào nội dung Dự thảo.

2. Một số ý kiến cụ thể:

- Điểm a Khoản 2 Điều 1 Dự thảo:

+ Sửa đổi điểm d khoản 1 Điều 4 Nghị định 123/2020/NĐ-CP: Đề nghị Quý Bộ xem xét bổ sung quy định làm rõ cách ghi các tiêu thức hóa đơn đối với hóa đơn nhận lại hàng hóa trả lại hoặc hóa đơn hủy bỏ dịch vụ;

+ Sửa đổi điểm e khoản 1 Điều 4 Nghị định 123/2020/NĐ-CP: Đề nghị Quý Bộ xem xét sửa đổi nội dung “*chấm dứt hoặc hủy việc cung cấp dịch vụ*” thành “*chấm dứt hoặc hủy bỏ việc cung ứng dịch vụ đã được lập hóa đơn*” để Dự thảo rõ ràng hơn;

- Khoản 3 Điều 1 Dự thảo: đề nghị Quý Bộ cân nhắc sửa điểm d thành “*d. Không chuyển dữ liệu điện tử về cơ quan thuế theo quy định tại Nghị định này*” để Dự thảo rõ ràng hơn.

- Điểm b Khoản 5 Điều 1 Dự thảo: Đề nghị Quý Bộ xem xét bỏ nội dung “*kèm bảng kê hoặc chứng từ khác có xác nhận của hai bên*” tại đoạn thứ 3 điểm p khoản 4. Vì mỗi biến động trên tài khoản của khách hàng đều được thông báo theo nhiều kênh khác nhau (SMS, email, mobile app,...).

- Khoản 13 Điều 1 Dự thảo: Đề nghị Quý Bộ xem xét bổ sung quy định về thời điểm, tần suất lập Mẫu 04/SS-HĐĐT khi xử lý hóa đơn điện tử có sai sót (theo từng lần phát sinh sai sót hay theo kỳ kê khai thuế giá trị gia tăng).

Trên đây là ý kiến của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với Dự thảo gửi Quý Bộ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thống đốc NHNN (để báo cáo);
- PTĐ Đào Minh Tú;
- Lưu VP, TCKT2. MTTHà

KT.THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC



Đào Minh Tú

THANH TRA CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2024/TTCP-V.II

V/v lấy ý kiến dự thảo ND sửa đổi, bổ
sung Nghị định số 123/2020/ND-CP

Hà Nội, ngày 15 tháng 9 năm 2023

Kính gửi: Bộ Tài chính

Phúc đáp Văn bản số 9206/BTC-TCT ngày 29/8/2023 của Bộ Tài chính về lấy ý kiến dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 123/2020/ND-CP của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ (dự thảo Nghị định); Thanh tra Chính phủ đề nghị Bộ Tài chính theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền thực hiện rà soát, tổng hợp ý kiến các bộ ngành và cơ quan có liên quan, hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị định theo quy định.

Thanh tra Chính phủ trân trọng phúc đáp. / *BN*

Nơi nhận: *BN*

- Như trên;
- Tổng Thanh tra Chính phủ (để b/c);
- Phó Tổng TTCP Bùi Ngọc Lam;
- Lưu: VT, Vụ II.4

KT. TỔNG THANH TRA
PHÓ TỔNG THANH TRA



BN
Bùi Ngọc Lam

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2843/BHXH-TCKT
V/v tham gia ý kiến dự thảo Nghị định
sửa đổi, bổ sung Nghị định số
123/2020/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 13 tháng 9 năm 2023

Kính gửi: Bộ Tài chính

Bảo hiểm xã hội Việt Nam nhận được Công văn số 9206/BTC-TCT ngày 29/8/2023 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ. Sau khi nghiên cứu, Bảo hiểm xã hội (BHXH) Việt Nam thống nhất với dự thảo và tham gia ý kiến như sau:

Đề nghị bổ sung quy định tại Điều 1 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP về phạm vi điều chỉnh: *“Đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức có nhu cầu sử dụng chứng từ điện tử ngoài các chứng từ khi thực hiện các thủ tục về thuế, thu phí, lệ phí được khuyến khích áp dụng các quy định tại Nghị định này”*.

Lý do:

- Chứng từ điện tử đã quy định tại Điều 17 Luật Kế toán, Điều 5 Nghị định số 165/2018/NĐ-CP ngày 24/12/2018 của Chính phủ quy định về giao dịch điện tử trong lĩnh vực tài chính. Tuy nhiên, chưa có quy định cụ thể về quy trình tạo lập, thông báo, sử dụng, quản lý đối với chứng từ điện tử.

- Tại Nghị định số 123/2020/NĐ-CP đã quy định cụ thể về quy trình tạo lập, thông báo, sử dụng, quản lý đối với chứng từ điện tử. Tuy nhiên, theo Điều 1 và khoản 4 Điều 3 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP thì Nghị định chỉ áp dụng đối với chứng từ điện tử bao gồm chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân, biên lai thuế, phí, lệ phí được thể hiện theo hình thức điện tử hoặc đặt in, tự in.

- Thực tiễn tại BHXH Việt Nam được giao nhiệm vụ thu tiền đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) của người tham gia theo quy định của Luật BHXH, Luật BHYT, Luật Việc làm và Nghị định số 89/2020/NĐ-CP ngày 04/8/2020 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của BHXH Việt Nam. Khi thu tiền đóng của người tham gia BHXH, BHYT, cơ quan BHXH có trách nhiệm cấp cho người tham gia một chứng từ xác nhận số tiền người tham gia đã đóng, là cơ sở để cơ quan BHXH hạch toán kế toán, ghi nhận quá trình tham gia BHXH và cấp thẻ BHYT cho người tham gia¹.

¹ Căn cứ khoản 2 Điều 1 Thông tư số 102/2018/TT-BTC ngày 14/11/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán BHXH: Hiện nay, BHXH Việt Nam sử dụng mẫu Biên lai thu tiền (Mẫu số C45-BB ban hành kèm theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC) để cấp cho người tham gia BHXH, BHYT.

Cùng với quá trình đẩy mạnh giao dịch điện tử và hiện đại hóa công nghệ thông tin trong hoạt động hành chính, việc sử dụng biên lai thu tiền đóng BHXH, BHYT dưới hình thức điện tử nhằm tiết kiệm chi phí, thuận tiện trong tổ chức thực hiện, đáp ứng nhu cầu chuyển đổi số đang được BHXH Việt Nam quan tâm, xây dựng điều kiện hạ tầng, phần mềm để triển khai.

Do đó, để thống nhất việc quản lý, sử dụng chứng từ điện tử (ngoài các chứng từ khi thực hiện các thủ tục về thuế, thu phí, lệ phí) tại BHXH Việt Nam nói riêng và các cơ quan, đơn vị, tổ chức khác nói chung, BHXH Việt Nam đề nghị bổ sung nội dung khuyến khích các đơn vị áp dụng quy định về quản lý, sử dụng chứng từ điện tử tại Nghị định số 123/2020/NĐ-CP.

Trên đây là ý kiến tham gia của BHXH Việt Nam, kính gửi Bộ Tài chính để tổng hợp./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng Giám đốc (để b/c);
- Lưu: VT, TCKT.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Lê Hùng Sơn

Số: 2105/VHL-KHTC

Hà Nội, ngày 11 tháng 09 năm 2023

V/v góp ý đối với Dự thảo Nghị định sửa
đổi, bổ sung Nghị định số 123/2020/NĐ-CP

Kính gửi: Bộ Tài chính

Phúc đáp Công văn số 9206/BTC-TCT ngày 29/8/2023 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 123/2020/NĐ-CP, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam có ý kiến như sau:

Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam đã nghiên cứu dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ do Quý Bộ soạn thảo và không có ý kiến gì thêm.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch Viện Hàn lâm (để b/c);
- Lưu: VT, KHTC. N.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Trường Giang

ỦY BAN DÂN TỘC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1616 /UBNDT-KHTC

Hà Nội, ngày 14 tháng 9 năm 2023

V/v tham gia ý kiến dự thảo Nghị
định sửa đổi, bổ sung Nghị định số
123/2020/NĐ-CP

Kính gửi: Bộ Tài chính

Phúc đáp Công văn số 9206/BTC-TCT ngày 29/8/2023 của Bộ Tài chính về việc tham gia ý kiến dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ, Ủy ban Dân tộc có ý kiến như sau:

Nhất trí với dự thảo Tờ trình Chính phủ, dự thảo Nghị định do Quý Bộ soạn thảo. Nội dung của dự thảo Nghị định phù hợp với thông lệ quốc tế về cải cách thuế; đảm bảo thực hiện đúng chủ trương, đường lối của Đảng về đẩy mạnh xây dựng Chính phủ điện tử, tiến đến Chính phủ số và Chính phủ thông minh; đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất và đồng bộ của hệ thống pháp luật hiện hành.

Trên đây là ý kiến của Ủy ban Dân tộc gửi Quý Bộ tổng hợp và hoàn thiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng, Chủ nhiệm UBNDT (để b/c);
- Công TTĐT UBNDT;
- Lưu: VT, KHTC.

**TL. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
VỤ TRƯỞNG VỤ KẾ HOẠCH – TÀI CHÍNH**



uel

Nguyễn Mạnh Huân

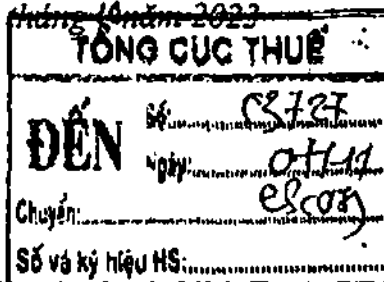
VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
CỘNG TTĐT CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 355 /TTĐT-DLĐT

Hà Nội, ngày 31 tháng 10 năm 2023

V/v Góp ý dự thảo văn bản quy
phạm pháp luật.



Kính gửi: Tổng cục Thuế
(1A, Nguyễn Công Trứ, Hai Bà Trưng,
Hà Nội)

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 trong đó có quy định về việc lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức và cá nhân đối với Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ,

Sau khi nhận được dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ, Cổng Thông tin điện tử Chính phủ đã đăng toàn văn nội dung dự thảo trên để lấy ý kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và nhân dân cả trong và ngoài nước trong 60 ngày theo quy định.

Sau 60 ngày đăng tải, có một số ý kiến góp ý của công dân đối với dự thảo (tại file đính kèm). Cổng Thông tin điện tử Chính phủ xin gửi Tổng cục Thuế ý kiến góp ý này. Đề nghị quý cơ quan có văn bản gửi Cổng Thông tin điện tử Chính phủ cho biết về việc tiếp thu hoặc giải trình ý kiến của công dân đã góp ý đối với dự thảo này. *dlm*

Nơi nhận:

- Như trên;
- VPCP: Vụ KTTH, PL;
- TGD;
- Lưu: VT, DLĐT, PH



Nguyễn Hồng Sâm



TÁC Ý KIẾN GÓP Ý CỦA NHÂN DÂN
Đổi mới và hoàn thiện Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2010/NĐ-CP ngày 19/10/2010 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ (gọi tắt là "Nghị định") theo công văn số 955 /TTĐT-DLĐT ngày 31 tháng 10 năm 2023 của Công Thông tin điện tử Chính phủ)

1. Công ty TNHH Panasonic Việt Nam; địa chỉ: Lô J1-J2 KCN Thăng Long, huyện Đông Anh, Hà Nội; email: thihao.diep@vn.panasonic.com góp ý:

1. Xuất hóa đơn hàng biểu, tặng cho nhân viên, đối tác:

Hiện nay theo Nghị định 123 thì phải xuất hóa đơn cho từng cá nhân, tuy nhiên việc xuất hóa đơn cho từng cá nhân là nhân viên hoặc đối tác trong các chương trình/sự kiện thực sự gây rất nhiều khó khăn cho doanh nghiệp, do việc xuất hóa đơn vẫn cần con người tạo mã từng cá nhân và thực hiện bằng thủ công, không thể upload để xuất hóa đơn vì do đặc thù hệ thống.

Kiến nghị: Có thể xuất hóa đơn theo danh sách nhân viên, đối tác kèm theo của từng chương trình cụ thể vẫn đảm bảo nghĩa vụ thuế của nhà nước đồng thời giảm thời gian của doanh nghiệp vào việc xuất hóa đơn với số lượng lớn hàng trăm hàng nghìn cá nhân.

2. Xuất hóa đơn theo kỳ

Hiện nay theo quy định chỉ 1 số ngành nghề được phép xuất hóa đơn theo kỳ, trong thực tiễn có nhiều hoạt động ví dụ cung cấp dịch vụ taxi, dịch vụ ăn ca, dịch vụ vận chuyển-xe đưa đón cán bộ công nhân viên,... việc xuất hóa đơn theo lần cung cấp dịch vụ gây rất nhiều khó khăn.

Kiến nghị: Có thể xuất theo kỳ tháng nếu 2 bên có thỏa thuận trong hợp đồng dịch vụ, công việc.

3. Xuất hóa đơn hàng cho vay, cho mượn

Theo quy định về thuế GTGT hiện hành:

Theo khoản 2, Điều 3 Thông tư 119/2014/TT-BTC ngày 25/08/2014 sửa đổi, bổ sung khoản 4, Điều 7, Thông tư số 219/2013/TT-BTC như sau:

"4. Giá tính thuế đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng nội bộ.

Hàng hóa luân chuyển nội bộ như hàng hóa được xuất để chuyển kho nội bộ, xuất vật tư, bán thành phẩm, để tiếp tục quá trình sản xuất trong một cơ sở sản xuất, kinh doanh hoặc hàng hóa, dịch vụ do cơ sở kinh doanh xuất hoặc cung ứng sử dụng phục vụ hoạt động kinh doanh thì không phải tính, nộp thuế GTGT.

Trường hợp xuất máy móc, thiết bị, vật tư, hàng hóa dưới hình thức cho vay, cho mượn hoặc hoàn trả, nếu có hợp đồng và các chứng từ liên quan

đến giao dịch phù hợp, cơ sở kinh doanh không phải lập hóa đơn, tính, nộp thuế GTGT.

Kiến nghị: Quy định rõ hơn về giá tính thuế hàng xuất cho mượn, hướng dẫn cách kê khai và xuất trả lại hàng mượn- phù hợp với thực tiễn kinh doanh.

Hiện nay có 1 số cơ quan thuế địa phương đã hướng dẫn doanh nghiệp việc xuất hàng cho mượn phải xuất có giá và kê khai nộp thuế. Hướng dẫn này doanh nghiệp thấy chưa hợp lý vì giao dịch xuất cho mượn này không phát sinh giá trị tăng thêm để doanh nghiệp phải xuất hóa đơn có giá, kê khai nộp thuế

4. Hàng tiêu dùng nội bộ, hàng xuất quảng cáo: hiện nay chưa có văn bản pháp luật hướng dẫn xác định thế nào là hàng tiêu dùng nội bộ, hàng xuất quảng cáo. Đề nghị hướng dẫn rõ hơn

5. Hướng dẫn xuất hóa đơn chiết khấu: Dự thảo hiện tại quy định việc xuất hóa đơn chiết khấu khi kết thúc chương trình chiết khấu là thực hiện việc xuất hóa đơn điều chỉnh cho những hóa đơn đã bán hàng. Hướng dẫn này gây nhiều khó khăn cho doanh nghiệp do thực tế có chương trình chiết khấu quý, năm. Do vậy việc điều chỉnh cho hàng nghìn hóa đơn là không thể thực hiện được. Hơn nữa bản chất của chiết khấu khác xuất hóa đơn điều chỉnh giảm sai sót nên hóa đơn chiết khấu nên chẳng được kê khai vào kỳ hiện tại thay vì kê khai như hóa đơn điều chỉnh giảm sai sót.

2. Bạn đọc Nguyễn Quốc Thiên; địa chỉ: Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; email: dvquyettoanthuc@gmail.com góp ý:

Được biết Bộ Tài chính dự thảo về ngày lập và ngày ký hoá đơn không quá 24h.

Tôi thấy quy định này không phù hợp thực tiễn, gây khó khăn cho người nộp thuế, vì vậy cứ để như cũ ở khoản này, không nên sửa đổi bổ sung khoản này.

3. Bạn đọc Lưu Thanh Nhị; địa chỉ: Cao Thắng, Hạ Long, Quảng Ninh; email: thanhnhiluu1607@gmail.com góp ý:

Tôi đang có một quầy thuốc bán lẻ trực thuộc 1 công ty. Tôi thấy trong dự thảo có nội dung là với cá nhân không kinh doanh thì trên hoá đơn phải có mã định danh hoặc hộ chiếu. Tôi thấy đang gặp khó khăn về vấn đề này trong bán hàng vì: Đa số khách hàng đi mua sẽ không nhớ mã định danh. Hơn nữa, chẳng hạn họ mua có lọ thuốc muối 2.000đ mà yêu cầu họ cung cấp tên đã khó chứ chưa nói đến mã định danh. Việc này có thể ảnh hưởng đến các nhà thuốc kinh doanh theo mô hình công ty như chúng tôi, vì đa số các nhà thuốc bán lẻ hiện nay đều là hộ kinh doanh.

Tôi mong Nhà nước xem xét có lộ trình cho việc này.

Xin chân thành cảm ơn

4. Bạn đọc Nguyễn Thị Hải Đăng; địa chỉ: Công ty TNHH Canon Việt Nam, Lô A1, KCN Thăng Long, Kim Chung, Đông Anh, Hà Nội; email: pl-nego31@canon-vn.com.vn góp ý:

Sau khi nghiên cứu dự thảo, chúng tôi xin đóng góp một số ý kiến sau:

1. Điểm a, khoản 2, Điều 1 bổ sung thêm quy định về việc lập hóa đơn trong trường hợp tạm nhập-tái xuất, tạm xuất-tái nhập nguyên vật liệu, thành phẩm, máy móc, công cụ, dụng cụ; và giữ nguyên quy định xuất hóa đơn khi xuất hàng hóa dưới các hình thức cho vay, cho mượn hoặc nhận hoàn trả hàng hóa:

- Khi tạm xuất tái nhập, tạm nhập tái xuất nguyên vật liệu, thành phẩm, máy móc, công cụ, dụng cụ, hoặc xuất hàng hóa dưới các hình thức cho vay, cho mượn hoặc nhận hoàn trả hàng hóa, doanh nghiệp (DN) đã thực hiện thủ tục hải quan, và xuất hóa đơn thương mại theo đúng quy định. Cơ quan Hải quan quản lý rất chặt chẽ đối với các hoạt động này.

- Hoạt động này của DN không phải là hoạt động bán hàng, dịch vụ, không nhằm mục đích tạo ra lợi nhuận, doanh thu tại thị trường Việt Nam mà chỉ hỗ trợ cho hoạt động sản xuất sản phẩm xuất khẩu của DN và chỉ thực hiện trong thời gian nhất định.

Vì vậy, việc phải xuất thêm hóa đơn nội địa của Hệ thống Thuế sẽ làm phát sinh thủ tục, tăng thêm nhân lực của doanh nghiệp nên DN đề xuất bỏ các quy định này giúp DN đơn giản hóa các thủ tục và hoạt động được quản lý tập trung bởi 1 đầu mối là Hải quan.

2. Điểm a, khoản 5, Điều 1 quy định về thời điểm lập hóa đơn đối với trường hợp xuất khẩu hàng hóa (bao gồm cả gia công xuất khẩu), thời điểm lập hóa đơn không quá 24h kể từ thời điểm cơ quan hải quan xác nhận hoàn tất thủ tục hải quan trên tờ khai hải quan:

- Đối với doanh nghiệp ưu tiên và các đối tác với doanh nghiệp ưu tiên được phép hoàn thành thủ tục hải quan trong vòng 30 ngày kể từ lúc xuất, nhập hàng hóa. Do đó, việc quy định xuất hóa đơn trong vòng 24h kể từ thời điểm cơ quan hải quan xác nhận hoàn tất thủ tục hải quan trên tờ khai hải quan gây khó khăn cho DN do thời gian xử lý hải quan còn phụ thuộc vào kế hoạch của tàu... Vì vậy, DN mong muốn cơ quan Thuế cũng tạo điều kiện cho DN ưu tiên được thực hiện theo thời gian quy định như của cơ quan Hải quan.
--> Đề xuất: bỏ quy định lập hóa đơn trong vòng 24h.

- Điều 9 quy định thời điểm lập hóa đơn là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hàng hóa trong khi đó Điều 13 lại quy định cơ sở phải lập hóa đơn sau khi làm xong thủ tục hải quan tạo ra sự không thống nhất cho DN. Theo thông lệ quốc tế, thời điểm chuyển giao hàng hóa theo incoterm là thời điểm phù hợp để xác định hoạt động xuất khẩu.
--> Đề xuất: sửa thời điểm xuất hóa đơn tại Điều 13 theo Điều 9 "3c. Khi xuất hàng hóa để vận chuyển đến cửa khẩu hay đến nơi làm thủ tục xuất khẩu, cơ sở sử dụng Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ theo quy định

làm chứng từ lưu thông hàng hóa trên thị trường. Sau khi làm xong thủ tục cho hàng hóa xuất khẩu hoặc tại thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hàng hóa cho người mua, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền, cơ sở lập hóa đơn cho hàng hóa xuất khẩu."

3. Khoản 28, Điều 1 quy định về việc cung cấp, tra cứu thông tin hóa đơn điện tử:

- Đối với doanh nghiệp có chi nhánh hạch toán phụ thuộc, doanh nghiệp chỉ có 1 bộ phận kế toán ở trụ sở chính thực hiện toàn bộ quá trình quản lý, vận hành chung về hệ thống hóa đơn cho trụ sở chính lẫn chi nhánh phụ thuộc. Tuy nhiên, hiện nay, tài khoản tra cứu của trụ sở chính chỉ tra cứu được hóa đơn đầu vào của trụ sở mà không thể tra cứu được của chi nhánh phụ thuộc. Điều này gây khó khăn cho bộ phận kế toán trong việc kiểm soát, quản lý vận hành hệ thống hóa đơn của doanh nghiệp.

Vì vậy, chúng tôi đề xuất bổ sung quy định về cho phép tra cứu dữ liệu hóa đơn đầu vào của chi nhánh phụ thuộc bằng bổ sung thêm tại khoản 3 của Điều 48 này như sau: "3. Tài khoản tra cứu hóa đơn do Tổng cục thuế cấp của trụ sở chính được phép tra cứu hóa đơn đầu vào của cả trụ sở chính và cho các chi nhánh phụ thuộc."

5. Bạn đọc Đỗ Thị Huỳnh Trang; địa chỉ: 15A Trần Bình Trọng Phường 05 Quận Bình Thạnh; email: trang.dothihuynh@svn.sharp-world.com góp ý:

Tôi có góp ý về việc xuất trả hàng dựa vào việc xác định tài sản thuộc quyền của bên nào, trường hợp tài sản chưa chuyển giao cho người mua thì người bán lập hóa đơn trả hàng. Trường hợp hàng đã chuyển quyền sở hữu cho bên mua thì bên mua phải xuất hóa đơn trả hàng mới hợp lý!

6. Bạn đọc Nguyễn Hồng Quang; địa chỉ: Công ty TNHH Xổ số kiến thiết Bình Định; email: kennaly287@gmail.com góp ý:

Sửa đổi quy định tại điểm b khoản 5 Điều 1 dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 123/2020/NĐ-CP: "Đối với hoạt động kinh doanh vé xổ số kiến thiết theo hình thức bán vé số in sẵn đủ mệnh giá cho khách hàng thông qua hệ thống đại lý (doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá nhân), căn cứ các Biên bản tổng hợp kết quả số lượng vé bán không hết đã thu hồi, xác định số lượng vé đã tiêu thụ, doanh thu tiêu thụ của từng kỳ phát hành của Hội đồng giám sát xổ số để xác định doanh thu tiêu thụ trong tháng. Cuối mỗi tháng, doanh nghiệp kinh doanh xổ số kiến thiết lập hóa đơn GTGT điện tử có mã của cơ quan thuế cho các đại lý và gửi cơ quan thuế cấp mã cho hóa đơn. Trường hợp trong tháng có kỳ bán vé mà ngày mở thưởng trùng với ngày cuối tháng, doanh nghiệp kinh doanh xổ số kiến thiết lập hóa đơn có ngày lập khác ngày ký số theo quy định tại khoản 9 Điều 10 Nghị định này".

7. Bạn đọc Trần Thúy Hạnh; địa chỉ: Tòa GP Invest 170 La Thành; email: hanhtran2010@gmail.com góp ý:

Về quy định xuất hóa đơn đối với trường hợp trả lại hàng hóa:

Dự thảo nghị định quy định rõ trừ trường hợp hàng hóa là tài sản thuộc diện phải đăng ký quyền sở hữu, trường hợp người mua trả lại hàng hóa thì người bán thực hiện hủy (nếu trả lại toàn bộ) hoặc điều chỉnh giảm (nếu trả lại 1 phần).

Cách thức ứng xử này khác biệt rất lớn với quy định cũ từ trước tới nay đó là bên nào giữ hàng thì bên đó xuất hóa đơn, tức bên mua (đang giữ hàng) khi trả lại hàng thì xuất hóa đơn "hàng bán trả lại".

Việc thay đổi quy định trên dẫn tới phải thay đổi rất lớn về hệ thống xuất hóa đơn của 1 số công ty vốn đã setup tương thích với quy định cũ, đặc biệt là các công ty có hệ thống xuất hóa đơn liên kết với dữ liệu kho hàng.

Tôi đề xuất dự thảo nghị định nên có 2 lựa chọn ứng xử trong trường hợp này để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp. Ví dụ:

1- Trường hợp bên mua có thể tự xuất hóa đơn, khi trả lại hàng thì bên mua là bên xuất hóa đơn.

2- Trường hợp bên mua không thể tự xuất hóa đơn (ví dụ người mua là cá nhân), khi nhận hàng trả lại thì bên bán xuất hóa đơn điều chỉnh.

Tôi xin cảm ơn.

**8. Bạn đọc Nguyen Thu Trang; địa chỉ: Ngân hàng MUFG Bank, Ltd.
- chi nhánh Hà Nội; email: nguyen_thu_trang@vn.mufg.jp góp ý:**

1. Đối với hoạt động cấp tín dụng, thời điểm lập hóa đơn nên là thời điểm xác định khoản lãi phải thu/doanh thu của khách hàng theo từng tháng để đảm bảo doanh thu trên hóa đơn và doanh thu khai thuế GTGT và thuế TNDN giống nhau.

2. Đối với dịch vụ ngân hàng, thời điểm lập hóa đơn thường là thời điểm hoàn thành dịch vụ hoặc là ngày làm việc cuối cùng của tháng phát sinh hoạt động cung cấp dịch vụ, thời điểm ký sổ là ngày làm việc tiếp theo sau khi ngân hàng đã hoàn thành việc đối chiếu dữ liệu. Ví dụ: nếu như thời điểm lập hóa đơn rơi vào ngày thứ Sáu hoặc trước ngày nghỉ lễ, hóa đơn sẽ được ký sổ vào ngày thứ Hai tuần tiếp theo hoặc ngày làm việc đầu tiên sau ngày nghỉ lễ. Do đó, việc quy định thời điểm lập hóa đơn và thời điểm ký sổ cách nhau không quá 24h là không khả thi và không hợp lý.

3. Quy định về tỷ giá trên hóa đơn đang có sự mâu thuẫn (áp dụng tỷ giá của Ngân hàng Thương mại nơi người bán mở tài khoản hay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam), đề nghị Tổng cục thuế làm rõ lại quy định.

- Với đặc thù là ngân hàng nên mỗi ngân hàng đều cập nhật tỷ giá trong hệ thống lõi. Để thuận tiện cũng như đảm bảo dữ liệu hóa đơn (bao gồm dữ liệu về tỷ giá) được kết nối trực tiếp từ hệ thống lõi sang hệ thống hóa đơn điện tử, đề nghị Tổng cục thuế cho phép ngân hàng được sử dụng tỷ giá trên hóa đơn là

tỷ giá trong hệ thống ngân hàng thay vì tỷ giá của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam.

- Ngoài ra, người bán nên được phép sử dụng tỷ giá theo quy định của Luật quản lý thuế và các quy định pháp luật về kế toán để đảm bảo được sự thống nhất trong việc sử dụng tỷ giá trên hóa đơn và tỷ giá kê khai thuế GTGT, thuế TNDN.

9. Bạn đọc Lâm Tuấn Đức; địa chỉ: Phường 10, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh; email: duc@ehoadondientu.com góp ý:

Công ty TNHH Công nghệ Vĩnh Hy có ý kiến như sau

1. Bổ sung thời hạn áp dụng bắt buộc hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền, thời hạn áp dụng tem vé, biên lai điện tử.

2. Quy định mã tra cứu và link tra cứu là tiêu chí bắt buộc trên file xml. Đối với các đơn vị truyền bảng tổng hợp thì trên xml bảng tổng hợp có mã tra cứu và link tra cứu. Ví dụ trường hợp các ngân hàng truyền bảng tổng hợp đến Cơ quan thuế, nhưng không gửi email cho người nhận, nên người nhận không tra cứu được. Quy định này cũng giúp tra cứu được các biên bản hủy, thay thế, điều chỉnh dễ dàng.

3. Biên bản hủy, biên bản thay thế và biên bản điều chỉnh phải được tra cứu trên trang tra cứu của nhà cung cấp giải pháp (không cần phải thông báo trên website của bên xuất vì một số công ty không có website hoặc giải thể trước khi Cơ quan thuế kiểm tra bên mua) (Điều 19. Xử lý hóa đơn điện tử đã lập).

4. Ngoài các doanh nghiệp có hóa đơn xuất hơn 100.000 hóa đơn/tháng, còn có các tổ chức cung cấp giải pháp truyền hóa đơn cấp mã hơn 100.000 hóa đơn/tháng, cũng đề nghị được truyền dữ liệu trực tiếp đến Cơ quan thuế.

5. Chứng từ: bổ sung thêm các loại chứng từ kế toán như phiếu thu, chi, nhập xuất. Các chứng từ kế toán này cũng có thể ký số lưu trữ và thay thế việc lưu trữ bằng giấy.

6. Bổ sung quy định hóa đơn thay thế cho hóa đơn kỳ trước thì được kê khai trong kỳ nào (hóa đơn bán ra và mua vào).

7. Đối với các tem, vé thể đề nghị cho sử dụng hóa đơn không mã để các Cục thuế áp dụng thống nhất. Ví dụ như vé xe buýt, có thể có tuyến xe chạy qua các vùng không có sóng nên không cấp mã được.

8. Công khai danh sách các công ty mua bán hóa đơn lên trang web Tổng Cục Thuế, có mục để người dân phản ánh các tin nhắn mua bán hóa đơn nhận qua điện thoại.

10. Bạn đọc Thái Mạnh Cường; email: manhcuong.cmt@gmail.com góp ý tại file đính kèm/.

1. Điểm a Khoản 2 Điều 1 (sửa đổi khoản 1 Điều 4 Nghị định 123):

Đề xuất 1:

Sửa “chấm dứt hoặc hủy việc cung cấp dịch vụ” thành “chấm dứt hoặc hủy bỏ việc cung ứng dịch vụ đã được lập hóa đơn”.

Lí do:

Quy định nhằm làm rõ trách nhiệm của bên bán khi dịch vụ bị hủy giữa chừng mà dịch vụ đó đã được lập hóa đơn khi thu tiền trước (ví dụ thuê nhà trả trước cho cả thời gian thuê).

Tuy nhiên, trường hợp không làm rõ bằng cụm từ “đã được lập hóa đơn” sẽ dẫn tới cách hiểu rằng đối với dịch vụ chưa được lập hóa đơn mà có phát sinh hủy dịch vụ thì vẫn phải lập hóa đơn. Do đó, cần làm rõ để thể hiện chính xác tinh thần của quy định.

Bên cạnh đó, cần sửa từ “hủy” thành “hủy bỏ” để thống nhất thuật ngữ với Điều 423 Bộ luật Dân sự 2015 và Điều 292 Luật Thương mại 2005, tạo cách hiểu và áp dụng thống nhất (do pháp luật hóa đơn không quy định về “hủy dịch vụ”) và giúp cho việc lập hóa đơn đồng bộ với cơ chế xử lý hợp đồng thương mại.

Đề xuất 2:

Bổ sung quy định làm rõ cách ghi các tiêu thức hóa đơn đối với hóa đơn nhận lại hàng hóa trả lại hoặc hóa đơn hủy bỏ dịch vụ, đặc biệt là việc ghi số tiền âm hay dương đối với số lượng, đơn giá, thành tiền.

Lí do:

Đây là trường hợp lập hóa đơn mới, không phải thay thế/điều chỉnh hóa đơn cũ nên chưa có quy định về lập hóa đơn ghi dấu âm¹. Tuy nhiên, hóa đơn này cần phải ghi dấu âm thì mới phản ánh đúng bản chất nghiệp vụ kinh tế phát sinh (trả lại hàng hóa/hủy bỏ dịch vụ). Do đó, đề nghị bổ sung quy định rõ về vấn đề này để triển khai thực hiện thống nhất.

2. Khoản 3 Điều 1 (sửa đổi khoản 2 Điều 5 Nghị định 123):

Đề xuất:

Sửa điểm đ thành:

“đ. Không chuyển dữ liệu điện tử về cơ quan thuế theo quy định tại Nghị định này”.

Lí do:

Ngoài việc chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử, các doanh nghiệp có thể còn phải chuyển các dữ liệu khác về cơ quan thuế theo quy định của pháp luật khác. Do đó,

¹ Hiện tại chỉ mới có quy định về ghi dấu âm tại điểm c khoản 1 Điều 7 Thông tư 78/2021/TT-BTC, cụ thể: “e) Riêng đối với nội dung về giá trị trên hóa đơn có sai sót thì: điều chỉnh tăng (ghi dấu dương), điều chỉnh giảm (ghi dấu âm) đúng với thực tế điều chỉnh.”

cần làm rõ quy định này để tránh hiểu nhầm Nghị định này quy định đối với cả dữ liệu thuộc phạm vi pháp luật khác.

3. Điểm a Khoản 5 Điều 1 (sửa đổi khoản 1 và 2 Điều 9 Nghị định 123):

Đề xuất 1:

Xem xét lại thời điểm lập hóa đơn xuất khẩu hàng hóa tại khoản 1 Điều 9 cho phù hợp với quy định tại điểm c khoản 3 Điều 13.

Lí do:

Tại khoản 1 Điều 9 quy định lập hóa đơn sau khi hoàn tất thủ tục hải quan.

Tại điểm c khoản 3 Điều 13 quy định lập hóa đơn sau khi hoàn tất thủ tục xuất khẩu, tức phải được thông quan và được xác định thực xuất khẩu (Điều 53 Thông tư 38/2015/TT-BTC).

Như vậy, hai thời điểm này chưa chắc đã trùng nhau. Do đó, đề xuất xem xét để thống nhất.

Đề xuất 2:

Sửa khoản 2 Điều 9 thành:

"...(không bao gồm trường hợp thu tiền ~~đặt cọc hoặc~~ tạm ứng để đảm bảo thực hiện hợp đồng cung cấp các dịch vụ: kế toán, kiểm toán, tư vấn tài chính, thuế; thẩm định giá; khảo sát, thiết kế kỹ thuật; tư vấn giám sát; lập dự án đầu tư xây dựng hoặc thu tiền đặt cọc theo pháp luật dân sự)."

Lí do:

Đặt cọc là một biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ cơ bản, đã được quy định cụ thể tại Bộ luật Dân sự 2015. Theo khoản 1 Điều 328 Bộ luật này: "Đặt cọc là việc một bên (sau đây gọi là bên đặt cọc) giao cho bên kia (sau đây gọi là bên nhận đặt cọc) một khoản tiền hoặc kim khí quý, đá quý hoặc vật có giá trị khác (sau đây gọi chung là tài sản đặt cọc) trong một thời hạn để bảo đảm giao kết hoặc thực hiện hợp đồng." Như vậy, số tiền đặt cọc không phải là số tiền thanh toán cho hàng hóa, dịch vụ (HHDV); không phân biệt loại HHDV được cung cấp.

Thực tế, có nhiều trường hợp mua hàng hóa (bất động sản, máy móc thiết bị giá trị lớn,...) phát sinh đặt cọc. Theo đó, các bên hiện nay đang gặp vướng mắc trong xác định có phải lập hóa đơn khi nhận tiền đặt cọc hay không.

Trên cơ sở đó, nên quy định rằng toàn bộ các trường hợp thu tiền đặt cọc, không phân biệt HHDV, cần được xác định là không phải lập hóa đơn.

4. Điểm b Khoản 5 Điều 1 (sửa đổi khoản 4 Điều 9 Nghị định 123):

Đề xuất 1:

Sửa điểm a khoản 4 thành:

"Đối với các trường hợp cung cấp hàng hóa, dịch vụ với số lượng lớn, phát sinh thường xuyên, cần có thời gian đối soát số liệu giữa doanh nghiệp bán hàng hóa,

cung cấp dịch vụ và khách hàng, đối tác như bao gồm trường hợp cung cấp dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không,..."

Lí do:

Để tránh cách hiểu các trường hợp nêu ra chỉ là ví dụ (trong khi quy định hướng tới giới hạn các trường hợp cụ thể được nêu hoặc theo Bộ Tài chính hướng dẫn).

5. Điểm c Khoản 6 Điều 1 (sửa đổi điểm d khoản 6 Điều 10 Nghị định 123):

Dự thảo dự kiến quy định: "*Trường hợp số tiền chiết khấu được lập khi kết thúc chương trình (kỳ) chiết khấu hàng bán thì được lập hóa đơn điều chỉnh cho các hóa đơn đã lập.*"

Đề xuất: Xem xét sửa theo hướng không quy định lập hóa đơn điều chỉnh và theo đó không kê khai bổ sung thuế đối với trường hợp số tiền chiết khấu xác định khi kết thúc chương trình (kỳ) chiết khấu; thay vào đó, chỉ lập hóa đơn riêng thể hiện số tiền chiết khấu cuối kỳ (ghi dương số tiền vào chỉ tiêu Số tiền chiết khấu).

Lí do:

Việc lập hóa đơn điều chỉnh là không phù hợp vì một số lí do sau:

+ Hóa đơn điều chỉnh chỉ lập khi có sai, sót trong hóa đơn gốc. Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 29, sai sót phát sinh từ việc không sử dụng hoặc sử dụng không đúng các thông tin sẵn có tại thời điểm lập và có thể thu thập để lập, báo cáo tài chính. Trong khi đó, chiết khấu thương mại xác định cuối kỳ là do từng lần lập hóa đơn trong kỳ chưa xác định được số tiền chiết khấu tương ứng với kỳ đó, tức thông tin về chiết khấu chưa sẵn có. Do đó, đây không phải là trường hợp sai, sót nên không thuộc tình huống lập hóa đơn điều chỉnh.

+ Theo quy định tại Điều 81 Thông tư 200/2014/TT-BTC, đối với chiết khấu cuối kỳ, bên bán ghi nhận doanh thu theo giá chưa trừ chiết khấu thương mại. Khi phát sinh chiết khấu thương mại, kế toán phản ánh vào *tài khoản 521 – các khoản giảm trừ doanh thu*, không điều chỉnh giảm doanh thu kỳ trước. Do đó, nếu điều chỉnh hóa đơn thì sẽ dẫn đến chênh lệch giữa doanh thu hạch toán và doanh thu theo hóa đơn, gây khó khăn cho doanh nghiệp trong theo dõi, kiểm tra và giải trình với cơ quan thuế.

+ Hiện nay, nhiều doanh nghiệp phát sinh việc chiết khấu thường xuyên, liên tục với kỳ tính chiết khấu kéo dài. Ví dụ, tại các ngân hàng thương mại hiện nay có triển khai các chương trình chiết khấu hoàn tiền cho khách hàng khi đạt một mức sử dụng dịch vụ nhất định. Với số lượng khách hàng rất lớn và nhiều chương trình diễn ra liên tục cả năm, các ngân hàng thương mại sẽ phải lập nhiều hóa đơn điều chỉnh (theo khách hàng) và liên tục điều chỉnh tờ khai thuế GTGT (mỗi tờ khai tháng phải điều chỉnh nhiều lần). Điều này làm phát sinh thủ tục hành chính phức tạp, không cần thiết cho doanh nghiệp, làm gia tăng chi phí tuân thủ, không phù hợp với chỉ

đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về cải cách thủ tục hành chính hiện nay².

6. Khoản 15 Điều 1 (sửa đổi, bổ sung Điều 21)

Đề xuất 1:

Sửa quy định tại tiết b1 điểm b khoản 4 Điều 21 như sau:

"Các hóa đơn được lập cho tổng doanh thu của người mua là cá nhân không kinh doanh phát sinh trong ngày hoặc tháng theo bảng kê chi tiết điểm 1 khoản 4 Điều 9 Nghị định này hoặc các hóa đơn được lập khi cung cấp hàng hóa, dịch vụ đặc thù theo kỳ nhất định theo điểm a khoản 4 Điều 9 Nghị định này thì người bán chỉ gửi dữ liệu hóa đơn điện tử (không kèm thông tin chi tiết tại hệ thống quản lý dữ liệu hoặc bảng kê chi tiết) đến cơ quan thuế."

Lí do:

Trường hợp lập hóa đơn tổng cho người mua là cá nhân không kinh doanh thì theo điểm 1 khoản 9 Điều 4 không phải lập bảng kê mà chỉ lưu dữ liệu tại hệ thống của người bán. Do đó, đề nghị cụm từ "bảng kê chi tiết" đầu tiên.

Trường hợp lập hóa đơn khi cung cấp hàng hóa, dịch vụ đặc thù theo kỳ nhất định thì có bảng kê kèm theo hóa đơn. Theo đó, cần bổ sung tình huống này vào trường hợp không gửi bảng kê chi tiết theo bảng tổng hợp dữ liệu.

Ngoài ra, Dự thảo nên bổ sung tham chiếu đến các điều khoản cụ thể để tạo cách hiểu và áp dụng thống nhất. *lu*

² Nghị quyết số 105/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, siết chặt kỷ luật, kỷ cương; Quyết định số 933/QĐ-TTg ngày 06 tháng 8 năm 2023 ban hành Kế hoạch cải cách thủ tục hành chính trọng tâm 6 tháng cuối năm 2023.